

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

TẬP 15



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Giảng giải

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định

Tập 15

Hòa Thượng **TUYÊN HOÁ**

Giảng giải



Chùa/Pagode Kim Quang
75 Allée Circulaire
93600 Aulnay Sous Bois-France
Tel./Fax : 01.48.69.01.24
e-mail : kimquangtu@gmail.com
website: chuakimquang.com



NAM MÔ BỒN SƯ THÍCH CA MÂU NI PHẬT



NAM MÔ THANH TỊNH ĐẠI HẢI CHÚNG
HỘI THƯỢNG PHẬT BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI TRÍ VĂN THÙ SƯ LỢI BỒ TÁT



NAM MÔ ĐẠI HẠNH PHỔ HIỀN BỒ TÁT



HOÀ THƯỢNG TUYÊN HOÁ

Nội dung

QUYỀN BA MƯƠI BỐN

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ nhất Hoan Hi Địa.....	9
---	---

QUYỀN BA MƯƠI LĂM

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ hai Ly Cầu Địa.....	129
---	-----

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ ba Phát Quang Địa.....	191
--	-----

QUYỀN BA MƯƠI SÁU

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ tư Diệm Huệ Địa.....	236
--	-----

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ năm Nan Thắng Địa.....	277
--	-----

QUYỀN BA MƯƠI BẢY

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ sáu Hiện Tiền Địa.....	330
--	-----

QUYỀN BA MƯƠI TÁM

Phẩm Thập địa thứ hai mươi sáu Thứ bảy Viễn Hành Địa.....	382
--	-----

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

Hán dịch : Sa môn Thật Xoa Nan Đà
Việt dịch : Tỳ Kheo Thích Minh Định
Hoà thượng Tuyên Hoá giảng giải

QUYỂN BA MƯƠI BỐN

PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU THỨ NHẤT HOAN HỈ ĐỊA

Kinh Hoa Nghiêm có ba mươi chín phẩm, tám mươi quyển, hiện tại giảng đến phẩm thứ hai mươi sáu trong Kinh, đó là Phẩm Thập Địa. Tại sao gọi là Phẩm Thập Địa ? Vì địa (đất) hay sinh trưởng vạn vật, tất cả vạn vật cũng nương theo đất mà sinh, nương theo đất mà lớn, nương theo đất mà thành, nương theo đất mà trụ, nương theo đất mà được giải thoát.

Trong đất lại có đủ thứ bảo tàng, đủ thứ vật chất quý trọng, cho nên con người mới phát quật mỏ vàng, mỏ đá quý, mỏ bạc, mỏ đồng, mỏ thiết .v.v... các thứ khoáng sản từ dưới đất.

Trong Phẩm Thập Địa cũng có tất cả các mỏ, như mỏ Phật, mỏ Bồ Tát, mỏ Thanh Văn, mỏ Duyên Giác, mỏ cõi trời, mỏ nhân gian, mỏ súc sinh, mỏ nạ quỷ, mỏ địa ngục. Mười pháp giới, mỗi giới (cõi) ở dưới đất đều có mỏ này, chỉ là con người không biết đi phát quật, nếu biết đi phát quật, thì sẽ đắc được đủ thứ thành quả. Cho nên nói tất

cả vạn vật do đất mà sinh, do đất mà lớn lên, do đất mà thành thực, do đất mà an trụ, do đất mà được giải thoát.

Pháp môn Thập địa bao quát tất cả pháp môn, đều có quan hệ mật thiết với tất cả pháp môn. Nếu như chúng ta muốn tu hành Bồ Tát đạo, thì phải do đất (địa) mà sinh khởi Bồ Tát đạo. Nếu như chúng ta muốn tăng trưởng Bồ Tát đạo, thì phải nhờ pháp môn Thập địa để tăng trưởng. Nếu như chúng ta muốn thành thực Bồ Tát đạo, cũng phải nhờ pháp môn Thập địa để thành thực. Nếu như chúng ta muốn đắc được giải thoát Bồ Tát đạo, thì càng phải nương vào pháp môn Thập địa để tu hành, mới đắc được giải thoát của Bồ Tát đạo.

Pháp môn Thập địa này là phẩm thứ hai mươi sáu trong Kinh Hoa Nghiêm, hiện tại giảng phần thứ nhất của Phẩm Thập Địa thứ hai mươi sáu gọi là Hoan Hỷ Địa.

Bấy giờ, đức Thế Tôn ở tại cung trời Tha Hoá Tự Tại, diện Ma Ni Bảo Tạng, với chúng đại Bồ Tát tụ hội. Các Bồ Tát đó đều không thối chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, đều từ thế giới phương khác vân tập đến. Trụ nơi cảnh giới trí của tất cả Bồ Tát trụ, vào nơi trí huệ của tất cả Như Lai vào. Siêng thực hành không ngừng, khéo thị hiện đủ thứ thần thông, làm các sự việc, giáo hoá điều phục tất cả chúng sinh mà không lỗi thời. Vì thành tựu

tất cả đại nguyện của Bồ Tát, mà nơi tất cả đời, tất cả kiếp, tất cả cõi, siêng tu các hạnh, không tạm giải đãi. Đầy đủ phước trí trợ đạo của Bồ Tát, khắp lợi ích chúng sinh mà luôn không thiếu sót. Đến nơi bờ kia rốt ráo trí huệ phương tiện của tất cả Bồ Tát.

Bồ Tát Kim Cang Tràng nói xong phẩm Thập Hồi Hướng rồi, trước khi chưa nói Phẩm Thập Địa. Lúc đó, Đức Phật Thích Ca Mâu Ni đang ở trên cung trời Tha Hoá Tự Tại. Ý nghĩa cung trời Tha Hoá Tự Tại là hay dùng âm nhạc của người khác xem như sự khoái lạc của chính mình, rất nhậm vận tự tại ở trong cung điện cõi trời. Toà cung điện đó dùng ma ni bảo tạng làm thành, đồng thời còn có rất nhiều đại Bồ Tát tụ hội. Đại Bồ Tát tức là Bồ Tát lớn, có đạo đức tương đương, trí huệ tương đương, tu hành tương đương. Chúng tụ hội là hình dung rất nhiều, rất nhiều, chẳng phải là thiếu sót, mà là nhiều vô lượng vô biên Bồ Tát tụ lại một chỗ. Những vị đại Bồ Tát đó, đều đã không thôi chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Niệm cũng không thôi chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, hạnh cũng không thôi chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, vị cũng không thôi chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ba không thôi chuyển tức là : Niệm không thôi chuyển, hạnh không thôi chuyển, vị không thôi chuyển.

Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác : Chánh giác - Bồ Tát với hàng nhị thừa đều tu đắc được chánh giác.

Nhưng hàng nhị thừa chưa đắc được chánh đẳng, cho nên không thể giác tha, chỉ là chánh giác mà thôi. Bồ Tát không những tự giác, mà còn giác tha. Bồ Tát đắc được chánh giác rồi, lại tu pháp môn chánh đẳng của Phật, cho nên gọi là chánh đẳng. Song, vẫn chưa đến được vô thượng, nghĩa là còn có thượng sĩ, Bồ Tát còn gọi là Hữu Thượng Sĩ, vì phía trên còn có Phật. Các vị hãy nghĩ xem : chẳng phải tự mình nhận rằng đến được trình độ nào đó, thì cũng giống như vậy. Tất cả sự thành tựu, phải có người khác công nhận, mới thật là thành tựu. Hàng nhị thừa tu được chánh giác, có thể tự giác, không thể giác tha, cũng chưa đến được chánh đẳng, cho nên chỉ có thể nói chánh giác. Bồ Tát tu đã được chánh giác, có thể tự giác, có thể giác tha, lại có thể đẳng giác. Đẳng giác ngộ nơi Phật, gần bằng với Phật, đây gọi là chánh đẳng, nhưng vẫn chưa được vô thượng. Đức Phật thì có thể tự giác, lại có thể giác tha, lại có thể chánh đẳng, mà còn đắc được vô thượng, đây tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ý nghĩa A nậu đa la tam miệu tam bồ đề, tức là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Những vị đại Bồ Tát này tuy nhiên chưa hoàn toàn đắc được vô thượng, nhưng tuyệt đối không thôi chuyển, thối lùi về nhị thừa. Tương lai nhất định sẽ thành Phật. Đều từ phương khác đến tụ hội : Những vị Bồ Tát đó, chẳng phải ở tại thế giới Ta Bà này, các Ngài đều từ mười phương vô lượng thế giới nhiều như số hạt bụi đến tụ hội. Trụ nơi trí huệ của tất cả Bồ Tát : Các Ngài đều đã đắc được trí huệ của Bồ Tát, đạt đến cảnh giới của Bồ Tát trụ. Các Ngài không những đã trụ nơi cảnh giới của Bồ Tát, mà cho đến trí huệ của Phật cũng có được. Tất cả chỗ đức Phật biết, các Ngài cũng đều biết, bất quá chỗ biết chẳng thâm

sâu giống như đức Phật. Cảnh giới trí huệ của Phật chứng được, các Ngài cũng gần chứng được. Siêng thực hành không ngừng : Vì các Ngài đều dũng mãnh tinh tấn, siêng tu Bồ Tát đạo mà chưa từng ngừng nghỉ. Khéo thị hiện đủ thứ thần thông, các Ngài hay dùng đủ thứ trí huệ, hiển hiện đủ thứ thần thông. Làm các sự việc : Những việc làm của các Ngài là giáo hoá chúng sinh, điều phục chúng sinh phải biết thời cơ, nghĩa là đúng cơ duyên tốt, lúc không đúng cơ duyên thì không nên nói pháp với họ mà bạn lại đi nói, lúc không nên giáo hoá họ mà bạn lại đi giáo hoá họ. Lúc thời cơ chưa thành thực, chẳng những không thể khiến cho họ tiếp thọ, ngược lại khiến cho họ sợ hãi, làm cho họ nghi ngờ không tin, làm cho họ vĩnh viễn không còn muốn nghe Phật pháp nữa, đây gọi là lỗi thời, mất đi cơ hội. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh hợp thời hợp lúc, vận dụng thời cơ tốt nhất. Ví như nông dân làm đất, họ phải biết lúc nào gieo hạt giống xuống thì mới bỏ hạt giống xuống, nếu lúc không nên gieo hạt giống mà bỏ hạt giống xuống, thì không thể sinh trưởng, đó chẳng phải là lãng phí công phu sao, lãng phí thời gian sao ! Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, giống như nông phu gieo hạt giống, biết lúc nào vì chúng sinh gieo hạt giống, thì Ngài nương lúc đó vì chúng sinh gieo xuống hạt giống bồ đề, đến khai phát đất tâm của họ, dạy họ phát tâm bồ đề. Cho họ gieo xuống hạt giống bồ đề, khiến cho nó sinh trưởng từng chút từng chút, thành thực từng chút từng chút, đắc được giải thoát từng chút từng chút, đây chẳng phải là lỗi thời. Cho nên chúng ta muốn giáo hoá người thì quan trọng nhất là nên biết đúng thời. Mất đi thời cơ thì không đúng cơ. Vì thành tựu tất cả đại nguyện của Bồ Tát : Đại Bồ Tát vì thành tựu tâm đại nguyện lúc tu Bồ

Tát đạo phát ra. Nơi tất cả đời : ở trong hết thủy thế giới. Tất cả kiếp : ở trong vô lượng vô biên kiếp lâu dài. Tất cả cõi : ở trong hết thủy cõi nước của chư Phật. Siêng tu các hạnh : Các Ngài đều rất chuyên cần dũng mãnh tinh tấn tu hành hết thủy hạnh môn của Bồ Tát. Không tạm giải đãi : chưa từng lười biếng, cũng không nghĩ ngơi. Đầy đủ phước trí trợ đạo của Bồ Tát : Đầy đủ phước đức và trí huệ của Bồ Tát để trợ giúp mình tu đạo. Lợi ích chúng sinh, không chỉ mình tu hành, mà còn phải luôn luôn không quên lợi ích khắp chúng sinh. Mà luôn không thiếu sót : tức là không mệt mỏi, không lười biếng, bất cứ lúc nào cũng không nói không hành Bồ Tát đạo, chẳng lợi ích chúng sinh. Đạt đến trí huệ phương tiện của tất cả Bồ Tát : đạt đến được trí huệ của tất cả Bồ Tát, và biết vận dụng tất cả phương tiện. Bờ bên kia rõ ráo : đến được quả vị cao nhất, tiến vào Niết Bàn thanh tịnh bờ bên kia, chúng đắc khoái lạc thường lạc ngã tịnh.

Thị hiện vào sinh tử và dùng sinh tử mà không xả bỏ tu hạnh Bồ Tát. Khéo vào tất cả thiên định giải thoát tam muội, Tam ma bạt đề, thần thông minh trí của Bồ Tát. Các sự bố thí đều được tự tại, đắc được tất cả thần lực tự tại của Bồ Tát. Trong khoảng một niệm không chỗ động tác, đều có thể đi đến tất cả đạo tràng chúng hội của Như Lai làm thượng thủ trong chúng, thỉnh Phật thuyết pháp. Hộ trì bánh xe

chánh pháp của chư Phật, dùng tâm rộng lớn, cúng dường thừa sự tất cả chư Phật. Thường siêng tu tập tất cả hạnh sự nghiệp của Bồ Tát. Thân Ngài hiện khắp tất cả thế gian, âm thanh của Ngài khắp cùng mười phương thế giới, tâm trí vô ngại, thấy khắp hết thấy công đức của tất cả Bồ Tát ba đời, đều đã tu hành mà được viên mãn, trong bất khả thuyết kiếp nói không hết được.

Thị hiện vào sinh tử : Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, Ngài thì sinh tử tự do, Ngài thì sinh tử tức Niết Bàn, phiền não tức bồ đề. Ngài đều thị hiện tất cả : thị hiện đủ thứ sinh, thị hiện đủ thứ tử, thị hiện các loài chúng sinh, thị hiện thân thể các loài hữu tình, trên là chư thiên, con người, A tu la, dưới đến địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, trong mỗi đường Bồ Tát đều thị hiện sinh tử. Thị hiện đủ thứ sinh, để độ đủ thứ chúng sinh, khiến cho họ phát tâm bồ đề. Thị hiện đủ thứ tử, khiến cho tất cả chúng sinh minh bạch thống khổ của sự chết, cho nên Bồ Tát mới thị hiện vào cảnh giới sinh tử. Và dùng Niết Bàn : Bồ Tát thị hiện sinh như thế nào, các thứ thống khổ của sự chết như thế nào, dùng để giáo hoá chúng sinh. Sau đó lại thị hiện tu khổ hạnh, khiến cho chúng sinh biết biến hoá sinh tử như thế nào vào nơi Niết Bàn. Mà không xả bỏ tu Bồ Tát hạnh : Bồ Tát Ngài ở trong mỗi loài chúng sinh hành Bồ Tát đạo, mà không bao giờ xả bỏ sự tu hành Bồ Tát đạo của Ngài. Không màng ở trong loài chúng sinh nào, Ngài đều hành

Bồ Tát đạo để lợi ích tất cả chúng sinh. Khiến cho tất cả chúng sinh phát tâm đại Bồ đề. Khéo vào tất cả thiên định giải thoát tam muội của Bồ Tát : Ngài khéo chứng được thiên định, giải thoát, chánh định chánh thọ, Tam ma bạt đề, sự tu hành của Bồ Tát. Thần thông minh trí : minh bạch tất cả trí huệ và diệu dụng của ba minh sáu thông.

Ba minh là: Thiên nhãn minh, thiên nhĩ minh, túc mạng minh, hoặc là lậu tận minh.

Sáu thông : thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, thần túc thông và lậu tâm minh.

Các sự bố thí đều đắc được tự tại : tất cả hành vi của Bồ Tát đều nhậm vận tự tại, đắc được thần lực tự tại của Bồ Tát, Ngài thị hiện sinh tử, Niết Bàn, và thị hiện tu Bồ Tát đạo, luôn luôn đều đắc được tất cả hết thảy nhậm vận tự tại thần thông diệu dụng của Bồ Tát. Trong khoảng một niệm, không có động tác : Tức là trong khoảng một tâm niệm, không cần có sự động tác. Như bạn thấy Ngài đang đi, kỳ thật Ngài đang ở khắp cùng mười phương. Như bạn thấy Ngài đang ăn cơm, mà thần thông của Ngài đã vào tất cả đạo tràng của Như Lai. Như bạn thấy Ngài đang ngủ, mà Ngài đã hoá thân đến các cõi nước chư Phật khác. Như bạn thấy Ngài đang ngồi đó, không làm việc gì cả, nhưng Ngài đã hoá thân đến vô lượng vô biên cõi nước của chư Phật giáo hoá chúng sinh. Cho nên tất cả biểu hiện của Bồ Tát, tuyệt đối không phải sự tùy tiện định luận của chúng ta.

Các vị ! Ngàn vạn đừng dùng nhãn quang của phàm phu nhận định sai lầm về Bồ Tát, Bồ Tát không tùy tiện mạo muội nhận trách nhiệm của mình. Đều đi đến tất cả

đạo tràng chúng hội của Như Lai, Ngài tùy thời tùy lúc, có thể đi đến hầu cận mười phương chư Phật, lễ bái mười phương chư Phật, cúng dường mười phương chư Phật. Tùy thời Ngài đều quán sát chúng sinh mười phương, như có tai nạn gì, cần người cứu tế trợ giúp, thì Ngài sẽ hoá thân đến cứu, hoá độ. Cho nên Bồ Tát hay đi đến tất cả đạo tràng chúng hội của Như Lai, mà làm thượng thủ, làm lãnh tụ đại chúng trong tất cả pháp hội. Thỉnh chư Phật thuyết pháp, Phật thuyết pháp cần có người đến thỉnh pháp, nếu không thỉnh, thì Phật không nói pháp. Người thỉnh pháp, đi nhiều bên phải ba vòng, Phật mới nói pháp, tức là chuyển bánh xe pháp. Hộ trì chư Phật, Bồ Tát đến khắp nơi hộ trì chúng hội đạo tràng của chư Phật. Bánh xe chánh pháp, chuyển bánh xe chánh pháp, đây chẳng phải là việc bình thường, khi ở đâu chuyển bánh xe chánh pháp, thì đều kinh thiên động địa, hộ pháp chư Thiên và các đại Bồ Tát đều hộ trì và nghe pháp.

Chùa Kim Sơn chúng ta ở nước Mỹ là thường chuyển bánh xe chánh pháp, đáng tiếc không có ai nhận thức, ví như ở tại San Francisco đã lâu trời không mưa, chúng ta cầu nguyện thì trời mưa xuống, đó là sự cảm ứng do chúng ta thường nói chánh pháp, chuyển bánh xe chánh pháp. Không chỉ con người cần chư Phật hộ trì, mà chư Phật cũng cần các Bồ Tát hộ trì. Dùng tâm rộng lớn, cúng dường thừa sự tất cả chư Phật : Bồ Tát dùng chân tâm rộng lớn, để cúng dường chư Phật, theo lời dạy của chư Phật, đi hoá độ chúng sinh. Thường siêng tu tập tất cả hết thảy sự nghiệp của Bồ Tát : luôn không đoạn tuyệt tu tập sự nghiệp của Bồ Tát làm. Thân Ngài hiện khắp tất cả thế gian : thân của Ngài hiện khắp cùng mười phương tất cả thế giới. Âm

thanh của Ngài khắp cùng mười phương pháp giới : những vị Bồ Tát đó, không những thân của Ngài hiện khắp mười phương thế giới, mà âm thanh của các Ngài, đồng thời cũng vang đến khắp cùng mười phương pháp giới. Tâm trí vô ngại : tâm và trí huệ của các Ngài cũng đã đạt đến sự viên dung vô ngại. Thấy khắp hết thấy công đức của tất cả Bồ Tát ba đời, các Ngài đều thấy khắp cùng đến ba đời – đời quá khứ, vị lai, hiện tại, hết thấy công đức của tất cả Bồ Tát. Đều đã tu hành được viên mãn : hết thấy công đức của tất cả Bồ Tát có đủ, các Ngài cũng đều tu hành viên mãn. Trong bất khả thuyết kiếp, nói không hết được : công đức của các vị Bồ Tát đó tu hành, thần thông diệu dụng, ở trong vô lượng kiếp thời gian lâu dài, nói không hết được.

Danh hiệu của các Ngài là : Bồ Tát Kim Cang Tạng, Bồ Tát Bảo Tạng, Bồ Tát Liên Hoa Tạng, Bồ Tát Đức Tạng, Bồ Tát Liên Hoa Đức Tạng, Bồ Tát Nhứt Tạng, Bồ Tát Tô Lợi Gia Tạng, Bồ Tát Vô Cấu Nguyệt Tạng, Bồ Tát Phổ Hiện Trang Nghiêm Tạng, Bồ Tát Tỳ Lô Giá Na Trí Tạng, Bồ Tát Diệu Đức Tạng, Bồ Tát Chiên Đàn Đức Tạng, Bồ Tát Hoa Đức Tạng, Bồ Tát Câu Tô Ma Đức Tạng, Bồ Tát Ưu Bát La Đức Tạng, Bồ Tát Thiên Đức Tạng, Bồ Tát Phước Đức Tạng, Bồ Tát Vô Ngại Thanh Tịnh Trí Đức Tạng, Bồ Tát

Công Đức Tạng, Bồ Tát Na La Diên Đức Tạng, Bồ Tát Vô Cấu Tạng, Bồ Tát Ly Cấu Tạng, Bồ Tát Chủng Chủng Biện Tài Trang Nghiêm Tạng, Bồ Tát Đại Quang Minh Vông Tạng, Bồ Tát Tịnh Oai Đức Quang Minh Vương Tạng, Bồ Tát Kim Trang Nghiêm Đại Công Đức Quang Minh Vương Tạng, Bồ Tát Nhất Thiết Tướng Trang Nghiêm Tịnh Đức Tạng, Bồ Tát Kim Cang Diệm Đức Tướng Trang Nghiêm Tạng, Bồ Tát Quang Minh Diệm Tạng, Bồ Tát Tinh Tú Vương Quang Chiêu Tạng, Bồ Tát Hư Không Vô Ngại Trí Tạng, Bồ Tát Diệu Âm Vô Ngại Tạng, Bồ Tát Đà La Ni Công Đức Trì Nhất Thiết Chúng Sinh Nguyên Tạng, Bồ Tát Hải Trang Nghiêm Tạng, Bồ Tát Tu Di Đức Tạng, Bồ Tát Tịnh Nhất Thiết Công Đức Tạng, Bồ Tát Như Lai Tạng, Bồ Tát Phật Đức Tạng, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt. Các chúng đại Bồ Tát như vậy, nhiều vô số vô lượng, vô biên vô đẳng, bất khả số, bất khả xưng, bất

khả tư, bất khả lượng, bất khả thuyết, Bồ Tát Kim Cang Tạng làm thượng thủ.

Các vị đại Bồ Tát ở trong pháp hội này, danh hiệu của các Ngài đều dùng công đức tu hành chứng được, mà làm danh hiệu. Cho nên miệng chúng ta tụng danh hiệu Bồ Tát, trong tâm suy gẫm thì sẽ hiểu rõ Thánh hiệu của Bồ Tát đó, nghĩa là đại biểu đức hạnh của Ngài. Bồ Tát ở trong hội nhiều vô số, không thể tính đếm được, vô lượng, bất khả xung, vô biên, không thể nghĩ tưởng, vô đẳng, nói cũng nói không hết được chúng đại Bồ Tát tụ hội. Bồ Tát Kim Cang Tạng làm thượng thủ trong chúng đại Bồ Tát đó - tức là lãnh tụ trong chúng đại Bồ Tát.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng nương thần lực của Phật, vào tam muội Bồ Tát đại trí huệ quang minh. Vào tam muội đó rồi, lập tức mỗi phương trong mười phương, qua các thế giới nhiều như số hạt bụi mười ức cõi Phật, đều có các đức Phật nhiều như số hạt bụi mười ức cõi Phật, đều đồng danh hiệu Kim Cang Tạng hiện ra ở trước, nói rằng : Lành thay ! Lành thay ! Kim Cang Tạng ! Có thể vào tam muội Bồ Tát đại trí huệ quang minh.

Thiện nam tử ! Đó là nhờ các đức Phật trong mười phương, nhiều như số hạt bụi

mười ức cõi Phật, cùng gia hộ cho ông, nhờ nguyện lực xưa của Tỳ Lô Giá Na Như Lai ứng chánh đẳng giác, cũng nhờ thắng trí lực của ông, muốn khiến cho ông vì tất cả Bồ Tát nói các Phật pháp quang minh không thể nghĩ bàn, đó là: Vì khiến cho nhập vào trí địa. Vì nhiếp tất cả căn lành. Vì khéo lựa chọn tất cả Phật pháp.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng nương oai thần lực của đức Phật Thích Ca Mâu Ni và mười phương chư Phật, vào trong tam muội (chánh định chánh thọ) đại trí huệ, đại quang minh của Bồ Tát. Vào tam muội đó rồi : Nhập vào tam muội đó rồi, thì tất cả cảnh giới đều hiện ra. Lập tức các đức Phật nhiều như số hạt bụi mười ức cõi Phật trong mười phương : Liền lúc đó, mỗi phương trong mười phương, đều có các đức Phật nhiều như số hạt bụi mười ức cõi Phật. Đều đồng danh hiệu Kim Cang Tạng hiện ra : Các đức Phật đều đồng một danh hiệu Kim Cang Tạng cùng nhau hiện ra ở trước Bồ Tát Kim Cang Tạng. Nói rằng : Đối với Bồ Tát Kim Cang Tạng nói lời như vậy : Lành thay ! Lành thay ! Kim Cang Tạng ! Tồi lắm ! Bồ Tát Kim Cang Tạng ơi ! Ông thật là tốt lắm ! Vào được tam muội Bồ Tát đại trí huệ quang minh : Ông vào được trong tam muội đại trí huệ, đại quang minh của đại Bồ Tát.

Thiện nam tử ! Đó là nhờ các đức Phật trong mười phương, nhiều như số hạt bụi mười ức cõi Phật, cùng gia hộ cho ông : Đó là do các đức Phật nhiều như số hạt bụi

mười ức cõi Phật, cùng nhau gia hộ cho ông, khiến cho ông vào được tam muội này.

Nhờ nguyện lực xưa của Tỳ Lô Giá Na Như Lai ứng chánh đẳng giác : Nhờ nguyện lực thuở xưa của đức Phật Tỳ Lô Giá Na Như Lai (khắp cùng tất cả mọi nơi) vô thượng chánh đẳng chánh giác, gia hộ cho ông. Cũng nhờ thắng trí lực của ông : Cũng nhờ sức trí huệ thù thắng của ông tu hạnh Bồ Tát đắc được, cho nên vào được tam muội này. Muốn khiến cho ông vì tất cả Bồ Tát nói các Phật pháp không thể nghĩ bàn : hy vọng ông vì các Bồ Tát ở trong pháp hội tuyên nói Phật pháp trí huệ tối thắng, quang minh vi diệu của chư Phật. Đó là vì khiến nhập vào trí địa : nghĩa là tuyên nói Phật pháp khiến cho tất cả chúng sinh nhập vào bậc trí huệ. Nhiếp tất cả căn lành : nhiếp hết thảy căn lành của tất cả chúng sinh tu tập. Khéo lựa chọn tất cả Phật pháp : khiến cho chúng sinh có con mắt biết chọn pháp, hiểu rõ ý nghĩa pháp của chư Phật nói.

Vì rộng biết các pháp. Vì khéo hay thuyết pháp. Vì không phân biệt trí thanh tịnh. Vì tất cả pháp thế gian không nhiễm. Vì căn lành xuất thế thanh tịnh.

Vì được cảnh giới trí huệ không nghĩ bàn. Vì được nhất thiết trí vào cảnh giới trí huệ. Vì thủy chung khiến cho được Thập địa của Bồ Tát. Vì nói như thật tướng Thập địa khác biệt của Bồ Tát. Vì duyên niệm tất cả Phật pháp.

Vì tu tập phân biệt pháp vô lậu. Vì khéo lựa chọn quán sát đại trí quang minh thiện xảo trang nghiêm. Vì khéo vào quyết định trí môn. Vì tùy chỗ trụ xứ thứ tự hiển nói không sợ hãi.

Vì được vô ngại biện tài quang minh. Vì trụ bậc đại biện tài khéo quyết định. Vì nghĩ nhớ Bồ Tát tâm không quên mất. Vì thành thực tất cả cõi chúng sinh. Vì đến khắp tất cả mọi nơi quyết định khai ngộ.

Vì rộng biết các pháp : Phật pháp chẳng phải tri thức của thế gian dùng tục huệ mà có thể hiểu được, phải vào sâu tạng Kinh, thì mới mong được trí huệ như biển. Phật pháp như biển cả, không có đại trí đại huệ, làm sao có thể rộng nói các pháp. Chỉ mình biết tất cả các pháp, không thể cho rằng biết chân thật, vì còn phải khéo hay nói pháp : nói pháp cũng chẳng phải là chuyện đơn giản, phải khéo sử dụng tất cả phương pháp phương tiện khéo léo, tuyên nói các pháp.

Vì không phân biệt trí thanh tịnh : ở trong trí huệ còn phải đừng có sự phân biệt, mới thấu hiểu tất cả diệu pháp thanh tịnh. Thanh tịnh thì sinh ra trí huệ. Trí phân ra bốn tên gọi là : thành sở tác trí, diệu quán sát trí, bình đẳng tánh trí, đại viên cảnh trí. Vì tất cả pháp thế gian không nhiễm : tất cả pháp thế gian chỉ cần chuyển qua lại, tức là pháp thanh tịnh không nhiễm. Biện pháp chuyển qua lại là cải ác

hương thiện. Pháp thế gian thì nhiễm ô, pháp xuất thế thì không nhiễm ô, thanh tịnh.

Vì căn lành xuất thế thanh tịnh : hiểu được pháp xuất thế, thì tu căn lành xuất thế, sẽ đắc được pháp thanh tịnh. Vì được cảnh giới trí không nghĩ bàn : đắc được cảnh giới trí huệ không thể nghĩ bàn. Vì được nhất thiết trí vào cảnh giới trí : bậc nhất thiết trí là chỉ đức Phật. Đắc được trí huệ của chư Phật, mới vào được cảnh giới trí huệ. Vì thuy chung khiến cho được Thập địa của Bồ Tát : lại khiến cho đắc được Thập địa Bồ Tát – quá trình tu hành từ sơ địa đến Thập địa. Sơ địa là bắt đầu, địa thứ mười là chấm dứt.

Từ sơ địa đến Thập địa, trải qua đủ thứ sự tu trì khác nhau, đều phải minh bạch, phải chứng đắc. Người tu đạo thì sơ địa chẳng biết cảnh giới của nhị địa, thập địa chẳng biết cảnh giới của bậc Đẳng Giác. Cảnh giới của mỗi người đều khác nhau. Công phu, pháp môn của người tu đạo cũng đều khác nhau. Vì nói như thật tướng Thập địa khác biệt của Bồ Tát : giải nói chân thật sự khác biệt về tướng trạng Thập địa của Bồ Tát tu chứng được. Do pháp môn tu hành khác nhau, nên cảnh giới đắc được cũng khác, tướng trạng tu chứng tự nhiên có sự khác biệt. Bồ Tát Kim Cang Tạng biết, thấu hiểu, cho nên hy vọng Ngài giải nói như thật về sự khác biệt này. Vì duyên niệm tất cả Phật pháp : duyên niệm tức là suy niệm thuận theo Phật pháp mà chư Phật đã nói. Lại có thể nói một cách chuyên nhất, chuyên nhất chỉ niệm pháp của chư Phật nói. Vì tu tập phân biệt pháp vô lậu : tu tức là tu hành; tập tức là học tập.

Tu hành cũng phải học tập, mới có thể minh bạch thế nào là pháp hữu lậu ? Thế nào là pháp vô lậu ? Trong pháp hữu lậu có bao nhiêu thứ pháp hữu lậu, trong pháp vô lậu

lại có bao nhiêu thứ pháp vô lậu. Một bên tu hành, một bên học tập, một bên nghiên cứu. Cố gắng nghiên cứu, phân biệt rõ ràng, thì mới minh bạch thể nào là pháp vô lậu. Khéo lựa chọn quán sát đại trí quang minh thiện xảo trang nghiêm : khéo lựa chọn tức là khéo dùng mắt chọn pháp, dùng đại trí huệ để quán sát các pháp. Có đại trí huệ thì giống như đại quang minh. Có trí huệ quang minh, thì mới khéo léo trang nghiêm các cõi nước chư Phật. Khéo vào quyết định trí môn : khéo vào nơi quyết định môn nhất thiết trí huệ. Phân biệt tất cả rất thuần tịnh, không có sự hoại nghi. Vì tùy theo chỗ trụ xứ thứ tự hiển nói không sợ hãi : Bồ Tát tùy chỗ của Ngài, có thứ tự, lớp lang, rất hiển rõ, tuyên nói chánh pháp, mà tơ hào không sợ hãi. Vì được vô ngại biện tài quang minh : đắc được đại trí huệ biện tài vô ngại. Vì trụ bậc đại biện tài khéo quyết định : trụ nơi quả vị có đại biện tài, hay khéo léo diệu dụng quyết định các pháp. Vì nghĩ nhớ Bồ Tát tâm không quên mất : luôn luôn nghĩ nhớ công đức của chư Phật Bồ Tát, tâm không quên mất.

Vì thành thực tất cả cõi chúng sinh : nghĩa là khiến cho tất cả chúng sinh, người chưa trồng căn lành thì trồng xuống; đã trồng rồi thì khiến cho tăng trưởng; đã tăng trưởng thì khiến cho thành thực; đã thành thực thì khiến cho được giải thoát, đó là ý nghĩa thành thực tất cả cõi chúng sinh. Vì đến khắp tất cả mọi nơi quyết định khai ngộ : hay đến khắp cõi nước, tất cả đạo tràng chúng hội của tất cả chư Phật mười phương ba đời. Quyết định khai ngộ là nói đắc được đại trí huệ, đại biện tài, đại thọ mạng, đại an lạc. Khai ngộ tất cả các pháp, chúng được thật tướng tất cả các pháp.

Thiện nam tử ! Ông nên khéo léo nói pháp sự khác biệt của pháp môn này, đó là : Vì nương thần lực của Phật và trí huệ quang minh của Như Lai gia trì. Vì thanh tịnh căn lành của mình. Vì thanh tịnh khắp pháp giới. Vì nhiếp khắp chúng sinh nên vào sâu pháp thân trí thân. Vì thọ tất cả chư Phật quán đảnh. Vì được thân lớn cao nhất tất cả thế gian. Vì vượt qua tất cả con đường thế gian. Vì thanh tịnh căn lành xuất thế. Vì đầy đủ trí nhất thiết trí.

Mười phương chư Phật cũng đến khuyến thỉnh khen ngợi Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Thiện nam tử! Ông nên dùng biện tài vô ngại của ông, phương pháp khéo léo, tuyên nói sự khác biệt về pháp môn đại trí quang minh của Thập địa này. Vì nương thần lực của Phật, được trí huệ quang minh của Như Lai gia trì: vì ông nương sức oai thân của mười phương chư Phật, đại oai thân lực của đức Phật Tỳ Lô Giá Na, đại oai thân lực của đức Phật Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni, và trí huệ quang minh của Như Lai gia bị cho ông. Vì thanh tịnh căn lành của mình: thanh tịnh căn lành bồ đề của mình. Vì thanh tịnh khắp pháp giới: khiến cho khắp pháp giới được thanh tịnh. Nhiếp khắp chúng sinh: nhiếp thọ khắp tất cả chúng sinh. Vì vào sâu pháp thân trí thân: vào sâu tất cả pháp thân và trí huệ thân.

Vì thọ tất cả chư Phật quán đánh: tiếp thọ chư Phật mười phương ba đời đến thọ ký, quán đánh, gia bị. Vì được thân lớn cao nhất tất cả thế gian: đắc được pháp thân cao nhất, đại trí huệ lớn nhất trong tất cả thế gian. Vì vượt qua tất cả con đường thế gian: vượt qua được hết thầy con đường pháp môn của tất cả thế gian. Vì thanh tịnh căn lành xuất thế: đắc được căn lành bồ đề thanh tịnh xuất thế gian. Vì đầy đủ trí nhất thiết trí, đầy đủ nhất thiết trí huệ, cũng khiến cho tất cả chúng sinh đắc được trí huệ nhất thiết trí.

Bấy giờ, mười phương chư Phật ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng thân sáng chói. Ban cho nhạo thuyết biện tài vô ngại. Ban cho trí thanh tịnh khéo phân biệt. Ban cho sức nghĩ nhớ không quên. Ban cho huệ thấu rõ khéo quyết định. Ban cho trí đến tất cả mọi nơi khai ngộ. Ban cho sức thành đạo tự tại. Ban cho vô sở úy của Như Lai. Ban cho trí biện tài nhất thiết trí nhân quán sát phân biệt các pháp môn. Ban cho thân lời ý thượng diệu đầy đủ trang nghiêm của tất cả Như Lai.

Lúc đó, mười phương chư Phật ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng thân sáng chói: tức là gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng thân vô thượng thắng oai đức, giống như ông vua ở trong đại chúng, không có người nào sáng chói bằng ông vua được. Lại gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang

Tạng trí huệ thanh tịnh vô vi biện tài nhạo thuyết biện rõ chánh pháp. Ban cho sức khéo nghĩ nhớ không quên: Lại gia bị an cho Bồ Tát Kim Cang Tạng khéo nghĩ nhớ danh nghĩa của chánh pháp, không nói khác, không quên mất bốn tông. Ban cho huệ thấu rõ quyết định: lại gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng đủ thứ trí huệ phương tiện khéo léo, thấy được căn cơ, tùy sở ứng, đưa ra ví dụ nói rõ dứt nghi. Ban cho trí đến khắp mọi nơi khai ngộ: lại gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng trí huệ tùy nơi đều thấu hiểu chân lý của chân đế, tục đế, trung đạo đệ nhất nghĩa. Ban cho sức thành đạo tự tại: lại gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng mười lực, khiến cho giáo hoá chúng sinh dứt được nghi, thoát khỏi phiền não, đắc được quả vị, cho nên nói thành đạo tự tại. Ban cho vô sở úy của Như Lai: lại gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng oai thần lực vô sở úy. Ban cho trí biện tài nhất thiết trí nhân quán sát phân biệt các pháp môn: Lại gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng trí vô ngại biện tài nhất thiết trí nhân tức là quán sát chư Phật, phân biệt các thứ pháp môn. Ban cho thân lời ý thượng diệu đầy đủ trang nghiêm của tất cả Như Lai: chư Phật gia bị ban cho Bồ Tát Kim Cang Tạng ba nghiệp thù thắng, đầy đủ sự trang nghiêm của Bồ Tát.

Vì sao ? Vì đắc được pháp tam muội này như vậy. Vì nguyện xưa phát khởi. Vì khéo tịnh tâm tâm. Vì khéo tịnh trí luân. Vì khéo tích tập trợ đạo. Vì khéo tu trị sở tác. Vì niệm vô lượng pháp khí. Vì biết

thanh tịnh tin hiểu. Vì được tổng trì không sai lầm. Vì ấn pháp giới trí khéo ấn.

Nguyên nhân gì Bồ Tát Kim Cang Tạng được chư Phật gia bị, đắc được pháp môn tam muội thù thắng này? Vì nguyện xưa sinh khởi: đó là do nguyện xưa sâu nặng tại nhân địa phát ra, muốn chứng được trí quang tam muội Thập địa này. Vì khéo tịnh tâm: cũng ở tại nhân địa khi tu Bồ Tát hạnh, thì có căn lành và tâm thanh tịnh niềm tin ưa thích cùng cực. Vì thanh tịnh trí luân: trí huệ thanh tịnh, giống như vàng mặt trời chiếu khắp pháp giới, là trí đức thanh tịnh của Bồ Tát Kim Cang Tạng. Khéo tích tụ trợ đạo: Ngài đời đời đều tích tụ căn lành sâu dày, thanh tịnh vô vi, cho nên có thể tích tụ trợ đạo, đó là phước đức của Bồ Tát Kim Cang Tạng. Vì khéo tu trị sở tác: Bồ Tát Kim Cang Tạng khéo điều phục tâm, thanh tịnh căn lành, dứt trừ phiền não tập khí, đó là công phu tu trị của Ngài. Vì niệm vô số pháp khí: Bồ Tát Kim Cang Tạng có thể nghe thọ trì vô lượng Phật pháp, nghĩ nhớ không quên mất, thật là pháp khí khó được. Vì biết thanh tịnh tin hiểu: Bồ Tát Kim Cang Tạng dùng trí huệ thanh tịnh của Ngài, khiến cho chúng sinh đối với Phật pháp có tâm tin, có lý giải rõ ràng chính xác. Vì được tổng trì không sai lầm: khiến cho Phật pháp lưu thông, chúng sinh tin tưởng tụng trì, đối với chân lý chánh pháp trước sau đều không có sự hoài nghi, cũng không sai trái, tổng tất cả pháp, trì tất cả nghĩa lý chánh pháp. Vì pháp giới trí khéo ấn, pháp giới chúng sinh, được phụng trì chánh pháp, biết thoát khỏi nhân quả sinh tử, dùng trí như thật ấn khả, pháp lành ấn chứng.

Bấy giờ, mười phương chư Phật đều dũ tay phải xoa đầu Bồ Tát Kim Cang Tạng. Xoa đầu rồi, Bồ Tát Kim Cang Tạng từ tam muội dậy, bảo khắp tất cả chúng Bồ Tát rằng:

Các Phật tử ! Các Bồ Tát nguyện khéo quyết định không tạp, không thể thấy, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Hết thuở vị lai, khắp tất cả cõi Phật, cứu hộ tất cả chúng sinh, được tất cả chư Phật hộ niệm, vào trí địa của chư Phật quá khứ hiện tại và vị lai.

Lúc đó, mười phương chư Phật, đều dũ tay phải xoa đầu Bồ Tát Kim Cang Tạng. Phật xoa đỉnh đầu rồi, Bồ Tát Kim Cang Tạng từ trong định dậy, bảo khắp tất cả chúng đại Bồ Tát rằng:

Các vị đệ tử của Phật! Các Bồ Tát nguyện: Các vị đại Bồ Tát phát nguyện lớn, khéo quyết định không tạp: là dùng hết thấy trí huệ chân thật mà Ngài đắc được, lựa chọn pháp lành chẳng có một chút tạp nhạp nào. Nguyện đó là nguyện lớn của Bồ Tát phát ra. Nhìn chẳng thấy: tuy nói nhìn cũng nhìn không thấy, song, rộng lớn đến khắp cùng pháp giới, rốt ráo như hư không: nơi rốt ráo của Ngài như hư không tìm chẳng có bờ mé. Hết thuở vị lai: đến khắp tất cả cõi Phật, cứu hộ tất cả chúng sinh: Bồ Tát cứu hộ hết thấy chúng sinh, không sợ hết thuở vị lai. Cũng không

khảo lự là ở đâu, đi đến khắp tất cả cõi nước chư Phật. Được tất cả chư Phật hộ niệm: Vì được tất cả chư Phật mười phương ba đời hộ trì và nghĩ nhớ. Vào trí địa của chư Phật quá khứ vị lai và hiện tại: Ngài đã chứng được bậc trí huệ của chư Phật, Phật quá khứ, Phật vị lai, Phật hiện tại.

Phật tử ! Thế nào là trí địa của đại Bồ Tát ?

Các vị đệ tử của Phật ! Thế nào gọi là trí huệ địa của đại Bồ Tát tu tập đủ thứ căn lành và trí huệ địa của chư Phật ?

Phật tử ! Trí địa của đại Bồ Tát có mười thứ: Chư Phật quá khứ, vị lai, hiện tại đã nói, sẽ nói, đang nói, tôi cũng nói như vậy.

Các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát tu hành Bồ Tát hạnh, thì tích tập đủ thứ căn lành trí huệ địa, lược nói có mười thứ: nếu muốn nói tỉ mỉ, thì có vô lượng vô biên. Chư Phật quá khứ đã nói, chư Phật vị lai sẽ nói, chư Phật hiện tại đang nói. Tôi cũng phải nói mười thứ tướng địa và thể địa của trí huệ địa giống như chư Phật ba đời nói.

Những gì là mười ? Một là Hoan Hỷ Địa. Hai là Ly Cấu Địa. Ba là Phát Quang Địa. Bốn là Diệm Huệ Địa. Năm là Nan Thắng Địa. Sáu là Hiện Tiền Địa. Bảy là

Viễn Hành Địa. Tám là Bất Động Địa. Chín là Thiện Huệ Địa. Mười là Pháp Vân Địa.

Thế nào gọi là Thập địa ? Tên gọi Thập địa là :

1. Hoan hỉ địa : Khi Bồ Tát tu đến địa (bậc) này, thì rất hoan hỉ.

2. Ly cấu địa : Khi Bồ Tát tu đến địa thứ hai, thì tất cả mọi sự trần cấu, vọng tưởng, kiến hoặc, tư hoặc, trần sa hoặc, đều đoạn sạch.

3. Phát quang địa : Vì tất cả trần lao vọng tưởng không còn nữa, thì hiện ra trí huệ quang minh vốn có, cho nên gọi là phát quang địa.

4. Diệm huệ địa : Đến địa này, thì không những phát quang, mà còn phát ra lửa sáng (hoả diệm) trí huệ.

5. Nan thắng địa : Tu hành chẳng dễ gì tu đến địa vị này, vì không dễ gì đạt đến, cho nên gọi là nan thắng địa.

6. Hiện tiền địa : Tất cả trí huệ đều hiện tiền.

7. Viễn hành địa : Khi Bồ Tát tu đến địa vị này, có thể bay đi biến hoá, hành động tự như.

8. Bất động địa : Tức là thần thông không động đạo tràng, mà du khắp mười phương.

9. Thiện huệ địa : Bồ Tát tu được thần thông biến hoá tự như, du khắp mười phương, liền đắc được Bát nhã trí huệ thù thắng.

10. Pháp vân địa : Công đức của Bồ Tát tu hành giống như mây che hộ khắp tất cả chúng sinh.

Phật tử ! Mười địa này của Bồ Tát, chư Phật ba đời đã nói, sẽ nói và đang nói.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Pháp môn Thập địa của Bồ Tát tu hành, chư Phật ba đời, Phật quá khứ đã nói, Phật vị lai sẽ nói, Phật hiện tại đang nói.

Phật tử ! Tôi chẳng thấy có cõi nước chư Phật nào, mà Như Lai ở trong đó không nói Thập địa này. Tại sao ? Vì đây là đạo bồ đề tối thượng mà đại Bồ Tát hướng tới, cũng là môn pháp quang minh thanh tịnh, đó là sự phân biệt điển nói các địa của Bồ Tát.

Phật tử ! Chỗ này không thể nghĩ bàn, đó là tùy chứng trí của các Bồ Tát.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Tôi chẳng thấy Như Lai ở trong cõi Phật nào, mà không nói đạo lý pháp Thập địa này. Vì sao ? Vì đây là đạo bồ đề tối thượng mà đại Bồ Tát hướng tới, pháp này là con đường bồ đề tối thượng của đại Bồ Tát tu hành, cũng là môn pháp quang minh thanh tịnh, vì pháp Thập địa cũng là pháp tu hành thanh tịnh trí huệ quang minh. Nào là phân biệt điển nói các địa của Bồ Tát, pháp Thập địa rất là chánh quyết, điển nói tỉ mỉ quá trình Bồ Tát tu hành Thập địa, hiển bày pháp trí huệ và sự hiểu biết của tất cả Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Chỗ này không thể nghĩ bàn, đạo lý Thập địa này, chẳng có cách chi tưởng tượng đến

được. Đó là tùy chứng trí của Bồ Tát, đạo lý này tùy theo công đức tu hành của các Ngài, mà chứng được trí huệ.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng nói tên Thập địa của Bồ Tát rồi, yên lặng mà ngồi, lại không phân biệt.

Lúc đó, tất cả chúng Bồ Tát nghe tên Thập địa của Bồ Tát, mà không nghe giải thích, đều sinh tâm khát ngưỡng, bèn nghĩ như vậy : Do nhân duyên gì, mà Bồ Tát Kim Cang Tạng chỉ nói tên Thập địa của Bồ Tát, mà không giải thích ?

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng nói xong tên pháp môn Thập địa của Bồ Tát tu hành rồi, thì ngồi yên lặng không nói nữa, cũng không tiếp tục phân biệt giải thích nghĩa lý pháp môn Thập địa. Lúc ấy, tất cả chúng Bồ Tát, các đại Bồ Tát từ mười phương đến, nghe Bồ Tát Kim Cang Tạng nói tên pháp môn Thập địa của Bồ Tát xong, mà không nghe sự giải thích đạo lý bên trong, mọi người đều khát ngưỡng muốn nghe Ngài giải thích, đồng thời trong tâm cũng khởi sự hoài nghi, đó là do nguyên nhân gì, mà Bồ Tát Kim Cang Tạng chỉ nói tên của pháp môn Thập địa, mà không giải thích thêm ?

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt biết tâm niệm của các đại chúng, bèn dùng kệ để hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng:

**Vì sao bậc tịnh giác
Đủ niệm trí công đức
Nói các địa thượng diệu
Biết rõ không giải thích ?**

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt ở trong pháp hội, Ngài biết lúc đó trong tâm của các Bồ Tát khởi niệm nghi, do đó bèn dùng kệ để hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng: Tại sao ? Ngài là vị Bồ Tát giác ngộ thanh tịnh ! Bồ Tát niệm thanh tịnh, trí huệ quang minh, tất cả công đức đều đầy đủ. Nói tên pháp Thập địa của Bồ Tát rồi, Ngài có khả năng mà không vì đại chúng giải thích ?

**Tất cả đều quyết định
Dũng mãnh không khiếp nhược
Vì sao nói tên địa
Mà không vì diễn nói ?**

Bồ Tát Kim Cang Tạng ! Đối với tất cả đạo lý, Ngài đều thấu rõ, cũng có tất cả trí huệ quyết định. Ngài lại là một vị đại Bồ Tát dũng mãnh tinh tấn, không có sự sợ hãi, tại sao chỉ nói tên Thập địa, mà không vì đại chúng giải thích cho họ biết ?

**Các địa nghĩa lý hay
Chúng đây đều muốn nghe
Tâm họ không khiếp nhược
Xin vì phân biệt nói.**

Nghĩa lý mỗi một địa trong pháp Thập địa, chắc chắn đều vi diệu không thể nghĩ bàn. Hiện nay đại chúng trong pháp hội này, đều muốn nghe Ngài giải nói. Những vị đại Bồ Tát này, trong tâm của các Ngài cũng chẳng có gì sợ hãi, cho nên đều mong muốn Ngài phân biệt giải nói pháp Thập địa này cho họ nghe.

**Chúng hội đều thanh tịnh
Lìa giải đãi nghiêm khiết
Được kiên cố bất động
Đủ công đức trí huệ.**

Như các vị đại Bồ Tát ở trong đạo tràng chúng hội này, thân tâm các Ngài đều thanh tịnh, xa lìa hết tất cả bụi trần, dũng mãnh tinh tấn không giải đãi, oai nghi nghiêm cẩn, liêm khiết không tham danh lợi, không bị cảnh giới lay động, không tạp nhiễm tương khác, tâm bồ đề vĩnh viễn không thối chuyển hoặc giao động. Bởi vì các đại Bồ Tát này đều đã đầy đủ đại công đức, đại trí huệ.

**Nhìn nhau đều cung kính
Tất cả đồng ngưỡng vọng
Như ong nhớ mật tốt
Như khát nghĩ cam lồ.**

Mọi người đều rất cung kính thành khẩn, chuyên tâm nhất chí ngưỡng vọng Ngài Bồ Tát Kim Cang Tạng, vì họ giải nói pháp Thập địa vi diệu thù thắng này. Trong tình huống này, giống như con ong một lòng nghĩ đến mật ngọt,

lại giống như người khát nước, muốn có được nước cam lồ để giải khát.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng đại trí huệ không sợ hãi, nghe nói như vậy rồi, vì muốn khiến cho tâm chúng hội hoan hỉ, vì các Phật tử mà nói bài kệ rằng.

Lúc đó, vị Bồ Tát Kim Cang Tạng, bậc đại trí huệ không sợ hãi, nghe Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói bài kệ rồi, vì muốn khiến cho các vị Bồ Tát ở trong pháp hội đều sinh tâm hoan hỉ, cũng dùng kệ để nói với các vị đại Bồ Tát.

**Việc hạnh địa Bồ Tát
Gốc chur Phật tối thượng
Hiện bày phân biệt nói
Khó hi hữu bậc nhất.**

Việc Bồ Tát tại nhân địa tu hạnh Bồ Tát, tức là việc đáng làm ở trong Thập địa, những việc đó cao thượng không có gì sánh bằng. Tu hành ở trong Thập địa, thì pháp môn căn bản là thành Phật. Nếu muốn hiện rõ để phân biệt diễn nói, thật là tối thượng bậc nhất, ít có nhất, rất khó gặp.

**Vi tế khó thấy được
Lìa niệm vượt tâm địa
Sinh ra cảnh giới Phật
Người nghe đều mê hoặc.**

Hạnh Bồ Tát rất vi tế vi diệu, nghĩa lý thâm diệu, chẳng dễ gì minh bạch, rất khó suy gẫm. Muốn đạt được lìa niệm vượt qua cảnh giới pháp môn tâm địa này, thì ngôn ngữ đạo đoạn tâm hành xứ diệt, vượt khỏi mọi tư lự, lúc này sinh ra tất cả đều là cảnh giới của Phật, nếu người chẳng có công đức tu hành tương đương, thì không thể nào hiểu được, nếu hốt nhiên nghe nói về cảnh giới này, thì dễ dàng làm cho họ hoài nghi và mê hoặc, huống chi nói đến việc tu trì.

**Giữ tâm như kim cang
Tin sâu thắng trí Phật
Biết tâm địa vô ngã
Nghe được thắng pháp này.**

Sinh ra hoài nghi là vì chúng sinh chẳng có trí huệ, cho nên đối với pháp môn thù thắng này, không thể nào hiểu được. Nếu hay tu trì đến được niềm tin vững chắc như kim cang, tin sâu trí huệ thù thắng của Phật, đối với lời dạy của Phật – pháp môn Thập địa, lý giải được tướng vô ngã, thì sẽ nghe được tin thọ pháp môn thù thắng này.

**Như vẽ màu trên không
Như tướng gió trong không
Trí Mâu Ni như vậy
Phân biệt rất khó thấy.**

Muốn nghe được pháp thù thắng này, mà minh bạch thọ dụng, là bậc có trí huệ, giống như vẽ màu sắc rực rỡ ở trong hư không, lại giống như hình tướng của gió ở trong

không, phải biết đó đều là không thể nghĩ bàn, không nên chấp trước. Trí huệ của đức Phật Thích Ca Mâu Ni thâm sâu vi diệu, cho nên khó phân biệt giải thích nói, cũng không dễ gì khiến cho người khác minh bạch tin thọ.

**Tôi nghĩ Phật trí huệ
Tối thắng khó nghĩ bàn
Thế gian không thể thọ
Im lặng mà không nói.**

Vì tôi nghĩ nhớ đến trí huệ của Phật, thật là thù thắng nhất, không thể nào tưởng tượng được. Trên thế gian khó có người minh bạch được diệu pháp này, càng ít người có thể lãnh thọ được Phật pháp chí lý, cho nên tôi im lặng không giải thích với các vị.

**Bấy giờ, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt
nghe nói như vậy rồi, bạch Bồ Tát Kim
Cang Tạng rằng :**

**Phật tử ! Nay chúng hội này thấy đều
đã tụ tập, khéo tịnh tâm tâm, khéo trong
sạch ý niệm, khéo tu các hạnh, khéo tập trợ
đạo, khéo gần gũi trăm ngàn ức Phật,
thành tựu vô lượng công đức căn lành, bỏ
lìa si hoặc, không còn cấu nhiễm, thâm tâm
tin hiểu, ở trong Phật pháp không tùy theo
chỉ dạy của người khác.**

Lành thay Phật tử ! Hãy nương thần lực của Phật mà vì diễn nói. Các Bồ Tát này đối với chỗ rất thâm sâu như vậy, thấy đều chứng biết.

Bấy giờ, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt muốn thuật lại nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nghe Bồ Tát Kim Cang Tạng nói kệ rồi, tiếp tục nói với Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng : Ngài là đại đệ tử của Phật ! Hiện tại các vị Bồ Tát ở trong đại chúng pháp hội này đã tụ tập, các Ngài đều đã khéo tịnh tâm, vì đã tu được tất cả hạnh lành, cho đến chỗ thâm sâu của tâm đều đã thanh tịnh. Khéo trong sạch ý niệm, tư tưởng và ý niệm của các Ngài cũng đều đã thanh tịnh. Khéo tu các hạnh, về sự tu trì cũng biết tinh tấn dụng công như thế nào. Khéo tập trợ đạo, cũng minh bạch làm thế nào để dùng bi trí, thắng niệm để trợ giúp họ hành chánh đạo, cũng biết tăng trưởng trí huệ thì phải gần gũi nhiều vị Phật, phát nguyện đời đời thấy Phật, thọ trì diệu pháp, mới có thể thành tựu vô lượng căn lành. Vì đã từng gần gũi trăm ngàn ức vị Phật, mới thành tựu vô lượng căn lành, cũng mới bỏ lìa được ngu si và mê hoặc, càng không còn trần cấu nhiễm ô. Thâm tâm tin hiểu, dùng tâm thanh tịnh nhất, kiên thành của các Ngài, tin hiểu nghĩa lý Phật pháp thâm sâu. Một lòng học tập Phật pháp, không tin tà thuyết của bàng môn tà đạo.

Đại Bồ Tát Kim Cang Tạng ! Ngài là đệ tử tốt của Phật ! Xin Ngài nương đại oai thần lực của Phật, để vì đại

chúng điển nói Phật pháp này ! Các vị Bồ Tát ở trong pháp hội này, đối với chỗ cực kỳ thâm sâu vi diệu của pháp Thập địa này, các Ngài đều chứng biết được. Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt vì muốn thuật lại nghĩa lý ở trên, bèn dùng kệ để nói.

**Nguyện nói an ổn nhất
Vô thượng hạnh Bồ Tát
Phân biệt nơi các địa
Trí tịnh thành Chánh Giác.**

Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói: Tôi xin thỉnh đại Bồ Tát Kim Cang Tạng ! Hiện tại Ngài hãy nói Phật pháp tốt nhất, an ổn nhất, pháp môn tối thượng của Bồ Tát tu hành. Phân biệt giải thích đạo lý Thập địa, khiến cho tất cả chúng sinh có thể đắc được trí huệ thanh tịnh, tương lai đều có thể thành Phật.

**Chúng này không trần cấu
Chí giải đều sáng sạch
Thừa sự vô lượng Phật
Biết được nghĩa địa này.**

Các vị Bồ Tát ở trong đại pháp hội này, đều đã xa lìa hết thảy nhiễm ô và trần cấu, chí nguyện và lý giải của các Ngài, đều rất thanh tịnh và minh bạch. Các Ngài cũng đã từng thừa sự cúng dường vô lượng chư Phật, các Ngài cũng thấu hiểu được nghĩa lý Thập địa.

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng nói :
Phật tử ! Tuy chúng này đã tụ tập, khéo
tịnh tư tưởng, xả lìa ngu si và nghi hoặc, ở
chỗ pháp thâm sâu không theo sự chỉ dạy
của người khác, nhưng có những chúng
sinh khác kém hiểu biết, nghe việc thâm
sâu không nghĩ bàn này, sinh ra nhiều nghi
hoặc, sẽ thọ các khổ não lâu dài. Tôi
thương những người này, cho nên im lặng.**

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn
thuật lại nghĩa trên, bèn dùng kệ nói rằng.**

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng lại nói với Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt: Phật tử ! Tuy nhiên các vị Bồ Tát ở trong pháp hội này, đều đã khéo tịnh ý niệm, bỏ lìa nghi si và mê hoặc, đối với pháp thâm sâu vi diệu đã tin sâu không còn nghi ngờ nữa, cũng không chuyển theo bàng môn tả đạo. Song, vẫn có những chúng sinh căn cơ hạn hẹp, không minh bạch, nghe pháp lớn thâm sâu vi diệu không thể nghĩ bàn này rồi, rất dễ sinh ra nghi hoặc. Trong đêm dài vô minh ngu si – đây là ý nghĩa hình dung chúng sinh vô tri, không minh bạch pháp lớn, sinh tử mê muội, luân chuyển không ngừng – nhìn không thấu được, buông bỏ chẳng đặng, không đắc được tự tại, chính mình làm khổ não mình. Tôi vì thương xót loại chúng sinh này, cho nên im lặng không nói. Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng sợ đại chúng không minh bạch, lại dùng kệ để thuật lại.

**Tuy chúng này tịnh trí huệ rộng
Thâm sâu minh lợi hiểu thấu được
Tâm đều bất động như núi chúa
Không thể nghiêng úp như biển lớn.**

Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Tuy nhiên các vị Bồ Tát ở trong đạo tràng này, đều thanh tịnh, chẳng còn nhiễm ô, cũng có trí huệ rộng lớn, càng có trí Bát nhã thâm sâu, thâm tâm tin hiểu, biết rõ chánh tà, tâm tin của các Ngài giống như núi chúa Tu Di, không bị cảnh bên ngoài giao động, cũng giống như biển lớn không có ai có thể lật nghiêng qua được.

**Có người mới tu chưa thấu hiểu
Theo thức mà hành không theo trí
Nghe đây sinh nghi đọa đường ác
Tôi thương hạng này nên không nói.**

Song, ở trong đại chúng này, cũng có Bồ Tát mới phát tâm bồ đề, tu hành chưa được bao lâu, trí huệ hiểu biết của họ không đủ, chỉ nương theo thức để phân biệt tất cả cảnh giới, chẳng có trí huệ chân chánh để nhận thức tất cả cảnh giới. Thức chỉ có thể phân biệt, trí mới nhận thức hiểu thấu được. Khi họ nghe pháp môn Thập địa này, e rằng sẽ sinh ra tâm hoài nghi mà không tu, không tin pháp lớn này, sẽ đọa vào ba đường ác - ngã quỷ, súc sinh, địa ngục. Tôi thương xót những chúng sinh này, cho nên không nói.

Bấy giờ, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt lại bạch Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng : Phật tử ! Xin nương thần lực của Phật, phân biệt diễn nói pháp không thể nghĩ bàn này, người này sẽ được Như Lai hộ niệm mà sinh tâm tin thọ. Tại sao ? Vì khi nói Thập địa, thì tất cả pháp Bồ Tát phải như vậy, được Phật hộ niệm. Được hộ niệm nên nơi trí địa này, hay sinh sự dũng mãnh. Tại sao ? Vì đây là sự tu hành ban đầu của Bồ Tát, thành tựu tất cả các Phật pháp. Ví như viết chữ nói số, tất cả đều dùng tự mẫu làm gốc, tự mẫu rõ ràng, không có chút phần lìa khỏi tự mẫu.

Phật tử ! Tất cả Phật pháp đều dùng Thập địa làm gốc. Thập địa rõ ràng, thì tu hành thành tựu, được nhất thiết trí. Do đó, Phật tử ! Xin hãy diễn nói, người này sẽ được Như Lai hộ niệm, khiến cho họ tin thọ.

Bấy giờ, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt muốn thuật lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt lại nói với Bồ Tát Kim Cang Tạng : Phật tử ! Xin Ngài hãy nương oai đức thần lực của mười phương chư Phật và Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật, phân biệt nói pháp không nghĩ bàn này, phân tích giải nói tỉ mỉ pháp môn không thể nghĩ bàn này, khiến cho người nghe được pháp môn này, phá trừ nghi hoặc của họ, mà sinh niềm tin, sẽ đắc được sự hộ trì của chư Phật, mà sinh ra lòng tin. Vì sao ? Vì khi nói pháp môn Thập địa, thì tất cả Bồ Tát nghe pháp này, nhất định sẽ được chư Phật hộ niệm. Vì được hộ niệm: Vì được chư Phật hộ niệm, nên nghe được pháp Thập địa đại trí huệ này rồi, sẽ sinh ra sự dũng mãnh, sinh ra tâm dũng mãnh rất lớn. Vì sao ? Vì đây là sự thực hành ban đầu của Bồ Tát, vì pháp môn này là pháp môn tu hành của tất cả Bồ Tát. Vì thành tựu tất cả các Phật pháp, mà tu trì pháp môn này, sẽ thành tựu hết thảy pháp của Phật nói. Ví như vẽ chữ nói số, đưa ra ví dụ, giống như viết chữ, bắt đầu thì phải biết tự mẫu (chữ cái). Nói số, tức là liên hợp rất nhiều chữ đơn trở thành một câu có ý nghĩa. Tự mẫu rất ráo, nếu bạn biết viết những chữ cái, thì tuyệt đối không có tờ hào sai lầm. Hết thảy chữ cũng không lìa khỏi chữ cái.

Phật tử ! Tất cả Phật pháp đều dùng Thập địa làm gốc, hết thảy pháp của chư Phật nói, đều dùng pháp Thập địa làm cơ bản. Thập địa rất ráo, nếu tu hành viên mãn pháp Thập địa, thì có thể nói tu hành thành tựu, cũng sẽ đắc được nhất thiết trí huệ. Cho nên, muốn thỉnh Ngài Phật tử, vì các vị Bồ Tát trong pháp hội này, mà diễn nói pháp môn này, khiến cho người nghe được pháp này, nhất định sẽ được các Như Lai hộ niệm, cũng khiến cho họ sinh ra tâm tin, y giáo phụng hành. Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát

Nguyệt muốn thuật lại ý nghĩa vừa nói ở trên, bèn dùng kệ để nói ra.

**Lành thay Phật tử xin diễn nói
Hạnh các địa nhập vào bồ đề
Tất cả đáng Tụ Tại mười phương
Đâu chẳng hộ niệm trí căn bản.**

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt lại khen Bồ Tát Kim Cang Tạng một tiếng nói : Ngài là đại đệ tử của Phật ! Hy vọng Ngài thương xót tất cả chúng sinh, vì chúng sinh diễn nói pháp môn Thập địa này, có thể khiến cho những vị Bồ Tát này đi vào trong bồ đề giác đạo, học tập tu trì pháp môn các địa trong Thập địa. Mười phương chư Phật Thế Tôn, đều đang gia trì, hộ niệm những người nghe pháp môn Thập địa này, và người tu hành pháp môn Thập địa, vì pháp Thập địa là trí huệ căn bản.

**An trụ trí đây cũng rất ráo
Tất cả Phật pháp từ đây sinh
Ví như vẽ chữ tự mẫu nhiếp
Như vậy Phật pháp nương Thập địa.**

“An trụ trí đây” là chỉ trí của pháp Thập địa, nghĩa là nói trí huệ của pháp Thập địa, là trí huệ triệt để nhất, chánh quyết nhất, viên mãn nhất, thù thắng nhất. Tại sao gọi là địa ? Vì pháp của chư Phật nói, đều từ Thập địa sinh ra. Ví như viết chữ, nhất định phải căn cứ theo tự mẫu (chữ cái), viết làm văn nhất định trước hết từng chữ. Tất cả Phật pháp

nương vào Thập địa làm cơ sở mà sinh khởi, tu học Phật pháp cũng phải lấy pháp Thập địa làm chỗ nương tựa y cứ.

Bấy giờ, các chúng đại Bồ Tát, cùng lúc đồng thanh, hướng về Bồ Tát Kim Cang Tạng mà nói kệ rằng.

Khi Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói xong bài kệ ở trên, thì lúc đó, vô lượng các vị đại Bồ Tát trong mười phương, đồng thời đồng thanh, cùng nhau dùng kệ hướng về Bồ Tát Kim Cang Tạng thỉnh pháp, nói :

**Trí thượng diệu vô cầu
Biện vô biên phân biệt
Tuyên dương lời sâu đẹp
Nghĩa tương ưng bậc nhất.**

Đại đệ tử của Phật ! Bồ Tát Kim Cang Tạng ! Ngài đã chứng được đại trí huệ thanh tịnh vô cầu vi diệu tối thượng. Biện tài của Ngài cũng vô lượng vô biên, nói rất là tỉ mỉ, rất có đạo lý. Hiện tại hi vọng Ngài đối với chúng tôi tuyên nói đạo lý vi diệu thâm sâu vô thượng, với pháp môn Thập địa nghĩa tương ưng bậc nhất.

**Niệm trì hạnh thanh tịnh
Thập lực tập công đức
Biện tài phân biệt nghĩa
Nói địa tối thắng này.**

Những vị Bồ Tát này đều là niệm và tu hành, tất cả đều là người thanh tịnh, các Ngài tu trì thập lực của Phật, tích tập đủ thứ công đức, trí huệ cũng đã phân biệt tất cả nghĩa lý và đại biện tài vô ngại. Xin thỉnh đại Bồ Tát Ngài nói pháp môn Thập địa thù thắng này.

**Định giới tập chánh tâm
Lìa ngã mạn tà kiến
Chúng này không niệm nghi
Xin nguyện nghe khéo nói.**

Những người ở trong pháp hội này nghe Ngài giải nói, đều là những bậc tu định giữ giới thanh tịnh, có chánh tri chánh kiến, các Ngài đã xa lìa cống cao ngã mạn, chẳng có tư tưởng tà kiến, các Ngài đối với pháp môn Thập địa không có ý niệm hoài nghi, đều rất thành tâm chuyên nhất lắng nghe Ngài tuyên nói pháp môn Thập địa.

**Như khát nghĩ nước lạnh
Như đói tưởng thức ăn
Như bệnh nghĩ thuốc hay
Như ong tham mật tốt.**

Giống như người gặp lúc vừa nóng vừa khát, nghĩ đến muốn uống một ly nước mát lạnh. Lạnh: ý nghĩa là mát mẻ. Lại giống như người đói, tưởng nghĩ đến có chút thức ăn, để ăn cho đỡ đói. Lại giống như người bệnh, nghĩ đến tìm thuốc hay để trị bệnh. Lại giống như con ong hằng ngày đi tìm mật hoa, vì muốn làm một tổ ong mật tốt, lưu trữ qua mùa đông.

**Chúng tôi cũng như vậy
Nguyện nghe pháp cam lồ
Lành thay trí rộng lớn
Xin nói vào các địa.
Thành Thập lực vô ngại
Tất cả hạnh Thiện Thế.**

Đại chúng ở trong pháp hội này, cũng giống như những tư tưởng vừa nói ở trên, hy vọng lắng nghe để được sự giải khát, được ăn no, chữa lành bệnh, diêu pháp xả lia tất cả tham sân si. Bồ Tát Kim Cang Tạng ngài là bậc có trí huệ rộng lớn ! Xin Ngài nói làm sao để đi vào pháp môn Thập địa. Vì Ngài đã thành tựu Thập lực giống như Phật, đạt đến quả vị không chướng ngại, cũng đã tu chứng đến tất cả các hạnh đồng như Phật.

Bấy giờ, ở giữa chân mày của đức Thế Tôn phóng ra luồng quang minh thanh tịnh, tên là Bồ Tát Lực Diệm Minh. Có trăm ngàn A tăng kỳ quang minh dùng làm quyến thuộc, chiếu khắp mười phương tất cả thế giới, không có chỗ nào mà không chiếu đến, khổ ba đường ác đều được ngừng nghỉ. Lại chiếu đến tất cả chúng hội của Như Lai, hiển hiện lực không nghĩ bàn của chư Phật. Lại chiếu đến tất cả thân Bồ

Tát được chư Phật gia trì thuyết pháp trong mười phương tất cả thế giới. Làm như vậy rồi, trở thành đài lưối mây đại quang minh, trụ ở trên hư không.

Lúc đó, mười phương chư Phật, cũng đều như vậy, từ giữa chân mày phóng ra luồng quang minh thanh tịnh, quang minh đó tên là Quyển Thuộc Tác Nghiệp, đều đồng như đây. Lại cũng chiếu đến đức Phật và đại chúng ở thế giới Ta Bà này, cùng với thân Bồ Tát Kim Cang Tạng, toà sư tử, rồi trở thành đài lưối mây đại quang minh, trụ ở trong hư không.

Lúc đó, ở trong đài quang minh, nhờ oai thần lực của chư Phật, mà nói bài kệ rằng.

Khi Bồ Tát nói bài kệ ở trên vừa xong, thì lúc đó, ở giữa chân mày của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, phóng ra luồng quang minh rất thanh tịnh, quang minh đó tên gọi là Bồ Tát Đại Trí Lực Diệm Quang Minh. Là quang minh lửa ngọn pháp lực của Bồ Tát. Có trăm ngàn A tăng kỳ quang minh làm quyển thuộc, riêng ngoài còn có đủ thứ vô lượng quang minh, làm quyển thuộc cho quang minh này. Chiếu đến khắp mười phương hết thấy thế giới của chư Phật, chẳng có một nơi nào mà không chiếu đến. Khổ của ba

đường ác đều ngừng nghỉ, khổ hình đang thọ ở trong ba đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, cũng đều tiêu diệt. Lại chiếu đến hết thầy chư Phật ở trong đạo tràng pháp hội, hiển hiện lực không nghĩ bàn của chư Phật, dùng quang minh sáng chói đó để hiển bày pháp lực của chư Phật không thể tưởng tượng được. Lại chiếu đến thân Bồ Tát đang thuyết pháp, được Phật lực của chư Phật gia trì ở trong mười phương hết thầy thế giới. Làm việc đó rồi, chiếu như vậy rồi, bèn trụ ở trong hư không, kết thành đài lưới mây đại quang minh. Lúc đó, chư Phật những phương khác trong mười phương cũng lại như vậy, cũng giống nhau, từ giữa chân mày phóng ra luồng quang minh thanh tịnh, cũng tên là Bồ Tát Đại Trí Lực Diệm Quang Minh. Quang minh đó tên là Quyển Thuộc Tác Nghiệp, tác dụng làm quyển thuộc quang minh của đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tác dụng ủng hộ với nhau. Đều giống như ở đây, giống như quang minh của đức Thế Tôn, chiếu khắp mười phương thế giới, chiếu đến Phật, pháp hội đại chúng, thân Bồ Tát Kim Cang Tạng ở thế giới Ta Bà, cùng với toà sư tử của Ngài, rồi quang minh đó kết thành đài lưới đại quang minh trụ ở trong hư không. Ở trong đài quang minh, nhờ sức đại oai đức thân thông của đức Phật Thích Ca Mâu Ni và chư Phật, mà nói ra bài kệ dưới đây.

**Phật không ai bằng như hư không
Mười phương vô lượng thắng công đức
Tối thắng vô thượng trong thế gian
Đức Phật Thích Ca gia hộ họ.**

Đức Phật, chẳng có ai có thể sánh được, vi diệu giống như hư không. Đức Phật có mười lực, lại có vô lượng công đức thù thắng. Ở nhân gian, đức Phật tối thắng nhất, cao thượng nhất. Phạm là người hay thuyết pháp độ sinh, Phật lực sẽ gia bị cho bạn.

**Phật tử sẽ nương lực chư Phật
Khai tạng pháp vương tối thắng này
Các địa trí rộng hạnh thắng diệu
Dùng Phật oai thần phân biệt nói.**

Phật tử ! Bồ Tát Kim Cang Tạng : Ngài hãy nương sức oai thần của đức Phật Thích Ca Mâu Ni và mười phương chư Phật, vì đại chúng khai diễn hạnh Bồ Tát thù thắng nhất của Pháp Vương có đủ. Vì ở trong pháp Thập địa, mỗi địa đều có trí huệ rộng lớn của mỗi địa, đều có pháp môn tu hành vi diệu khác nhau của mỗi địa, nhờ Phật lực gia trì, mới có thể phân biệt giải nói tỉ mỉ.

**Nếu được sức Thiện Thệ gia trì
Sẽ được pháp bảo nhập vào tâm
Các địa vô cầu lần lược đầy
Cũng đủ mười lực của Như Lai.**

Nếu như bạn được Phật lực gia trì (Thiện Thệ là một trong mười danh hiệu của Phật), thì vô lượng pháp bảo sẽ nhập vào trong biển não của bạn, khi diễn nói Phật pháp, thì nói rất viên dung vô ngại, nghĩa lý phân minh. Thập địa, mỗi địa đều thanh tịnh vô cầu, thêm vào có thể nương tựa

thứ lớp tu trì, thì nhất định có thể chứng được quả vị viên mãn, cũng sẽ đầy đủ mười lực giống như đức Phật.

**Tuy trụ nước biển trong kiếp lửa
Kham thọ pháp này tất được nghe
Nếu có người không tin sinh nghi
Vĩnh viễn không nghe nghĩa như vậy.**

Tuy nhiên bạn trụ ở trong nước biển nhiều như vậy, sâu như vậy, ở trong kiếp lửa : thành, trụ, hoại, không, cũng nên nhẫn thọ kiếp khổ nạn đó, gặp lúc giảng về Thập địa, thì nhất định cũng muốn nghe (nghĩa là nói: thà chịu khổ ở trong ba đường ác, cũng không bị tám nạn chướng ngại sự nghe pháp). Như có người đối với pháp Thập địa sinh nghi hoặc không tin, thì họ vĩnh viễn chẳng có cơ hội nghe được pháp thù thắng như vậy.

**Nên nói các địa đạo thắng trí
Vào trụ lần lược mà tu tập
Từ cảnh giới hành pháp trí sinh
Vì lợi ích tất cả chúng sinh.**

Bồ Tát Kim Cang Tạng ! Ngài nên đối với đại chúng giải nói đạo lý trí huệ thù thắng của Bồ Tát mỗi địa trong Thập địa. Khiến cho đại chúng vào được trong pháp Thập địa, lần lược khiến cho chúng sinh y theo thứ lớp tu tập, từ trong cảnh giới tu hành, sinh ra pháp trí, vượt qua tục trí, hy vọng có thể lợi ích tất cả chúng sinh trong pháp hội.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng quán sát mười phương, vì muốn khiến cho đại chúng tăng trưởng niềm tin thanh tịnh, mà nói bài kệ rằng.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng quán sát nhân duyên đại chúng trong pháp hội, hy vọng khiến cho tâm tin hiểu của đại chúng tăng trưởng thanh tịnh, lại dùng kệ để nói ra.

**Đại đạo của Như Lai
Vi diệu khó biết được
Chẳng niệm là các niệm
Cầu thấy không thể được.**

Đức Phật giống như con đường lớn. Đại đạo tức là con đường của bậc Thánh. Chỗ vi diệu của Ngài không thể tưởng tượng được. Khi bạn đã lìa niệm rồi, còn phải tiến thêm một bước nữa, ý niệm lìa niệm cũng phải xả bỏ. Nếu bạn muốn dùng âm thanh, sắc tướng, cầu thấy Phật, dùng thanh sắc cầu thấy pháp, thấy sắc cầu thanh, như vậy không thể nào minh bạch pháp môn Thập địa này.

**Không sinh cũng không diệt
Tánh tịnh luôn vắng lặng
Người là cầu thông huệ
Trí đó chỗ tu hành.**

Pháp môn Thập địa, tức là Phật tánh của chúng ta vốn có, trí huệ vốn có, bản tánh quang minh tạng vốn có.

Bản tánh đó không sinh không diệt, không dơ không sạch, không tăng không giảm, luôn luôn thanh tịnh, vì thường thanh tịnh, cho nên luôn luôn vắng lặng không động. Bỏ một phần nhiễm ô, tăng thêm một phần thanh tịnh. Nhiễm ô và thanh tịnh là pháp đối đãi. Tăng thêm thanh tịnh tức là tăng thêm trí huệ; tăng thêm nhiễm ô, tức là tăng thêm ngu si. Có trí huệ thì dần dần thăng đi lên, ngu si thì càng ngày càng đoạ lạc. Cổ Thánh nhân có nói : "Quân tử thượng đạt, tiểu nhân hạ đạt", tức là ý nghĩa này. Mục đích chúng ta tu hành là vì khai mở trí huệ, diệt ngu si. Pháp thế gian không thanh tịnh nhất, nhiễm ô nhất là nam tham hoan, nữ tham ái, đều do đây mà ràng buộc không thể vượt thoát được, nguyên nhân của nó là không thể học Thánh nhân chuyên nhiễm ô thành thanh tịnh. Phạm là lìa khỏi nhiễm ô, khôi phục lại thanh tịnh, thì sẽ đắc được thông minh trí huệ chân chánh, mới là Thánh nhân chân chánh thông minh có trí huệ. Các vị đều là đệ tử của Phật, đều đã lìa khỏi tất cả nhiễm ô, khôi phục lại sự thanh tịnh vốn có, trở thành Thánh nhân thật có trí huệ. Trí huệ của người thông minh có trí huệ và sự tu hành của Bồ Tát, tức là pháp môn Thập địa này.

**Tự tánh vốn vắng lặng
Không hai cũng vô tận
Giải nói về các cõi
Trụ Niết Bàn bình đẳng.**

Tự tánh của mỗi người chúng ta vốn là thanh tịnh, vốn là gì cũng chẳng có. Vì mình quay lưng giác ngộ hợp với trần lao, nhiễm khổ làm vui, vì tăng thêm nhiều phiền

não. Tuy nhiên tự tánh không có một vật gì, không hình, không tướng, không người, không ta, không chúng sinh, không thọ mạng, nhưng cũng không thể nói không có, giống như hư không, không thể nói không có hư không. Trí huệ của Thập địa này hay đắc được thanh tịnh giải thoát tự tại, thoát khỏi bốn đường ác. Bốn đường ác là địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la. Nếu bạn minh bạch pháp môn Thập địa, thì sẽ minh bạch sinh tử, Niết Bàn là bình đẳng. Do đó, sinh tử tức Niết Bàn, phiền não tức bồ đề. Nếu không minh bạch pháp môn Thập địa này, thì sinh tử vẫn là sinh tử, Niết Bàn vẫn là Niết Bàn, cả hai chẳng có tơ hào quan hệ để nói cả.

**Chẳng đầu chẳng giữa cuối
Chẳng ngôn từ để nói
Vượt qua khỏi ba đời
Tướng đó như hư không.**

Trí huệ của pháp môn Thập địa, không thể phân làm giai đoạn ban đầu giữa cuối để nói. Bồ Tát phát tâm, được bồ đề, vĩnh viễn không thoái chuyển, cũng không trước sau. Chẳng có lời lẽ để nói, cho nên tôi (Bồ Tát Kim Cang Tạng) không muốn giải nói. Vì pháp môn này, vượt qua khỏi tất cả pháp ba đời, hình trạng thật của nó giống như hư không.

**Tịch diệt chỗ Phật hành
Lời nói không đến được
Hạnh Thập địa cũng vậy**

Khó nói khó thọ được.

Pháp môn này là tướng tịch diệt, nhìn mà chẳng thấy, thính mà chẳng nghe, ngửi mà không mùi, đó là chỗ hành của Phật, vi diệu nhất. Nếu như tôi dùng ngôn ngữ để giải thích, thật không cách chi nói minh bạch được. Pháp môn tu hành nói ở trong Thập địa, cũng giống như ví dụ tôi đã nói ở trước, không dễ gì nói minh bạch được. Do đó, "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt", chúng sinh cũng không dễ gì tin nhận, cũng không dễ gì tiếp thọ.

Trí khởi cảnh giới Phật Chẳng niệm lìa tâm đạo Chẳng uẩn môn giới xứ Trí biết ý chẳng hay.

Do trong trí huệ sinh ra cảnh giới, là cảnh giới của Phật chứng. Như ý nghĩa "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt" đã nói ở trên. Nên tức niệm lìa niệm, niệm mà không niệm, tức là chẳng niệm, lìa khỏi tất cả sự tướng tượng ở trong tâm. Pháp môn này cũng chẳng phải từ tu năm uẩn (sắc, thọ, tưởng, hành, thức), mười tám giới (sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu trần : sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Sáu thức : nhãn thức, nhĩ thức, tỉ thức, thiệt thức, thân thức, ý thức), mười hai xứ (sáu căn, sáu trần) có thể đắc được. Phải dùng trí huệ mới hiểu rõ được, dùng ý niệm và tư tưởng không cách chi minh bạch được.

Như dấu chim trong không

**Khó nói khó chỉ bày
Nghĩa Thập địa như vậy
Tâm ý không hiểu được.**

Giống như chim bay ở trong hư không, có dấu tích gì để nói ? Có vết tích gì để biểu thị? Nghĩa lý bao hàm pháp Thập địa cũng không thể dùng tâm và ý niệm của chúng sinh có thể hiểu rõ được.

**Từ bi và nguyện lực
Sinh ra tu hạnh địa
Thứ tự tâm viên mãn
Trí hành chẳng nghĩ cảnh.**

Bồ Tát hay diễn nói pháp môn Thập địa, đều nương vào từ bi và nguyện lực của chư Phật, sinh ra tại thế gian để tu hành pháp môn Thập địa này, nương tựa vào thứ tự của mỗi địa, khiến cho tâm trí huệ viên mãn, khiến cho đạo bồ đề giác ngộ thành tựu. Đây là do trí huệ tu hành pháp môn, chẳng phải dùng tâm suy nghĩ có thể minh bạch được cảnh giới.

**Cảnh giới đó khó thấy
Biết được không thể nói
Nên Phật lực diễn nói
Các ông nên kính thọ.**

Cảnh giới đó rất khó thấy được, biết pháp môn đó còn dễ hơn, nếu muốn giải thích diễn nói không dễ dàng

chút nào. Phải nương vào sức thập lực của chư Phật gia trì, mới có thể diễn nói. Các vị Bồ Tát nghe được pháp môn này, đều phải cung kính nghe thọ pháp này.

**Như vậy trí tu hành
Ức kiếp nói không hết
Nay tôi chỉ lược nói
Nghĩa chân thật không thừa.**

Pháp môn này dùng trí huệ để tu hành, tức là dùng thời gian vô lượng kiếp cũng nói không hết được. Hiện tại tôi (Bồ Tát Kim Cang Tạng) chỉ nói sơ lược, nghĩa lý chân thật vô cùng vô tận không thừa sót.

**Một lòng cung kính chờ
Tôi nương Phật lực nói
Pháp âm thắng vi diệu
Chữ ví dụ tương ưng.**

Các vị Bồ Tát, một lòng một dạ cung kính đợi, tôi nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, để diễn nói pháp âm vi diệu thù thắng này, pháp Thập địa chẳng có gì có thể tương ưng, chỉ dùng ý nghĩa chữ vẽ để làm ví dụ.

**Vô lượng Phật thần lực
Đều nhập vào thân tôi
Chỗ này khó tuyên bày
Nay tôi nói ít phần.**

Vô lượng vô biên chư Phật, dùng sức thần thông của các Ngài, cùng nhau gia trì vào thân tôi. Vì pháp môn Thập địa rất vi diệu thâm sâu, khó tuyên nói, cho nên hiện tại tôi chỉ nói ít phần.

Phật tử ! Nếu có chúng sinh trồng căn lành sâu dày, khéo tu các hạnh, khéo tập trợ đạo, khéo cúng dường chư Phật, khéo tập pháp trắng tịnh, được thiện tri thức khéo nhiếp, khéo thanh tịnh thâm tâm, lập chí rộng lớn, sinh hiểu biết rộng lớn, từ bi hiện tiền, vì cầu trí của Phật, vì đắc được mười lực, vì được đại vô úy, vì được pháp bình đẳng của Phật, vì cứu tất cả thế gian, vì tịnh đại từ bi, vì được mười lực trí không thừa, vì tịnh tất cả cõi Phật không chướng ngại, vì một niệm biết tất cả ba đời, vì chuyển đại pháp luân vô sở úy.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Nếu như có chúng sinh đã gieo trồng căn lành thâm sâu, lại tu hành pháp môn lục độ hạnh rộng lớn. Lại tu tập pháp môn trợ giúp họ thành đạo. Lại cúng dường tất cả chư Phật mười phương ba đời. Lại hiểu biết tu tập hết thảy pháp môn tối thượng. Lại nhiếp thọ chúng sinh, giáo hoá chúng sinh, làm đại thiện tri thức của chúng sinh. Lại biết hàng phục thân tâm, xa lìa trần cấu được thâm tâm

thanh tịnh. Và còn lập chí khí rộng lớn vô biên, cứu độ chúng sinh không có tâm phân biệt. Phát đại nguyện không sợ gian nan. Sinh hiểu biết rộng lớn, đối với chánh pháp của Phật sinh ra tâm tin rộng lớn vô lượng vô biên, và sức lý giải vững chắc. Từ bi hiện tiền, người tu đạo đối với bất cứ người nào cũng phải có lòng từ bi. Vì cầu được trí huệ giống như Phật, vì tu được mười lực của Phật, vì muốn có trí dũng vô sở úy lớn nhất, vì muốn đắc được pháp môn bình đẳng của Phật, vì cứu bạt hết thảy chúng sinh của thế giới. Vì tịnh đại từ bi, nghĩa là muốn đắc được tâm từ bi thanh tịnh lớn nhất, tức chánh trí xuất thế gian. Vì được mười lực trí không thừa, vì muốn đắc được hết đại trí huệ của Phật, vì trang nghiêm thanh tịnh hết thảy cõi nước chư Phật, chẳng có chút gì chướng ngại, vì muốn được một động niệm thì biết được tất cả nhân quả ba đời, vì luôn luôn chuyên đại pháp luân vô thượng, mà chẳng có chút tâm sợ sệt nào, vì đủ thứ duyên như vậy, nên phải nghe thọ pháp môn Thập địa này.

Phật tử ! Bồ Tát khởi tâm như vậy, dùng đại từ bi làm đầu, trí huệ tăng thượng, phương tiện khéo léo nhiếp thọ, thâm tâm tối thượng nhiếp trì, có vô lượng lực Như Lai, khéo quán sát phân biệt, có sức dũng mãnh, trí lực, trí vô ngại hiện tiền. Tuỳ thuận trí tự nhiên, thọ trì tất cả Phật pháp, dùng trí huệ giáo hoá. Rộng lớn

**như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết
thuở vị lai.**

**Phật tử ! Bồ Tát ban đầu phát tâm
như vậy, liền vượt qua đước địa vị phàm
phu, nhập vào bậc Bồ Tát, sinh vào nhà
Nhu Lai, không ai có thể nói chủng tộc của
Ngài lỗi lầm, lia cõi thế gian, nhập vào đạo
xuất thế, đước pháp Bồ Tát, trụ chỗ của Bồ
Tát, vào ba đời bình đẳng, ở trong giống
tánh Nhu Lai quyết định sẽ đước vô
thượng bồ đề. Bồ Tát trụ pháp như vậy,
tên là trụ Bồ Tát Hoan Hỷ Địa, vì dùng bất
động tương ưng.**

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử
của Phật ! Khi Bồ Tát sinh khởi đủ thứ tâm niệm ở trên, thì
dùng đại bi làm đầu : Vì tâm đại bi hay cứu khổ chúng
sinh, khiến chúng sinh lia khổ đước vui, cho nên nói dùng
đại bi làm đầu. Trí huệ tăng thượng: Tu pháp Bồ Tát thì
đắc đước trí huệ của Bồ Tát, tu nhiều hạnh Bồ Tát, thì trí
huệ sẽ tăng thượng. Khi nói pháp, thì sẽ có trí huệ phương
tiện khéo léo, sức biện tài vô ngại. Sở nhiếp trì là thâm tâm
tối thượng vi diệu, sở trì là vô lượng sức oai thần của Phật.
Lại có vô lượng trí huệ khéo quán sát tất cả và khả năng
phân biệt tất cả cảnh giới, rất dũng mãnh hướng về trước
tinh tất tu hành, bất luận cảnh giới gì hiện tiền, Ngài cũng
đều có trí huệ ứng phó không bị chướng ngại. Thường có

một thứ trí lực rất tự nhiên, khiến Ngài lãnh thọ tất cả pháp môn của chư Phật nói. Dùng trí huệ để giáo hoá tất cả chúng sinh, cảnh giới đó rộng lớn như pháp giới, khắp cùng tất cả mọi nơi. Rốt ráo triệt để như hư không không chướng ngại, có thể hết thảy kiếp vị lai.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, khi bắt đầu phát tâm đại bi, thì lập tức vượt khỏi được địa vị phàm phu, nhập vào địa vị Bồ Tát. Sinh vào trong gia tộc của Như Lai, chẳng có ai có thể tìm ra lỗi lầm của Bồ Tát và quyến thuộc của Phật. Lìa cõi thế gian: Lìa khỏi bốn đường ác của thế gian: địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh, A tu la. Chúng được Thánh đạo vượt qua ba cõi, được tất cả pháp môn của Bồ Tát tu trì, trụ nơi thanh tịnh của Bồ Tát trụ, không xả bỏ thế gian, cũng có thể phương tiện không nhiễm, càng đắc được trí huệ ba đời bình đẳng. Ở trong giống tánh Như Lai: Trong giống tánh thâm sâu của Phật, sẽ đắc được giác quả bồ đề cao thượng. Bồ Tát trụ pháp như vậy, tên gọi là trụ Bồ Tát Hoan Hỉ địa. Bồ Tát tu đến pháp môn này, tức là sơ địa trong Thập địa, gọi là Hoan Hỉ địa, vì Ngài đã chứng được sơ địa, sinh ra tâm đại hoan hỉ. Sự hoan hỉ đó, do định lực mà sinh ra, cho nên nói dùng tướng bất động và định tương ưng.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hoan Hỉ địa, thành tựu nhiều hoan hỉ, nhiều tịnh tín, nhiều ái lạc, nhiều vui thích, nhiều vui vẻ, nhiều mừng rỡ, nhiều dũng mãnh, nhiều không đấu tranh, nhiều không phiền não, nhiều không sân hận.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát trụ Hoan Hỉ địa, chúng được Hoan Hỉ địa rồi, thành tựu rất nhiều thứ được pháp lợi sinh hoan hỷ. Như nhiều tịnh tín, đối với Phật pháp tâm tin thanh tịnh, cũng sâu dày. Đối với Phật pháp càng sinh khởi vô lượng tâm ái lạc. Bất cứ lúc nào cũng đều cảm thấy thân tâm khoái lạc, rất an tường. Đến đâu cũng chẳng cảm thấy có sự chướng ngại, dù gặp người khác chướng ngại, cũng chẳng sinh phiền não, nói chung cảm thấy mãn túc như pháp. Nhiều vui vẻ, luôn luôn vui vẻ mình nghe được Phật pháp mà tu hành Bồ Tát đạo. Nhiều mừng rỡ, nhiều dũng mãnh: Các ngài lúc nào cũng đều dũng mãnh tinh tấn, tư hào không giải đãi. Giao tiếp với người cũng chưa từng phát sinh đấu tránh và tranh luận. Không làm phiền hại tất cả chúng sinh, khắp khuyến người khác phát tâm tu hành. Bồ Tát sơ địa chúng nhập Hoan Hỉ địa, đối với bất cứ ai, bất cứ việc gì, cũng không sinh khởi tâm không vui hoặc tâm sân hận.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hoan hỷ địa này, nghĩ nhớ đến chư Phật, nên sinh hoan hỷ. Nghĩ nhớ đến các Phật pháp, nên sinh hoan hỷ. Nghĩ nhớ đến các Bồ Tát, nên sinh hoan hỷ. Nghĩ nhớ đến các Bồ Tát hạnh, nên sinh hoan hỷ. Nghĩ nhớ đến thanh tịnh các Ba la mật, nên sinh hoan hỷ. Nghĩ nhớ đến các Bồ Tát địa thù thắng, nên sinh hoan hỷ. Nghĩ

nhớ đến Bồ Tát không thể hoại, nên sinh hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến Như Lai giáo hoá chúng sinh, nên sinh hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến khiến cho chúng sinh được lợi ích, nên sinh hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến nhập vào nhất thiết trí, phương tiện của Như Lai, nên sinh hoan hỉ.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát chúng đấng quả vị hoan hỉ địa rồi, tại sao hoan hỉ như thế ? Vì các Ngài luôn luôn nghĩ nhớ đến tất cả các đức Phật, cho nên sinh tâm hoan hỉ. Không giống như phàm phu tục tử, mỗi ngày đều sống trong sự đố kỵ chướng ngại, chẳng có đạo tâm. Bồ Tát chuyên tâm nghĩ nhớ đến các đức Phật, nên không sinh tâm đố kỵ chướng ngại. Lại nghĩ nhớ đến tất cả Phật pháp của chư Phật nói, y pháp tu hành, cho nên cũng sinh tâm hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến các Bồ Tát, chẳng những Ngài nghĩ nhớ đến chư Phật các pháp, mà còn luôn luôn nghĩ nhớ đến mười phương ba đời tất cả hiền Thánh Tăng và các đại Bồ Tát, cho nên sinh tâm hoan hỉ. Phàm là người tu đạo, đều phải thường sinh tâm nghĩ nhớ đến Tam Bảo. Lại thường nghĩ nhớ đến tất cả pháp môn thành Phật của Bồ Tát tu hành, vì hết thấy đại Bồ Tát đều là chư Phật vị lai, các Ngài siêng tu lục độ vạn hạnh, không quên độ chúng sinh, cho nên sinh đại hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến thanh tịnh các Ba la mật tương lai đều có thể thành tựu viên mãn trí huệ thanh tịnh và công đức thành Phật, đó cũng là gốc rễ của sự hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến các địa vị của Bồ Tát, đặc biệt thù thắng, mà sinh đại

hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến Bồ Tát chúng được ba bất thối là: niệm bất thối, vị bất thối, hạnh bất thối. Càng không có thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại được Ngài, nên sinh hoan hỉ. Lại luôn luôn nghĩ nhớ đến Như Lai giáo hoá chúng sinh, ôm lòng từ bi, khiến cho chúng sinh lìa khổ được vui, mà sinh đại hoan hỉ. Lại nghĩ nhớ đến chư Phật thường khiến cho chúng sinh nghe pháp được độ, chấm dứt sinh tử, đó là khiến cho các chúng sinh được đại lợi ích pháp môn tốt nhất. Các Bồ Tát có những nhân duyên thù thắng như vậy, có thể làm được rất nhiều việc lớn, cho nên sinh tâm đại hoan hỉ. Nghĩ nhớ đến nhập vào nhất thiết trí phương tiện của Như Lai, Bồ Tát chúng được Hoan Hỉ địa, Ngài cũng còn sự nghĩ nhớ, bất quá sự nghĩ nhớ của các Ngài là thanh tịnh. Về phần nghĩ nhớ của chúng sinh là nhiễm ô - tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, ngủ nhiều - cảnh giới năm dục. Sự nghĩ nhớ của Bồ Tát là : Phật, Pháp, Tăng và lục độ vạn hạnh, đủ thứ cảnh giới thanh tịnh. Vì các Ngài biết mình đã chứng nhập nhất thiết trí huệ của Như Lai, đắc được đủ thứ phương tiện, cho nên sinh tâm đại hoan hỉ.

**Lại nghĩ như vậy : Tôi đã chuyển biến
tất cả cảnh giới thế gian, nên sinh hoan hỉ.
Gần gũi tất cả chư Phật, nên sinh hoan hỉ.
Xa lìa hạng phàm phu, nên sinh hoan hỉ.
Gần bậc trí huệ, nên sinh hoan hỉ. Vĩnh
viễn dứt trừ tất cả cõi ác, nên sinh hoan hỉ.
Làm chỗ y chỉ cho tất cả chúng sinh, nên**

sinh hoan hỉ. Thấy tất cả Như Lai, nên sinh hoan hỉ. Sinh ở trong cảnh giới Phật, nên sinh hoan hỉ. Vào trong tánh bình đẳng của tất cả Bồ Tát, nên sinh hoan hỉ. Xa lìa tất cả sợ hãi rùng mình, nên sinh hoan hỉ.

Tại sao ? Vì Bồ Tát được Hoan Hỉ địa này rồi, hết thấy sự sợ hãi đều được xa lìa. Như là : Sợ không sống, sợ tiếng xấu, sợ chết, sợ đường ác, sợ oai đức của đại chúng, những sự sợ hãi như vậy, vĩnh viễn lìa khỏi.

Bồ Tát đắc được quả vị Hoan Hỉ địa, lại nghĩ như vậy: Tôi đã chuyển biến tất cả cảnh giới thế gian, (chuyển biến tức là buông bỏ). Chuyển phàm thành Thánh, chuyển mê thành ngộ, chuyển ô nhiễm thành thanh tịnh, cho nên sinh đại hoan hỉ. Ví như người nghe pháp ở trong Chùa Kim Sơn, thanh tịnh hơn những người ở ngoài xã hội, đây tức là ví dụ sự chuyển biến. Bồ Tát chứng đắc quả vị sơ địa, thì thường thấy được Phật, do gần gũi Phật cho nên sinh hoan hỉ. Chỗ suy nghĩ, mong cầu của phàm phu, Bồ Tát đều chẳng nghĩ, chẳng mong cầu. Cho nên Ngài xa lìa địa vị phàm phu, chuyển phàm thành Thánh, nên sinh hoan hỉ. Xa lìa địa vị phàm phu, tức là xa lìa vô minh ngu si. Gần gũi thiện tri thức, tức là gần bậc trí huệ, cho nên sinh hoan hỉ. Chứng nhập Bồ Tát sơ địa, thì đã vĩnh viễn dứt trừ tất cả đường ác, chẳng còn đoạ lạc vào trong bốn

đường ác nữa, trừ phi Ngài phát nguyện vào trong bốn đường ác để giáo hoá chúng sinh, đó là vì độ sinh, hành Bồ Tát đạo, chẳng phải làm hạnh ác mà đọa lạc. Bồ Tát giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui, ban cho chúng sinh sự cảm thọ an ổn, vì chúng sinh đó mà Ngài làm chỗ y chỉ cho họ, nên sinh hoan hỷ. Luôn luôn thấy được Phật, lại thường sinh ở trong cảnh giới của Phật, đồng tánh bình đẳng hành Bồ Tát đạo với tất cả Bồ Tát. Lại hay xa lìa tất cả tất cả những việc khiến cho người sợ hãi rùng mình, cho nên sinh tâm đại hoan hỷ. Vì sao ? Bồ Tát chứng được quả vị Hoan Hỷ địa rồi, đối với tất cả đều nhìn thấu triệt, buông bỏ hết, chẳng còn gì khiến cho Ngài sợ hãi, tất cả sự sợ hãi, tự nhiên xa lìa. (Sợ hãi tức là nghiệp khổ phiền não) sự sợ hãi của phàm phu như: Sợ không sống, sợ không sống được nữa. Sợ tiếng xấu, sợ người khác huỷ báng, mất tiếng tăm. Sợ chết, ai ai cũng đều sợ chết, đều muốn cầu sống lâu. Sợ đường ác, sợ đọa vào trong bốn đường ác. Sợ oai đức của đại chúng, ở trong chỗ đại chúng đông người không dám nói, vì sợ khí thế uy hiếp của đại chúng. Những sự sợ hãi như vậy, đều phát ra từ trong tâm, nếu hay tu hành, có định lực thì không sợ gì hết.

Tại sao ? Vì Bồ Tát này lìa tướng cái ta, thân mình còn không mến tiếc, huống gì của cải, cho nên chẳng sợ về sự không sống. Ngài chẳng mong cầu sự cúng dường, chỉ chuyên bố thí cho tất cả chúng sinh, cho nên chẳng sợ về tiếng xấu. Xa lìa thấy cái ta, chẳng còn nghĩ về cái ta, cho nên không

sợ chết. Tự mình biết chết rồi, chắc chắn không lìa chư Phật Bồ Tát, cho nên không sợ đường ác. Chí thích của ta, tất cả thế gian không ai bằng được, hà huống là hơn, cho nên không sợ oai đức của đại chúng. Bồ Tát xa lìa những sợ hãi rùng mình như vậy.

Phật tử ! Bồ Tát này dùng đại bi làm đầu, chí thích rộng lớn không ai cản trở phá hoại được, càng siêng tu tất cả căn lành mà được thành tựu.

Tại sao Bồ Tát chẳng có những sợ hãi như vậy? Vì Ngài đã xa lìa tất cả những sợ hãi rùng mình, do sức lực gì khiến cho Ngài được xa lìa? Đó là do tu hành, chịu phát tâm bồ đề, nguyện hành Bồ Tát đạo, do đó chứng được Hoan Hỷ địa của Bồ Tát, đạt đến cảnh giới lìa khỏi nghĩ tưởng về cái ta. Ngài chẳng còn cái ta, chẳng những chẳng còn cái ta, mà cho đến nghĩ tưởng về của ta cũng không còn nữa. Do đó, Ngài sớm đã đem thân này bố thí cho chúng sinh, vì chúng sinh mà làm việc, chẳng ích kỷ, chẳng lợi mình. Chẳng còn mến tiếc thân mình nữa, hà huống là của cải? Của cải – vàng bạc châu báu, đất nước vợ con, đều là vật ngoài thân, Ngài hoàn toàn nhìn thấu triệt, buông bỏ đặng, đắc được tự tại chân chánh, cho nên chẳng sợ chết. Do vậy, cho nên Bồ Tát chẳng sợ mình không còn sống được nữa, cũng chẳng sợ không sống.

Không muốn lợi ích cho chính mình, căn bản Ngài chẳng có sự mong cầu, vì rằng đạt đến vô cầu phẩm tự cao, đương nhiên cũng không lo, tại sao chúng ta sầu lo? Vì có sự tham cầu, có tham cầu thì có sầu lo. Bồ Tát không tham cầu danh văn lợi dưỡng, cũng không tham cầu năm dục – tài, sắc, danh, ăn, ngủ. Bồ Tát đối với những thứ này đều giải thoát, càng không tham sự cúng dường. Chỉ chuyên bố thí cho tất cả chúng sinh, vì Ngài chuyên nhất tu bố thí, bất luận cúng dường gì, Ngài đều đem cho hết thầy chúng sinh. Cho đến người khác nghị luận tốt xấu đối với Ngài, Ngài cũng đều không cứ tới, không tham cầu hư danh, cũng không sinh hoan hỷ và phiền não. Vì Bồ Tát đã có trí huệ vượt qua cảnh giới tốt xấu, cho nên Ngài chẳng sợ tiếng xấu. Bồ Tát chẳng còn cái ta, thì tự nhiên cũng chẳng thấy có cái ta, nghĩ về ta. Chẳng còn cái ta, vậy có nghĩ tưởng đến ai chết, ai không chết chẳng ? cho nên chẳng sợ chết. Bồ Tát Ngài biết mình chết rồi, chẳng bị đoạ vào trong bốn đường ác, vì Ngài thường hành Bồ Tát đạo. Cũng chắc chắn không lìa khỏi chư Phật, nhất định cùng ở chung với tất cả Bồ Tát, cho nên chẳng sợ đường ác. Chí nguyện của tôi và việc mà tôi thích làm, chúng sinh thế gian thống khổ trầm luân, làm sao bằng tôi được, hoặc tu chứng trước hơn tôi được, cho nên chẳng sợ oai đức của đại chúng. Lỗi nghĩ này là tâm tư của Bồ Tát trên cầu dưới độ, Bồ Tát chẳng có tư tưởng cống cao ngã mạn, chỉ là Bồ Tát Kim Cang Tạng nói rõ sau khi Bồ Tát chúng được quả vị Hoan Hỷ địa, cảnh giới của Ngài là như vậy. Bồ Tát xa lìa năm điều sợ hãi ở trên, thì không phát sinh sự việc rùng mình dựng lông.

Các vị đệ tử của Phật ! Các vị Bồ Tát đó làm việc đều dùng tâm đại bi làm điểm xuất phát, vì bi hay cứu khổ,

chí nguyện rộng lớn, Bồ Tát có chí nguyện rộng lớn - cứu độ chúng sinh, vô lượng khoái lạc. Không có bất cứ thiên ma ngoại đạo nào có thể phá hoại và nhiễu loạn được sự tu hành của Ngài, hoặc trở ngại Ngài hành Bồ Tát đạo. Cho nên Ngài càng thêm siêng tu, càng ngày càng tinh tấn, càng ngày càng dụng công, cho nên tất cả căn lành, hạt giống bồ đề, đều thành tựu viên mãn.

Đó là : Vì niềm tin tăng thêm, nhiều lòng tin thanh tịnh, hiểu thanh tịnh, tin quyết định, phát sinh thương xót, thành tựu đại bi, tâm không mệt mỏi, hổ thẹn trang nghiêm, thành tựu nhu hoà, kính thuận tôn trọng giáo pháp chư Phật, ngày đêm tu tập căn lành không nhàm đủ, gần gũi thiện tri thức, thường ưa thích pháp, cầu đa văn không nhàm đủ, như chỗ nghe pháp chánh quán sát, tâm không nương tựa, không đăm trước danh văn, lợi dưỡng, cung kính, không cầu tất cả vật tư sanh, sinh tâm như thật không nhàm đủ, cầu tất cả trí địa, cầu sức vô úy của Như Lai, Phật pháp bất cộng.

Sau khi Bồ Tát chứng được Hoan Hỷ địa rồi, không lúc nào không ở trong đại hoan hỷ. Vì Ngài siêng tu tất cả căn lành, nên sớm đã thành tựu tâm tin, càng ngày càng

tăng thêm nhiều, không giảm bớt, đó là tin tăng thêm. Vì tâm tin tăng thêm, nên tâm niệm thanh tịnh cũng tăng thêm nhiều, chẳng giống như quá khứ chỉ có tâm tin, còn có chút nhiễm ô. Hiện tại tâm tin tăng thêm lại không có chút nhiễm ô nào, chỉ thuần thanh tịnh, trở về nguồn cội. Tại sao hay khiến cho tâm tin tăng thêm có cảnh giới thanh tịnh như vậy ? Vì Bồ Tát Ngài biết như nay đã không còn chút hoài nghi nào nữa, tâm tin kiên cố quyết định. Tin mười phương Phật, tin pháp của mười phương chư Phật nói, tin tất cả hiền Thánh Tăng mười phương, đều là pháp hữu của mình. Vì mình là một trong Tam Bảo, thì sẽ sinh ra tâm thương xót chúng sinh, độ tất cả chúng sinh, thành tựu tâm đại từ bi. Tâm bi, khiến cho chúng sinh lìa khổ; tâm từ thương chúng sinh, khiến cho chúng sinh được tất cả an lạc. Cầu Phật pháp ngày ngày tinh tấn tu hành, dũng mãnh hành đạo, cũng là càng ngày càng thù thắng hơn, không giảm bớt giải đãi. Hồ thẹn trang nghiêm : Thường sinh tâm hổ thẹn sám hối. Đem hết thầy công đức của mình để trang nghiêm cõi nước mười phương, thành tựu nhu hoà, tu nhẫn nhục Ba la mật, thành tựu sức nhẫn nhục, vì đối với bất cứ việc gì, đều có công phu nhẫn nại nghịch đến thuận thọ, quyết định không có tâm thắng phụ và thái độ cương cứng với bất cứ ai. Cung kính chư Phật, thuận thọ lời dạy của chư Phật, tôn trọng phụng hành giáo pháp của chư Phật nói. Ngày đêm tu tập căn lành không nhằm đủ, ngày đêm sáu thời tinh tấn tu tập đủ thứ căn lành, không có tâm mệt mỏi đầy đủ. Bồ Tát biết gần gũi thiện tri thức, thì sẽ được nghe nhiều học rộng, đắc được lợi ích lớn, pháp hỉ sung mãn, thường ở trong niềm vui của pháp, siêng tu giới định huệ, diệt trừ tham sân si, chưa bao giờ tự mãn. Chánh pháp

mà mình được nghe từ chỗ chư Phật, lúc nào cũng tư duy quán sát thật tướng các pháp. Trong tâm không có sự chấp trước nào, không chấp cái ta, không chấp pháp, không có chút nương tựa nào. Vì không đam trước lợi dưỡng, danh văn, cung kính, Bồ Tát tuyệt đối không mong cầu sự cúng dường, tham đồ danh văn, lợi dưỡng. Cũng không mong cầu hưởng thụ vật chất, và tất cả vật phong phú ngoài thân thể. Sinh tâm như thật, Bồ Tát chỉ một lòng cầu tâm bồ đề, tâm kim cang, nên chẳng có lúc nào nhàm đủ. Cầu bậc nhất thiết trí, chỉ hy vọng cầu được quả vị nhất thiết trí huệ và đạt được địa vị trí huệ vô thượng. Cầu được bốn điều không sợ hãi của Như Lai, và cầu được mười tám Phật pháp bất cộng nơi nhị thừa, đủ thứ sự lợi ích như vậy.

Vì cầu các Ba la mật, pháp trợ đạo, lìa các sự dối trá, như lời nói tu hành, thường hộ lời thật, không làm ô uế nhà Như Lai, không xả bỏ giới Bồ Tát, sinh tâm nhất thiết trí như núi chúa không động, không bỏ tất cả việc thế gian, thành tựu con đường xuất thế gian, tích tập pháp bồ đề phần không nhàm đủ, thường cầu đạo vô thượng thù thắng.

Ở trước nói Bồ Tát tu hạnh Bồ Tát, chứng được Hoan Hỷ địa rồi, đắc được sức lực của Phật, bốn điều không sợ hãi, và mười tám Phật pháp bất cộng, và tiếp tục truy cầu tu trì các Ba la mật, dùng để trợ giúp đạo nghiệp

cho chính mình. Xả lìa tất cả ngôn hạnh không nên có như : dua nịnh người giàu và nói dối. Theo lời nói thực hành tôn phụng pháp của Phật nói, chân thật tu hành. Lời nói việc làm phải đi đôi, thường hộ lời thật, tức là mỗi lời nói, câu nói của mình nói ra, đều là lời chân thật, không làm ô uế nhà Như Lai, thân làm đệ tử của Phật, biết Bồ Tát là thanh tịnh cao thượng nhất, tuyệt đối không thể làm ra lời nói hành động ô uế gia phong Phật pháp, tức cũng là không thể có việc ô uế đạo tràng. Càng không thể có sự biểu hiện xả bỏ giới luật Bồ Tát, phải giữ gìn thân, miệng, ý, luật nghi thanh tịnh, thì tự nhiên sẽ sinh ra nhất thiết trí huệ, giống như núi chúa Tu Di, vĩnh viễn không bị sự vật bên ngoài làm lay động. Đừng buông bỏ tất cả việc thế gian, cũng có thể thành tựu đạo pháp xuất thế gian. Tu hành tích tụ có thể trợ giúp mình thành tựu pháp môn và công đức pháp bồ đề phần, quyết không sinh ra tâm nhàm mỏi, và tâm kiêu ngạo công đức của mình viên mãn. Vì Bồ Tát thường tu trì tất cả Phật đạo tối vô thượng viên mãn, thù thắng nhất.

Phật tử ! Bồ Tát thành tựu pháp thanh tịnh trị địa như vậy, tên là An trụ Bồ Tát Hoan Hỷ địa.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hoan Hỷ địa này, thành tựu đại thế nguyện như vậy, đại dũng mãnh như vậy, đại tác dụng như vậy. Đó là : Sinh hiểu biết rộng lớn thanh tịnh quyết định, đem tất cả đồ cúng dường cung

kính cúng dường tất cả chư Phật, khiến không thiếu sót. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thảy vị lai, tất cả kiếp số không có ngừng nghỉ.

Lại phát nguyện lớn : Nguyện thọ tất cả Phật pháp, nguyện nhiếp tất cả Phật bồ đề, nguyện hộ tất cả Phật giáo, nguyện trì tất cả các Phật pháp. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thảy vị lai, tất cả kiếp số không có ngừng nghỉ.

Lại phát nguyện: Nguyện trong tất cả thế giới, khi đức Phật ra đời, từ cung trời Đâu Suất giáng trần, nhập thai, trụ thai, sơ sinh, xuất gia, thành đạo, thuyết pháp, thị hiện Niết Bàn, thấy đều đi đến gần gũi cúng dường, làm thượng thủ trong chúng, thọ hành chánh pháp, đồng thời chuyển bánh xe pháp khắp tất cả mọi nơi, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thảy vị lai, tất cả kiếp số không ngừng nghỉ.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, thành tựu giống như ở trước đã nói, chúng được pháp môn thanh tịnh tu trì, tức là Bồ Tát tu chúng - quả vị Hoan Hỷ địa. Vì

thành tựu pháp tịnh trị địa, vĩnh viễn không thôi chuyển về hàng nhị thừa, cho nên nói từ đây an trụ tại Hoan Hỉ địa, lại tiếp tục tu chứng thứ lớp các pháp môn địa khác.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát chứng được Hoan Hỉ địa, thành tựu đại thế nguyện, đại dũng mãnh, tại nhân địa phát đại thế nguyện, mà người khác không thể làm, Ngài hay dùng trí huệ dũng mãnh khéo léo để đạt đến mục đích, khiến cho chúng sinh có lợi ích sinh đại tác dụng. Đối với Phật pháp vi diệu, hay sinh ra trí huệ rộng lớn, thanh tịnh, có tánh lý giải và thấu hiểu quyết định không có tơ hào nghi hoặc. Đem hết thầy tất cả đồ cúng dường tốt nhất của Ngài có, cung kính cúng dường hết thầy chư Phật, chẳng có vị Phật nào mà không cúng dường. Tâm thành và pháp môn cúng dường rộng lớn đó, rộng đến khắp cùng pháp giới, không có một nơi nào mà không đến, rốt ráo giống như hư không. Bồ Tát chẳng phải ngẫu nhiên như vậy, hết thảy vị lai thời gian vô tận, vĩnh viễn đều không ngừng.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, nguyện tiếp thọ tất cả đại pháp luân mà đức Phật chuyển, tiếp tục thuyết pháp. Lại nguyện tiếp thọ tất cả giác đạo của Phật, thường thường tu tập. Lại nguyện đối với giáo pháp của chư Phật nói, thầy đều hộ trì. Lại nguyện thọ trì pháp môn của chư Phật nói. Bồ Tát phát nguyện lớn đó, rộng lớn đầy khắp pháp giới, rốt ráo giống như hư không. Về thời gian hết thảy vị lai vô cùng vô tận số kiếp, Ngài đều không ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, hy vọng hết thảy thế giới, đều có Phật xuất hiện ra đời, nơi nơi Phật pháp hưng long. Đức Phật từ cùng trời Đâu Suất hàng sinh xuống nhân gian - từ lúc nhập thai mẹ, trụ thai mẹ, sinh ra, xuất gia tu hành, thành đạo rồi, thuyết pháp, vào Niết Bàn, thị

hiện quá trình tám tướng thành đạo này. Ngài đều đi đến gần gũi, thừa sự cúng dường làm thượng thủ chúng sinh trong pháp hội, thọ hành chánh pháp, ở khắp mọi nơi đồng một thời gian chuyển bánh xe pháp. Rộng lớn đến khắp cùng pháp giới rốt ráo như hư không, tận cùng vô lượng kiếp số đều không ngừng nghỉ.

Lại phát nguyện lớn : Nguyện tất cả hạnh Bồ Tát, rộng lớn vô lượng, không hoại, không tạp, nhiếp thọ các Ba la mật, tịnh trị các địa, tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng, hết thấy hạnh Bồ Tát, đều nói như thật, giáo hoá tất cả, khiến cho họ tiếp thọ tu hành, tâm được tăng trưởng, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thưở vị lai, tất cả kiếp số, không có ngừng nghỉ.

Lại phát nguyện lớn : Nguyện tất cả cõi chúng sinh : Có sắc, không sắc, có tướng, không tướng, chẳng có tướng, chẳng không tướng, sinh bằng trứng, sinh bằng thai, sinh âm thấp, hoá sinh ra, thuộc về ba cõi, vào trong sáu nẻo, tất cả chỗ sinh, nhiếp các danh sắc, các loài như vậy,

tôi đều giáo hoá, khiến cho họ vào trong Phật pháp, khiến cho họ vĩnh viễn dứt tất cả cõi thế gian, khiến cho họ an trụ trí đạo nhất thiết trí, rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, hết thưở vị lai, tất cả kiếp số, không có ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, nguyện tất cả hạnh của Bồ Tát tu, đều rộng lớn không thể nào lường được, bao quát tất cả, không bị thiên ma ngoại đạo phá hoại, cũng chẳng có nhân tố thiện ác xen tạp vào bên trong, đều nhiếp trì các Ba la mật với nhau, đem những công đức đó, trợ giúp tu hành pháp Thập địa thanh tịnh. Tất cả sự vật thành nhân, như tổng tướng, biệt tướng, đồng tướng, dị tướng, thành tướng, hoại tướng, đạo lý chân thật như vậy, với tất cả hạnh của Bồ Tát tu, tôi đều giải nói cho chúng sinh, giáo hoá hết thảy chúng sinh, khiến cho họ tiếp thọ và lãnh ngộ được, tu hành chân thật, khiến cho tâm bồ đề thanh tịnh nhờ đó mà tăng trưởng. Tâm nguyện đó cũng rộng lớn đến khắp cùng pháp giới, rớt ráo giống như hư không, hết thưở vị lai kiếp số vô tận, tôi cũng không ngừng nghỉ. Bồ Tát lại phát nguyện lớn : Nguyện tất cả cõi chúng sinh, như chúng sinh có sắc, như chúng sinh không có sắc, chúng sinh có tướng, chúng sinh không tướng, chúng sinh chẳng có tướng, chúng sinh chẳng không tướng, sinh bằng trứng, bằng thai, ản thấp, hoá sinh, đủ các loài chúng sinh khác nhau như vậy, phàm là thuộc về ba cõi, trong sáu nẻo luân hồi, nơi sinh các loài, cùng với sự nhiếp thọ danh sắc các loài chúng sinh đó, tôi đều phải đi giáo hoá họ, khiến cho

họ thâm nhập Phật pháp, y giáo phụng hành, vĩnh viễn vượt khỏi sáu nẻo luân hồi, khiến cho họ an trụ trong thánh đạo trí huệ nhất thiết trí. Tâm nguyện đó, cũng rộng lớn đến khắp cùng pháp giới, rốt ráo giống như hư không, hết thảy vị lai tất cả kiếp thời gian, tôi cũng không ngừng nghĩ.

Lại phát nguyện lớn : Nguyện tất cả thế giới rộng lớn vô lượng : Thô tế, loạn trụ, đảo trụ, chánh trụ, hoặc vào, hoặc đi, hoặc đến, khác nhau như lưới Đế Thích, mười phương vô lượng đủ thứ khác nhau, trí đều thấu rõ, hiện tiền thấy biết, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thảy vị lai, tất cả kiếp số không có ngừng nghĩ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, nguyện mỗi thế giới, bất luận là ngựa, úp, dài, vuông, đều rộng lớn như vậy, bất luận có bao nhiêu; trong đó có thô, có tế, có loạn trụ, chẳng có thứ tự; lại có đảo trụ, điên đảo; có chánh trụ, ngay thẳng rất có quy cụ; có người, thường thường có hành động; có rất nhiều biến hoá, thấy đều khác nhau, giống như lưới La tràng trên cung điện của trời Đế Thích thấy đều khác nhau. Hình trạng đủ thứ sự khác biệt trong mười phương, nhưng trí huệ của Bồ Tát đều thấu rõ, minh bạch giống như hiện ra ở trước mắt. Trí huệ nguyện vọng đó, cũng rộng lớn khắp cùng pháp giới, rốt ráo giống như hư không, hết thảy vị lai tất cả kiếp số, vĩnh viễn không ngừng nghĩ.

Lại phát nguyện lớn: Nguyện thừa không thối chuyển, thực hành hạnh Bồ Tát, nghiệp thân miệng ý đều không tổn hại, nếu ai tạm thấy thì nhất định hiểu Phật pháp. Tạm nghe đến âm thanh thì được trí huệ chân thật. Nếu họ mới sinh niềm tin thanh tịnh, thì vĩnh viễn dứt phiền não, được thụ thân như đại Dược Vương, được thân như báu như ý, tu hành tất cả hạnh Bồ Tát, rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết thối vị lai, tất cả kiếp số không ngừng nghỉ.

Lại phát nguyện lớn : Nguyện trong tất cả thế giới, thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, không lìa nơi đầu sợi lông. Nơi tất cả đầu sợi lông, thấy đều thị hiện sơ sinh, xuất gia, đến đạo tràng, thành Chánh Giác, chuyển bánh xe pháp, vào Niết Bàn, được cảnh giới sức đại trí huệ của Phật. Ở trong niệm niệm, tùy theo tất cả tâm chúng sinh, thị hiện thành Phật, khiến cho họ được tịch diệt, dùng một thứ bồ đề, biết tất cả pháp giới tức tướng Niết

Bàn. Dùng một âm thuyết pháp, khiến cho tất cả tâm chúng sinh đều hoan hỷ. Thị hiện vào đại Niết Bàn, mà không dứt hạnh Bồ Tát. Thị hiện bậc đại trí huệ an lập tất cả pháp. Dùng pháp trí thông, thần túc thông, huyền thông, tự tại biến hoá, đầy khắp tất cả pháp giới. Rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không. Hết thuở vị lai, tất cả kiếp số không ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn, hy vọng thừa pháp luân không thối chuyển, tu pháp môn của Bồ Tát tu hành. Thân miệng ý ba nghiệp đều thanh tịnh, không tạo nghiệp ác, chẳng có tội lỗi. Giả như có người tạm thời thấy được Bồ Tát, thì nhất định sẽ trồng xuống căn lành, minh bạch Phật pháp. Tạm thời nghe được âm thanh của Bồ Tát, thì sẽ đắc được trí huệ chân thật giống như bảo bối. Nếu tâm tin thanh tịnh của họ vừa mới phát sinh, thì có thể vĩnh viễn dứt trừ phiền não, đắc được thụ thân giống như Đại Dược Vương, hay trị bệnh chúng sinh, lại có thể đắc được thân thể giống như báu như ý, tu tất cả hạnh của Bồ Tát tu hành. Tâm nguyện đó cũng rộng lớn như pháp giới, rốt ráo như hư không, hết kiếp thuở vị lai cũng không ngừng nghỉ.

Bồ Tát lại phát nguyện lớn : Hy vọng chúng sinh toàn thể giới, đồng thời đều chứng được Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Không lìa khỏi một đầu sợi lông, và tất cả nơi đầu sợi lông, đều có thể thị hiện từ cung trời Đâu Suất hàng sinh xuống nhân gian, xuất gia, học đạo, đến các

đạo tràng, ở dưới cội bồ đề thành Đẳng Chánh Giác, chuyển bánh xe pháp, thuyết pháp độ chúng sinh, cuối cùng vào Niết Bàn. Khắp trong pháp giới, nơi mỗi đầu sợi lông rất nhỏ, đều ở trong đó thị hiện tám tướng thành đạo. Đắc được cảnh giới như đức Phật, như lực đại trí huệ của Phật. Ở trong mỗi niệm, tùy theo tâm niệm chúng sinh, thị hiện thành Phật, khiến cho tất cả chúng sinh, cũng đắc được vui tịch diệt. Dùng một thứ chánh giác, thì biết tất cả pháp giới, giống như một tướng đại Niết Bàn. Dùng một thứ âm thanh thuyết pháp, khiến cho hết thảy chúng sinh đều sinh tâm hoan hỉ. Tuy thị hiện vào đại Niết Bàn, nhưng vẫn không dứt hành Bồ Tát đạo trên thế giới này. Thị hiện bậc đại trí huệ, bậc đại trí huệ tức là Phật trí, vì hay sinh vạn vật, hay lãnh vạn hạnh, cho nên hay an lập tất cả. Khiến cho chúng sinh biết tất cả nương vào đại trí huệ mà an lập. Dùng ý nghĩa pháp trí thông, biết rõ tướng pháp không tánh mà sinh trí huệ thần thông. Thần túc thông là nơi thân mình hiển hiện kiếp sinh, trụ, diệt, dài ngắn, tùy tâm tự tại. Huyền thông là chuyển biến việc bên ngoài, đâu chẳng tùy theo ý muốn của tâm. Vận dụng tự tại, biến hoá vô cùng đầy khắp hết thảy pháp giới. Tâm nguyện đó cũng rộng lớn như pháp giới, rớt ráo như hư không, hết thuở vị lai tất cả kiếp số cũng không ngừng nghỉ.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hoan Hỉ địa phát thế nguyện lớn như vậy, đại dũng mãnh như vậy, đại tác dụng như vậy. Dùng mười nguyện môn này làm đầu, đầy đủ trăm vạn A tăng kỳ đại nguyện.

Phật tử ! Đại nguyện này dùng mười câu tận mà được thành tựu. Những gì là mười ?

Đó là : Cõi chúng sinh tận, thế giới tận, cõi hư không tận, pháp giới tận, cõi Niết Bàn tận, cõi Phật xuất hiện tận, cõi Như Lai trí tận, cõi tâm sở duyên tận, cõi Phật trí vào cảnh giới tận. Thế gian chuyển, pháp chuyển, cõi trí chuyển tận. Nếu cõi chúng sinh tận, nguyện của tôi mới tận. Nếu thế giới cho đến thế gian chuyển, pháp chuyển, cõi trí chuyển tận, thì nguyện của tôi mới tận. Mà cõi chúng sinh không thể tận, cho đến thế gian chuyển, cõi pháp luân trí chuyển không thể tận, nên đại nguyện căn lành này của tôi không cùng tận.

Bồ Tát Kim Cang Tạng e rằng các vị Bồ Tát có lúc phóng dật, hoặc không chú ý nghe Ngài nói pháp môn trong Kinh Hoa Nghiêm, lại xưng một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Các vị biết Bồ Tát tu chứng được Hoan Hỷ địa rồi, Ngài đã tu được đủ thứ căn lành, thành tựu đủ thứ công đức Ba la mật, đạt đến địa vị bờ bên kia, cho nên Ngài lúc nào cũng đều sinh tâm đại hoan hỷ, phát ra những đại nguyện như ở trước đã phát ra. Ngài hay dùng tâm đại

dũng mãnh đã phát ra, pháp môn chúng sinh không dám tu hành, mà Ngài dám tu hành. Việc chúng sinh không dám làm, mà Ngài dám đi làm. Giống như đủ thứ đại tác đại dụng ở trước có nói, Ngài đều dùng mười đại nguyện làm hàng đầu, để đầy đủ, Ngài ở trong trăm vạn A tăng kỳ kiếp phát ra tất cả đại nguyện, tất cả đại nguyện cũng y vào mười đại nguyện này mà hoàn thành.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại nguyện này là Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, dùng mười câu tận mà được thành tựu (chữ tận ở đây nghĩa là không thể đoạn tận, mười câu này là dùng mười hạng không thể tận được làm ví dụ, mười đại nguyện không cùng tận làm tỉ lệ). Những gì là mười thứ ? Đó là cõi chúng sinh tận, thế giới cũng cùng tận, cõi hư không cũng tận (Ba điều này nói về thế gian). Pháp giới cũng tận, cõi Niết Bàn cũng chẳng còn, cõi Phật xuất hiện tận. Cũng chẳng có Phật xuất hiện ra đời (Ba điều này là nói về pháp). Trí huệ Như Lai cũng chẳng có, trong tâm cũng chẳng có sự tưởng tượng, chỗ nương tựa cũng chẳng có, trí huệ của Phật chứng được, sự thấu hiểu, minh bạch, cảnh giới đó cũng chẳng có (ba điều này nói về Phật trí) thế gian chuyển (chữ chuyển ở đây nghĩa cũng là ý nghĩa không thể tận) pháp chuyển, cõi trí chuyển tận, những điều này đều chuyển tận chẳng còn nữa. Cõi chúng sinh ở trên đều tận, thì tâm nguyện của tôi mới xong được. Nếu như thế giới cho đến thế gian chuyển, pháp chuyển, cõi trí chuyển tận, thì nguyện của tôi mới tận. Bởi chúng sinh và thế gian chuyển, pháp chuyển, cõi trí chuyển .v.v... không thể cùng tận, cho nên đại nguyện này của tôi cũng không thể cùng

tận, vĩnh viễn tồn tại. Căn lành tu được, cũng không cùng tận.

Phật tử ! Bồ Tát phát nguyện lớn như vậy rồi, liền được tâm lợi ích, tâm nhu nhuyễn, tâm tùy thuận, tâm tịch tĩnh, tâm điều phục, tâm tịch diệt, tâm khiêm hạ, tâm nhuận trạch, tâm không động, tâm không trước.

Trở thành người có niềm tin thanh tịnh: Có niềm tin công dụng, tin bền hạnh chỗ vào của Như lai. Tin thành tựu các Ba la mật, tin vào các bậc thù thắng, tin thành tựu lực, tin đầy đủ không sợ hãi, tin sinh trưởng Phật pháp bất cộng không thể hoại, tin Phật pháp không nghĩ bàn, tin sinh ra cảnh giới Phật trung đạo không rơi vào hai bên, tin tùy thuận vào vô lượng cảnh giới của Như Lai, tin thành tựu quả. Tóm lại, tin tất cả hạnh Bồ Tát, cho đến trí, địa, thuyết, lực, của Như lai.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát phát ra những nguyện lớn ở trên rồi, thì đắc được mười tâm tin :

Tâm lợi ích, trước khi Bồ Tát chưa phát nguyện lớn, muốn lợi ích chúng sinh, không phát tâm, muốn làm cũng làm không được, vì chẳng có sức lực. Sau khi phát những nguyện lớn đó rồi, trong vô hình Ngài tăng thêm sức lực trợ giúp chúng sinh.

Tâm nhu nhuyễn, vì có sức lực tâm nguyện, biến tâm cương cứng quá khứ thành tâm nhu nhuyễn, đối với chúng sinh cũng nhẫn nại được, cũng hoà khí, giáo hoá chúng sinh thì tự nhiên thân tâm điều phục mà không sinh phiền não.

Tâm tùy thuận, người chưa phát tâm bồ đề, người không hành Bồ Tát đạo, đều ưa thích sai khiến người khác, muốn người khác phải nghe mình chỉ huy. Nhưng sau khi phát nguyện lớn rồi, thì biết phải tùy thuận chúng sinh, sau đó mới khiến cho chúng sinh tùy thuận. Không còn thành kiến về cái ta, thì chẳng còn chấp cái ta nữa.

Tâm tịch tĩnh, luôn luôn tâm bình khí hoà, chẳng có phiền não, không màng chỗ ồn ào, yên lặng, đều dụng công tu hành được, không bị ảnh hưởng hoàn cảnh bên ngoài.

Tâm điều phục, tại thế giới Ta Bà này, tất cả mọi người, mọi sự vật, đều khó điều phục, ở trong hoàn cảnh này, đừng nói đến điều phục chúng sinh, cho đến chính mình cũng khó điều phục. Sau khi Bồ Tát phát nguyện lớn rồi, thì tự nhiên điều phục được thân tâm, cũng khéo léo điều phục chúng sinh.

Tâm tịch diệt, các pháp từ xưa đến nay, thường vắng lặng. Nếu tâm mình không biết vắng lặng, thì làm sao vật bên ngoài vắng lặng được. Sau khi Bồ Tát phát nguyện lớn rồi, biết rõ các pháp vắng lặng.

Tâm khiêm hạ, trước khi chưa phát nguyện lớn, thì thường dễ phạm mao bệnh cống cao ngã mạn, sinh ra nhiều phiền não vô vị. Phát nguyện lớn đó rồi, thì những tập khí không tốt đó tự nhiên tiêu trừ, từ cống cao ngã mạn biến thành khiêm hoà.

Tâm nhuận trách, vì có sức lực tâm nguyện lớn rồi, trong tâm thường cảm thấy thư thối như thấm nhuần cam lồ, chẳng còn cảm giác phiền muộn khô khan.

Tâm bất động, niệm động trăm sự có, niệm dừng vạn sự không. Không sinh tạp niệm thì chẳng còn vọng tưởng phiền não, tâm niệm thanh tịnh, thì trí huệ tự nhiên sinh ra trợ giúp vạn hạnh.

Tâm không trước, vì có nguyện lớn như vậy, tâm niệm thanh tịnh, thì còn có tâm trước, tâm ô nhiễm chăng ? Có những tâm tin nguyện lực ở trên, thì thành tựu một bậc đức hạnh có tâm tin thanh tịnh. Công dụng tâm tin đó, khiến cho nhập vào được hạnh bản lai của Phật tu hành, do tin mà thành tựu mười Ba la mật, do tin vào được địa vị Thập địa thù thắng, do tin mà thành tựu sức thần thông, do tâm tin cũng đầy đủ tất cả sức không sợ hãi, trong Kinh nói niềm tin là mẹ nguồn gốc của công đức, nuôi lớn tất cả các pháp lành, tin hay sinh trưởng Phật pháp mà ngoại đạo không thể phá hoại được. Tin không thể dùng lời nói hình dung, không thể tưởng tượng được chân lý của Phật nói. Tin cảnh giới Phật nói ra, không rơi vào hai bên, vì cảnh giới của Phật, mọi thời mọi lúc, nơi nào chốn nào cũng không chấp vào không, không rơi vào không; không chấp vào có, không rơi vào có.

Đức Phật đề xướng trung đạo, hay tin thì tùy thuận nhập vào cảnh giới không hạn lượng của Phật, tin hay

thành tựu tất cả quả vị. Tóm lại, đưa ra một điểm quan trọng là, tin tất cả pháp môn và nhân quả của Bồ Tát tu hành, cho đến đạt được bậc trí huệ của Như Lai, đó đều là do sức tin sinh ra.

Phật tử ! Bồ Tát đó lại nghĩ như vậy : Chánh pháp của chư Phật thâm sâu như vậy, tịch tĩnh như vậy, tịch diệt như vậy, không như vậy, vô tướng như vậy, vô nguyện như vậy, không nhiễm như vậy, vô lượng như vậy, rộng lớn như vậy, mà các phàm phu, sa vào tà kiến, vô minh che lấp, dựng tràng cao kiêu mạn, vào trong lưới khát ái, đi vào rừng rậm dưa dối không tự ra được. Tâm tương ưng với xan tham đố kỵ không xả bỏ được, luôn tạo nhân duyên thọ sinh trong các cõi.

Tham sân si gây thành các nghiệp, ngày đêm tăng trưởng. Dùng gió phần hận thổi lửa tâm thức, cháy mạnh không ngừng. Phàm tạo ra các nghiệp, đều điên đảo tương ưng với dòng tham dục, dòng hữu lậu, dòng vô minh, dòng tà kiến, khởi hạt giống tâm ý thức liên tục, ở trong ruộng ba cõi, lại sinh mầm khổ. Đó là :

Danh sắc cùng sinh không lìa. Do danh sắc mà tăng trưởng sinh ra sáu xứ tụ lạc, ở trong sự tương đối sinh ra xúc, vì xúc nên sinh ra thọ, do thọ nên sinh ra ái, ái sinh trưởng nên sinh ra thủ, thủ tăng trưởng nên sinh ra hữu, hữu sinh nên có sinh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não.

Chúng sinh như vậy, sinh trưởng khổ tụ tập. Trong đó đều không, lìa cái ta, của ta, không biết, không giác, không làm, không thọ, như cỏ cây, đá vách, cũng như hình bóng. Rõ ràng các chúng sinh không giác, không biết.

Bồ Tát thấy các chúng sinh tụ tập khổ như vậy, không được thoát khỏi, cho nên bèn sinh đại bi trí huệ. Lại nghĩ như vậy : Các chúng sinh đó, tôi phải cứu họ, đặc để họ nơi an lạc rất ráo, do đó bèn sinh đại từ trí huệ quang minh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng đệ tử của Phật ! Bồ Tát chúng được Hoan Hỷ địa, lại nghĩ như vậy : Chánh pháp nhãn tạng của chư Phật là thâm sâu như vậy, sâu giống như biển cả không thấy được đáy. Tịch tĩnh như vậy, bản thể của pháp là tịch tĩnh, chẳng bị bất cứ cảnh giới

bên ngoài nào lay động, mà còn vắng lặng, chẳng có hình tướng có thể thấy. Cũng giống như hư không, vô lượng vô biên, chẳng có tướng trạng nhất định. Cũng chẳng có nguyên gì, tất cả đều không. Cũng không có bất cứ ô nhiễm và chỗ chấp, pháp thể không thể hạn lượng như vậy rộng lớn không có bờ mé. Rõ ràng một số phàm phu sa vào tư tưởng tà tri tà kiến, làm việc điên đảo, không biết tu hành. Vô minh giống như mây đen trong hư không, che lấp ánh sáng mặt trời. Tự mình dựng lên tràng cao kiêu mạn, vào sâu trong lưới khát ái, đi vào trong rừng rậm siểm nịnh dua dối, không biết cách nào thoát ra được. Tâm tánh ràng buộc với xan tham đố kỵ không buông bỏ được, vĩnh viễn tự tạo nhân duyên thọ sinh ở trong bốn đường ác. Vì vô minh, nên sinh ra tư tưởng tham vọng, sân hận, ngu si, làm ra đủ thứ nghiệp quả, ngày tháng tích lũy tăng trưởng không ngừng. Sinh khởi gió tà phần hận, thổi động tâm thức lửa tà, thiêu đốt không ngừng. Phàm làm gì cũng đều điên đảo không hợp pháp lý, tùy thuận tham dục. Ở trong ba cõi thuận theo dòng hữu lậu, theo vô minh, chạy theo kiến hoặc. Những hạt giống đó ở trong tâm ý thức sinh khởi liên tục không ngừng. Đất nghiệp ba cõi lại sinh ra mầm thống khổ. Đó là mười hai nhân duyên mà đức Phật đã nói, thứ nhất là vô minh. Do vô minh điên đảo mà sinh ra hành, tức là hành vi ái dục. Có hành vi rồi, thì sinh ra hạt giống ý thức. Do hạt giống ý thức gieo xuống ruộng ba cõi, bèn sinh ra mầm khổ. Mầm khổ đó tức là danh sắc (danh sắc ví như nam, nữ), do danh sắc mà sinh ra sáu nơi tụ lạc (sáu nơi tụ lạc là chỉ sáu căn : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý). Còn gọi là lục nhập, lục nhập vào trong sáu căn. Sáu căn, sáu trần cùng tiếp xúc nhau sinh ra sáu thức, nên còn gọi là lục

xứ). Tụ lạc tức là lục nhập cùng lớn lên trong thai mẹ. Do đó sinh ra xúc trần. Do xúc trần lại sinh ra lãnh thọ. Do lãnh thọ mà sinh ra ái dục. Do ái dục tăng trưởng, lại sinh ra thủ. Do thủ sinh ra hữu. Do hữu sinh ra sinh. Do sinh nên có sinh, già, bệnh, chết, ưu bi khổ não theo đó mà ra. Chúng sinh giống như vậy, sinh trưởng thành tụ lạc của khổ. Tuy nhiên thuyết pháp như vậy, nêu minh bạch được đạo lý này, thì tất cả đều không, cuối cùng trở về huyền diệt, mà lìa khỏi cái ta và của ta, thì vô tri vô giác. Bản thân của mười hai nhân duyên, tức là vô tri vô giác. Không có kẻ làm, cũng không có kẻ thọ, giống như cỏ cây đá vách, hiểu được đạo lý này tất cả như hình bóng. Song, chúng sinh ở giữa, họ cũng không giác không ngộ, không biết vốn là không. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh sinh diệt ở trong mười hai nhân duyên, do ái dục ràng buộc, thọ khổ không thể thoát khỏi. Do đó, mà sinh khởi tâm đại bi trí huệ, lại nghĩ như vậy: tất cả chúng sinh, tôi phải cứu họ, đặt để họ ở nơi an vui khoái lạc không có khổ, cho nên sinh ra tâm đại từ mà phát ra trí huệ quang minh.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát tùy thuận đại từ đại bi như vậy, dùng tâm sâu nặng trụ Sơ địa, thì tất cả mọi vật không xén tiếc, cầu đại trí huệ của Phật, tu hạnh đại xả.

Phàm là những gì mình có, tất cả đều bố thí được. Như là : Tiền tài, lúa gạo, kho tàng, vàng bạc, ma ni, châu báu, lưu ly, trang sức, ngọc ngà, san hô, các thứ vật,

trân báu, chuỗi trang nghiêm thân, voi, ngựa, xe cộ, nô tì, nhân dân, thành ấp, tụ lạc, vườn rừng, lầu đài, thể thiết, con cái, quyến thuộc trong ngoài, cùng với những đồ chơi quý báu khác. Đầu mắt, tay chân, máu thịt, xương tuỷ, tất cả bộ phận thân thể, đều không tiếc, vì cầu trí huệ rộng lớn của chư Phật.

Đó gọi là thành tựu hạnh đại xả của Bồ Tát trụ nơi Sơ địa.

Bồ Tát Kim Cang Tạng vì biết Bồ Tát thường trụ ở trong định, do đó lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, Ngài luôn luôn tùy thuận tâm đại từ đại bi hành đạo. Vì đại bi cứu chúng sinh thoát khỏi biển khổ, đại từ ban cho chúng sinh an vui chân chánh. Dùng tâm thâm sâu không thể dò, tâm thận trọng nghiêm cẩn trụ nơi Sơ địa – Hoan Hỷ địa, đối với bất cứ vật chất quý trọng gì, cũng đều không có tâm tham luyến và xěn tiếc, đều có thể tùy duyên bố thí cho người khác. Ngài chỉ nghĩ cầu được đại trí huệ giống như đức Phật, cho nên Ngài tu hành pháp môn bố thí, bố thí lớn. Phạm là những gì Ngài có, thấy đều xả bỏ bố thí hết. Bất luận tiền tài, lúa gạo, kho tàng, vàng bạc, châu ma ni, châu báu, lưu ly, đồ trang sức, đá quý, san hô, các thứ báu vật. Hoặc là vật trang sức chuỗi ngọc trang nghiêm thân thể, khiến cho người hiển bày sự cao quý. Cùng với những vật dùng hằng ngày như : voi, ngựa, xe cộ quý giá, người

hầu thông minh lanh lẹ, và nhân dân, thành quách, nông thôn, tụ lạc thuộc về của mình. Vườn rừng, đình đài, lầu các chỗ ở, thậm chí vợ, thiếp, con trai, con gái, quyền thuộc trong ngoài của mình, cùng với hết thảy những đồ chơi quý giá khác, đều bố thí hết. Tức khiến cho có người đến xin nội tài của Ngài như : đầu, mắt, tay, chân, máu, thịt, xương cốt, phàm là những gì thuộc về thân, Ngài cũng đều không xen tiếc, tất cả đều xả bỏ được. Bồ Tát tu đại bố thí như vậy, chỉ vì cầu đại trí huệ rộng lớn của chư Phật, đó là thành tựu căn lành công đức hạnh đại xả của Bồ Tát lúc trụ nơi Sơ địa.

Phật tử ! Bồ Tát dùng tâm từ bi đó đại bố thí, vì muốn cứu hộ tất cả chúng sinh, cầu thêm các việc lợi ích thế gian và xuất thế gian, không nhằm mỗi, liền được thành tựu tâm không nhằm mỗi.

Được tâm không nhằm rồi, nơi tất cả Kinh luận, tâm không khiếm nhược, vì không khiếm nhược, nên liền được thành tựu nhất thiết trí Kinh luận.

Được trí đó rồi, khéo hay so lường việc nên làm, hay không nên làm. Nơi tất cả chúng sinh thượng trung hạ, tùy theo sự độ được, tùy sức lực, tùy theo tập quán của

họ, mà thực hành như vậy. Cho nên Bồ Tát được thành tựu thế trí.

Thành tựu thế trí rồi, biết thời, biết lượng, dùng sự hổ thẹn trang nghiêm, siêng tu đạo tự lợi lợi tha, do đó thành tựu sự hổ thẹn trang nghiêm. Ở trong hạnh đó, siêng tu hạnh thoát khỏi ba cõi, không còn thối chuyển, thành tựu sức kiên cố.

Được sức kiên cố rồi, siêng cúng dường chư Phật, đối với pháp Phật dạy, theo lời nói mà thực hành.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát hoan hỉ địa phát đại tâm nguyện, đại từ, đại bi, đại bố thí, là vì cứu độ tất cả chúng sinh, khiến cho được lìa khổ, ái hộ tất cả chúng sinh, khiến cho chúng sinh được an vui. Do đó, Ngài lại cầu thêm một bước nữa, làm thế nào tại thế gian lợi ích chúng sinh, lại làm thế nào lợi ích chúng sinh xuất thế gian. Luôn luôn tu hạnh Bồ Tát này, chưa từng sinh tâm nhầm mỗi, như vậy lâu dần sẽ thành tựu tâm rất tự nhiên chẳng có sự nhầm mỗi. Đắc được tâm không nhầm mỗi rồi, thì gieo xuống sức tinh tấn không giải đãi, đối với tất cả Kinh điển luận thuyết đại thừa, càng không có tâm sợ hãi khiếp nhược làm chướng ngại, cũng chẳng sợ Phật pháp như biển cả, không dám đi nhiếp thọ. Phạm là Kinh điển của Phật nói, một khi thấy thì mắt sẽ tỏ rõ, chiếu thấu thật tướng các pháp, vào sâu tạng

Kinh, trí huệ như biển, thành tựu trí huệ nghiên cứu tất cả Kinh luận.

Bồ Tát đắc được trí huệ vào sâu tạng Kinh, trí huệ như biển rồi, đối với tất cả sự lý, kế hoạch đều rất tỉ mỉ, nghĩ việc gì đáng làm, việc gì không đáng làm, đều phân biệt nhận thức được rõ ràng. Gặp chúng sinh thượng căn thượng trí, chúng sinh trung căn trung trí, hạ căn ngu si, Ngài đều tùy theo sức của mình, hiểu rõ ưa thích chán ghét tập tánh của chúng sinh, nên dùng phương pháp và thân phận gì mới có thể độ được họ, đều tùy thuận giáo hoá chúng sinh. Vì Bồ Tát đã thành tựu trí huệ thế gian pháp. Bồ Tát thành tựu trí huệ thế gian rồi, có lực quyết định “biết thời biết lượng”, biết rõ cơ duyên của tất cả chúng sinh đã thành thực chưa, những chúng sinh đó đáng được độ trước, nên dùng pháp gì, những chúng sinh cơ duyên chưa thành thực, thì chưa nên độ. Tùy thời Ngài đều cảnh sách chính mình, phát tâm hổ thẹn, dùng “sự hổ thẹn” để “trang nghiêm” chính mình, tu phước tu huệ, tích tụ phước đức. Tinh tấn siêng tu tất cả đạo lý thánh giáo lợi mình và lợi người. Do đó mà thành tựu hạnh tầm quý, tự trang nghiêm công đức. Trong sự tu hành hạnh môn đó, tinh tấn tu tập pháp môn thoát khỏi ba cõi, thì sẽ không thôi chuyển nơi Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, thành tựu sự tu hành kiên cố thắng tấn không thôi lùi. Đắc được “sức kiên cố” đó rồi, thì ân cần cúng dường tất cả chư Phật, đối với tất cả giáo pháp của Phật nói, Ngài đều theo lời nói mà tu hành.

**Phật tử ! Bồ Tát thành tựu mười pháp
tĩnh các địa như vậy. Đó là : Tin bi từ xả**

không có nhàm mỗi. Biết các Kinh luận, khéo hiểu pháp thế gian. Sức hỗ thẹn kiên cố, cúng dường chư Phật, y giáo phụng hành.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hoan Hỷ địa này rồi, nhờ đại nguyện lực thấy được nhiều đức Phật. Đó là: Thấy nhiều trăm vị Phật, nhiều ngàn vị Phật, nhiều trăm ngàn vị Phật, nhiều ức vị Phật, nhiều trăm ức vị Phật, nhiều ngàn ức vị Phật, nhiều trăm ngàn ức vị Phật, nhiều ức Na do tha vị Phật, nhiều trăm ức Na do tha vị Phật, nhiều ngàn ức Na do tha vị Phật, nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật.

Đều dùng tâm lớn thâm sâu, cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường. Y phục, thức ăn uống, toạ cụ, thuốc men, tất cả vật tư sanh, đều đem dâng cúng. Cũng đem cúng dường đến tất cả chúng Tăng, đem căn lành này, thấy đều hồi hướng vô thượng bồ đề.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Tất cả những điều đã nói ở trên, Bồ Tát tu hành thành tựu mười pháp “tịnh trị các địa”. Đó là : phải “tin” tất

cả đạo lý mà đức Phật đã nói, cứu độ chúng sinh trong khổ nạn, ban cho niềm an vui chân chánh mà thực hành đại bố thí, như đây tu hành, mà không sinh “nhàm mỏi”. Vào sâu tạng Kinh, thấu hiểu tam tạng mười hai bộ. Đối với pháp thế gian, cũng rất thông đạt mà khéo vận dụng phương tiện. Có sức “hỗ thẹn kiên cố”, cúng dường tất cả chư Phật, y theo lời Phật nói, thiết thật tu hành.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu chứng được Sơ địa – Hoan Hỷ địa, vì Ngài có đủ thứ đại nguyện lực, cho nên Ngài có thể thấy được rất nhiều vị Phật, nhiều đến không cách chi tính đếm được, đó là “thấy nhiều trăm vị Phật, nhiều ngàn vị Phật, nhiều trăm ngàn vị Phật, nhiều ức vị Phật, nhiều trăm ức vị Phật, nhiều ngàn ức vị Phật, nhiều trăm ngàn ức vị Phật, nhiều ức Na do tha vị Phật, nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật, nhiều ngàn ức Na do tha vị Phật, nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật”. Tóm lại, dù có tính toán cũng không biết được. Bồ Tát Sơ địa đã có tùy tâm tự tại như vậy, tùy thời có thể thấy được cảnh giới của Phật. Các Ngài tùy thời đều dùng tâm nguyện lớn nhất, tâm tin thâm sâu nhất, cung kính cẩn thận thừa sự ở trước các đức Phật, cúng dường: Y phục, thức ăn uống, toạ cụ, thuốc men, và tất cả vật tư sanh, cũng đều đem bố thí, và cúng dường đến các vị hiền Thánh Tăng. Đem căn lành công đức đó, hồi hướng diệu giác Phật đạo vô thượng.

Phật tử ! Bồ Tát đó do cúng dường chư Phật, mà được thành tựu pháp chúng sinh. Dùng hai nhiếp trước bố thí và ái ngữ, để nhiếp lấy chúng sinh. Hai pháp

nhiếp sau, chỉ dùng sức tin hiểu mà thực hành, chứ chưa thông đạt.

Bồ Tát này ở trong mười Ba la mật, thì Đàn Ba la mật được tăng thượng, còn các Ba la mật khác, cũng tu hành nhưng tùy sức tùy phần. Bồ Tát này tùy theo sự siêng tu, cúng dường các đức Phật, giáo hoá chúng sinh, đều tu hành pháp thanh tịnh địa. Hết thấy căn lành, đem đem hồi hướng về bậc nhất thiết trí, dần dần sáng tịnh, điều nhu thành tựu, tùy ý kham dùng.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này chứng được Hoan Hỷ địa, vì rộng tu cúng dường chư Phật, nên đắc được công đức, thành tựu bốn pháp nhiếp rộng độ chúng sinh. Hai phương pháp ở trước nhiếp lấy chúng sinh, tức là “bố thí, ái ngữ”. Bồ Tát rộng tu bố thí, bố thí tất cả nội tài ngoại bảo. Ái ngữ, tức là dùng tâm từ bi ái hộ chúng sinh, đối với họ nói những lời họ thích nghe. Chẳng có tâm thích ghét, khéo dùng phương pháp khéo léo, phát tâm Bồ đề bình đẳng rộng độ chúng sinh. Còn hai phương pháp kia, tức là “lợi hành, đồng sự”, “lợi hành” là dùng thiện hạnh có lợi cho chúng sinh, như thân, miệng, ý, biểu hiện phương diện hành vi có lợi cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh nhờ đó mà sinh tâm gần gũi, mà thọ sự giáo hoá. “Đồng sự” tức là Bồ Tát dùng pháp nhãn quán sát căn tánh chúng sinh, tùy theo sự cần

thiết mà thị hiện thân hình, khiến cho chúng sinh thọ được đồng hoá mà độ thoát. Bồ Tát dùng sức tin hiểu của Ngài mà hành, còn có chỗ tu hành chưa hoàn toàn thông đạt. Trong mười pháp môn Ba la mật, Bồ Tát Sơ địa tu bố thí Ba la mật tăng thượng nhất (mười Ba la mật : bố thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiền định, trí huệ, phương tiện, nguyện, lực, trí), còn chín Ba la mật kia, cũng tu hành, nhưng chỉ tùy sức của mình và nhân duyên mà hành. “Bồ Tát này” là chỉ vị Bồ Tát Sơ địa, Ngài một phương diện tu hành, đồng thời cũng ân cần cúng dường chư Phật, và giáo hoá chúng sinh, Ngài đều y cứ theo sự tu pháp môn thanh tịnh Thập địa. Căn lành công đức tích tụ, hoàn toàn hồi hướng về quả vị nhất thiết trí huệ. Dần dần sáng tịnh ngày càng tu hành tiến bộ từng bước từng bước. Thân tâm tự tại, trong ngoài điều nhu, tùy tâm ý của mình mà vận dụng Phật pháp, giáo hoá chúng sinh.

Phật tử ! Ví như thợ vàng, khéo léo luyện vàng, từ từ cho vào lửa, dần dần sáng tịnh, điều nhu thành tợ, tùy ý xử dụng.

Bồ Tát cũng lại như vậy. Cúng dường chư Phật, giáo hoá chúng sinh, đều vì tu hành pháp thanh tịnh địa. Hết thấy căn lành đều hồi hướng về bậc nhất thiết trí. Dần dần sáng tịnh, điều nhu thành tợ, tùy ý kham dùng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ nơi Sơ địa, phải từ ở chỗ chư Phật Bồ Tát thiện tri thức, tìm cầu thừa hỏi ở tướng và đặc quả trong địa này, không có nhàm mỏi.

Vì muốn thành tựu pháp địa này, nên cũng phải từ ở chỗ chư Phật Bồ Tát thiện tri thức, tìm cầu thừa hỏi tướng và đặc quả trong địa thứ hai, không có nhàm mỏi.

Vì muốn thành tựu pháp địa này, nên cũng phải tìm cầu thừa hỏi tướng và đặc quả trong địa thứ ba, thứ tư, thứ năm, thứ sáu, thứ bảy, thứ tám, thứ chín, thứ mười, như vậy, không có nhàm mỏi.

Vì muốn thành tựu pháp địa này, nên Bồ Tát này khéo biết các địa chướng đối trị, khéo biết địa thành hoại, khéo biết địa tướng quả, khéo biết địa được tu, khéo biết địa pháp thanh tịnh, khéo biết địa địa chuyển hành, khéo biết địa địa xứ phi xứ, khéo biết địa địa thù thắng trí, khéo biết địa địa không thôi chuyển, khéo biết tịnh trị tất cả Bồ Tát địa, cho đến chuyển nhập Như Lai địa.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bây giờ tôi đưa ra một ví dụ : giống như người thợ làm vàng, họ dùng đủ thứ phương pháp, cứ lần lượt đưa vàng vào trong lò lửa, mỗi lần thiêu đốt thì vàng càng sáng hơn một chút, càng đốt thì càng sáng, khử đi hết sạch những thứ tạp vật, thì mềm mại, không thể nào đứt gãy. Lúc đó, thì “tùy ý xử dụng”, tùy theo ý của mình muốn làm gì cũng được, trang nghiêm Phật sự và trang sức tất cả mọi thứ. Bồ Tát cũng giống như vậy, Ngài tu trì tất cả pháp môn các địa, trước hết tu hạnh cúng dường chư Phật, và dùng từ bi, hỉ xả, nhẫn nhục, tinh tấn .v.v... các Ba la mật để giáo hoá chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đều có thể tu hành pháp môn Thập địa thanh tịnh này. Tất cả căn lành tu hành, thầy đều đem hồi hướng về quả địa nhất thiết trí huệ. Công phu tu hành pháp môn Thập địa, càng ngày càng tiến bộ, càng ngày càng sáng tịnh. Lúc đó, Bồ Tát chẳng còn chút phiền não nào cả, lúc nào cũng từ bi hỉ xả, cũng nhẫn nhục được, thành tựu pháp môn điều nhu nhẫn nhục, tùy ý của mình, muốn dùng pháp môn nào cũng được.

Các vị đệ tử của Phật ! Tu Bồ Tát hạnh, đại Bồ Tát tích tụ đủ thứ căn lành, trong thời kỳ chứng được Hoan Hỷ địa, thì phải nương theo chư Phật, Bồ Tát và thiện tri thức, không ngừng nghiên cứu, tư duy, Sơ địa mà Ngài hiện tại đang tu tập, có những tướng trạng gì, và tương lai sẽ đắc được quả vị gì! Có sự liên quan đến việc tu hành pháp môn địa này, như có sự nghi nan, tùy thời thưa hỏi chư Phật, đại Bồ Tát, và thiện tri thức. Ngày ngày như vậy, tinh cần không giải đãi, cũng chẳng có tâm nhàm mỏi và tự mãn. Vì muốn thành tựu pháp môn địa thứ hai, cũng phải nương

theo chư Phật, đại Bồ Tát, và thiện tri thức, nghiên cứu tìm cầu tướng trạng trong pháp môn địa thứ hai mà tu hành phải đi qua, và tương lai sẽ đắc được quả vị gì, vì cầu được giải đáp những nghi nan này, chưa từng sinh tâm nhằm mỗi tự mãn. Vì muốn thành tựu pháp môn Thập địa, càng phải thâm nhập nghiên cứu, hướng về chư Phật, đại Bồ Tát, và thiện tri thức thưa hỏi tướng trạng và sự tu hành phải đi qua, và quả vị các địa tu đắc được như thế nào về địa thứ ba, địa thứ tư, địa thứ năm, địa thứ sáu, địa thứ bảy, địa thứ tám, địa thứ chín, và địa thứ mười. Như vậy luôn luôn tinh cần tìm cầu, chưa từng nhằm mỗi và tự mãn, đó đều là vì muốn thành tựu pháp môn Thập địa. Vị Bồ Tát này, Ngài khéo hiểu biết sự tu hành pháp môn Sơ địa, có những chướng ngại gì, dùng phương pháp gì để đối trị; biết làm thế nào tu hành thành tựu pháp Thập địa, và nguyên nhân tại sao không thể tu chứng thành công; cũng minh bạch tất cả tướng trạng tu hành pháp môn Thập địa phải đi qua, và tương lai có thể chứng được quả vị; cũng biết phải tu hành như thế nào, mới có thể tiến vào địa thứ hai. Cũng biết pháp môn Thập địa là vô thượng thanh tịnh; cũng thể hội được nương vào thứ tự từng địa, từng địa, tuần tự dần dần tu hành, từ sơ địa tiến vào pháp môn Thập địa. Cũng nhận thức được phương pháp tu hành của mỗi địa, làm thế nào mới là chánh quyết và dùng phương pháp gì có thể tránh được sự sai lầm. Cũng biết được trí huệ và hạnh môn đặc biệt của mỗi địa; cũng chú ý đến mỗi địa đều có bí quyết phòng tránh để người tu hành không sinh tâm thoái chuyển, cũng khéo biết dùng trí huệ để đối trị các chướng ngại phát sinh trong lúc tu, để đắc được sự thanh tịnh, cho đến lần

lược đi qua, chuyển vào Như Lai địa mà thành tựu quả vị Phật.

Phật tử ! Bồ Tát khéo biết tướng địa như vậy, ban đầu nơi Sơ địa, khởi tu hành không ngừng, như vậy cho đến vào Địa thứ mười, không có đoạn tuyệt. Nhờ đó các địa trí huệ quang minh, nên thành tựu trí huệ quang minh của Như Lai.

Phật tử ! Ví như chủ buôn, khéo biết phương tiện, muốn đem các người đi buôn, đi đến thành lớn, trước khi khởi hành, thì trước hết hỏi lỗi lầm công đức giữa đường, và chỗ trụ xứ có an nguy không, sau đó chuẩn bị đầy đủ tư lương, làm việc đáng làm.

Phật tử ! Đại chủ buôn đó, tuy chưa khởi hành, mà biết được hết thấy tất cả việc an nguy giữa đường. Khéo dùng trí huệ suy lường quán sát, chuẩn bị chu đáo, khiến cho không thiếu thốn, đem các thương gia đến thành lớn kia một cách an ổn, mình và mọi người đều không sầu lo hoạn nạn.

Phật tử ! Bồ Tát chủ buôn cũng lại như vậy, trụ nơi Sơ địa, khéo biết chướng các địa để đối trị, cho đến khéo biết tất cả địa thanh tịnh của Bồ Tát, chuyển vào Như Lai địa. Sau đó mới đủ phước trí tư lương, đem tất cả chúng sinh, đi qua nơi sinh tử hoang dã nguy hiểm, đến thành Tát Bà Nhạ an ổn, mình và chúng sinh không bị hoạn nạn. Cho nên Bồ Tát thường không giải đãi, siêng tu tịnh nghiệp thù thắng của các địa, cho đến nhập vào trí địa của Như Lai.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu hành như vậy, Ngài biết được mỗi địa có cảnh giới và tướng trạng khác nhau. Bắt đầu từ Sơ địa, phát tâm siêng tu pháp môn Thập địa, chưa từng gián đoạn. Như vậy liên tục tu hành không ngừng, thẳng đến tiến vào địa thứ mười, chưa từng ngừng nghỉ. Do đó, các địa đều tu chứng được trí huệ quang minh, nhờ đó mà thành tựu trí huệ quang minh giống như đức Phật không khác.

Các vị đệ tử của Phật ! Bây giờ tôi đưa ra một ví dụ để nói : Có một vị đại chủ buôn rất thông minh, cũng rất khéo léo vận dụng phương pháp phương tiện, ông ta mang theo rất nhiều người buôn, đi đến một thành lớn để buôn bán. Trước khi khởi hành, ông ta tìm hiểu biết được rõ ràng lộ trình sẽ đi qua, nơi nào bình an, và chỗ nào nguy hiểm,

chỗ nào nên nghỉ ngơi, chỗ nào không nên ở lại. Ông ta thấu suốt tình hình an nguy như vậy rồi, mới kêu mọi người chuẩn bị tiền tài vật chất và dự bị tất cả những gì cần dự bị.

Các vị đệ tử của Phật ! Như vậy vị đại chủ buôn tuy nhiên chưa từng đi qua lộ trình đó, nhưng ông ta biết rõ hết những sự việc an nguy trên con đường đó, cho nên ông ta vận dụng trí huệ quan sát các phương, chuẩn bị chu toàn, để tránh xảy ra trở ngại thiếu sót phát sinh ở giữa đường, mới thuận lợi đưa những người buôn đó đến thành lớn. Như vậy, chính mình và mọi người đều tránh khỏi sự lo lắng và hoạn nạn.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát cũng giống như người đại chủ buôn, khi trụ nơi Sơ địa, thì Ngài biết mỗi địa phải đầy đủ tin hiểu như vậy, nên dùng phương pháp gì để tu trì, tiến vào mà biết tất cả các địa của Bồ Tát, tu hành hạnh thanh tịnh như thế nào, mới có thể chuyển nhập vào quả vị của Phật. Sau đó, Ngài rộng tu các Ba la mật, tích tụ tư lương phước đức trí huệ, giáo hoá chúng sinh, độ chúng sinh thoát khỏi khoáng dã sinh tử luân hồi, lìa khỏi nơi nguy hiểm thông khổ, đạt đến thành bằng phẳng trí huệ an ổn. Chính bản thân mình và chúng sinh mọi người đều chẳng có sự khổ nạn. Cho nên Bồ Tát luôn luôn không giải đãi, tinh tấn siêng tu pháp môn thanh tịnh thù thắng của mỗi địa, và siêng tích tập các thứ đạo nghiệp, thẳng đến tiến vào quả vị trí huệ của Phật.

Phật tử ! Đó là lược nói về đại Bồ Tát, vào môn Bồ Tát Sơ địa, nói rộng thì có vô

lượng vô biên trăm ngàn A tăng kỳ sự việc khác biệt.

Các vị đệ tử của Phật ! Đó là sơ lược nói về đại Bồ Tát, chứng nhập tất cả thật tại tình cảnh trong pháp môn Bồ Tát Sơ địa, nếu như muốn nói tỉ mỉ, thì vô lượng vô biên sự tướng khác nhau, không cách chi nói hết được.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ Sơ địa này, phần nhiều làm vua cõi Diêm Phù Đề, hào quý tự tại, thường hộ trì chánh pháp. Hay dùng đại bố thí nhiếp lấy chúng sinh, khéo trừ san tham cấu bần của chúng sinh. Thường thực hành đại bố thí không cùng tận. Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự.

Như vậy tất cả các nghiệp làm ra, đều không là niệm Phật, không là niệm Pháp, không là niệm Tăng, không là niệm Bồ Tát đồng hạnh, không là niệm Bồ Tát hạnh, không là niệm các Ba la mật, không là niệm các địa, không là niệm lực, không là niệm vô úy, không là niệm Phật pháp bất cộng, cho đến không là niệm đầy đủ tất cả loại trí huệ nhất thiết chủng trí.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát chúng được quá vị sơ địa, khi trụ tại sơ địa, thì đa số hay làm vua cõi Diêm Phù Đề (tức là Chuyển Luân Vương). Hoặc là người đại phú quý, đời sống rất như ý tự tại, thường luôn luôn hộ trì chánh pháp. "Hay dùng đại bố thí", thường thực hành pháp môn đại bố thí, đề nhiếp lấy chúng sinh, cũng biết dùng phương pháp giáo hoá chúng sinh, trừ khử đi ma bệnh keo kiệt và tham vọng của chúng sinh. Ngài thường rộng tu đại bố thí không cùng tận. "Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự", bố thí tài vật, ái ngữ giáo hoá chúng sinh, trợ giúp chúng sinh, thân tự gần gũi chúng sinh (dùng bốn pháp nhiếp khiến cho họ thọ đồng hoá), làm tất cả nghiệp thiện lợi kẻ khác giống như vậy, đều chưa từng xả bỏ tâm niệm Phật, Pháp, Tăng Tam Bảo. Cũng chưa từng lìa niệm Bồ Tát cùng tu hành, cũng chưa từng lìa niệm tu Bồ Tát hạnh. Cũng chưa từng lìa niệm mười Ba la mật, cũng chưa từng lìa niệm pháp môn và tướng trạng mỗi địa trong Thập địa. Cũng chưa từng lìa niệm tất cả nguyện lực. Cũng chưa từng lìa niệm bốn vô sở úy của Phật. Cũng chưa từng lìa niệm mười tám pháp bất cộng của Phật. Cho đến chưa từng lìa niệm tất cả loại, đại trí huệ nhất thiết chủng trí của Phật.

Lại nghĩ như vậy : Tôi sẽ ở trong tất cả chúng sinh, làm thượng thủ, làm thắng, làm thù thắng, làm diệu, làm vi diệu, làm thượng, làm vô thượng, làm đạo sư, làm tướng, làm soái, cho đến làm người y chỉ nhất thiết trí. Nếu Bồ Tát này muốn bỏ nhà, ở trong Phật pháp, siêng tu hành tinh

tấn, thì liền bỏ nhà vợ con năm dục, nương vào lời dạy của Như Lai, xuất gia học đạo.

Trụ tại Thập địa -- Bồ Tát hoan hỷ địa, lại quán tưởng như vậy : "Thượng thủ", tôi phải ở trong chúng sinh làm người lãnh đạo họ. "Làm thắng", tôi phải có trí huệ hơn người. "Làm thù thắng" có tài năng đặc biệt hơn người. "Làm diệu", có biện tài vô ngại. "Làm vi diệu" phải khéo dùng lời lẽ vi diệu, khiến cho chúng sinh lìa tất cả thống khổ mà được tự tại. "Làm thượng" phải tu tập phước đức toàn mỹ. "Làm vô thượng" chẳng có ai toàn mỹ hơn tôi. "Làm đạo sư" tôi phải vì chúng sinh phân biệt pháp nghĩa. "Làm tướng" khiến cho chúng sinh đắc được chứng nghĩa, diệt trừ tất cả phiền não. "Làm soái" khiến cho chúng sinh tiến vào chánh tri chánh kiến trong trung đạo, làm cho hết thảy chúng sinh dùng tôi làm người y chỉ trí huệ cho họ. Khi vị Bồ Tát này nghĩ muốn xuất gia, trong thời kỳ học tập Phật pháp, đặc biệt dừng mãnh tinh tấn, xả bỏ gia nghiệp thế tục : Vợ, con, và tài, sắc, danh, ăn, ngủ năm dục. Nương vào lời dạy của Phật, xuất gia học đạo là thoát khỏi nhà phiền não, nhà ba cõi (cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc) phải thoát khỏi nhà ba cõi này, mới gọi là chân chánh xuất gia, mới có thể tu đạo.

Khi xuất gia rồi, siêng tu hành tinh tấn. Trong khoảng một niệm, đắc được trăm tam muội, thấy được trăm vị Phật, biết được thần lực của trăm vị Phật. Chấn động được trăm thế giới của Phật, có thể

qua đến trăm thế giới của Phật, chiếu đến được trăm thế giới của Phật, giáo hoá được trăm thế giới chúng sinh, có thể sống lâu đến trăm kiếp, biết được sự việc trước sau trăm kiếp, vào được trăm pháp môn, thị hiện được trăm thân.

Mỗi mỗi thân, thị hiện được trăm vị Bồ Tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực thù thắng của Bồ Tát, tự tại thị hiện, thì vượt qua số này. Trăm kiếp, ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp, không thể tính đếm biết được.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn thuật lại nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng.

Bồ Tát phát tâm bồ đề, xả bỏ nhà sinh tử phiền não thế tục mà xuất gia, đó là vì cầu vô thượng chánh đạo, lúc đó Ngài siêng cần không giải đãi, dũng mãnh tinh tấn tu hành. Ở trong khoảng một niệm, thì có thể đắc được trăm ngàn tam muội, tức là trăm ngàn thứ trí huệ chánh định chánh thọ. Đắc được nhiều tam muội như vậy, cũng thấy được trăm ngàn vị Phật trong mười phương thế giới. Thấy được Phật rồi, cũng biết được sức thần thông của những vị Phật đó, có thể dùng thần thông khiến cho thế giới của Phật trong mười phương sáu thứ chấn động. Sức thần thông của

Ngài có thể vượt qua trăm thế giới của Phật trong mười phương, quang minh của Ngài cũng chiếu sáng trăm thế giới của Phật. Cũng ở trong một niệm, giáo hoá nhiều chúng sinh trong trăm thế giới của Phật. Thọ mạng của Ngài có thể sống lâu đến một trăm kiếp, biết được tất cả sự việc trước sau hàng trăm kiếp. Vào sâu được hết thảy trăm pháp môn. Thị hiện được rất nhiều hoá thân, mà mỗi hoá thân, lại có thể hiện hoá ra trăm Bồ Tát, để làm quyến thuộc cho Ngài. Nếu như dùng công đức và nguyện lực đặc biệt của Bồ Tát, thì Ngài càng thị hiện biến hoá tự tại, vượt qua trăm kiếp, thậm chí ngàn kiếp, trăm ngàn kiếp, trăm ngàn ức Na do tha kiếp, không thể dùng sự tính toán mà biết được.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn thuật lại nghĩa lý ở trên vừa nói, bèn dùng kệ để nói.

**Nếu người tu các thiện
Đầy đủ pháp trắng tịnh
Cúng dường đấng Trời Người
Tuỳ thuận đạo từ bi.**

Bồ Tát tu tập hạnh môn, và tích tập đủ thứ căn lành. Vì căn lành công đức đầy đủ rồi, thì trừ khử sạch tất cả mọi nhiễm ô, tức là pháp thanh tịnh không có sự nhiễm ô. Ngài cúng dường vô lượng số các vị Phật, lại thường dùng từ bi hỉ xả bốn tâm vô lượng để giáo hoá chúng sinh.

**Tin hiểu rất rộng lớn
Chí thích cũng thanh tịnh
Vì cầu trí huệ Phật**

Phát tâm vô thượng này.

Tâm tin và năng lực hiểu biết của Ngài, đều rộng lớn phi thường, chí nguyện và sự ưa thích làm, cũng đều thanh tịnh. Vì câu được trí huệ giống như Phật, mà phát đủ thứ đạo tâm bồ đề vô thượng.

Tịnh sức nhất thiết trí Cùng với vô sở úy Thành tựu các Phật pháp Cầu nhiếp chúng quần sinh.

Thanh tịnh hết thảy sức trí huệ, và dùng tinh thần đại vô sở úy, thành tựu đủ thứ pháp môn của chư Phật nói, cứu độ nhiếp thọ những chúng sinh khổ nạn.

Vì được đại từ bi Và chuyển bánh xe pháp Nghiêm tịnh cõi nước Phật Phát tâm tối thắng này.

Vì đắc được tâm đại từ bi, và chuyển tất cả bánh xe pháp thù thắng (tức là rộng diễn nói đại thừa chánh pháp đối với chúng sinh) dùng tâm đại từ bi cứu nhiếp chúng sinh, và diễn nói công đức Phật pháp đại thừa, để trang nghiêm thanh tịnh cõi nước của Phật. Vì mục đích này mà Bồ Tát phát tâm bồ đề tối thù thắng.

Một niệm biết ba đời Mà không có phân biệt

**Đủ thứ thời khác nhau
Thị hiện nơi thế gian.**

Một niệm biết được quá khứ, vị lai, hiện tại ba đời, mà không có sự phân biệt, đây là dùng trí huệ để biết, chẳng phải dùng thức để phân biệt. Vì thời gian ba đời khác nhau, cho nên thị hiện nơi thế gian.

**Lược nói cầu chư Phật
Tất cả thắng công đức
Phát sinh tâm rộng lớn
Lượng đồng cõi hư không.**

Sơ lược nói chút ít về Thánh đạo vô thượng và công đức thù thắng của chư Phật, Bồ Tát phát tâm nguyện rộng lớn như vậy đồng với hư không.

**Bi trước huệ làm chủ
Phương tiện cùng tương ưng
Tin hiểu tâm thanh tịnh
Như Lai vô lượng lực.**

Dùng tâm đại từ bi làm hàng đầu, dùng trí huệ làm chủ thể. Hành tất cả phương pháp phương tiện thiện xảo, để tương ưng với Phật pháp. Dùng tâm tin hiểu thanh tịnh, đắc được vô lượng thần thông lực của Như Lai.

**Trí vô ngại hiện tiền
Tự ngộ không do người**

Đầy đủ đồng Như Lai Phát tâm tối thắng này.

Đắc được trí huệ vô ngại rồi, lại đắc được trăm ngàn vạn tam muội, đây chẳng phải do người khác ban cho, mà là do mình tu trì chứng ngộ. Đủ thứ trí huệ và thần lực thù thắng đó, đều giống như đức Phật, Bồ Tát phát tâm bồ đề thù thắng như vậy.

Phật tử sơ phát tâm Tâm diệu báu như vậy Liên vượt bậc phạm phu Vào chỗ hành của Phật.

Phật tử vừa mới phát tâm bồ đề, tâm báu kiên cố giống như kim cương, thì khác với phạm phu. Vượt khỏi địa vị phạm phu, tiến vào con đường thực hành của Phật.

Sinh vào nhà Như Lai Chủng tộc không tì vết Đều bình đẳng với Phật Quyết thành vô thượng giác.

Bồ Tát chúng được Hoan Hỷ địa, tức là đã sinh vào gia tộc của Phật, là chủng tộc cao quý, chẳng phải bần cùng hạ tiện. Chủng tộc này có thể nói chẳng có chút nhiễm ô cấu bần nào. Tất cả đều giống như đức Phật, tương lai nhất định sẽ thành Phật.

Vừa sinh tâm như vậy

**Liên được vào Sơ địa
Chí thích không thể động
Ví như núi chúa lớn.**

Bồ Tát mới vừa phát khởi tâm bồ đề và tâm từ bi, lập tức chứng nhập được Hoan Hỷ địa. Chí nguyện và sự thích làm của Ngài đều là hành Bồ Tát đạo, ai cũng không thể cản trở hoặc phá hoại Ngài được, giống như núi Tu Di chúa, nguy nga hùng vĩ không bị lay động.

**Nhiều vui nhiều ưa thích
Và cũng nhiều tịnh tín
Tâm dũng mãnh rất lớn
Cùng với tâm mừng rỡ.**

Bồ Tát chứng được Hoan Hỷ địa rồi, luôn luôn đều hoan hỷ, Ngài ái hộ chúng sinh, ưa thích gần gũi chúng sinh. Đồng thời cũng không giải đãi sự tu tập hạnh môn thanh tịnh, mà có tâm tin hiểu kiên cố đối với Phật pháp. Phát tâm tinh tấn dũng mãnh phi thường, lại sinh khởi tâm hoan hỷ mừng rỡ.

**Xa lìa sự đấu tranh
Nã hại và sân hận
Kính thẹn mà chất trực
Khéo giữ gìn các căn.**

Bồ Tát chứng được quả vị Hoan Hỷ địa rồi, thì tự nhiên chẳng còn tâm kiêu ngạo thích đấu tranh, mọi việc

cũng chẳng tranh luận với ai, cũng chẳng nã hại, và sân hận với người khác. Chỉ có tâm Bồ Tát thành khẩn hổ thẹn mà cung kính, chất phát, ngay thẳng. Ngài khéo giữ gìn sáu căn của mình, không để cho phóng dật.

**Cứu đời không ai bằng
Hết thấy các trí huệ
Nơi đây tôi sẽ được
Nghĩ nhớ sinh hoan hỉ.**

Bồ Tát đạo cứu độ khắp chúng sinh, ngoài trừ đức Phật ra, chẳng có ai bằng Ngài được. Hết thấy trí huệ của Phật, tôi đều phải chứng đắc được. Bồ Tát thường nghĩ nhớ đến Tam Bảo, và tất cả chúng sinh, nên sinh ra tâm đại hoan hỉ.

**Khi được vào Sơ địa
Vượt khỏi năm điều sợ
Không sống, chết, tiếng xấu
Đường ác, oai đức chúng.**

Khi Bồ Tát chúng nhập Hoan Hỉ địa, thì xa lìa khỏi năm điều sợ hãi:

1. Sợ không sống được nữa.
2. Sợ chết.
3. Sợ người khác phỉ báng.
4. Sợ đầu thai vào ba đường ác.
5. Sợ oai đức của đại chúng.

Dùng không tham chấp ta

**Cùng với những của ta
Cho nên các Phật tử
Xa lìa các sợ hãi.**

Những điều sợ hãi sinh ra, đều do tham chấp vào cái ta, nếu phá được cái ta, thì còn có gì để sợ ? Và còn có những gì của ta, tức là tâm tham ái, thấy những gì cũng đều là của ta. Buông bỏ được cái ta và của ta, thì sẽ minh bạch tất cả đều là không. Đệ tử Phật học Phật pháp, thì nên xả bỏ cái ta và của ta, thì tự nhiên sẽ xa lìa những điều sợ hãi này.

**Thường hành đại thương xót
Luôn có tin cung kính
Hỗ thẹn công đức đủ
Ngày đêm tăng pháp lành.**

Thường thường hành đại từ đại bi, thương xót chúng sinh. Luôn luôn có tâm tin thanh tịnh thành khẩn, cung kính Tam Bảo. Lúc nào cũng có tâm hổ thẹn tất cả, thì công đức sẽ đầy đủ, như vậy thì ngày đêm sẽ tăng trưởng pháp lành.

**Pháp vui lợi chân thật
Không ưa thọ các dục
Suy gẫm pháp nghe được
Xa lìa hạnh chấp lấy.**

Hoan hỉ Phật pháp là lợi ích chân thật, thì không hoan hỉ năm dục. Luôn luôn suy gẫm quán tưởng ý nghĩa chân thật của Phật pháp đã nghe được, thì sẽ xa lìa tất cả hành vi ái và chấp lấy.

**Không tham lam lợi dưỡng
Chỉ thích Phật bồ đề
Một lòng cầu trí Phật
Chuyên cần không nghĩ khác.**

Không tham đồ danh văn lợi dưỡng, chỉ hoan hỉ học tập Phật pháp, chứng được đại đại bồ đề vô thượng. Chỉ một lòng mong cầu được trí huệ giống như Phật, tinh cần chuyên nhất, không sinh hai lòng, không khởi niệm khác.

**Tu hành Ba la mật
Xa lìa nịnh hư dối
Như nói mà tu hành
An trụ trong lời thật.**

Mong cầu được trí huệ giống như Phật, thì phải tu tập mười Ba la mật. Càng phải xa lìa tâm nịnh bợ, tâm hư vọng, và tâm dối trá. Nhất định phải thiết thực y chiếu theo phương pháp của Phật nói mà tu hành, thì an nhiên trụ ở trong lời thật không nói dối.

**Không nhớ nhà chư Phật
Không bỏ giới bồ đề
Không thích việc thế gian**

Thường lợi ích thế gian.

Người học Phật pháp, phải thường như lý mà tu hành, hộ trì Tam Bảo, không làm việc ô uế nơi cửa Phật, không làm bại hoại gia phong của Như Lai, khiến cho chúng sinh một khi thấy được thì sinh tâm cung kính Tam Bảo, quy y cửa Phật. Lúc nào cũng phải giữ gìn giới Bồ Tát đã chế ra, mười giới trọng bốn mươi tám giới khinh. Không ưa thích việc ác năm dục của thế gian, phải thường làm việc lành có lợi thế gian, có ích cho chúng sinh.

Tu thiện không nhàm đủ Siêng cầu đạo tăng thắng Ưa pháp tốt như vậy Nghĩa công đức tương ưng.

Tu hành pháp lành không lúc nào ngừng, chẳng có sự nhàm chán đầy đủ. Như vậy ngày càng dũng mãnh tinh tấn, siêng tu thiện đạo thù thắng vô thượng. Ưa thích Phật pháp tốt như vậy, thì công đức nhất định sẽ tương ưng với Phật pháp.

Luôn khởi tâm nguyện lớn Nguyện thấy các đức Phật Hộ trì pháp chư Phật Nhiếp lấy đạo Đại Tiên.

Thời thường sinh khởi tâm chí nguyện lớn, hy vọng thường thường thấy được chư Phật mười phương ba đời.

Lại phải phát nguyện hộ trì pháp của chư Phật nói, nhiếp lấy Phật đạo của chư Phật (đạo Đại Tiên tức là đạo Phật).

**Thường sinh nguyện như vậy
Tu hành hạnh tối thắng
Thành thực các quần sinh
Nghiêm tịnh cõi nước Phật.**

Thời thường phát tâm nguyện như vậy, tu hành hạnh thù thắng nhất, khiến cho tất cả chúng sinh đều thành thực căn lành, tu hành đắc được sự thành tựu. Tương lai nhất định đều sẽ thành Phật, trang nghiêm hết thấy cõi nước chư Phật trong mười phương ba đời.

**Tất cả cõi chư Phật
Phật tử đều đầy đặn
Bình đẳng cùng một lòng
Chỗ làm không luống qua.**

Hết thấy thế giới và vô lượng vô biên cõi Phật, đệ tử của Phật đều đầy đặn trong đó (Phật tử là chỉ Bồ Tát). Những Bồ Tát đó đều một lòng một dạ cứu độ chúng sinh, những gì họ tu hành đều không luống uổng, nhất định sẽ thành tựu và được công đức như nguyện.

**Tất cả đều soi lòng
Một thời thành Chánh Giác
Các nguyện lớn như vậy
Vô lượng không bờ mé.**

Cảnh giới của Bồ Tát viên dung không chướng ngại, phát nguyện tu hành nơi tất cả đầu sợi lông, độ sinh, làm đại Phật sự, mọi người có thể cùng một thời thành Phật quả, chuyển bánh xe pháp. Cảnh giới nguyện lớn không thể nghĩ bàn như vậy, vô lượng vô biên không thể độ lượng được.

**Hư không và chúng sinh
Pháp giới với Niết Bàn
Thế gian Phật ra đời
Tâm trí Phật cảnh giới.**

Hư không và chúng sinh đều không thể cùng tận, pháp giới và Niết Bàn cũng không thể cùng tận như nhau, trên thế giới có Phật ra đời cũng không thể dự biết được, cảnh giới trí huệ và tâm của Phật là không thể nghĩ bàn.

**Chỗ trí Như Lai vào
Cùng với ba chuyển tận
Nếu cả ba đó tận
Nguyện của tôi mới tận.**

Trí huệ của Phật đắc được và cõi hư không tận, cõi chúng sinh tận, cõi phiền não tận, nếu những điều này đều cùng tận, thì nguyện của tôi mới cùng tận.

**Như đó không cùng tận
Tôi nguyện cũng như thế
Phát nguyện lớn như vậy**

Tâm nhu nhuyễn điều thuận.

Giống như ở trước nói : cõi hư không, cõi phiến não, pháp giới đều không cùng tận, cho nên tâm nguyện của tôi cũng không có lúc nào cùng tận. Phát nguyện lớn không thể nghĩ bàn này rồi, rộng lớn vô biên, nguyện lớn không thể hạn lượng, thì tâm tự nhiên nhu hoà, tự tại, an tường.

Hay tin công đức Phật Quán sát nơi chúng sinh Biết do nhân duyên sinh Liên khởi tâm từ bi.

Chúng ta người học Phật, trước hết phải nhận thức rõ ràng tông chỉ học Phật, phản tỉnh một phen rằng có thật chân chánh tin Phật hay không, có tin Phật có vô lượng công đức chăng? Đức Phật chắc chắn có vô lượng công đức, vì đức Phật trong đời quá khứ rộng tu đại bố thí -- Nội tài : Đầu, mắt, tuỷ, não, xương máu; ngoại tài : Đất nước vợ con, tất cả khó xả mà xả bỏ được. Chúng ta tin Phật có vô lượng công đức, thì phải thường theo Phật học, cũng phải làm đủ thứ đại bố thí, cho nên phải quán sát tất cả chúng sinh. Chúng sinh là nhân duyên hoà hợp mà sinh, trong vô lượng kiếp quá khứ, có quan hệ thân thuộc với chúng ta, hoặc đã từng làm cha con, mẹ con, anh em, chị em, vợ chồng, bạn bè .v.v... đó đây có lưới nghiệp giao thức, luân chuyển trong luân hồi. Minh bạch sự quan hệ này rồi, thì nên sinh khởi tâm từ bi, cứu hộ họ, khiến cho chúng sinh đều lìa khổ được vui.

**Chúng sinh khổ như vậy
Nay tôi phải cứu thoát
Vì các chúng sinh đó
Mà hành các bố thí.**

Chúng sinh thông khổ như vậy, vĩnh viễn luân hồi trong sáu nẻo, sống rồi chết không thể thoát ra khỏi. Hiện tại Bồ Tát đã minh bạch đạo lý này, nên phải cứu độ chúng sinh ra khỏi biển khổ. Vì cứu những chúng sinh thọ khổ này, mà rộng tu đủ thứ sự bố thí.

**Ngôi vua và châu báu
Cho đến xe voi ngựa
Đầu mắt và chân tay
Cho đến thân máu thịt.**

Ngôi vua và bảy báu của tôi, đủ thứ châu báu quý giá, cùng với voi trắng lớn tốt đẹp, ngựa đi ngàn dặm, xe báu, các thứ ngoài thân. Hoặc cái đầu tôn quý, mắt, tay, chân, máu, trong thân thể, thịt ở bề ngoài, đủ thứ nội tài khó xả bỏ, chẳng có chút gì mà không bố thí được.

**Tất cả đều xả được
Tâm không buồn hối tiếc
Cầu đủ thứ kinh thư
Tâm Ngài không nhàm mỏi.**

Tất cả nội tài và ngoại tài, tôi cũng đều bố thí được. Bố thí rồi, trong tâm không có chút hối tiếc nào mà xả bỏ

không được. Các vị học Phật ! Chúng ta là người học Phật, phải học tất cả hạnh của Phật. Tin Phật, thì phải tin pháp của Phật nói – lý, y giáo phụng hành. Học tinh thần của Phật khó xả bỏ mà xả bỏ được, rộng tu bố thí. Bồ Tát tụng niệm đủ thứ Kinh điển, trì Chú, tu hành, tâm không thấy khác, nghĩ lệch lạc, hoặc nhầm chán mỗi một. Còn ý nghĩa tụng Kinh, trì Chú là khử vọng tồn chân, khiến cho sáu căn quy về thanh tịnh chuyên nhất, tâm lành sinh khởi.

**Khéo hiểu nghĩa thú đồ
Hay thuận theo thế gian
Hỗ thẹn tự trang nghiêm
Tu hành càng kiên cố.**

Tụng Kinh trì Chú là vì minh bạch tất cả đạo lý, khi tụng Kinh, có thể thu nhiếp tâm ý lại, tài bồi định lực. Kế tiếp dụng đến pháp thế gian lợi ích chúng sinh. Thường thường phải phản tỉnh hành vi lỗi lầm của mình, mà sinh tâm hổ thẹn. Dùng sự giác ngộ thanh tịnh, và tâm thành thật để cảnh sách vị lai, làm các điều lành, tích tụ công đức, trang nghiêm chính mình. Hay sinh tâm đại hổ thẹn, phát tâm đại bồ đề, tu hành đạo bồ đề vô thượng, tâm tin càng ngày càng tăng trưởng, càng kiên cố.

**Cúng dường vô lượng Phật
Cung kính mà tôn trọng
Thường tu tập như vậy
Ngày đêm không giải đãi.**

Tâm tin của Bồ Tát ngày càng kiên cố, rộng tu cúng dường mười phương chư Phật. Không những cúng dường, mà còn cung kính và tôn trọng chư Phật. Tu tập như vậy đời đời kiếp kiếp không gián đoạn, ngày đêm sáu thời cũng không giải đãi nhàm mỏi.

**Căn lành càng sáng tịnh
Như lửa luyện vàng thật
Bồ Tát trụ nơi đây
Tịnh tu nơi Thập địa.**

Bồ Tát tu hành không giải đãi như vậy, thì căn lành càng ngày càng sáng xua thanh tịnh. Giống như thợ vàng chuyên dùng lửa để luyện vàng, cứ luyện lần này rồi lần nữa, cho đến lúc không còn chút tạp chất nào tồn tại nữa, thì cuối cùng biến thành thuần vàng. Khi Bồ Tát trụ tại Sơ địa, thì công phu tu hành cũng không ngừng nghỉ, tu tập pháp môn Thập địa thanh tịnh vô vi. Biết rõ cảnh giới Thập địa rồi, thì cuối cùng mới đắc được quả vị Thập địa.

**Chỗ làm không chướng ngại
Đầy đủ không đoạn tuyệt
Ví như đại chủ buôn
Vì lợi các nhà buôn.
Hỏi biết đường hiểm dễ
An ổn đến thành lớn.**

Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, tu tất cả việc lành, diệt tất cả điều ác, cho nên xử sự tiếp vật chẳng có gì chướng ngại.

Đã đầy đủ trí huệ quang minh, thì hạt giống Phật vĩnh viễn không đoạn tuyệt. Ví như người đại chủ buôn, vì lợi ích nhiều người đi buôn, cùng đi với mọi người đến chỗ xa làm ăn buôn bán, ông ta phải biết rõ tình hình an nguy trên đường đi, để chuẩn bị chu toàn, thì mọi người mới an ổn đến được chỗ muốn đến.

**Bồ Tát trụ Sơ địa
Nên biết cũng như vậy.
Dũng mãnh không chướng ngại
Đến nơi Địa thứ mười
Trụ trong Sơ địa này
Làm chủ đại công đức.**

Khi Bồ Tát trụ tại Sơ địa tu hành, cũng như vậy, phải hiểu rõ cảnh giới của các địa, và sự chứng đắc quả vị, mới có thể đạt đến được quả vị Phật. Trong tất cả quá trình thời gian này, phải dũng mãnh tinh tấn siêng tu học, chẳng có chút chướng ngại gì, thẳng đến địa thứ mười Pháp Vân địa, đều không có chướng ngại phát sinh. Trụ tại Hoan Hi địa -- Bồ Tát Sơ địa, làm chủ đại công đức, lãnh đạo hết thảy Bồ Tát hướng về trước tu hành.

**Dùng pháp dạy chúng sinh
Tâm từ không tổn hại
Thông lãnh cõi Diêm Phù
Đều giáo hoá hết thảy.
Khiến trụ nơi đại xả**

**Thành tựu Phật trí huệ
Muốn cầu đạo tối thắng
Bỏ ngôi vua của mình.**

Bồ Tát làm chủ công đức, ở cõi Diêm Phù Đề thường làm Luân Vương, dùng Phật pháp giáo hoá tất cả chúng sinh. Hoá độ chúng sinh trước hết phải có tâm từ bi, tuyệt đối không có tâm làm tổn hại chúng sinh. Lại thường hành bố thí, cứu tế chúng sinh. Bồ Tát làm vua cõi Nam Diêm Phù Đề, lãnh đạo chúng sinh, biến tất cả phong tục xấu trên thế giới thành phong khí tốt. Giáo hoá chúng sinh tu trì năm giới, Bát quan trai giới, tu học chánh pháp thập thiện. Lại giáo hoá chúng sinh tu tập pháp môn bố thí, diệt trừ tham xên chướng ngại, thường trụ ở trong đại hỷ xả, khiến cho hết thảy chúng sinh cũng đắc được trí huệ như Phật. Bồ Tát tự cầu Phật đạo tối thù thắng, cũng dạy chúng sinh cầu Thánh đạo vô thượng. Vì cầu Phật đạo thanh tịnh thù thắng, mà Ngài xả bỏ địa vị ngôi vua, để xuất gia tu đạo.

**Hay ở trong Phật giáo
Dũng mãnh siêng tu tập
Liên được trăm tam muội
Và thấy trăm vị Phật.
Chấn động trăm thế giới
Quang chiếu cũng trăm cõi
Hoá trăm cõi chúng sinh
Vào trong trăm pháp môn.**

**Biết được việc trăm kiếp
Thị hiện làm trăm thân
Và hiện trăm Bồ Tát
Dùng để làm quyến thuộc.**

Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, cầu Bồ Tát đạo, xả bỏ ngôi vua, xuất gia tu phạm hạnh, ở trong sự giáo hoá của Phật, đặc biệt Ngài hiển được sự dũng mãnh tinh tấn, chuyên cần tu tập các thứ pháp môn của Phật nói, có thể ở trong một niệm đắc được trăm chánh định (tam muội), cũng ở trong một niệm, thấy được trăm thế giới của chư Phật. Cảnh giới tu chứng đó, chân động trăm thế giới, và có sáu thứ chân động. Quang minh cũng chiếu sáng đến trăm thế giới, và cũng chiếu soi tất cả chúng sinh ở trong đó. Giáo hoá chúng sinh trong trăm thế giới, khiến cho họ đều tiến vào trăm thứ pháp môn. Lúc đó, Bồ Tát biết được tất cả sự việc trong trăm kiếp ba đời – quá khứ, vị lai, và hiện tại. Lại có thể thị hiện biến hoá ra trăm thứ thân hình, mỗi thân hình lại có thể biến hoá ra trăm hình tướng Bồ Tát, để làm quyến thuộc, để trợ giúp Ngài hoằng pháp lợi sinh.

**Nếu nguyện lực tự tại
Quá số đó vô lượng
Tôi ở trong địa nghĩa
Lược thuật chút ít phần.
Nếu muốn phân biệt rộng
Ức kiếp nói không hết
Bồ Tát đạo tối thắng**

**Lợi ích các quần sinh.
Pháp Sơ địa như vậy
Nay tôi đã nói xong.**

Nếu như những nguyện lực của các đại Bồ Tát đã đạt đến viên dung vô ngại, thì công đức và cảnh giới của các Ngài, đương nhiên vượt trội hơn công đức và cảnh giới của Bồ Tát Sơ địa vừa nói ở trên, không cách chi nói hết được. Khi tôi giảng về nghĩa lý Sơ địa, thì chỉ nói sơ lược chút ít, nếu muốn nói nghĩa lý, tướng trạng, cảnh giới, một cách tỉ mỉ, thì e rằng trải qua trăm ngàn ức kiếp cũng không cách chi nói hết được. Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo thù thắng nhất, tông chỉ chủ yếu nhất của Bồ Tát là lợi ích chúng sinh, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tự giác giác tha. Tôi - Bồ Tát Kim Cang Tạng, hiện tại đã giảng sơ lược xong về pháp môn Sơ địa.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN BA MƯƠI LĂM

PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU
THỨ HAI LÝ CẦU ĐỊA

Các Bồ Tát đã nghe
Địa tối thắng vi diệu
Tâm Ngài tối thanh tịnh
Tất cả đều hoan hỉ.
Đều từ toà đứng dậy
Vọt trụ trong hư không
Khắp rải hoa tốt đẹp
Đồng thời cùng khen ngợi.
Lành thay Kim Cang Tạng !
Bậc đại trí vô úy
Khéo nói về địa này
Pháp hành của Bồ Tát.
Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt
Biết tâm chúng thanh tịnh
Thích nghe Địa thứ hai
Hết thấy các hạnh tướng.

**Liên thỉnh Kim Cang Tạng
Đại huệ xin diễn nói
Phật tử đều thích nghe
Chỗ trụ Địa thứ hai.**

Các vị Bồ Tát đã nghe Bồ Tát Kim Cang Tạng nói về pháp môn Hoan Hỉ địa này, pháp Hoan Hỉ địa tối thắng vi diệu, hết thảy trong tâm của Bồ Tát đều thanh tịnh, một chút vọng tưởng cũng không còn, chỉ tồn tại tâm hoan hỉ. Hết thảy Bồ Tát đều từ toà ngồi đứng dậy, vọt thân lên hư không, dùng hoa tươi tốt đẹp nhất, rải hoa xuống cúng dường Bồ Tát Kim Cang Tạng, đồng thời cùng nhau khen ngợi Bồ Tát Kim Cang Tạng, nói: “Tốt lắm ! Bồ Tát Kim Cang Tạng ! Ngài thật là một vị Bồ Tát đại trí huệ, chẳng có tư hào sợ hãi ! Ngài khéo nói về pháp môn Hoan hỉ địa, là pháp môn tu hành của hết thảy Bồ Tát”.

Lúc đó có vị Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt, biết tâm của mọi người đều thanh tịnh. Địa thứ nhất đã nói xong, mọi người đang muốn nghe pháp địa thứ hai. Địa thứ hai nên tu hành như thế nào ? Cảnh giới ra sao ? Pháp môn này tu chứng được quả vị gì ? Đều muốn biết. Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt liền thỉnh cầu Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: “Bậc đại trí huệ ! Chúng tôi mọi người xin thỉnh Ngài tiếp tục diễn nói pháp địa thứ hai. Các vị đệ tử của Phật và các đại Bồ Tát, đều hoan hỉ lắng nghe hình tướng và cảnh giới của địa thứ hai, cũng đều muốn tiếp tục tu hành pháp môn địa thứ hai”.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng, bảo Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng : Phật tử ! Đại Bồ Tát đã tu Sơ địa rồi, muốn vào Địa thứ hai, thì phải khởi mười thứ thâm tâm. Những gì là mười ?

Đó là : Tâm ngay thẳng, tâm mềm mại, tâm kham năng, tâm điều phục, tâm tịch tĩnh, tâm thuần thiện, tâm không tạp, tâm không cố luyện, tâm rộng, tâm lớn. Bồ Tát nhờ mười thứ tâm, để vào Ly cấu địa thứ hai.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Ly cấu địa, tự tánh xa lìa tất cả sự sát sinh, không chứa đao gậy, không ôm lòng oán hận. Có sự hỗ thẹn, đầy đủ lòng nhân từ tha thứ. Nơi tất cả chúng sinh có mạng sống, thường sinh tâm làm lợi ích. Bồ Tát đó còn không có ác tâm nào hại các chúng sinh, hà huống là Ngài khởi tướng chúng sinh, cố ý giết hại.

Các vị Bồ Tát và Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói xong bài kệ ở trên, thì lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng nói với Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt : Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, đã tu hành chứng được quả vị Hoan hỉ địa rồi, muốn tiếp tục tu hành

pháp môn địa thứ hai, thì phải sinh ra mười thứ tâm thâm sâu. Những gì là mười thứ tâm thâm sâu ?

1. Tâm ngay thẳng : Tức là tâm phải ngay thẳng, không quanh co. Do đó : “Tâm thẳng là đạo tràng”. Chánh trực không tà, chẳng có tà tri tà kiến. Ngay thẳng là không quanh co, chẳng có lòng gạt người bất cứ việc gì.

2. Tâm mềm mại : Tâm của Bồ Tát phải mềm mại, không cương cứng. Tâm cương cứng thì không mềm mại.

3. Tâm kham năng : Kham năng nhẫn thọ tất cả, tức là không thể nhẫn thọ cũng phải nhẫn thọ.

Tâm ngay thẳng là bồ thí. Tâm mềm mại là trì giới. Tâm kham năng là nhẫn nhục, dù không thể nhẫn cũng phải nhẫn, không thể giữ giới cũng phải giữ, bất cứ như thế nào cũng không thể phạm giới.

Xưa kia có một câu chuyện thế này : Có một vị Tỳ Kheo, mặc y màu đỏ, đi đến nhà một người thợ làm vàng, lúc đó ông thợ làm vàng đang làm bảo châu rất quý giá cho ông vua. Sau khi vị Tỳ Kheo đó đi rồi, thì người thợ vàng hốt nhiên phát hiện thiếu mất một hạt châu, liền hoài nghi cho vị Tỳ Kheo đó trộm đi. Kỳ thật, vị Tỳ Kheo đó biết hạt châu ở đó, vì y của vị Tỳ Kheo mặc là màu đỏ, phản chiếu lên hạt châu, làm cho hạt châu biến thành giống như cục thịt. Lúc đó, có con vịt đi vào, tưởng là cục thịt, nên nuốt vào bụng rồi đi. Vì giữ mạng sống cho con vịt, cho nên Ngài chẳng biện bạch. Ông thợ vàng bèn cầm gậy đánh vị Tỳ Kheo một cách tàn nhẫn, máu me lai láng. Con vịt ngửi thấy mùi máu thì chạy vào. Ông thợ vàng không chú ý đến con vịt, đánh một gậy thì con vịt chết tươi.

- Bây giờ vị Tỳ Kheo mới nói : “Ông cần gì phải đánh tôi, tôi sẽ nói hạt châu đó đang ở đâu”!

- Ông thợ vàng nói : “Ông hãy nói mau lên, ở đây chỉ có tôi và ông hai người, nếu ông không ăn cắp thì ai ?”

-Vị Tỳ Kheo nói : “Tôi không ăn cắp hạt châu của ông, vừa rồi tôi không nói, là sợ ông giết hại con vẹt này, bây giờ con vẹt đã bị ông đánh chết, tôi nói cho ông biết hạt châu ở trong bụng của con vẹt. Nếu ông không tin, thì hãy mổ bụng con vẹt ra xem thì sẽ biết”.

Ông thợ vàng liền mổ bụng con vẹt ra, quả nhiên thấy hạt bảo châu. Ông thợ vàng đem câu chuyện này trình lên ông vua. Ông vua nghe rồi rất kính trọng vị Tỳ Kheo này, bèn thỉnh Ngài vào trong cung để cúng dường. Đây gọi là tâm kham năng.

Còn có một câu chuyện khác nữa : Có mấy vị Tỳ Kheo, đi ra ngoài gặp một bọn cướp, chúng trộm cướp hết sạch, cho đến y phục cũng bị lột hết. Bọn cướp sợ các vị Tỳ Kheo đi báo cáo với vua, bèn nghĩ muốn giết họ để diệt khẩu. Nhưng trong số đó có một tên cướp nói : “Đừng giết những vị Tỳ Kheo này, họ giữ giới không sát sinh, cho đến cây cỏ cũng không hại đến. Chúng ta nên trói họ lại bỏ trên cỏ, để cho họ chết đói”. Do đó, bọn cướp bèn trói các vị Tỳ Kheo lại và bỏ trên cỏ không đi đâu được.

Trong đó có một vị Tỳ Kheo lớn tuổi nói với mọi người rằng : “Bây giờ chúng ta gặp hoàn cảnh này, chắc chắn kiếp trước chúng ta đã từng trộm cướp tài vật của người khác, làm hại đến tánh mạng của họ, cho nên đời này mới gặp quả báo này. Mọi người đều phải nhẫn nại một chút”! Đến khi trời tối, thì kiến và muỗi mòng đều đến cắn họ, cắn sưng hết khắp mình, vừa đau vừa ngứa. Vị Tỳ Kheo lớn tuổi lại nói : “Mọi người nhẫn nại một chút ! Đừng có sinh tâm sân hận. Các vị hãy nhìn xem loài rồng,

khi chúng tu hành thì sinh ra tâm sân hận, cho nên mới đoạ làm thân rồng. Tuy hiện tại chúng ta gặp nạn này, nhưng đừng sinh tâm sân hận, đừng giống như loài rồng, khi nào rồng quên đi tâm sân hận thì mới xả bỏ được thân rồng, lại tiếp tục tu hành”.

Đến nửa đêm thì nghe tiếng cộp gầm sói tru, làm cho mọi người kinh hãi, thức suốt tới sáng. Buổi sáng hôm đó, ông vua đi săn, từ xa nhìn thấy các vị Tỳ Kheo không y phục, tưởng rằng đó là cầm thú. Tới gần một chút nhìn thì cho rằng là yêu quái; lại đến gần một chút nữa nhìn, hỏi rõ ràng đầu đuôi câu chuyện, thì mới biết mấy vị Tỳ Kheo này bị bọn cướp lột hết sạch, do giữ giới mà thà chết đói, chết khát chứ không muốn làm hại đến cây cỏ. Ông vua nghe xong lập tức nói với mấy vị Tỳ Kheo rằng : “Trong nước của ta có những vị Tỳ Kheo này tu hành thật là hiếm có”! Bèn đích thân đến mở trời cho các vị Tỳ Kheo, rất có tâm cung kính đến các vị Tỳ Kheo đó, và còn thỉnh các vị đó vào cung tiếp nhận sự cúng dường.

Các vị ! Chúng ta nghe các vị Tỳ Kheo trong câu chuyện này bị người khác dùng cỏ trời lại, các Ngài thà chết đói và bị côn trùng cắn chết chứ không phá giới, tinh thần khó nhẫn mà nhẫn được, khó hành mà hành được, tâm kiên định không thể giữ giới cũng giữ được, đó mới là chân chánh Tăng Bảo trong cửa Phật, đây gọi là tâm kham nhẫn.

4. Tâm điều phục : Đừng nói đến việc điều phục người khác, chính mình còn khó điều phục. Bạn vừa mới nghĩ tu hành, thì nó bèn khởi lên nhiều vọng tưởng. Bạn muốn thanh tịnh, thì tâm nhiễm ô lại đến, tâm của chúng sinh thật không dễ gì điều phục. Nếu điều phục được tâm

cang cường và tâm không nghe lời, thì đó mới là công phu thật.

5. Tâm tịch tĩnh : Tâm tịch tĩnh chẳng phải chỉ cho hoàn cảnh tịch tĩnh bên ngoài, mà là chỉ cho nội tâm không có tất cả mọi âm thanh, như vậy thì tự nhiên tịch tĩnh.

6. Tâm thuần thiện : Tâm thuần thiện tức là trong tâm chẳng có chút ý niệm ác nào.

7. Tâm không tạp : Tức là trong tâm chẳng có tâm niệm tạp loạn nào.

8. Tâm không cố luyện : Ví như bạn bỏ thí đồ vật, bỏ thí rồi tuyệt đối không luyện tiếc.

9. Tâm rộng : Tâm rộng rãi.

10. Tâm lớn : Tâm này lớn không có gì sánh bằng.

Bồ Tát phải có mười thứ tâm thâm sâu như ở trên vừa nói, nương theo mà tu hành, thì mới vào được địa thứ hai, lia tất cả trần cấu. Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ Ly cấu địa, thì tự tánh xa lia tất cả cảnh giới sát sinh, cho đến loại khí cụ đao gậy có thể làm thương hại đến sinh mạng, đều không lưu trữ cất giữ. Trong tâm của Bồ Tát chẳng có oán hận với bất cứ ai, luôn luôn sinh tâm đại hổ thẹn. Thế nào gọi là nhân từ tha thứ ? Việc mình không muốn thì tuyệt đối đừng bỏ thí cho người khác; ví như mình không muốn bị người khác đàn áp, thì đừng có đàn áp người khác. Mình không muốn bị người ta mắng chửi, thì mình đừng mắng chửi người khác, đây gọi là nhân từ tha thứ. Bất cứ ai có lỗi làm gì, đều có thể tha thứ hết. Đầy đủ tâm nhân ái và tâm tha thứ, đối với tất cả chúng sinh, phải luôn luôn sinh ra tâm từ bi lợi ích cho họ. Như vậy Bồ Tát tu hành, Ngài không muốn dùng tâm ác làm cho tất cả chúng sinh, sinh ra phiền

não. Vì Ngài đã nhận rõ họ chỉ là chúng sinh, tức là chúng sinh thì nữ nào sinh ác tâm giết hại họ ? Họ là chúng sinh, thì nên có tâm từ bi nhân từ tha thứ đối với họ, chứ chẳng phải dùng tâm ác cố ý giết hại họ.

Tánh không trộm cắp, Bồ Tát đối với tài vật của mình thường biết vừa đủ. Với người thì từ bi tha thứ không muốn làm tổn hại. Nếu vật thuộc người khác, thì nghĩ vật thuộc người khác, trộm không vì thế mà sinh tâm trộm cắp, cho đến cỏ lá, họ không cho thì không lấy, hà huống là những đồ tư sanh khác !

Địa thứ hai – Ly cấu địa, tức cũng là tự tánh thanh tịnh địa, tức cũng là tự tánh vốn không nhiễm ô. Trong cảnh giới này, tự tánh lìa khỏi tất cả pháp nhiễm ô, cho đến khỏi tâm động niệm đều là thanh tịnh, chẳng có sự nhiễm ô. Động một tâm niệm nhiễm ô, thì đó chẳng phải là thanh tịnh. Đạo lý giảng trong Kinh Hoa Nghiêm, đều là pháp bình thường hằng ngày không lìa khỏi mỗi người. Không những Kinh Hoa Nghiêm như vậy, mà mỗi bộ Kinh đều không rời khỏi phạm vi hằng ngày qua hành vi động tác của chúng ta. Nếu đạo lý nói trong Kinh điển chẳng có quan hệ gì với đời sống sinh hoạt hằng ngày của chúng ta, thì đức Phật chẳng nói Kinh đó. Kinh điển của đức Phật nói, là muốn trợ giúp mỗi người có đời sống chánh thường tốt đẹp và rất có quy cụ. Cho nên đức Phật nói tất cả pháp môn, giảng tất cả nghĩa Kinh, đều chỉ dẫn chúng ta hướng

con đường chánh mà tiến về trước. Song, chúng ta phải chịu đi tới thì mới có sự hữu dụng. Nếu chúng ta chỉ biết có Kinh điển mà không ý chiếu theo trong nghĩa Kinh tu hành, thì hằng ngày nghe Kinh, nghe đến tam vạn đại kiếp, cũng giống như không nghe. Chúng ta chỉ nghe thôi chưa đủ, nếu khi nghe mà hôn trầm, nghe mà ngủ gà ngủ gật, thì đó chẳng phải là có mắt không thấy Lô Xá Na, có tai không nghe giáo lý viên đôn chãng ? Tôi thường nói với mọi người, khi nghe Kinh, bất luận là ai, trước hết đừng có ngủ; nếu ngủ thì có mắt cũng không thấy được, có tai cũng không nghe được, nhưng vẫn có người không chịu nghe. Thứ hai là đừng có nằm mộng, trong mộng ném Kinh Hoa Nghiêm lên chín tầng mây, do dị tánh của mỗi người đi vào trong cảnh mộng; khi tỉnh mộng thì vẫn không ngừng đi tìm cảnh giới trong mộng. Như ở đây giảng Kinh rất hay, nhưng chẳng có thọ dụng gì đối với bạn. Nếu không ngủ, không nằm mộng, thì nghe Kinh sẽ đắc được lợi ích, trở về nhà vẫn suy gẫm kỹ càng, lãnh hội được vị pháp ở trong Kinh, như vậy mới thọ ích được không ít.

Ý nghĩa chữ tánh, như trong Tam Tự Kinh có nói : “Nhân chi sơ, tánh bản thiện. Tánh tương cận, tập tương viễn. Cú bất giáo, tánh nãi thiên. Giáo chi đạo, quý dĩ chuyên”. Đây chẳng phải là Kinh Phật, là quyển sách của các em nhi đồng Trung Quốc phải đọc qua, người Mỹ thì chẳng biết, dù người thiếu niên Trung Quốc hiện đại, cũng rất ít người đọc qua. Bây giờ tôi giải thích cho các vị nghe mấy câu vừa rồi ở trên : Nhân chi sơ – con người lúc ban đầu còn nhỏ, bản tánh vốn lương thiện (cũng có người nói bản tánh ác). Về sau trải qua hoàn cảnh biến đổi và huân tập khi lớn lên, dần dần xa lìa bản tánh. Giả như, không

dạy dỗ họ lúc còn nhỏ, thì bản tánh thiện cũng sẽ biến thành tánh ác. Như hôm nay thời đại giáo dục của người Mỹ, bản tánh của họ tự nhiên phát triển, không thêm sự quản giáo; giống như trồng cây, cứ tự nhiên để cho nó lớn lên, kết quả cành lá mọc ra lung tung, thân cây không thể trở thành vật dụng hữu ích, đương nhiên không thể nói đến làm trụ cột được. Ở nước Mỹ, rất nhiều thanh niên biến thành hiệp pi, đó là kết quả không giáo dục mà ra.

Ý nghĩa tánh không trộm cắp, là nói về bản tánh của Bồ Tát không trộm cắp. Chẳng riêng gì về phương diện hữu hình không phạm giới, mà về phương diện vô hình cũng không phạm giới. Tóm lại, về mặt hữu hình thấy được sự việc không phạm giới, cho đến sự việc mình không thấy được, mình cũng chưa từng giám sát sự việc, cũng không phạm giới. Đây tức là trong bản tánh chẳng có hạt giống trộm cắp. Trộm cắp, nghĩa là không hỏi mà tự mình lấy tức là trộm cắp, chưa được người chủ hứa khả, đồ vật cũng không có mặt chủ nhân mà lấy đi, đây cũng gọi là trộm cắp. Bạn cho rằng người khác không nhìn thấy, nhưng ở trong tự tánh có sự ô nhiễm, chưa lìa khỏi cấu bần, đây chẳng phải là thanh tịnh, là nhiễm ô, đã phạm giới trộm cắp.

Bồ Tát đối với tài sản của mình, nội tài như : Đầu mắt tuỷ não, ngoại tài như đất nước vợ con, thường hay biết đủ, do đó “Tri túc thường lạc”. Tại sao con người hay trộm cắp ? Vì không biết đủ, có tâm tham, chẳng biết vừa đủ. Biết đủ thì an lạc, biết đủ thì không nhục, biết ngừng thì không nguy. Thường hay biết đủ thì không bị phạm pháp, cũng không bị người khác khinh thường tủi nhục.

Cho nên có câu nói rằng : “Tri túc thường lạc, năng nhẫn tự an”.

Làm thế nào mới gọi là Bồ Tát ? Bồ Tát với con người giống nhau, bất quá tư tưởng và hành vi của Ngài khác với người phàm (Lúc nào Ngài cũng nghĩ lợi ích người khác giáo hoá chúng sinh). Ngài không ích kỷ, không lợi mình, chẳng mưu cầu cho chính mình). Chẳng màng đời sống của mình như thế nào ? Chết rồi hậu sự lại an bài như thế nào ? Bồ Tát tuyệt đối không làm hại, khinh thường chúng sinh. Ngài vì hết thảy nhân loại mà phục vụ, sự việc gì đối với nhân loại có ích thì Ngài làm. Nếu đối với nhân loại mà có hại thì Ngài không làm. Chẳng phải Bồ Tát có thần thông như thế. Thần thông chỉ là cảm ứng tự nhiên. Tại sao con người không có thần thông ? Vì nếu con người mà có thần thông thì họ sẽ cậy vào đó mà đi làm hại người khác. Đây không gọi là thần thông, đó là ác quỷ ! Một lòng muốn người khác thọ ác báo. Bồ Tát chẳng phải như vậy, chẳng màng người nghe hay không nghe lời dạy của Ngài, Ngài vẫn thí giáo không biết mệt mỏi. Ngài cũng không trừng phạt những người không nghe lời dạy của Ngài, làm cho họ khổ.

Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh đều từ bi tha thứ, từ hay ban vui. Chúng sinh có lỗi lầm, Bồ Tát đều tự trách mình, cho rằng mình không giáo hoá họ tốt, không làm cho chúng sinh minh bạch đạo lý, do đó chúng sinh mới tạo nghiệp. Bồ Tát thường trở về cầu chính mình, hồi quang phản chiếu, chẳng giống chúng sinh luôn cảm giác người khác không đúng, đây là do tâm chúng sinh chiếu bên ngoài, còn tâm Bồ Tát thì chiếu bên trong.

Không muốn tổn hại : Bồ Tát không muốn lợi ích mình mà tổn hại người khác. Nếu như tài vật thuộc về của người khác, thì Ngài tuyệt đối không xâm chiếm lợi ích của người khác, cho dù quý trọng, thậm chí châu báu giá trị hiếm có trên thế gian, Bồ Tát cũng không có lòng tham. Không có lòng tham thì không trộm cắp. Nếu tham không biết chán, lòng tham quá lớn, liền sinh tâm trộm cắp. Cho đến một cọng cỏ, một cây kim, người khác không cho cũng không dám lấy. Cọng cỏ cây kim còn như vậy, hà huống là những vật quý trọng khác !

Tánh không tà dâm, Bồ Tát biết đủ với vợ của mình, không mong cầu vợ người. Đối với thế thiếp, con gái, thân tộc của người, Bồ Tát còn không sinh tâm tham nhiễm, hà huống là việc dâm dục, huống gì hành vi trái với đạo đức.

Ở trên đã nói qua giới giết hại và giới trộm cắp, chỗ vi tế nhất của Bồ Tát cũng cẩn thận giữ gìn, tờ hào không phạm, đối với giới dâm, càng đặc biệt coi trọng hơn. Tuy nhiên trong tự tánh có đủ nghiệp dâm, nhưng không tà dâm. Tà dâm tức là hành vi dâm dục phi pháp, phi đạo đức. Làm thế nào dâm dục sinh ra ? Là do lòng tham sinh ra. Tham tài tham sắc, đều do lòng tham sinh khởi, nếu không có lòng tham, thì tâm dâm dục cũng không có. Cho nên nói ý niệm dâm dục cũng từ lòng tham mà ra. Tham khiến cho con người không biết rõ thị phi, không biết trắng đen. Nói theo trong mười hai pháp Nhân duyên, đó gọi là vô minh.

Nam hoan nữ ái, là gốc rễ của vô minh, con người thường chìm đắm trong ái dục, mà không thể tự chủ được, không biết nguyên nhân, đó tức là ma lực của vô minh. Có vô minh rồi thì sinh ra hành vi, cho nên nói vô minh duyên hành. Vô minh sinh khởi, tiếp theo thì có hành vi, đây là tà lực dẫn dắt con người đi vào đường chết. Con người từ sắc dục mà sinh, cuối cùng do sắc dục mà chết. Từ chỗ nhiễm ô mà ra, rồi lại từ chỗ nhiễm ô mà đi. Lực không minh bạch này, khiến cho con người có đủ thứ tội nghiệp hành vi, sau đó liền có thức. Do thức mà có danh sắc, có danh sắc rồi, sau đó sinh ra lục nhập. Lục nhập tức là : mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý, sáu căn. Sau đó thì có xúc giác, do xúc giác mà sinh ra thọ dụng. Trong thọ dụng có cảm giác thụ thái, liền có tâm ái dục. Có ái dục rồi tiếp theo thì có thủ, thủ là chấp trước, tất cả đều muốn chiếm đoạt để mình có (hữu), do có mà sinh ra sinh, lão tử. Mười hai nhân duyên này tuần hoàn không dứt, trầm luân trong sáu nẻo luân hồi. Nếu diệt được vô minh, thì tất cả liền tiếp theo đó mà diệt. Vô minh thì chẳng có trí huệ, chẳng có quang minh. Nếu có trí huệ quang minh thì sẽ không bị vô minh làm ô nhiễm, liền có thể chuyển pháp nhiễm ô thành pháp thanh tịnh. Chuyển, nói thì rất dễ, có thể nói dễ như trở bàn tay. Phiền não tức Bồ đề, chuyển phiền não thành Bồ đề cũng là ý nghĩa này, tại sao người thế gian có phiền não ? Vì có tâm tham dục, có tâm ích kỷ, có tâm tự lợi. Vì không thể thoả mãn dục vọng của mình, không thể làm đầy được tâm tham của mình, bèn sinh ra phiền não. Đây cũng là nguyên nhân “ngã kiến” (thấy cái ta) quá sâu nặng, nhất là tà kiến và dục niệm càng tác quái. Nếu như con người đoạn trừ được dục, thì sẽ không còn phiền não. Tánh không tà dâm,

tức là ở trong tự tánh, căn bản chẳng có ý niệm dâm dục. Bồ Tát đối với thê thiếp của mình, đều chẳng có tâm dâm dục, biết đủ, vì Ngài biết tu hành, phải “đoạn dục khử ái”, Ngài không bị ái dục làm giao động, tuy sống với những người thê thiếp, mà không bị cảnh giới nhiễm ô làm lay động. Không mong cầu vợ người khác, đối với vợ con của mình còn không có tâm tham dục, thì làm sao khởi tà niệm với thê thiếp của người khác ? Cho đến những con gái có sự bảo hộ của gia đình, hoặc con gái đẹp trong thân tộc, hoặc là thiếu nữ có gia tộc luật pháp bảo hộ, cùng với hết thầy nữ tánh, Ngài đều không sinh tư tưởng tham nhiễm, hà huống là hành vi không hợp với đạo đức, Ngài càng không bao giờ làm.

Tánh không nói dối, Bồ Tát thường nói lời chân, lời thật, nói đúng thời, cho đến trong mộng cũng không nói dối, nói lời che đậy, lời vô tâm, hà huống là cố ý phạm.

Vì sao Bồ Tát không tà dâm ? Vì Bồ Tát có định lực chân chánh, Ngài quán được “mắt thấy hình sắc trong tâm chẳng có, tai nghe việc đời mà chẳng hay”, như như chẳng động, rõ ràng sáng suốt. Cho nên định lực của Ngài đầy đủ, không bị bất cứ sắc đẹp nào làm lay động. Tánh không vọng ngữ. Do đó:

“Một thiện tất cả đều thiện
Một thật tất cả đều thật”.

Vì không sát sinh, không trộm cắp, không tà dâm, cho nên Ngài cũng không nói dối. Động cơ nói dối là vì

mình không đạt được lợi ích nào đó, nên mới dùng lời nói dối để lừa gạt người khác. Hoặc tránh né điều gì đó bất lợi đối với mình, sợ bị tổn hại, biết rõ nói dối là không đúng, mà vẫn cứ nói dối. Bồ Tát chẳng có tâm ích kỷ, tâm tự lợi, tâm vì mình như vậy, Bồ Tát đối với tất cả việc tốt mà có lợi ích, thì Ngài đều ban tặng cho người khác; còn việc không tốt, không có ích thì mình thọ nhận, cho nên Ngài không cần nói dối. Vì trong tâm của Ngài vốn không còn nhân nói dối, cũng không còn duyên nói dối, càng không tạo nghiệp nói dối. Bồ Tát thường nói lời thật : Nói lời chân thật. Trong con mắt phàm phu, Bồ Tát không nói dối là có chút sự ngu ngốc, nhưng ở trong tâm Phật, Bồ Tát là đệ tử tốt nhất. Đức Phật thường khen ngợi Bồ Tát là thiện nam tử, người có đại trí huệ. Ngu si và trí huệ là dùng lối thấy pháp mà quyết định sự khác biệt. Phàm phu thế tục cho rằng là trí huệ, đều là trí huệ phàm phu. Trí huệ của Phật nói tức là đại trí huệ của Thánh nhân. Bồ Tát Di Lặc tự gọi mình là lão khờ, ý nghĩa là vừa già, vừa khờ khạo, là người ngu si.

Đức Không Tử khen Nhan Hồi vài câu như thế này : “Ngô dữ hồi ngôn chung nhật, bất vi như ngu. Thối nhi tinh kỳ tư, diệc túc dĩ phát, Hồi dã bất ngu”.

Không Tử nói : Ta nói chuyện với Nhan Hồi, y chưa bao giờ trái ý ta, nói chung Nhan Hồi đáp tốt hoặc dạ, thật giống như người khờ. Nhưng khi y xử lý sự tình thì, lời của ta nói, từng câu từng câu y đều phát huy tác dụng của nó. Nhan Hồi ơi ! Một chút cũng không ngu si.

Lời xưa có nói : “Đại trí nhược ngu” (bậc trí như người ngu). Lời chân : Nói lời chân thật, không nói lời giả dối lường gạt. Nói đúng thời : Lời nên nói thì nói; lời

không nên nói thì không nói, đúng thời thì nói; không đúng thời thì không nói. Cho đến ở trong mộng : Thậm chí ở trong mộng, cũng không tạo ra lỗi lầm, hoặc nói dối, tâm vốn không còn nói dối, thì còn cố ý nói dối chằng !

Tánh không nói hai lưỡi, Bồ Tát đối với các chúng sinh không có tâm ly gián, không có tâm não hại. Không đem lời người này, vì phá người kia mà nói với họ. Không đem lời người kia, vì phá người này mà nói với họ. Người chưa phá thì không khiến cho phá, người đã phá rồi thì không tăng thêm. Không vui sự ly gián, không thích sự ly gián, không tạo ra lời ly gián, không nói lời ly gián, hoặc thật, hoặc không thật.

Tánh không nói hai lưỡi : Trong tự tánh của Bồ Tát chẳng có tập khí thị phi đôi bên. Bồ Tát đối với chúng sinh chẳng có sự ly gián, làm cho họ mất hoà khí, cũng chẳng có tâm tư hãm hại chúng sinh, chỉ có tâm từ bi lợi ích chúng sinh. Không đem lời người này vì phá người kia mà nói với họ : Không thể đem lời nói xấu của người A nói với người B. Không thể đem lời người kia vì phá người này mà nói với họ : Cũng không tùy tiện đem lời nói xấu của người B nói với người A. Như vậy gọi là nói hai lưỡi, phá hoại hoà khí giữa hai người, làm cho họ sinh phiền não. Người chưa phá không khiến cho phá : Chưa từng làm việc phá

hoại hoà khí người khác, thì ngàn vạn đừng làm. Người đã phá rồi, thì đừng cho tăng thêm : Nếu đã từng có hành vi như thế, thì đừng có làm nữa, nên sửa lỗi làm mới. Con người chẳng phải Thánh hiền, chẳng có ai không có lỗi, biết lỗi mà sửa đổi, chẳng có việc thiện nào bằng. Bồ Tát chẳng nhớ lỗi xưa, không thích chuyện thị phi làm cho họ mất hoà khí. Không nói lời tổn hại sự hoà khí, không màng là thật có việc đó hay không, hoặc là lời không thật, thấy đều hoá giải thị phi, khiến cho hoà thuận đôi bên.

Tánh không chưởi mắng, như là : Lời độc hại, lời thô ác, lời làm khổ họ, lời khiến cho họ sân hận, lời hiện tiền, lời không hiện tiền, lời xấu ác, lời dung tục đê tiện, lời không thích nghe, lời người nghe không vui, lời giận dữ, lời như lửa đốt tâm, lời oán kết, lời nhiệt nảo, lời không đáng ưa, lời không vui thích, lời làm hại thân mình và thân người. Những lời như vậy, thấy đều xả lìa.

Thường nói lời thấm nhuần, lời mềm mại, lời vừa ý, lời đáng thích nghe, lời người nghe hoan hỷ, lời khéo vào tâm người, lời phong nhã điển tắc, lời nhiều người ưa thích, lời nhiều người vui thích, lời thân tâm hơn hở.

Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, ở trong phần tánh của tự tánh, không có chưởi mắng. Như là : lời độc hại : Dùng thái độ không hợp lẽ nghĩa, nói những lời độc hại, lời thương hại đến người khác hoặc độc hại giống như tên độc, khiến cho người nghe sinh phiền não. Lời thô ác : Dùng lời nói cường từ đoạt lý. Lời làm khổ họ : Lời nói ra làm cho người nghe trong tâm rất phiền não đau khổ. Lời khiến cho họ sân hận : Lời nói ra khiến cho người nghe lập tức khởi tâm sân hận. Lời hiện tiền : Ở trước mặt người khác nói thị nói phi. Lời không hiện tiền : Ở sau lưng người khác nói thị nói phi. Lời xấu ác : Nói lời nói rất xấu lại rất ác độc, khiến cho người nghe không thuận tai. Lời dung tục đê tiện : Nói lời nói rất dung tục đê tiện, chẳng có chút giá trị gì. Lời không thích nghe : Nói lời nói khiến cho người không hoan hỉ nghe. Lời người nghe không vui : Nói lời nói làm cho người khác nghe rồi không vui vẻ. Lời giận dữ : Lời nói ra khiến cho người nghe rồi sinh nổi giận, sinh tâm rất sân hận. Lời như lửa đốt tâm : Lời nói ra khiến cho người nghe rồi chán nản giống như lửa đốt tâm. Lời oán kết : Lời nói ra khiến cho người nghe rồi, vĩnh viễn ở trong tâm sinh ra sự cừ oán. Lời nhiệt não : Lời nói ra khiến cho người nghe rồi bèn sinh phiền não. Lời không đáng ưa : Lời nói ra chẳng có ai hoan hỉ nghe. Lời không vui thích : Lời nói ra đều khiến cho người không vui thích. Lời làm hại thân mình và thân người : Lời nói ra làm thương hại đến thân mình, lại không lợi cho người khác, đó là lời tổn hại người chẳng lợi cho mình. Những lời nói như vậy, đều thuộc về chưởi mắng, đều là tạo nghiệp ác, đều phải từ bỏ. Nên thường nói những lời có ý nghĩa, lời nói giống như nước hay thấm nhuần thực vật. Lời mềm mại : Lời nói rất nhu

hoà. Lời vừa ý : Lời nói ra khiến cho người rất vui thích. Lời đáng thích nghe : Lời nói ra khiến cho người nghe rồi rất khoái lạc. Lời người nghe hoan hỉ : Lời nói ra khiến cho người nghe đặc biệt hoan hỉ. Lời khéo vào tâm người : Lời nói ra đều là thiện ý, khiến cho người nghe có cảm giác ngọt vào trong đáy lòng. Lời phong nhã điển tắc : Lời nói ra rất phong phú tao nhã, rất thanh cao, khiến cho người nghe rồi cũng hoan hỉ học tập, đáng làm lời điển tắc. Lời nhiều người ưa thích : Lời nói ra khiến cho rất nhiều người nghe có cảm giác vui vẻ thân thiết. Lời nhiều người vui thích : Lời nói ra khiến cho rất nhiều người nghe có đồng cảm vui vẻ khoái lạc. Lời thân tâm hơn hở : Lời nói ra khiến cho người nghe thân tâm khoái lạc, mừng rỡ mà nhảy nhót, trong tâm sinh đại hoan hỉ.

Tánh không thêu dệt, Bồ Tát thường nói lời chánh đáng, lời phải thời, lời chân thật, lời có ý nghĩa, lời đúng pháp, lời thuận đạo lý, lời khéo điều phục, lời tùy thời trừ tính quyết định. Bồ Tát này cho đến cười đùa còn luôn suy nghĩ kỹ, hà huống nói ra lời tán loạn.

Trong tự tánh Bồ Tát cho đến phần tánh chửi mắng đều không có, càng không thể có lời thêu dệt. Thêu dệt tức là nói lời tà không chánh đáng, khiến cho người nghe dễ sa vào sự ô nhiễm. Bồ Tát ba nghiệp thanh tịnh, không nói những lời lẽ không chánh đáng. Khi Bồ Tát nói thì Ngài suy gẫm rất cẩn thận rõ ràng, nghĩ kỹ đúng đắn rồi mới nói.

Lời phải thời: Lúc nên nói mới nói, lúc không nên nói thì Ngài không nói. Lời chân thật: Nếu có người không minh bạch đối với Phật pháp, hoặc có sự hoài nghi thỉnh vấn Bồ Tát, thì Ngài giải thích rõ ràng thiết thực không có chút hư vọng nào, cũng chưa từng nói dối. Lời có ý nghĩa : Những câu nói ra đều có nội dung, có nghĩa thú chánh quyết, không nói những lời vô vị dư thừa. Lời đúng pháp : Lời nói ra hợp với Phật pháp. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, nhất định dùng ba loại lời nói này: Chân thật, ý nghĩa, đúng pháp. Lời thuận đạo lý: Giáo hoá chúng sinh giữ gìn giới luật, khiến cho chúng sinh thông tình đạt lý, đối với họ thưởng phạt phân minh, và làm cho họ minh bạch phạm làm việc gì đều phải thuận lý mà hành mới có sự thành tựu. Lời khéo điều phục : Bồ Tát giáo hoá chúng sinh dùng phương pháp phương tiện khéo léo, triết nhiếp hợp nghi, thì chúng sinh mới điều phục được. Lời tùy thời trừ tính quyết định: Bồ Tát tùy thời chú ý làm cho chúng sinh hoan hỉ, nếu chúng sinh có công đức, thì khen ngợi họ; nếu chúng sinh có lỗi lầm thì khuyên họ làm cho tốt. Quán sát kỹ càng quyết không trái thời, đều phù hợp với mọi hoàn cảnh. Lúc Bồ Tát vui mừng nhất, cũng không tùy thời đùa giỡn hoặc nói nói bậy bạ, sao lại có sự cố ý nói những lời tán loạn ?

Tánh không tham dục, Bồ Tát đối với tài vật của người khác, vật dùng của người khác, không sinh tâm tham, không muốn, không mong cầu.

Tánh không tham dục: Ba nghiệp của Bồ Tát đều thanh tịnh, ba độc dứt trừ, không những tất cả nghiệp ác đều chẳng còn, mà sớm đã thoát khỏi tham dục. Đối với tài vật ngoài thân, như đồ vật quý trọng, Ngài đều không khởi lòng tham. Hết thấy vật dùng của người khác, Ngài càng không sinh khởi tâm tham muốn chiếm lấy về mình, cũng không mong cầu gì hết.

Tánh lìa sân hận, Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh, luôn khởi tâm từ, tâm lợi ích, tâm thương xót, tâm hoan hỷ, tâm hoà nhuận, tâm nhiếp thọ, vĩnh viễn xả bỏ sự sân hận oán hại nhiệt não, thường nghĩ tùy thuận thực hành nhân từ lợi ích.

Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, trong tự tánh lìa khỏi sân hận. Đại Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, tu tập đủ thứ căn lành, đối với hết thấy chúng sinh chín pháp giới, luôn khởi tâm từ; thời khắc đều sinh khởi tâm từ bi, khiến cho chúng sinh đắc được tất cả sự an lạc. Tâm lợi ích: Thường nghĩ đến cho chúng sinh tất cả sự lợi ích. Tâm thương xót: Đối với chúng sinh sinh ra một thứ tâm đáng thương xót, tùy thời trợ giúp họ. Tâm hoan hỷ: Tâm của Bồ Tát thời khắc đều hoan hỷ, chẳng có chút gì ưu sầu. Tâm hoà nhuận: Tâm của Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh đều hoà khí, nhuận trạch, cho nên tất cả chúng sinh đều hoan hỷ Ngài. Tâm nhiếp thọ: Tức là hay nhiếp thọ những người thiện nam tín nữ phát tâm bồ đề, chỉ dẫn cho họ tu hành tiến vào bồ đề đại đạo. Bồ Tát vĩnh viễn xả bỏ tâm sân hận người, tâm oán hại

người, và tâm khiến cho họ sinh phiền não, nói chung luôn luôn nghĩ đến tùy thuận thực hành nhân từ lợi ích: Nhân ái tất cả chúng sinh, thương xót tất cả chúng sinh, trợ giúp tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh.

Lại lìa tà kiến, Bồ Tát trụ nơi chánh đạo, không làm việc chiêm bói, không thủ ác giới. Tâm thấy chánh trực, không siểm nịnh. Đối với Phật Pháp Tăng khởi niềm tin quyết định.

Lại lìa tà kiến: Bồ Tát thời khắc đều ở trong sự chánh tri chánh kiến, xa lìa tất cả tà tri tà kiến, thường trụ ở trong Bát chánh đạo. Không làm việc chiêm bói: Bồ Tát chưa từng dùng sự chiêm bói để quyết định sự việc, dự đoán cát hung. Người học Phật, có thể nghiên cứu đọc kinh Dịch, hiểu được sự học vấn chiêm bói, nhưng không nên mọi việc đều dùng sự chiêm bói để quyết định. Cổ nhân có nói : "Quân tử vấn hoá không vấn phước". Nghĩa là nói: Người chánh tri chánh kiến chỉ quan tâm đến tai hoạ của đại chúng, không vì cá nhân mà cầu may mắn phát tài. Bồ Tát không màng đến mình có tai nạn hay không, cảnh nghịch đến đều thuận mà thọ nhận, cho nên Ngài không cần chiêm tinh bói quẻ. Không thủ ác giới: Bồ Tát cũng không thọ những giới bò, giới chó, của ngoại đạo, vọng cầu được lên trời. Tâm thấy chánh trực: Bồ Tát tâm chánh, thấy chánh, cho nên nói: "Trực tâm thị đạo tràng". Không siểm nịnh: Bồ Tát không vọng cầu danh lợi, hoặc khi đối người khác tham lấy tài vật, cũng không cậy có quyền thế, cầu lấy hư danh. Ngài đối với Phật Pháp Tăng Tam Bảo, sinh khởi

niềm tin chí thành và tuyệt đối, vĩnh viễn không sinh hoại nghi.

Phật tử ! Đại Bồ Tát hộ trì thập thiện nghiệp đạo như vậy, thường không gián đoạn. Lại nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh đọa vào đường ác, đều do mười điều nghiệp ác. Cho nên tôi phải tự tu chánh hạnh, cũng khuyên họ khiến cho họ tu chánh hạnh. Tại sao ? Vì nếu tự mình không tu chánh hạnh, mà khiến họ tu thì không thể nào được.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại nghĩ như vậy: Mười điều ác là nhân thọ sinh vào địa ngục, ngạ quỷ, súc sinh. Mười điều lành là nhân sinh về cõi người, cõi trời, cho đến cõi trời Hữu Đảnh.

Lại thượng phẩm mười điều lành, dùng trí huệ tu tập, vì tâm hẹp kém, vì sợ ba cõi, vì thiếu đại bi, vì theo người khác nghe âm thanh mà hiểu ngộ, nên thành Thanh Văn thừa.

Lại thượng phẩm mười điều lành này, tu trị thanh tịnh, không theo người khác

dạy, nên tự giác ngộ, vì đại bi phương tiện, không đầy đủ, vì ngộ hiểu thâm sâu pháp nhân duyên, nên thành Độc Giác thừa.

Lại thượng phẩm mười điều lành này, tu trị thanh tịnh, vì tâm rộng vô lượng, vì đầy đủ bi mẫn, vì phương tiện nhiếp lấy, vì phát sinh nguyện lớn, vì không xả bỏ chúng sinh, vì cầu đại trí của chư Phật, vì tịnh trị các địa Bồ Tát, vì tịnh tu tất cả các độ, mà thành tựu hạnh rộng lớn của Bồ Tát.

Lại thượng phẩm mười điều lành, vì nhất thiết chủng trí thanh tịnh, cho đến vì chúng thập lực, bốn vô sở úy, tất cả Phật pháp, đều được thành tựu. Do vậy, nay tôi bình đẳng thực hành mười điều lành, phải khiến cho tất cả đầy đủ thanh tịnh, phương tiện như vậy, Bồ Tát sẽ học.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đại đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, tích tập đủ thứ căn lành, các Ngài tôn trọng và bảo hộ mười điều lành, và nghiêm cẩn giữ gìn giới thiện, chưa từng giải đãi gián đoạn. Ngài lại nghĩ về tất cả chúng sinh, tại sao phải đọa vào ba đường ác ? đều vì do làm nhiều mười điều ác, cho

nên tôi phải tu hành hạnh chánh pháp mười điều lành, lại khuyên chúng sinh khác tu hành mười điều lành. Tại sao ? Nếu như mình nói mà không làm, mà kêu chúng sinh khác tu tập, thì chúng sinh sẽ chẳng nghe lời, cũng chẳng có hiệu quả tốt.

Các vị đại đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo lại nghĩ như vậy : Phạm là người làm nhiều mười điều ác, thì gieo trồng xuống nhân địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ ba đường ác, cho nên thọ sinh vào ba đường ác; ngược lại, làm nhiều mười điều lành, thì gieo trồng xuống nhân thọ sinh vào nhân gian, cõi trời, hoặc trời Hữu đánh (cõi trời cao nhất).

Lại nữa, thượng phẩm mười điều lành này: Hai chữ thượng phẩm là chỉ tam thừa tu hành mười điều lành, như Thanh Văn, Độc Giác, Bồ Tát, ba thừa này tự dụng công khác nhau mà nói. Tu hạnh môn nghiệp thiện này là dùng trí huệ để tu tập, nhưng tâm hẹp hòi, chỉ có thể tự lợi, không thể lợi tha. Vì sợ thống khổ của ba cõi, thiếu đại bi, là nói chỉ cầu tự độ mà xả bỏ chúng sinh. Vì theo người khác nghe âm thanh mà ngộ hiểu: Là chỉ những người nghe giảng Kinh thuyết pháp mà khai ngộ, như vậy sẽ thành tựu Thanh văn thừa, chứng được quả vị A la hán.

Lại có sự tu hành mười điều lành mà hộ trì được rất thanh tịnh, có thể không theo sự chỉ dạy của người khác, mà giác ngộ, song, đại bi phương tiện chưa viên mãn. Theo tu hành mười điều lành, chỉ minh bạch tỏ ngộ pháp nhân duyên thâm sâu, và đạo lý nhân quả tuần hoàn, người tu hành như vậy, sẽ thành tựu Độc giác thừa.

Lại có sự tu thượng phẩm mười điều lành, tu trì được vô thượng thanh tịnh, tâm thiện rộng lớn, lợi ích chúng

sinh. Phát tâm đại thừa vô lượng, đầy đủ tâm từ bi thương xót chúng sinh. Dùng bốn pháp nhiếp, phương tiện nhiếp thọ chúng sinh phát tâm bồ đề. Phát tâm nguyện lớn, vĩnh viễn không xả bỏ tất cả chúng sinh, và phương tiện giáo hoá họ, để cầu được đại trí huệ như chư Phật, thanh tịnh tu tập pháp môn thập địa và các độ vạn hạnh, như vậy hành giả sẽ thành tựu hạnh rộng lớn của Bồ Tát.

Tóm lại, mười điều lành tối thượng ở trên, do tự mình tu tập công đức khác nhau, nên thành tựu của mỗi người cũng khác nhau. Nhất thiết chủng trí đều thanh tịnh, cho đến chứng được mười lực và bốn vô sở úy của Phật, tất cả pháp môn của Phật nói, đều tu tập thành tựu. Cho nên hiện tại tôi phải bình đẳng tu tập mười điều lành, khiến cho tất cả nhân lành đều tự thành thực, dứt trừ tất cả tập khí mà đầy đủ thanh tịnh. Những pháp môn phương tiện như vậy, Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, thực hành Bồ Tát đạo phải học tập.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại nghĩ như vậy: Mười điều ác, bậc thượng là nhân địa ngục, bậc trung là nhân súc sinh, bậc hạ là nhân ngạ quỷ.

Tội sát sinh, hay khiến cho chúng sinh đoạ vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là mạng sống ngắn ngủi, hai là nhiều bệnh tật.

Tội trộm cắp, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh vào trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là bản cùng, hai là tài sản chung không được tự tại.

Tội tà dâm, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là vợ không trinh lương, hai là quyền thuộc không được tùy ý.

Tội nói dối, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào trong ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là bị nhiều người phỉ báng, hai là bị họ lừa dối.

Tội nói hai lưỡi, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là quyền thuộc trái lìa, hai là thân tộc tệ ác.

Tội chửi mắng, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một

là thường nghe tiếng ác, hai là lời nói ra nhiều sự tranh tụng.

Tội nói thêu dệt, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là nói ra không có ai tin, hai là nói không rõ ràng.

Tội tham dục, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là tâm không biết đủ, hai là nhiều dục không chán.

Tội sân hận, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là thường bị người khác tìm chỗ hay dở, hai là luôn bị người khác nã hại.

Tội tà kiến, cũng khiến cho chúng sinh đọa vào ba đường ác. Nếu sinh trong loài người, thì được hai thứ quả báo: Một là sinh vào nhà tà kiến, hai là tâm dua vạy.

Phật tử ! Mười điều ác, hay sinh vào vô lượng vô biên những nơi khổ sở như vậy.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát hạnh, tích tụ đủ thứ căn lành, đắc được quả vị Ly cấu địa rồi, lại quán tưởng như vậy: Quả báo của mười điều ác này, nghiêm trọng nhất là đọa vào địa ngục, kế đến là đọa làm súc sinh, kế tiếp là đọa làm ngựa quý. Trong mười điều ác này, thứ nhất là tội sát sinh, do chúng sinh sát sinh mà đọa vào trong địa ngục.

Địa ngục có ngàn vạn thứ, không riêng gì chỉ có một, mà là nhiều loại khác nhau, tùy theo tội nghiệp mà hiển hiện, vào trong đó thọ quả báo. Súc sinh cũng có ngàn vạn thứ, do đủ thứ tội nghiệp khác nhau, nên tự thọ quả báo khác nhau, ngựa quý cũng có ngàn vạn loại. Nếu như tạo mười nghiệp ác, thì đọa vào ba đường ác, thọ hết tội báo phải thọ trong ba đường ác rồi, nếu như được sinh vào trong loài người, thì được hai thứ quả báo.

Nếu sát sinh nhiều, tuy được thân người, nếu như không phải mạng sống ngắn ngủi, thì bị nhiều chứng bệnh, thọ sự thống khổ của bệnh tật.

Nếu phạm tội trộm cắp; nếu được sinh vào trong loài người, thì cũng bị hai thứ quả báo. Một là suốt đời bần cùng, vì họ hay trộm cắp tài vật của người khác, khiến cho người khác thọ khổ bần cùng. Hai là tài sản chung không được tự tại, tự mình không thể giàu có, phải cùng chung với người khác, mình không được tự làm chủ, bị người khác khống chế, chẳng được thọ dụng tự do tự tại.

Tội tà dâm; tà dâm là hành vi không chánh đáng, hoặc trái với pháp luật, tức chẳng phải vợ của mình mà dùng mưu mô thủ đoạn dụ dỗ vợ của người khác, hoặc dùng cường bạo lăng nhục vợ của người khác, để đạt được sự thoả mãn, đó đều phạm về tội ác tà dâm. Cổ ngữ có nói rằng:

“Vạn ác dâm vi thủ, tử lộ bất khả tẩu”.

Nghĩa là: Trong vạn điều tội ác, thì tội tà dâm là đứng đầu, chúng ta ngàn vạn đừng phạm tội tà dâm. Phạm tội ác này, là tự mình đi tìm đường chết. Phạm về tội ác này, chết rồi sẽ đoạ vào trong ba đường ác, thọ hết tất cả tội báo rồi, nếu được sinh vào trong loài người, thì bị hai thứ quả báo. Một là vợ không trinh lương, vì họ hay khiến cho vợ của người khác không trinh lương, đời này phải bị quả báo vợ mình không trinh lương. Hai là quyền thuộc không được như ý, quyền thuộc bất hoà, chẳng có hạnh phúc.

Tội nói dối, cũng khiến cho chúng sinh đoạ vào ba đường ác. Phải thọ quả báo trong ba đường ác rồi, nếu được sinh vào trong loài người cũng bị hai thứ quả báo. Một là luôn luôn bị người khác phỉ báng, tức là bị chỉ trích. Hai là do thuở xưa thích nói dối, lường gạt người khác, cho nên đời này thường bị người khác lường gạt và phỉ báng lại.

Tội nói hai lưỡi, cũng khiến cho chúng sinh đoạ vào trong ba đường ác, thọ hết tội báo rồi, nếu sinh vào trong loài người, cũng bị hai thứ quả báo: Một là quyền thuộc không hoà thuận hoặc thường phân ly. Hai là mọi người

trong thân tộc, phần đông tướng mạo xấu ác, ít có người tuấn tú mà phần đông thành oán địch.

Tội chửi mắng, tức là thích chửi mắng người khác, nói ra làm hại đến người khác. Người như vậy chết rồi đọa vào trong ba đường ác. Sau khi thọ hết tội báo rồi, nếu được sinh vào trong loài người, cũng phải bị hai thứ quả báo: Một là thường bị người khác chửi mắng, mở miệng thì tranh luận với người khác, thậm chí phát sinh sự kiện tụng. Hai là bị người nào hại.

Tội thù ghét, tức là ưa thích nói lời tà, dẫn dụ kẻ khác làm chuyện không chánh đáng, có tư tưởng không chánh đáng, chết rồi cũng bị đọa vào trong ba đường ác. Thọ xong khổ báo rồi, nếu được sinh làm người, cũng bị hai thứ quả báo: Một là lời nói ra chẳng có ai để mắt tới. Hai là lời nói ra không rõ ràng, không hấp dẫn làm cho người khác chú ý.

Tội tham dục, người tâm tham nặng, dục vọng cũng nhiều, thì suốt đời uổng phí tâm sức, cũng không thể đầy đủ tâm tham, chết rồi đọa vào trong ba đường ác. Sau khi thọ hết khổ báo rồi, nếu được sinh làm người, cũng bị hai thứ quả báo. Một là trong tâm luôn cảm thấy không thể đầy đủ dục vọng, mà phiền não và thống khổ. Hai là suốt đời cứ tham lam tài vật không biết chán, chẳng được tự tại thoải mái.

Tội sân hận, cũng khiến cho chúng sinh chết rồi đọa vào trong ba đường ác. Sau khi thọ hết khổ báo rồi, nếu được sinh làm người, cũng bị hai thứ quả báo: Một là bị người khác trách mắng, nói họ không đúng. Hai là bị người khác chán ghét, làm tốt bị người khác cho rằng không tốt, thường bị người khác nào hại.

Tội tà kiến, tà kiến tức là kiến giải không chánh đáng, đối với sự lý, thường giữ biên kiến, chuyên môn phản đối chánh tri chánh kiến, lấy phải làm trái, lấy trái làm phải, nói những lời mê hoặc tâm người, do đó mà tạo ra nhiều tội nghiệp, chết rồi đọa vào trong ba đường ác. Sau khi thọ quả báo xong, nếu được sinh làm người, cũng bị hai thứ quả báo: Một là sinh vào nhà tà tri tà kiến, những gì thấy nghe đều tà ác, vĩnh viễn thấy nghe sự lý không được chánh tri chánh kiến. Hai là khi sinh ra tâm địa bất chánh, làm người hành vi hạ liệt, hư nguy dối trá, a dua nịnh bợ, tâm dua vạy theo người có quyền thế, chuyên môn khi dối đàn áp kẻ bần cùng nhược tiểu. Vì tà kiến, nên phạm mười điều ác ở trên, làm nhiều điều bất nghĩa, không biết chết rồi sẽ bị đọa vào trong ba đường ác thọ quả báo thống khổ. Làm người nếu thọ quả báo khổ ở trên, đừng bao giờ trách người khác không tốt đối với bạn. Phải tự mình phản tỉnh, đó đều là do đời trước đã gieo trồng xuống nhân ác, đời này thọ quả báo, là tự mình làm mình chịu. Bồ Tát Kim Cang Tạng nói xong mười điều ác rồi, lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Các vị hiện tại đều biết tội báo thống khổ vô lượng vô biên của mười điều ác, chúng sinh làm ác phải thọ vô lượng vô biên tội báo.

Do đó, Bồ Tát nghĩ như vậy: Tôi sẽ xa lìa mười điều ác. Dùng mười điều lành để làm vườn pháp, vui thích an trụ. Tự mình trụ ở trong đó, cũng khuyên người khác, khiến cho họ trụ ở trong đó.

Biết tội báo của mười điều ác ở trên rồi, vị Bồ Tát này trụ Ly cấu địa, do đó bèn quán tưởng như vậy: Tôi tu hành Bồ Tát đạo, không nên phạm những tội ác này, không nên theo mười điều ác này mà đi hành sự, phải căn cứ vào mười điều lành tu học Phật pháp, dùng mười điều lành làm quy cụ cho mình, làm mục tiêu tu hành cho mình. Xa lìa mười điều ác, lại dùng mười điều lành làm vườn pháp, ưa thích tự tại trụ ở trong mười điều lành. Tự mình trụ ở trong vườn pháp thù thắng này, cũng khuyên quyến thuộc, bạn bè, hết thấy mọi người, đều lìa khỏi mười điều ác, cùng nhau trụ ở trong vườn pháp mười điều lành.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại đối với tất cả chúng sinh: Sinh tâm lợi ích, tâm an lạc, tâm từ, tâm bi, tâm thương xót, tâm nhiếp thọ, tâm thủ hộ, tâm tự kỷ, tâm sư, tâm đại sư.

Nghĩ như vậy nói : Chúng sinh đáng thương, đoạ vào tà kiến, ác huệ, ác dục, rừng rậm đường ác. Tôi phải khiến cho họ trụ nơi chánh kiến, thực hành đạo chân thật.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát chứng được Ly cấu địa, Ngài hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, không làm các điều ác, mà làm các điều lành, cho nên trở thành đại Bồ Tát trong Bồ

Tát. Ngài lại đối với tất cả chúng sinh, sinh khởi mười tám nguyện:

1. Cứu độ chúng sinh ác hạnh, khiến cho họ sống ở trong thiện hạnh, khiến cho họ đắc được tâm lợi ích chân chánh.

2. Vì những chúng sinh phiền não đó, khai thị cho họ, khiến cho tâm được an lạc.

3. Khiến cho những chúng sinh bị oán ghét sâu khổ đó, khai đạo cho họ sinh khởi tâm từ bi, không còn báo thù lẫn nhau nữa, đố kỵ lẫn nhau mà không được bình an.

4. Đối với chúng sinh cùng khổ, sinh khởi tâm bi trợ giúp họ thoát khỏi hoàn cảnh khốn khổ, sống trong sự an lạc.

5. Nhìn thấy những chúng sinh sống trong sự say sưa, chết trong mộng mơ, chìm nổi trong đời sống phóng dật, mà sinh khởi tâm thương xót, dùng bốn pháp nhiếp, khiến cho họ giác ngộ, sau đó tiếp dẫn họ đi vào con đường chánh.

6. Đối với những chúng sinh mất đi chánh niệm, đi vào con đường tà, sinh khởi tâm nhiếp thọ, giáo hoá họ, khiến cho họ sinh niềm tin chân chánh.

7. Đối với pháp hữu đồng tu, sinh khởi tâm thủ hộ, không khiến cho sinh tâm thoái chuyển.

8. Thấy những chúng sinh phát tâm Bồ đề, sinh khởi tâm hoan hỷ giống như thương mình.

9. Đối với những chúng sinh dũng mãnh tinh tấn, hướng về đạo đại thừa, thì sinh khởi tâm sư cung kính như sư (thầy).

10. Đối với những người tu hành đầy đủ tất cả căn lành công đức, thì sinh khởi tâm đại sư, cung kính họ như như đại sư trưởng.

Bồ Tát lại quán tưởng như vậy: Chúng sinh thật là đáng thương, bởi vì họ vô tri, không gặp được sự chỉ dạy của bậc thiện tri thức, mà đoạ lạc vào con đường tà tri tà kiến, vẫn cho mình là thông minh, sinh khởi những dục niệm không chánh đáng, giống như đi trên con đường chông gai đầy độc tố (ba đường ác), không thấy mặt trời, mê không ra khỏi được. Tôi phải tiếp dẫn họ, khiến cho họ sinh khởi chánh kiến, chánh tín, thường tu hành chân thật không hư ở trong Phật pháp.

Lại nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh phân biệt ta người, phá hoại lẫn nhau, đấu tranh sân hận, thiêu đốt không ngừng. Tôi phải khiến cho họ trụ ở nơi vô thượng đại từ.

Lại nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh tham luyến không chán, chỉ cầu tài lợi, tà mạng tự sống. Tôi phải khiến cho họ trụ nơi nghiệp thân miệng ý thanh tịnh, ở trong pháp chánh mạng.

Lại nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh thường theo ba độc, đủ thứ phiền não, do đó mà bị thiêu đốt. Không hiểu chí cầu phương tiện thoát khỏi. Tôi phải khiến cho

họ trừ diệt tất cả lửa lớn phiền não, an trí nơi Niết Bàn mát mẻ.

Lại nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh vì ngu si mờ tối nặng nề, màng dày vọng kiến che đậy, vào rừng rậm tối loà, mất đi ánh sáng trí huệ, đi con đường hiểm hoang dã, khởi các ác kiến. Tôi phải khiến cho họ được con mắt trí huệ thanh tịnh không chướng ngại, biết tất cả pháp như thật tướng, không theo sự chỉ dạy của người khác.

Bồ Tát trụ nơi Ly cấu địa, tích tụ tất cả căn lành, vì tất cả chúng sinh hồi hướng, để lợi ích chúng sinh. Do đó, Ngài lại quán tưởng như vậy: Hết thấy chúng sinh, đều do tướng ta, thấy cái ta, mà phân biệt đó đây quá nặng, nên phát sinh việc “phá hoại lẫn nhau, đó đây tranh đấu”. Nguyên nhân là do tranh lợi, đều hy vọng được lợi ích lớn, mới xảy ra sự phá hoại lẫn nhau, đấu tranh không ngừng.

Khi Đức Phật còn tại thế là thời đại chánh pháp, sau khi Đức Phật vào Niết Bàn rồi, là thời đại tượng pháp, lúc đó chùa chiền mọc lên khắp nơi, khắp nơi đều làm tượng Phật. Hiện tại là thời đại mạt pháp, chúng ta đều sinh vào thời đại mạt pháp này, trong đầu óc con người lúc nào cũng nghĩ đến chữ “lợi”, khắp nơi đều đấu tranh. Nước này với nước kia đấu tranh, nhà này với nhà kia đấu tranh, người này với người kia đấu tranh, đều tranh giành quyền lợi,

khắp nơi đều đầy dẫy không khí sân hận. Lửa dữ sân hận thiêu đốt không ngừng, lan tràn khắp nơi, khó mà dập tắt được. Bồ Tát trụ nơi Ly cấu địa, nhìn thấy tình huống như vậy, sinh khởi tâm đại từ mẫn, nói: “Tôi phải giáo hoá những loại chúng sinh này – chúng sinh phá hoại lẫn nhau, đấu tranh, sân hận - khiến cho họ biết nghiệp báo sân hận, cải ác hướng thiện, tu học pháp môn đại từ bi. Đối với tất cả chúng sinh, diệt trừ tâm sân hận và hành vi đấu tranh, khiến cho mọi người được an trụ trong đại từ bi”. Bồ Tát lại quán tưởng như vậy: Những chúng sinh này đều tham không chán, chẳng có lúc nào đầy đủ. Ví như đi buôn cầu phát tài, đều muốn được lợi lớn, được ngàn muốn vạn, được vạn muốn ức, vĩnh viễn không biết đủ. Tà mạng tự sống: tức là không suy xét chỗ tài lợi đến có chánh đáng hay không, cũng không suy xét nghề nghiệp có cao thượng hay không. Như những người chiêm tinh bói quẻ, xem tướng cát hung, nói những lời hay tốt, nhờ đó mà kiếm tiền, mưu danh lợi, đó đều là tà mạng tự sống. Bồ Tát chẳng hỏi cát hung họa phước, cho nên Ngài không tin lời tiên đoán, cũng không chiêm bói. Do đó, Ngài phát nguyện độ những chúng sinh tà mạng tự sống, khiến cho thân miệng ý ba nghiệp của họ được thanh tịnh, có chánh tri chánh kiến, trụ trong đời sống chánh mạng chánh nghiệp.

Bồ Tát Ly cấu địa lại quán tưởng như vậy: Tất cả chúng sinh thường chuyển theo ba độc – tham sân si. Từ vô thủy kiếp đến nay, tại sao chúng sinh không thể thành Phật, người tu đạo cũng rất ít chứng quả ? Vì bị ba độc mê hoặc, làm cho con người mê muội, việc gì cũng điên đảo không tỉnh giác. Tham thì tham không biết chán. Sân là lửa vô minh, khiến cho con người tánh nóng giận rất lớn. Si là

thấy việc không rõ ràng, còn cho rằng đúng. Trong ba độc đó, người tâm tham nặng thì khó giáo hoá nhất. Do bị ba độc mê hoặc che đậy tâm trí, nên sinh ra vô lượng phiền não, phiền não có thể khiến cho con người chẳng có trí huệ, chẳng có trí huệ thì diệt mất ánh sáng quang minh. Thứ lửa độc phiền não này thiêu đốt mãnh liệt, che lấp bản tánh, làm cho chúng sinh trầm mê ở trong đó, căn bản không thể minh bạch sự tai hại của ba độc, lưu chuyển luân hồi, trôi mãi không ngừng, lại không biết tìm cầu pháp môn phương tiện thoát khỏi lưới La, ra khỏi ba cõi. Tôi phải giúp họ diệt trừ lửa lớn phiền não ba độc - có tám vạn bốn ngàn phiền não. An trí họ trong cảnh giới mát mẻ không sinh không diệt, chứng được bốn đức Niết Bàn: Thường, lạc, ngã, tịnh.

Bồ Tát lại quán tưởng như vậy: Tất cả chúng sinh do ngu si, nên không rõ thị phi, giống như bị nhốt ở trong đen tối, không thấy được ánh sáng. Vì ngu si nên sinh ra sự thấy hư vọng, thấy hư vọng tức là trong con mắt sinh ra một lớp màng dày, che lấp sự thấy. Lại giống như đi ở trong rừng rậm tối tăm (quá nhiều phiền não), mất đi ánh sáng trí huệ vốn có, lại giống như đi giữa bầy ác thú hoang dã nguy hiểm - bầy sói, cọp, báo, sư tử. Chúng sinh như vậy, họ lúc nào cũng sinh khởi đủ thứ biên kiến ác độc. Bồ Tát nói: “Tôi phải cứu độ những chúng sinh này, khiến cho họ đắc được cảnh giới viên dung vô ngại, đắc được con mắt trí huệ thanh tịnh, chiếu khắp tất cả các pháp thật tướng, chân như thật tướng, không cần ỷ lại sự giáo hoá của người khác, tự mình cũng giác ngộ được cảnh giới này”.

Lại nghĩ như vậy: Tất cả chúng sinh ở trong đường hiểm sanh tử, sẽ đoạ vào địa ngục súc sinh ngã quý. Vào trong lưới ác kiến, do rừng rậm ngu si làm mê. Theo đuổi tà đạo, làm hạnh điên đảo. Ví như người mù, không có người dẫn đường, thì không thể ra khỏi yếu đạo. Vào cảnh giới ma, bị ác tặc nhiếp lấy, tùy thuận tâm ma, xa lìa tâm Phật. Tôi phải cứu họ ra khỏi hiểm nạn như vậy, khiến cho họ trụ nơi thành Nhất thiết trí không sợ hãi.

Bồ Tát trụ Lý cầu địa, lìa khỏi tất cả phiền não, tập khí và ma bệnh, cũng lìa khỏi tất cả nhiễm ô. Chẳng có tâm nhiễm ô, cũng chẳng có dục niệm, đạt đến cảnh giới đoạn dục khứ ái trở về nguồn cội. Phạm phu thì không như vậy, tâm dục quá nặng, xem ái làm sanh mạng thứ hai, làm việc điên đảo, suốt ngày ở trong phiền não còn tự cho là vui, trộn thức ăn uống với phiền não làm một, cũng không tự giác. Gặp có thiện tri thức giáo hoá, muốn khiến cho lìa khổ cầu vui thanh tịnh chân thật, họ cũng không tin. Có những người đến già, hoặc lúc lâm chung mới giác ngộ, nhưng không thể nào học tập tu hành được nữa, có những người đến chết cũng không giác ngộ.

Bồ Tát nhìn thấy tất cả chúng sinh điên đảo ngu si như vậy, lại quán tưởng như vậy: Rất nhiều chúng sinh cũng đang bồi hồi ở trong đường sinh tử nguy hiểm, nếu

bất cần sẽ sinh ra sai lầm lớn. Một niệm sinh ác sẽ đọa vào địa ngục, súc sinh, ngạ quỷ, ba đường ác, thọ tội báo không có thời hạn. Một niệm sinh thiện công đức, sẽ sinh về liên bang đắc Phật quả, tất cả chỉ ở tại một niệm. Địa ngục không giống như nhà tù ở nhân gian, tùy theo tội nghiệp của người tạo mà hiện ra, nghiệp chín mùi thì đi thọ. Nặng nhất gọi là địa ngục vô gián, địa ngục này không hạn chế số người thọ, một người cũng đầy, thời gian cũng không biết là bao lâu. Tại sao có địa ngục này ? Vì làm người tà kiến quá sâu nặng. Súc sinh cũng có trăm ngàn vạn thứ, thọ báo cũng không giống. Ngạ quỷ là một loài ở trong đường ngạ quỷ, quỷ có trăm ngàn vạn thứ quỷ; như có quỷ đói, quỷ giàu, quỷ nghèo. Quỷ giàu chẳng phải giống như sự giàu có ở nhân gian, có rất nhiều tài sản, mà là có thể lực, có quỷ thông. Quỷ có ngũ thông, nhưng chẳng có lậu tận thông. Quỷ nghèo cũng chẳng phải không có tiền, mà là chẳng có thể lực, chẳng có quỷ thông, tri thức thấp kém.

Xã hội Trung Quốc đốt tiền giấy cho người mất, có tác dụng gì chẳng ? không có cách gì chứng minh. Người tây phương chẳng đốt tiền giấy, e rằng những người mất của họ không có tiền xài chẳng ? Người Trung Quốc đốt tiền giấy thật có dụng ý, là con cháu đời sau đối với tổ tiên biểu thị lòng hiếu, không quên sự khổ cực của người xưa, để tưởng nhớ mà thôi. Ngạ quỷ trải qua trăm kiếp khó mà được một chút thức ăn uống vào trong bụng, hơn nữa thức ăn ngon một khi vào trong miệng lập tức biến thành lửa, đó là do nghiệp báo chiêu cảm ra.

Tôi nhớ lại, vào thời năm dân quốc thứ ba mươi ba, tỉnh Hà Nam của Trung Quốc gặp nạn hạn hán lớn, ngũ cốc thất thu, mọi người không có thức ăn, phải ăn rễ cỏ, vỏ cây

và đất trắng. Ngoài đồng có một loại sâu, người ta giăng lưới bắt để làm thức ăn, khi họ bỏ vào nồi rang để ăn thì, những loài sâu đó biến thành phân, đó là do công nghiệp của con người chiêu cảm ra. Nghiệp chiêu cảm như vậy, các vị nên thức tỉnh !

Vào trong lưới ác kiến, do rừng rậm ngu si làm mê; chúng sinh không có chánh kiến, thì sinh ra ác kiến, làm việc điên đảo, giống như bị khốn ở trong lưới la ác kiến, ngu si giống như cây gai mọc rậm rạp, làm cho chúng sinh mê hoặc ở trong đó. Đuổi theo tà đạo, làm việc điên đảo; chúng sinh bị khốn ở trong rừng rậm tà kiến ngu si, tâm tánh bị mê hoặc, thì tự nhiên chạy theo ngoại đạo, làm việc cũng điên đảo. Chỗ này có ví dụ, giống như người mù đi đường, chẳng có ai dẫn đường, vốn chẳng có cách chi thoát khỏi ba cõi, nhưng họ tự cho rằng họ đã thoát ra khỏi ba cõi. Kỳ thật là vào trong cảnh giới ma, làm quyến thuộc của ma. Bị ác tặc nhiếp phục, tất cả đều tùy thuận theo tâm ý của ác ma, xa lìa khỏi tư tưởng chánh đạo của Phật. Bồ Tát tự nghĩ phải đi theo vào trong đường ác, để cứu chúng sinh ra, khiến cho họ thoát khỏi hoàn cảnh khốn khó, khiến cho họ trụ ở trong thành quách bốn vô sở úy và đủ Nhất thiết trí huệ, vĩnh viễn không còn đoạ vào trong cảnh giới ma.

Bây giờ thảo luận về vấn đề, tại sao chúng sinh có nhiều phiền não ? Chủ yếu là do tướng ta tác quái.

1. Chúng sinh: Là chúng duyên hoà hợp mà sinh, con người do có các duyên hoà hợp mới sinh làm người.

2. Thấy cái ta: Tức là tướng ta. Thấy có cái ta, thì có tướng ta. Có tướng ta thì có tướng người. Có tướng người thì có tướng chúng sinh. Có tướng chúng sinh thì có tướng

thọ mạng. Đó gọi là bốn tướng. Thấy cái ta, tức là trước hết có quan niệm về cái ta. Song, cái ta này chẳng phải là cái ta thật. Một số người nhận rằng là có cái ta; vậy chúng ta đừng ngại suy xét, quán sát kỹ lưỡng. Toàn thân của chúng ta từ đầu cho đến bàn chân, ngũ quan tứ chi, bên trong thì có ngũ tạng lục phủ, bên ngoài thì có lông, tóc, da, mỗi thứ đều có tên của nó, vậy chỗ nào gọi là cái ta ? Tức không có cái ta, vậy có thấy cái ta chẳng ? Đây là sự chấp trước của chúng sinh. Do có cái ta, nên có sự ích kỷ, bèn sinh chấp trước về thấy cái ta, tranh lấy cái ta này, cái ta nọ, tất cả đều thuộc về ta. Khi còn sống thì ta ôm lấy, giữ gìn tất cả, không thể nào mất đi. Khi chết đi thì tâm thương tiếc, cũng chẳng mang đi được, phải bỏ lại hết, gì cũng chẳng có. Ta lại đi về đâu ? Vì cái ta này chỉ biết chính mình, chẳng màn đến sự sống chết của kẻ khác, do đó làm cho thế giới càng thêm độc hại, tâm con người càng ngày càng xu hướng hạ lưu, mỗi ngày không như mỗi ngày, đó đều do chấp trước mà tạo thành nghiệp quả, hại khổ con người. Nếu cái ta không còn, thì còn thấy cái ta nữa chẳng ? Đây là phá trừ sự chấp trước về thấy cái ta của đại ngã (cái ta lớn) ; vẫn còn có chút ít sự chấp trước vi tế về tiểu ngã (cái ta nhỏ), chẳng còn chấp trước thì tướng là sẽ không. Lúc đó, tận hư không khắp pháp giới, đều hợp với tự tánh mà làm một, liền đạt đến cảnh giới :

"Không ta không người quán tự tại
Chẳng không chẳng sắc thấy Như Lai".

Thấy ta người thành một thể, người có cát, hung, họa, phước, cũng giống như mình có, như vậy thì dần dần sẽ diệt trừ được sự chấp trước. Bồ Tát lợi ích tất cả chúng

sinh, chưa bao giờ nghĩ Ngài đang làm lợi ích cho người khác. Tuy độ tận hết tất cả chúng sinh, nhưng Ngài chưa từng nghĩ Ngài đã từng độ một chúng sinh nào, đó tức gọi là "hành sở vô sự", quét tất cả các pháp, lia tất cả các tướng. Nếu bạn nghĩ đến mình giúp người, lợi ích người, tức giống như đang khởi vọng tưởng. Bỏn lai không một vật, chỗ nào dính bụi bặm !

Lại nghĩ như vậy : Tất cả chúng sinh, bị dòng nước chảy xiết sóng lớn nhận chìm vào dòng đục, dòng hữu lậu, dòng vô minh, dòng tà kiến, xoay lăn trong sinh tử, trôi nổi trong sông ái dục, mãi bị dôi dập không rảnh để quán sát.

Bị quan niệm tham dục, quan niệm sân hận, quan niệm độc hại theo đuổi không bỏ được. Thân thấy La Sát chấp lấy ở trong đó, đưa họ vĩnh viễn vào trong rừng rậm ái dục. Do sự tham ái, mà sinh ra nhiễm trước sâu nặng. Trụ nơi gò ngã mạn, ở nơi tụ lạc sáu căn. Nếu không có người cứu giải, thì không thể độ được họ. Tôi sẽ ở nơi đó khởi tâm đại bi, dùng các căn lành cứu độ họ, khiến cho không có tai

hoạn lìa nhiễm tịch tĩnh, trụ nơi thành báu nhất thiết trí huệ.

Bồ Tát chúng được Ly cầu địa lại quán tưởng như vậy : Tất cả chúng sinh giống như đang đứng ở bên cạnh dòng nước chảy xiết. Dòng nước chảy xiết chảy rất mạnh và nhanh. Người đứng ở bên cạnh dòng nước chảy xiết, thì có thể bị cuốn trôi vào trong biển, thậm chí có thể bị mất mạng, đây là ví dụ chúng sinh sinh tồn nguy hiểm ở trong ác kiến. Chúng sinh sẽ bị cuốn vào dòng dục : Dòng tham dục tức là do hành vi tham dục không biết chán khởi lên. Dòng hữu lậu : Tức là bị dẫn vào trong ba cõi, hoặc ở trong tà kiến hai mươi lăm cõi. Dòng vô minh : Tất cả tà tri tà kiến đều do vô minh mà sinh, vào dòng vô minh rồi, thì tất cả việc xấu đều làm ra. Dòng tà kiến : Tức là biên kiến, tà kiến, là ngựa hại bày ở trong nhân loại. Những chúng sinh này ở trong biển sinh tử, bị sóng nhận chìm xoay chuyển, trôi nổi ở trong sông ái tình. Mãi bị dôi dập : Là hình dung dòng nước chảy xiết chảy rất nhanh, rất mạnh, giống như ngựa chúng, khiến cho chúng sinh leo lên yên rồi, cũng không có thời gian để quán sát tình hình kỹ càng. Lại bị tà huệ sai khiến, sinh ra giác tri tham dục, tham cầu không ngừng. Giác tri sân hận, khiến cho con người nổi giận, cứ làm những chuyện vô ích tà giác tri có hại, mà còn bị những tà huệ đó ràng buộc không thể nào giải thoát. Lại bị một thứ ác quỷ tà kiến thân thấy La Sát, chấp lấy không buông bỏ đặng, đưa họ vĩnh viễn vào trong rừng rậm ái dục, vĩnh viễn mê hoặc ở trong ác niệm tham ái tập khí xấu, sinh ra sự ô nhiễm chấp trước thâm sâu ; khiến cho họ trụ ở trên núi cao đại ngã mạn, an nhiên sống ở trong tụ lạc

sáu căn sáu trần. Chẳng có ai dùng phương pháp khéo léo cứu họ, cũng chẳng có ai đến trợ giúp cứu độ họ. Bồ Tát thấy loại chúng sinh này, bèn phát nguyện nói : Tôi phải sinh khởi tâm đại bi đối với những chúng sinh này, đem đủ thứ căn lành công đức tích tụ của tôi tu hành, để cứu giúp họ, khiến cho họ vĩnh viễn không có tai nạn, xa lìa sự nhiễm ô, đắc được an lạc Niết Bàn tịch tĩnh, khiến cho họ trụ nơi thành báu lớn có đủ nhất thiết trí huệ.

Lại nghĩ như vậy : Tất cả chúng sinh ở trong lao ngục thế gian, chịu nhiều khổ não. Thường ôm lấy sự thương ghét, tự sinh lo sợ. Bị tham dục sâu nặng trói buộc, che đậy trong rừng rậm vô minh. Ở trong ba cõi, không thể nào tự ra được. Tôi phải khiến cho họ vĩnh viễn lìa khỏi ba cõi, trụ ở trong đại Niết Bàn không chướng ngại.

Bồ Tát trụ Ly cấu địa lại quán tưởng như vậy : Tất cả chúng sinh ở trong lao ngục thế gian, họ rất ta thán, những chúng sinh này ở trong thế gian, giống như ở trong lao ngục, không thể nào thoát khỏi khổ não của ba cõi. Đức Phật đã từng nói : "Ba cõi không yên, như ở trong nhà lửa". Song, chúng sinh không giác ngộ, giống như chim bị nhốt ở trong lồng, không thể được tự do. Con người đến thế gian này có rất nhiều khổ và vô lượng phiền não không thoát ra được. Thường ôm lòng thương ghét, tự sinh lo sợ : Thường thường đều bị khổ về thương yêu phải xa lìa, hoặc khổ về ghét mà gặp nhau. Tức là có oán, ghét hận, nên phải gặp

nhau, cùng hại nhau mà sinh khổ não. Mình lại luôn luôn không việc gì mà lại sinh lo, ở đâu cũng sinh lo sợ. Lo về quần áo, lo về ăn uống, lo về con cái không phát đạt, lo về gia tài không thịnh vượng. Lo về không có nhà ở, lại sợ bệnh tật tai hại xảy đến, nghĩa là suốt ngày cứ sợ hãi, để tâm vào sự không an như vậy. Tâm tham dục trói buộc sâu nặng, giam hãm con người không lối thoát. Tham không biết chán, làm cho tâm thần mệt mỏi, đến lúc chết thì chẳng mang theo được gì cả. Dục vọng nhốt chặt con người không lối thoát. Vô minh giống như rừng rậm dày đặc, che đậy mắt con người nhìn không thấy rõ sự vật. Người ngu si chẳng có trí huệ suốt ngày ở trong bóng tối, lưu chuyển ở trong ba cõi – cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, vĩnh viễn không thể thoát ra được. Bồ Tát nói : "Tôi phải độ những chúng sinh này, để cho họ vĩnh viễn thoát khỏi thống khổ trong ba cõi, trụ ở đại Niết Bàn thường lạc ngã tịnh, không sinh không diệt, không có sự chướng ngại".

Lại nghĩ như vậy : Tất cả chúng sinh chấp trước về cái ta, nơi nhà tù năm uẩn, không cầu thoát khỏi. Nương tựa vào tụ lạc sáu căn trống rỗng, khởi lên bốn hạnh điên đảo. Bị rắn độc bốn đại xâm phạm não hại, oán tặc năm uẩn giết hại, thọ vô lượng khổ. Tôi phải khiến cho họ trụ nơi tối thắng không có sự chấp trước, đó là vô thượng Niết Bàn diệt tất cả sự chướng ngại.

Lại nghĩ như vậy : Tâm của họ thấp kém, không thực hành đạo nhất thiết trí tối thượng. Tuy muốn giải thoát, nhưng thích Thanh Văn, Bích Chi Phật thừa. Tôi phải khiến cho họ trụ nơi Phật pháp rộng lớn, trí huệ rộng lớn.

Bồ Tát trụ Ly cầu địa lại nghĩ như vậy : Tất cả chúng sinh, đều có ma bệnh giống nhau, tức là đều chấp vào cái ta. Trong nhà tối năm uẩn - sắc, thọ, tưởng, hành, thức, không muốn đi ra khỏi nhà tối này. Ý lại vào sáu căn - Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Tư tưởng tụ lạc rộng không : Tức là nói vốn là không, nên nói sáu căn tụ lạc rộng không. Khởi bốn hạnh điền đảo : Sinh khởi bốn hành vi điền đảo :

1. Chẳng thường cho rằng thường.
2. Chẳng vui cho là vui.
3. Chẳng phải ngã cho là ngã.
4. Chẳng tịnh cho là tịnh.

Vì có bốn thứ điền đảo này, cho nên tự tánh mê mất đi. Rắn độc bốn đại này xâm hại nhiệt não - bốn con rắn độc là : đất, nước, gió, lửa. Lại bị oán tặc năm uẩn giết hại – năm uẩn là : sắc, thọ, tưởng, hành, thức, do đó mà thọ vô lượng thống khổ. Bồ Tát nói : "Tôi phải giáo hoá loại chúng sinh thọ khổ này, khiến cho họ trụ nơi vô thượng Niết bàn an lạc thù thắng nhất, không còn sự chấp trước nào, tất cả mọi sự chướng ngại đều diệt trừ, khiến cho tất cả chúng sinh đều được an lạc".

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tất cả chúng sinh, tâm lượng của họ, đều rất thấp kém, không biết tu học lục độ vạn hạnh, chánh tri chánh kiến chánh tín tối thù thắng, và Phật pháp rộng lớn. Tuy nhiên họ cũng muốn thoát khỏi ba cõi, ra khỏi biển khổ, nhưng vì tâm lượng hẹp hòi, ưa thích tu học pháp Thanh văn và Bích chi Phật nhị thừa. Bồ Tát nghĩ : Hiện tại tôi đã biết tâm nguyện tiểu thừa của họ, nên phải giáo hoá họ hồi tiểu hướng đại, phát tâm nguyện đại thừa, hướng về đại thừa, cầu được đại trí huệ chân chánh rộng lớn vô biên.

Phật tử ! Bồ Tát hộ trì giới như vậy, khéo tăng trưởng tâm từ bi.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Ly cấu địa, do nhờ nguyện lực, nên gặp được nhiều vị Phật : Gặp được nhiều trăm vị Phật, nhiều ngàn vị Phật, nhiều trăm ngàn vị Phật, nhiều ức vị Phật, nhiều trăm ức vị Phật, nhiều ngàn ức vị Phật, nhiều trăm ngàn ức vị Phật. Như vậy cho đến gặp nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật.

Ở chỗ các Đức Phật, dùng tâm rộng lớn, tâm thâm sâu, cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường : Y phục, thức ăn uống, toà ngồi, thuốc men, tất cả đồ tư sanh, thấy đều dâng cúng. Cũng cúng

dường cho tất cả chúng Tăng, đem căn lành này, hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở chỗ các Đức Phật, dùng tâm tôn trọng, lại thực hành pháp mười điều lành, tùy theo sự thọ trì, cho đến bồ đề, trọn không quên mất.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát hộ trì giới hạnh của Ngài như vậy, nhờ đó mà tăng trưởng tâm từ bi để lợi ích chúng sinh. Phật tử ! Bồ Tát Ly cấu địa, do nguyện lực thù thắng cao xa của Ngài, cho nên gặp được rất nhiều vị Phật : Hàng trăm, ngàn, ức, trăm ức, ngàn ức, vạn ức, cho đến nhiều không thể đếm được số vị Phật. Ở tại chỗ các đức Phật, dùng tâm Bồ Tát đại thừa rộng lớn, chân tâm chí thành khẩn thiết, cung kính lễ nghi tôn trọng tối cao vô thượng, và tâm ân cần dâng cúng lên các đức Phật. Lại cúng dường tất cả đồ cần dùng như : Y phục, thức ăn uống, toà ngồi, thuốc men .v.v... các thứ vật chất, không để cho thiếu thốn, cũng đem những thứ đồ như vậy cúng dường lên hết thầy các hiền Thánh Tăng. Đem căn lành tu học, tích tụ đủ thứ công đức của Ngài, hồi hướng về quả vị bồ đề chí cao vô thượng (A nậu đa la tam miệu tam bồ đề). Ở chỗ các đức Phật, càng dùng tâm tôn kính tu tập pháp môn mười điều lành, tùy theo chỗ tu tập tâm đắc, từ ban đầu phát tâm đến chứng được quả giác bồ đề, vĩnh viễn không bao giờ tiêu mất.

Bồ Tát đó, ở trong vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, vì xa lìa cấu bấn tham

lam đồ kị phá giới, nên bố thí trì giới thanh tịnh đầy đủ. Ví như vàng thật để trong phần thạch, theo như pháp luyện rồi, lìa khỏi tất cả dơ bẩn, lại được sáng sạch.

Bồ Tát trụ Ly cầu địa này, cũng lại như thế. Trong vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, vì xa lìa cầu bản tham lam đồ kị phá giới, nên bố thí trì giới thanh tịnh đầy đủ.

Phật tử ! Bồ Tát này ở trong bốn pháp nhiếp, thiên nhiều về ái ngữ. Trong mười Ba la mật, thiên nhiều về trì giới, còn các pháp kia, chỉ tùy phần tùy sức.

Phật tử ! Đó là lược nói về Ly cầu địa thứ hai của đại Bồ Tát. Bồ Tát trụ ở địa này, phần nhiều làm Chuyển Luân Thánh Vương, làm đại pháp chủ. Đầy đủ bảy báu, có sức tự tại, trừ được tất cả chúng sinh cầu bản tham lam phá giới. Dùng phương tiện khéo léo, khiến cho họ an trụ trong mười điều lành. Làm đại pháp chủ chu cấp vô tận. Bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, làm tất cả các nghiệp như vậy, đều không

là niệm Phật, không là niệm pháp, không là niệm Tăng, cho đến không là niệm đầy đủ nhất thiết chủng trí, nhất thiết trí.

Lại nghĩ như vậy : Tôi phải ở trong tất cả chúng sinh, là thượng thủ, là thắng, là thù thắng. Là diệu, là vi diệu. Là thượng, là vô thượng. Cho đến là chỗ y chỉ của trí nhất thiết trí. Nếu Bồ Tát này muốn từ bỏ nhà thế tục, để vào trong Phật pháp, siêng thực hành tinh tấn, thì sẽ xả bỏ được nhà vợ con năm dục.

Bồ Tát trụ Ly cầu địa, ở trong vô lượng trăm ngàn ức Bất khả thuyết kiếp, đã xa lìa san tham và đố kỵ phá giới. Các Ngài lúc nào cũng giữ gìn giới luật thanh tịnh, giống như trăng rằm mùa thu trong sáng, chẳng có chút mờ đục nào. Đối với sự bố thí và giữ giới luật, đều đã hoàn toàn thanh tịnh không ô nhiễm, viên mãn đầy đủ. Giống như vàng thật ở trong phàn thạch, y theo pháp rèn luyện, luyện đến sạch không còn cấu bẩn nữa, thì sẽ trong sáng thanh tịnh hơn so với lúc trước. Khi Bồ Tát chứng được địa thứ hai, thì cũng như luyện vàng, ở trong vô lượng kiếp về trước, đã xa lìa nhiễm ô san tham, phá giới, cho nên thực hành bố thí và giữ giới thanh tịnh viên mãn.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đại đệ tử của Phật ! Phương pháp của Bồ Tát trụ Ly cầu địa hành Bồ Tát đạo độ chúng sinh, ở trong bốn pháp nhiếp, thì

phần nhiều dùng phương pháp ái ngữ giáo hoá chúng sinh. Khi thực hành mười Ba la mật, thì chú trọng nhất về trì giới, về phương diện giới hạnh, chưa từng sơ suất, cũng chẳng phóng túng. Ba pháp nhiếp kia và chín Ba la mật kia còn lại, chẳng phải là hoàn toàn không dùng, mà chỉ là thấy cơ hành sự, tùy duyên phận của chúng sinh và khả năng của mình mà làm.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đại đệ tử của Phật ! Đây bất quá là nói sơ lược một chút về tình hình, tu hành của đại Bồ Tát trụ Ly cấu địa mà thôi. Khi Bồ Tát ở tại địa thứ hai, phần nhiều cũng đến nhân gian thị hiện làm Chuyển Luân Thánh Vương, dùng Phật pháp để trị vì việc nước, giáo hoá nhân dân, hoặc làm đại pháp vương, hoằng dương chánh pháp. Dùng căn lành công đức của Bồ Tát, hoá hiện Luân Vương, các Ngài nhất định là bảy báu đầy đủ:

1. Bánh xe báu, tên là Vô ngại hành.
2. Voi báu, tên là Kim cang thân.
3. Ngựa báu, tên là Tốc tạt phong.
4. Châu báu, tên là Nhật quang tạng.
5. Nữ báu, đệ nhất phu nhân.
6. Tạng thần báu.
7. Binh báu.

Có thần lực tự tại nhiệm vận tự như, có thể phá trừ tất cả san tham, tập khí nhiễm ô của chúng sinh. Dùng phương pháp phương tiện khéo léo, giáo hoá họ tu học Phật pháp mười điều lành, khiến cho họ cũng an nhiên trụ ở trong pháp mười điều lành. Làm chủ nhân đại bố thí, chu cấp vô cùng vô tận cho những người đáng thương. Bồ Tát dùng bốn Pháp nhiếp - bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, để giáo

hoá cứu độ chúng sinh, chưa từng quên niệm Phật, niệm Pháp, niệm Tăng, niệm công đức Tam Bảo. Cũng đầy đủ tất cả công đức căn lành, và tất cả trí huệ vô thượng đặc biệt thù thắng vi diệu.

Bồ Tát lại quán tưởng như vậy : Tôi phải ở trong tất cả chúng sinh, làm thượng thủ của họ, làm người lãnh đạo có trí huệ vi diệu, có tư tưởng, có chánh kiến, trở thành minh chứng của họ, và là chỗ y chỉ an toàn. Bồ Tát phát tâm nguyện Bồ Tát như vậy, nếu Ngài muốn xả bỏ sự ràng buộc của nhà thế tục, toàn tâm toàn ý tinh tấn tu hành trong Phật pháp, thì lập tức có thể từ bỏ vợ con, xả bỏ tất cả tiền tài châu báu thế tục, và sự hưởng thọ năm dục (tài, sắc, danh, ăn, ngủ), sống cuộc sống phạm hạnh thanh tịnh không nhiễm ô.

Khi đã xuất gia rồi, thì siêng năng tinh tấn. Trong khoảng một niệm, đắc được ngàn tam muội, thấy được ngàn vị Phật, biết thần lực của ngàn vị Phật, có thể chấn động ngàn thế giới, cho đến có thể thị hiện ngàn thân. Nơi mỗi mỗi thân, có thể thị hiện ngàn Bồ Tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng thần lực tối thắng của Bồ Tát, tự tại thị hiện, thì sẽ hơn số này. Trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp, không thể nào đếm biết được.

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn
thuật lại nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng :
Chất trực nhu nhuyễn và kham năng
Điều phục tịch tĩnh với thuần thiện
Tâm rộng lớn mau thoát sinh tử
Dùng mười tâm này vào Nhị địa.**

Bồ Tát xả bỏ đất nước, vợ con, tiền tài châu báu và năm dục – tài, sắc, danh, ăn, ngủ ; diệt được tham sân si, đi xuất gia trong thành Phật pháp, cho nên Ngài đặc biệt chuyên cần tinh tấn, tu hành giới, định, huệ. Trong khoảng một niệm, Ngài bèn khai ngộ chứng quả, đắc được ngàn thứ Tam muội – chánh định, chánh thọ. Cũng thấy được ngàn vị Phật, và biết được sức thần thông của chư Phật. Lại có thể khiến cho đại địa chấn động, thậm chí chấn động ngàn thế giới, lại có thể thị hiện ngàn thứ thân hình, mỗi thân hình, lại có thể thị hiện ngàn vị Bồ Tát, để làm quyến thuộc của Ngài. Nếu như nói về dùng nguyện lực đặc biệt thù thắng của Bồ Tát, thì thần lực tùy ý nhậm vận tự tại của Ngài rất phi thường, vượt qua số mục đó. Dù một trăm kiếp, một ngàn kiếp, trăm ngàn ức kiếp, cho đến không thể đếm được bao nhiêu kiếp, cũng không biết chính xác số mục thần thông biến hoá. Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn thuật lại lời ở trên, bèn dùng kệ để biểu đạt : "Tâm chất trực, tâm nhu nhuyễn, và tâm kham năng nhẫn nhục, tâm điều phục, tâm tịch tĩnh, tâm thuần thiện, tâm không tạp nhiễm mau thoát sinh tử, tâm vô cấu niệm, tâm rộng, tâm lớn, phải dùng mười thứ tâm này, thì sẽ chứng được quả vị Ly cấu địa".

Trụ thành tựu giới công đức này
 Xa lìa sát sinh không nã hại
 Cũng lìa trộm cắp và dâm dục
 Lìa hẳn vọng ác lời vô nghĩa.
 Không tham tài vật thường từ mẫn
 Chánh đạo tâm thẳng không xiêm nịnh
 Lìa hiểm xả mạn rất điều nhu
 Nương giáo mà hành không phóng dật.
 Địa ngục súc sinh thọ các khổ
 Ngạ quỷ thiêu đốt phun lửa mạnh
 Tất cả đều do tạo các tội
 Tôi phải lìa xa trụ thật pháp.
 Tuỳ ý thọ sinh trong loài người
 Cho đến Hữu Đỉnh vui thiên định
 Độc Giác Thanh Văn đạo Phật thừa
 Đều do thập thiện mà thành tựu.
 Suy gẫm như vậy không phóng dật
 Tự giữ tịnh giới dạy họ giữ
 Lại thấy quần sinh thọ các khổ
 Lại càng tăng thêm tâm đại bi.

Bồ Tát tu học mười thứ tâm thiện, thì có thể tiến vào trụ Ly cấu địa, thành tựu công đức trì giới của Ngài. Xa lìa ác tập giết hại tất cả chúng sinh, cũng không nhiễu loạn và

xâm hại họ, càng không trộm cắp tài vật của người khác, nhất là không dụ dỗ phụ nữ của người khác, phát sinh hành vi tà dâm không chánh đáng. Tất cả những giới nói dối, chửi mắng, nói hai lưỡi, và những lời lẽ tư tưởng thấp hèn hạ tiện. Đối với những ác hạnh đó phải đặc biệt cẩn thận, xa lìa, thì mới không đoạ vào ba đường ác. Người tu hành, đừng có tham đồ tất cả tiền tài vật chất, trong tâm thường tồn tại tâm từ bi, thương xót chúng sinh, phải tu tập Bát chánh đạo – Chánh kiến, chánh ngữ, chánh tư duy, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Phải dùng tâm chánh trực thành khẩn đối đãi với người khác, đừng dùng tâm hư nguy dối trá. Cũng phải phá trừ tâm âm hiểm ác độc, xả bỏ thái độ cống cao ngã mạn, đối với người bất luận giàu, nghèo, sang, hèn, một luật dùng tâm thành ý từ bi nhu hoà tiếp đãi. Kính trọng lời dạy của Đức Phật mà tu hành, một chút cũng không giải đãi ý lại, càng không vượt qua quy cụ, đi, đứng, nằm, ngồi, đãi người tiếp vật, tất cả đều phải hợp với quy giới của người xuất gia. Những chúng sinh đoạ vào trong địa ngục và thọ sinh làm súc sinh, họ đều phải thọ quả báo khổ rất nặng và lâu dài. Nếu đoạ vào trong nga quỷ, thì bị lửa dữ thiêu đốt đến trăm ngàn kiếp cũng chẳng tìm được một chút thức ăn uống. Những chúng sinh đó đoạ vào trong ba đường ác, đều do họ tự tạo mười điều ác mà chiêu cảm ra. Tuy nhiên như vậy, tôi cũng phải cứu độ họ thoát khỏi đường ác, khiến cho họ trụ nơi Phật pháp chân thật. Cõi nước thế gian, tùy theo ý của Ngài, muốn thọ sinh vào đâu thì thọ vào đó. Nghĩa là muốn thọ sinh lên cõi trời Hữu Đỉnh cao nhất, Tứ Thiên hoặc Tứ Không Xứ, hưởng thọ phước trời, hoặc hưởng thọ khoái lạc của thiên định; hoặc muốn thành

tự Độc Giác thừa, Thanh Văn thừa, hai thừa giác đạo; hoặc muốn phát tâm nguyện lớn thành tự Bồ Tát đạo, Phật đạo, đều do gieo trồng xuống nhân lành mười điều lành này mà thành tự. Bồ Tát suy gẫm, quán tưởng như vậy, không giải đãi ý lại, không tùy tiện, đều cẩn thận giữ gìn giới luật thanh tịnh, cũng khuyên người khác biết giữ gìn lợi ích công đức của giới. Bồ Tát do thấy được tinh hình tất cả chúng sinh thọ khổ, càng tăng thêm tâm từ bi của Ngài, đi giáo hoá hết thảy chúng sinh thọ khổ.

Phàm ngu tà trí hiểu bất chánh Thường khởi phẫn hận nhiều tranh tụng Tham cầu cảnh giới không nhàm đủ Tôi phải khiến họ trừ ba độc.

Tư tưởng của nga quý không chánh đáng so với con người. Tư tưởng của súc sinh ngu si hơn so với con người. Tư tưởng của phàm phu cũng rất ngu si hơn so với bậc Thánh nhân. Phàm phu đều tự cho mình mọi việc đều đúng, nhưng trong mắt của Thánh nhân thì chẳng có một việc nào mà không điên đảo, cũng chẳng biết đúng, thấy đúng, hiểu đúng. Vì ngu si điên đảo, nên sinh ra nhiều tà trí, tà kiến, tà giải, cho nên nói phàm ngu tà trí hiểu bất chánh. Trong tâm của phàm phu, đều luôn luôn ôm lòng phẫn hận, chẳng phải phẫn hận việc này, thì oán hận người nọ, tranh đấu với người, kiện tụng nơi toà án, đối với tất cả sự vật, đều tham cầu tranh giành, vĩnh viễn không có lúc nào ngừng. Cổ nhân có nói: “Tri túc thường lạc, năng nhẫn tự an”. Họ không biết đủ, cũng không khi nào an được. Nếu ai ai cũng biết đủ, thì thế giới sẽ chẳng còn chiến

tranh, nhân loại sẽ hoà bình. Bồ Tát Ly cầu địa, thấy phàm phu tạo nghiệp như vậy, bèn phát nguyện muốn giáo hoá họ, khiến cho họ biết tiêu trừ tham, sân, si, ba độc.

**Ngu si đen tối che trùm lấp
Vào đường hiểm lớn lưới tà kiến
Sinh tử giam hãm oán bắt nhất
Tôi phải khiến họ trừ ma tặc.**

Tại sao phàm phu tạo ra những việc không chánh đáng ? Vì họ bị ngu si đen tối – vô minh, làm cho tâm trí bị che trùm lấp, mà đi vào con đường hiểm ác, và vào sâu trong lưới tà kiến. Bị lòng sinh tử giam hãm, bị cừ oán bắt nhất, không minh bạch được tại sao lại bị lưu chuyển điên đảo ở trong dòng sinh tử, vĩnh viễn không thể nào được tự do. Bồ Tát Ly cầu địa phát nguyện, tôi phải giáo hoá những phàm phu này, khiến cho họ biết hàng phục ma tặc sáu căn sáu trần.

**Bốn dòng trôi nổi tâm chìm đắm
Ba cõi thiên đót vô lượng khổ
Chấp uẩn là nhà ngã ở trong
Vì muốn độ họ siêng hành đạo.**

Bốn dòng tức là lưu chuyển sinh tử, và tư tưởng điên đảo – tham, sân, si, mạn, bốn thứ tướng điên đảo. Tức cũng là : Không thường cho là thường, không vui cho là vui, chẳng phải ngã cho là ngã, không tịnh cho là tịnh. Nghĩa là : Không phải thường, lạc, ngã, tịnh chân thật, mà phàm phu cho là chân thật. Tư tưởng điên đảo rất nhiều, chỉ đưa

ra bốn thứ chủ yếu mà thôi. Phàm phu, ngoại đạo, nhận giặc làm con, nhận giả làm thật, lấy khổ làm vui. Nên trôi nổi tứ xứ; giống như ở trong biển cả, trôi dạt không có mục tiêu, trôi đi theo sóng. Tâm bị chìm ở trong tư tưởng điên đảo, chẳng có trí huệ. Ba cõi : Tức là cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc. Đức Phật đã từng nói :

"Ba cõi không yên, như trong nhà lửa".

Chúng sinh cõi dục xem dục làm sanh mạng, tham cầu tài, sắc, danh, ăn, ngủ; sắc, thanh, hương, vị, xúc. Vĩnh viễn không bao giờ đầy đủ, đó là vì lấy dục làm trung tâm của sự sinh hoạt. Nếu như có thể đoạn dục khử ái, thì sẽ vượt ra khỏi cõi trời dục giới, đạt đến cõi trời sắc giới. Nếu như không phá được sắc dục, đến cõi trời sắc giới rồi lại mê. Thoát khỏi cõi trời sắc giới, đến được cõi trời vô sắc giới, ở đây không còn thanh, sắc, cũng không còn tư tưởng nữa, nhưng vẫn còn ở trong ba cõi. Khổ trong ba cõi nhiều vô lượng, nên nói giống như thiêu đốt. Con người và tất cả chúng sinh, đều sinh tồn ở trong cõi trời dục giới. Phàm phu dùng sắc pháp, sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm uẩn làm nhà ở, lấy cái cái ta làm chủ thể ở trong đó. Tư tưởng sai lầm này biểu thị hành vi ai làm - nghiệp, khiến cho Bồ Tát Ly cầu địa thấy được, bèn phát nguyện cứu độ loại chúng sinh điên đảo này, thoát khỏi bốn dòng điên đảo, do đó Ngài dừng mãnh tinh tấn tu hành Phật đạo.

**Dù cầu thoát khỏi tâm thấp kém
Bỏ trí huệ tối thượng của Phật
Tôi muốn khiến họ trụ đại thừa
Chuyên cần tinh tấn không nhàm đủ.**

Có người muốn tu hành, nhưng không phát khởi được tâm từ bi, cũng không phát khởi được tâm vô ngã của đại thừa, chỉ muốn làm tự liễu hán, tu hành pháp Thanh Văn Duyên Giác cho xong việc. Vì chỉ muốn làm tự liễu hán, cho nên nói tâm của họ thấp kém. Tuy muốn tu thoát khỏi ba cõi, nhưng tâm lượng lại không lớn, chỉ có thể tu quả vị A la hán, không cầu trí huệ của Phật, không cầu pháp đại thừa, đối với trí huệ tối thù thắng, tối thượng của Phật thì không biết cầu. Do đó, Bồ Tát Ly cầu địa muốn khiến cho loại chúng sinh này, phát tâm đại thừa, trụ nơi Phật đạo đại thừa, phát tâm đại bồ đề, dũng mãnh tinh tấn, tu tập giới, định, huệ, không khi nào nhàm đủ.

**Bồ Tát trụ đây tập công đức
Thấy vô lượng Phật đều cúng dường
Ức kiếp tu trị thiện thêm sáng
Như dùng thuốc tốt luyện vàng thật.**

Bồ Tát trụ Ly cầu địa, phát tâm đại bồ đề, hành Bồ Tát đạo khó hành, tích tụ đủ thứ công đức. Thấy vô lượng vô biên trăm ngàn vạn, Hằng hà sa Na do tha vị Phật, đều thừa sự cúng dường. Trải qua vô lượng ức kiếp tu trị, thanh tịnh trí huệ càng thêm sáng sủa. Giống như dùng phương pháp phân thạch đúc vàng, để luyện vàng thật, thì vàng càng sáng. Nghĩa là nói trí huệ càng sáng tịnh, thì tu hành sẽ không phế bỏ giữa đường, chỉ cầu chứng được quả vị A la hán là mãn nguyện. Bồ Tát biết như vậy càng siêng cầu thượng thừa Phật đạo.

Phật tử trụ đây làm Luân Vương

Giáo hoá chúng sinh hành thập thiện Hết thấy pháp lành đều tu tập Sẽ thành Thập lực cứu thế gian.

Phật tử chúng được quả vị Ly cấu địa - Bồ Tát này, Ngài phát nguyện thị hiện làm Chuyển Luân Thánh Vương. Tại sao Ngài nguyện làm Chuyển Luân Thánh Vương ? Vì Chuyển Luân Thánh Vương có thế lực lớn, có đại thân thông, Ngài nhờ sức lực này mà giáo hoá khắp chúng sinh, khiến cho họ thọ trì năm giới, tu mười điều lành, tu tất cả phước báo. Hết thấy pháp lành đều dạy, khiến cho chúng sinh tu tập, thì sẽ thành tựu thân thông Thập lực của Phật, để cứu khắp chúng sinh thế gian.

Muốn bỏ ngôi vua và tài báu Liên bỏ nhà cửa nương Phật giáo Dũng mãnh tinh tấn trong một niệm Được ngàn tam muội thấy ngàn Phật.

Khi làm Chuyển luân thánh vương, Ngài có thể bỏ thí ngôi vua và tiền tài châu báu cho người khác, thậm chí có thể bỏ thí đất nước, vợ, con, đầu, mắt, tuỷ, não, cho chúng sinh, sau đó Ngài y chiếu theo sự giáo hoá của Phật để tu hành. Dũng mãnh, tinh tấn, tu hành Phật đạo vô thượng, khiến cho trong khoảng một niệm, đắc được ngàn thứ tam muội, thấy được ngàn vị Phật và ngàn thế giới.

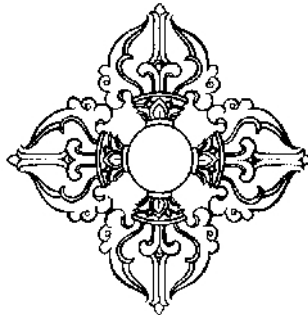
Hết thấy đủ thứ sức thần thông Địa này Bồ Tát đều hiện được

Nguyện lực chỗ làm lại hơn đây Vô lượng tự tại độ quần sinh.

Hết thầy đủ thứ sức thần thông, Bồ Tát trụ đệ nhị địa đều có thể hiển hiện được. Nếu dùng đại nguyện lực của Ngài mà nói, thì sức thần thông hiển hiện của Ngài, sẽ hơn nhiều so với cảnh giới ở trước đã nói, Ngài dùng vô lượng sức thần thông này, để độ hoá tất cả chúng sinh.

Người lợi ích tất cả thế gian Tu hạnh tối thắng của Bồ Tát Công đức Địa thứ hai như vậy Vì các Phật tử đã diễn nói.

Chúng sinh trong tất cả thế gian thọ được lợi ích, tu tập, đều do Bồ Tát giáo hoá hạnh tối thắng. Công đức thành tựu của Bồ Tát địa thứ hai như vậy, nay tôi đã vì các Phật tử mà diễn nói rõ ràng.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN BA MƯƠI LĂM

**PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU
THỨ BA PHÁT QUANG ĐỊA**

**Phật tử nghe được hạnh địa này
Cảnh giới Bồ Tát khó nghĩ bàn
Thấy đều cung kính tâm hoan hỉ
Rải hoa trong không để cúng dường.**

Các vị Phật tử nghe được pháp môn tu hành Ly cấu địa, cùng với hết thấy đủ thứ cảnh giới của Bồ Tát Ly cấu địa, đây thật là cảnh giới không thể nghĩ bàn. Chúng sinh chẳng có ai không cung kính, đều sinh khởi tâm đại hoan hỉ, do đó, ở trong hư không rải xuống các thứ hoa đẹp, để cúng dường chúng đại Bồ Tát trong pháp hội.

**Khen nói lành thay đại Sơn Vương
Tâm từ thương nhớ các chúng sinh
Khéo nói pháp luật nghi bậc trí
Tướng hạnh ở trong Địa thứ hai.**

Đại chúng trong pháp hội đều khen ngợi rằng : "Các vị đại Bồ Tát không thể nghĩ bàn ! Các Ngài vĩ đại giống

như núi chúa Tu Di ! Các Ngài dùng tâm từ bi để thương xót nhớ tưởng chúng sinh, pháp mà các Ngài nói với chúng sinh, đều là pháp của bậc Thánh có đủ đại trí huệ mới nói được. Như nhiếp thiện pháp giới, nhiếp luật nghi giới, nhiếp chúng sinh giới, ba thứ nhiếp tịnh giới này. Còn có pháp môn tu hành nên biết ở trong địa thứ hai, cùng với các phương pháp hành Bồ Tát đạo như thế nào ?"

**Hạnh vi diệu các Bồ Tát đó
Chân thật không khác không sai biệt
Vì muốn lợi ích các quần sinh
Diễn nói rất thanh tịnh như vậy.**

Hạnh môn vi diệu của Bồ Tát tu hành, là chân thật chẳng có chút hư nguy nào, chẳng có thật tướng khác biệt nào. Vì muốn lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên hiện tại diễn nói pháp môn chân đế rất thanh tịnh.

**Người được các trời người cúng dường
Xin hãy diễn nói Địa thứ ba
Các pháp tương ưng với trí nghiệp
Những cảnh giới đó mong nói đủ.**

Các Bồ Tát được tất cả phàm phu và chư Thiên cúng dường, xin Ngài Bồ Tát Kim Cang Tạng, tiếp tục nói pháp môn tu học của địa thứ ba, cùng với Phật pháp tương ưng, trí huệ đạo nghiệp tối thượng, và cảnh giới chứng nhập địa thứ ba. Xin Ngài diễn nói rõ ràng, cụ thể, để cho đại chúng lắng nghe.

**Phật có hết thủy pháp thí giới
Nhẫn nhục tinh tấn thiên trí huệ
Cùng với phương tiện đạo từ bi
Hạnh Phật thanh tịnh đều xin nói.**

Đức Phật viên mãn : Bồ thí, trì giới, nhẫn nhục, tinh tấn, thiên định, trí huệ, các pháp môn Ba la mật, cùng với phương tiện từ, bi, hỉ, xả, Phật đạo vô thượng, và phạm hạnh thanh tịnh của Phật, nguyện lực không thể nghĩ bàn .v.v... đều thỉnh cầu Ngài - Bồ Tát Kim Cang Tạng vì chúng tôi nói rõ.

**Bấy giờ Giải Thoát Nguyệt lại nói
Đại Sĩ vô úy Kim Cang Tạng
Xin nói hướng vào Địa thứ ba
Các công đức bậc tâm nhu hoà.**

Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt lại đại biểu cho đại chúng pháp hội, hướng về Bồ Tát Kim Cang Tạng thỉnh pháp : Bồ Tát Kim Cang Tạng đại vô úy ! Đại Sĩ Kim Cang Tạng đầy đủ tâm từ bi, tâm nhu hoà, tích tụ đủ thứ căn lành công đức ! Chúng tôi đều cầu mong Ngài vì đại chúng diễn nói, phải tu hành như thế nào mới có thể chứng nhập vào quả vị địa thứ ba ?

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng bảo
Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng : Phật tử !
Đại Bồ Tát đã tịnh Địa thứ hai, muốn vào**

Địa thứ ba, phải khởi mười thứ tâm thâm sâu. Những gì là mười ?

Đó là : Tâm thanh tịnh, tâm an trụ, tâm nhàm xả, tâm lìa tham, tâm bất thối, tâm kiên cố, tâm minh tịnh, tâm dũng mãnh, tâm rộng, tâm lớn. Bồ Tát nhờ mười tâm này vào được Địa thứ ba.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng bèn bảo Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt và các vị Bồ Tát nói : "Các vị đại đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo tích tập đủ thứ căn lành, các Ngài đã tịnh trị địa thứ hai, như nay muốn tiếp tục tu học địa thứ ba, thì phải phát mười thứ tâm thâm sâu. Tâm thâm sâu tức là phát tâm thâm nhập hơn so với trước, cầu Phật pháp cao sâu hơn, trồng Phật nhân căn lành lớn hơn, phát tâm tin kiên cố hơn. Mười thứ tâm thâm sâu là :

1. Tâm thanh tịnh : Chân tâm chánh tri chánh kiến, chẳng có ô nhiễm.
2. Tâm an trụ : Tức là chẳng bị cảnh giới chuyển tâm tin, chẳng bị ngoại đạo dụ hoặc mà lay động.
3. Tâm nhàm xả : Nhàm lìa tâm tham nhiễm.
4. Tâm lìa tham : Tức nhiên đã sinh nhàm chán đối với tâm tham dục tạp nhiễm, thì hẳn nhiên xả bỏ lìa khỏi hẳn tâm nhiễm ô bất tịnh.
5. Tâm bất thối : Tâm siêng cầu Phật đạo, tinh tấn tu học, vĩnh viễn không thối chuyển.
6. Tâm kiên cố : Tâm tin kiên cố, chắc chắn không nghi ngờ đối với pháp của Phật nói, không sinh tư hào sự hoài nghi.

7. Tâm minh thanh : Tâm có trí huệ thông minh, hay tinh tấn chuyên cần hướng thượng, chẳng có ngu si và vô minh.

8. Tâm dũng mãnh : Tâm dũng mãnh tinh tấn, tư hào không thối lùi.

9. Tâm rộng : Tâm rộng rãi hay bao dung người nhường người, và cung kính khiêm hoà.

10. Tâm lớn : Có tâm nguyện lớn, tâm từ bi xả mình vì người, cứu người độ đời, phát tâm tu học Phật pháp đại thừa, độ khắp tất cả chúng sinh. Bồ Tát phát mười thứ tâm thâm sâu này, sẽ tiến vào địa thứ ba.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ Địa thứ ba rồi, quán tất cả pháp hữu vi như thật tướng. Đó là : Vô thường, khổ, bất tịnh, không an ổn, bại hoại, không trụ lâu, sát na sinh diệt, chẳng theo phía trước sinh, chẳng hướng phía sau diệt, chẳng trụ ở hiện tại.

Các vị đại đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát đã chứng nhập vào địa thứ ba rồi, nương theo pháp của đức Phật dạy tu học, quán sát tất cả pháp hữu vi - tức là tất cả pháp thế gian vận tác, đều trái với tướng chân như thật tướng. Tất cả sự vật thế gian đều vô thường, sinh diệt biến hoá, hư nguy không có chủ. Phàm phu suốt ngày lao tâm mệt sức, chạy theo truy cầu, đều thông khổ mà không thể đắc được khoái lạc chân thật. Tất cả đều là nhiễm ô, không thanh tịnh, không an ổn, phiêu bạt vô định, chẳng có nơi nào có thể

lưu lại lâu dài. Tất cả sự vật, chẳng có thứ gì trụ lâu mà không hoại. Do đó "Người có hưng suy, vật có bại hoại", vạn sự vạn vật không thể trụ tồn tại vĩnh viễn, càng không thể trụ lâu dài. Khoảnh khắc sinh ra, khoảnh khắc liền tiêu diệt, đó gọi là "sát na sinh diệt". "Chẳng theo phía trước sinh, chẳng hướng phía sau diệt, chẳng trụ ở hiện tại", là chỉ pháp hữu vi mà nói, nói rõ phía trước (là đã sinh) phía sau (tương lai liền diệt), đều là đoạn tuyệt mà không thường trụ. Nhìn từ góc độ thô cạn, thì vì có trước sau liên tục. Trên thật tế pháp hữu vi tựa hồ vĩnh viễn không đoạn tuyệt : Phía trước là phía trước, phía sau là phía sau. Chưa từng theo phía trước sinh, cũng không cách chi hướng về phía sau diệt, càng không thể trụ lại ở hiện tại. Đó gọi là ba đời duyên sinh, đều là biến đổi sinh diệt vô thường, tức là đạo lý này.

Lại quán pháp này không thể cứu, không chỗ nương, ở chung với lo, buồn, khổ não, ràng buộc với thương ghét, sâu thẳm càng nhiều, không lúc nào ngừng tích tụ. Lửa tham sân si thiêu đốt không ngừng, các hoạn nạn trói buộc, ngày đêm tăng trưởng, như huyền không thật.

Thấy như vậy rồi, nơi tất cả hữu vi càng thêm nhàm lìa, hướng về trí huệ của Phật. Thấy trí huệ của Phật không thể nghĩ bàn, không gì bằng, vô lượng, khó được,

không tạp, không nã, không lo, đến được thành không sợ hãi, không lùi lại nữa, hay cứu vô lượng chúng sinh khổ nạn.

Chúng nhập vào địa thứ ba - Bồ Tát Phát quang địa, lại tiếp tục quán sát tất cả pháp hữu vi thế gian, đều là vô thường; không thể cứu người thoát khỏi sinh già bệnh chết, trong quá trình sinh tồn càng không thể khiến cho con người có chỗ nương tựa. Năm dài tháng nhiều đều ở chung với lo lắng, đau buồn, gian khổ, phiền não. Thương và ghét ràng buộc với nhau, khiến cho con người buồn lo, chẳng có lúc nào ngừng tích tập. Lửa vô minh tham dục, sân hận, ngu si thiêu đốt không ngừng. Chúng sinh bị những thứ này trói buộc, thống khổ ngày đêm tăng trưởng. Kỳ thật, những thứ phiền não, khổ độ này đều do tâm tạo, do nghiệp lực chiêu cảm, như huyễn, như hoá, chẳng có chân thật. Bồ Tát quán sát những cảnh giới này rồi, đối với tất cả pháp hữu vi thế gian, càng sinh khởi tâm nhàm chán xa lìa, mà hướng về cầu trí huệ thù thắng của Phật. Bồ Tát biết rõ trí huệ của Phật không thể dùng tư tưởng của phàm phu để dò được, trí thế gian không thể bằng được, không cách chi tư lường được, càng không dễ gì đắc được. Trí huệ của Phật thanh tịnh không tạp nhiễm, thanh lương tự tại không có nhiệt nã, không có sầu lo, chỉ có thường lạc. Như vậy đến được cảnh giới không sợ hãi, thì vĩnh viễn không còn thối lùi vào dòng sinh tử nữa. Không trụ sinh tử, mà hay cứu độ vô lượng chúng sinh khổ nạn, làm đại Phật sự, chuyên nghiệp quá pháp hữu vi thành vô vi.

Bồ Tát thấy trí huệ Như Lai vô lượng lợi ích, thấy tất cả hữu vi vô lượng tội lỗi hoạn nạn như vậy, liền ở nơi tất cả chúng sinh, sinh ra mười thứ tâm thương xót. Những gì là mười ?

Đó là : Thấy các chúng sinh cô độc không chỗ nương tựa, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh bần cùng khốn khổ thiếu thốn, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh bị ba độc thiêu đốt, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh bị giam nhốt ở trong lao ngục các cõi, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh luôn bị che lấp chướng ngại trong rừng rậm phiền não, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh không khéo quán sát, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh không ưa thích pháp lành, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh mất đi các Phật pháp, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng sinh theo dòng sinh tử, mà sinh tâm thương xót. Thấy các chúng

sinh mất phương tiện giải thoát, mà sinh tâm thương xót. Đó là mười.

Bồ Tát nghĩ như vậy : Trí huệ của Như Lai đối với chúng sinh có vô lượng đại lợi ích. Tất cả pháp hữu vi thế gian đối với chúng sinh, có vô lượng tội ác, khiến cho chúng sinh thọ họa hoạn, vì nó không cứu kính, nhiễm ô. Do đó, Bồ Tát đối với tất cả chúng sinh, sinh ra mười thứ tâm thương xót. Những gì là mười ?

1. Nhìn thấy tất cả chúng sinh đều cô độc, xa lìa Phật và sự giáo hoá của Phật, trong tâm chẳng có chỗ nương tựa, mà sinh tâm thương xót.

2. Thấy chúng sinh tham cầu không nhàm chán, mà đắc được chỉ là bản cùng khôn khổ, do đó mà sinh tâm thương xót.

3. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh bị ba độc – tham, sân, si, lửa độc vô minh thiêu đốt làm cho điên đảo, chỉ biết muốn nhiều ham nhiều, mà sinh tâm thương xót.

4. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh sinh mạng của họ có tham, có lậu, sinh tử liên tục, mà các cõi tam giới giống như lao ngục, nhốt họ tơ hào không được tự do, càng không có cách gì được giải thoát, Bồ Tát do đó mà sinh tâm thương xót.

5. Bồ Tát lại nhìn thấy chúng sinh luôn luôn bị chướng ngại che đậy trong rừng rậm phiền não, không thể thoát ra khỏi được, mà sinh tâm thương xót.

6. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh không biết quán sát phân biệt thiện ác, chẳng có thiện tri thức hướng dẫn, càng chẳng có cơ duyên nghe pháp, do vậy mà sinh tâm thương xót.

7. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh chẳng có chí nguyện tu học pháp lành, do đó mà sinh tâm thương xót.

8. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh chẳng biết quay về nương tựa Phật pháp, mất đi cơ hội thọ Phật giáo hoá, mà sinh tâm thương xót.

9. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh theo dòng nghiệp sinh tử, luân hồi trong sáu nẻo không ngừng, mà sinh tâm thương xót.

10. Bồ Tát nhìn thấy chúng sinh chẳng biết tìm cầu Phật pháp, chứng được bồ đề, càng không thể được tự tại rốt ráo, chỉ luôn chạy theo dòng sinh tử biến đổi, gặp tà kiến tri thức, mất đi hạnh tin chánh tri chánh kiến, và mất đi pháp môn phương tiện giải thoát, do đó mà sinh tâm đại thương xót. Đó là mười thứ tâm thương xót của Bồ Tát trụ Phát quang địa, phát sinh đối với tất cả chúng sinh.

Bồ Tát thấy cõi chúng sinh vô lượng khổ não như vậy, phát sinh mười đại tinh tấn, bèn nghĩ như vậy : Những chúng sinh này tôi phải cứu, tôi phải giải thoát, tôi phải thanh tịnh, tôi phải độ, tôi phải đặt họ nơi an lành, phải khiến cho họ an trụ, phải khiến cho họ hoan hỷ, phải khiến cho họ có tri kiến, phải khiến cho họ được điều phục, phải khiến cho họ được Niết Bàn.

Bồ Tát thấy cõi chúng sinh, có nhiều khổ não như vậy, bèn phát tâm dũng mãnh, tinh tấn tu học Phật đạo, phát ra mười đại tinh tấn :

1. Tôi nhất định phải cứu họ ở trong sự cô độc khổ sở, khiến cho họ trên nương từ tôn, dưới lợi hàm thức.

2. Phải khiến cho họ giải thoát ra khỏi bản cùng khốn khổ, làm cho họ biết đủ, và lìa bỏ tâm tham dục.

3. Tôi phải khiến cho họ thấu rõ phương pháp tịnh trị ba độc, làm cho họ đạt đến nơi mát mẻ.

4. Tôi phải tiếp dẫn họ thoát khỏi sự ám chướng dày đặc, thấy được ánh sáng quang minh.

5. Tôi phải cứu họ ra khỏi lao ngục sinh tử, khiến cho họ diệt trừ được lửa độc tham, sân, si, từ bỏ tất cả quả khổ, được chân chánh thanh tịnh.

6. Tôi phải hướng dẫn họ biết rõ thị phi, bỏ ác theo thiện, khiến cho họ an trụ lâu dài ở trong thế giới của Phật giáo hoá.

7. Khiến cho họ đắc được khoái lạc chân thật.

8. Khiến cho họ xả bỏ tất cả tập khí ác thưở xưa, mà đắc được chánh tri chánh kiến.

9. Khiến cho họ thân tâm được điều phục, phát tâm đại thừa cầu vô thượng bồ đề.

10. Khiến cho họ đắc được phương tiện giải thoát, cùng với vui Niết Bàn tịch tĩnh.

Bồ Tát nhằm lìa tất cả pháp hữu vi như vậy, thương xót tất cả chúng sinh như vậy, biết trí Nhất thiết trí thù thắng lợi ích. Muốn nương vào trí huệ Như Lai để cứu

độ chúng sinh. Bồ Tát suy nghĩ : Các chúng sinh đó, đọa ở trong khổ lớn phiền não, dùng phương tiện gì để được cứu độ, khiến cho họ trụ nơi an vui Niết Bàn rất ráo !

Bồ Tát thấy tất cả pháp hữu vi trên thế gian, đều đầy đầy tội ác, tà kiến, cho nên Ngài từ bỏ pháp thế gian. Nhưng Bồ Tát không lo cho riêng mình. Ngài nghĩ đến chúng sinh tối tăm vô tri, bèn sinh tâm từ bi thương xót chúng sinh. Ngài biết chỉ có Phật pháp, mới có đủ công đức thù thắng, mới có thể ban cho chúng sinh lợi ích đặc biệt nhất. Ngài bèn nương tựa vào Phật pháp, dùng trí huệ tối thượng của Phật, để cứu độ hết thấy chúng sinh trong sáu nẻo. Ngài lại suy nghĩ như vậy : "Những chúng sinh này, đã bị đọa vào trong biển khổ lớn của phiền não, tôi phải dùng pháp môn phương tiện nào để cứu độ họ ? Mới có thể khiến cho những chúng sinh đó đắc được an vui Niết Bàn chân thật viên mãn rất ráo ?"

Bồ Tát bèn nghĩ : Muốn độ chúng sinh khiến cho họ trụ Niết Bàn, không là trí giải thoát vô chướng ngại. Trí giải thoát vô chướng ngại, không là tất cả pháp giác ngộ như thật. Tất cả pháp giác ngộ như thật, không là khéo léo đa văn.

Bồ Tát quán sát biết như vậy rồi, đối với chánh pháp càng thêm siêng năng tu

tập. Ngày đêm chỉ muốn nghe pháp, vui với pháp, ưa thích pháp, nương theo pháp, tùy thuộc vào pháp, hiểu rõ pháp, thuận theo pháp, đến với pháp, trụ nơi pháp, hành theo pháp.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : "Nếu muốn độ những chúng sinh này, khiến cho họ trụ ở trong lý thể thật tế Niết Bàn, phải giáo hoá họ minh bạch trí huệ giải thoát không chướng ngại, mới chân chánh lìa khổ được vui. Muốn thấu rõ trí huệ giải thoát không chướng ngại, thì không thể lìa khỏi tất cả pháp của Phật nói ; đối với pháp của Phật nói, phải biết như thật, giác như thật, hành như thật, mới có thể lìa tất cả khổ, mới có thể bỏ mê về giác, hưởng tất cả khoái lạc chân thật. Chân chánh biết tất cả pháp như thật, giác như thật, hành như thật, thì không thể lìa khỏi Phật pháp, tu học tất cả hạnh môn và còn phải chứng được cảnh giới thanh tịnh vô sinh pháp nhẫn, mới có thể phát ra ánh sáng trí huệ. Ánh sáng trí huệ vô sinh này, là từ công phu thiền định mà ra, từ không chấp trước nương tựa, ra vào trong định huệ vô ngại mà đắc được. Dùng trí huệ này, quán sát tất cả lý sự thể xuất thế gian. Diệu quán sát trí tuệ tại này, không thể lìa khỏi đa văn. Ý nghĩa khéo léo đa văn, nghĩa là không chấp lấy tướng nghe. Chỉ có đa văn mới có thể phát trí huệ thù thắng giống như Phật". Bồ Tát suy nghĩ như vậy, quán tưởng thấu rõ như vậy rồi, càng tăng thêm nỗ lực, dũng mãnh tinh tấn, chuyên cần tu học chánh pháp của Phật nói. Chỉ nguyện được nghe Phật pháp, được nghe rồi hoan hỉ đặc biệt. Nương theo pháp tu hành, tùy thuận

Phật pháp, độ tất cả chúng sinh. Thấu rõ Phật pháp, dùng để giáo hoá tất cả chúng sinh. Thuận theo các pháp thật tướng, đạt đến pháp rốt ráo bờ bên kia, trụ pháp Niết Bàn, hành pháp vô úy.

Bồ Tát siêng cầu Phật pháp như vậy, hết thấy châu báu tiền tài đều không sền tiếc. Không thấy có vật nào quý giá khó có được, chỉ có thể nói Phật pháp đối với người sinh ý tưởng khó gặp.

Do đó, Bồ Tát đối với nội ngoại tài, vì cầu Phật pháp, đều xả thí được. Không có sự cung kính nào mà không làm được, không có sự kiêu mạn nào mà không xả được, không có thừa sự nào mà không làm được, không có sự cần khổ nào mà không thọ được.

Nếu nghe một câu pháp nào mà chưa từng nghe, bèn sinh đại hoan hỉ, còn hơn là trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy đầy châu báu.

Bồ Tát tinh tấn siêng năng như vậy, thâm nhập nghiên cứu Phật pháp, đối với vật ngoài thân và hết thấy tất cả châu báu tiền tài quý giá, chẳng có một chút gì mà không xả bỏ được. Ngài tự nghĩ như vậy : "Trên thế gian

chẳng có một vật gì quý giá, chẳng có một vật gì khó tìm khó cầu, chỉ có người giảng chánh pháp của Phật, mới khó gặp khó thấy". Cho nên Bồ Tát vì cầu Phật pháp vô thượng, đối với nội tài (đầu mắt tuỷ não), ngoại tài (đất nước, vợ con, châu báu) của mình, đều rộng thực hành bố thí tở hào không giữ lại. Ngài rất cung kính đối với chư Phật, không có cử chỉ hành động nào không thành khẩn, biết thời biết phận. Đối với bất cứ người nào cũng đều không có chút tâm kiêu ngạo tự cao tự đại, tùy thời đều hoà nham duyệt sắc. Cúng dường thừa sự chư Phật, chưa từng nói là khổ sở, hoặc một lời oán trách nào. Cũng chưa từng nói có việc gì đó làm không được; bất cứ việc gì lớn nhỏ thô tế, đều đích thân đi làm không giải đãi. Nếu như nghe được một câu Phật pháp, mà trước kia chưa từng nghe qua, thì Ngài rất hoan hỷ mãn nguyện vô cùng, còn hơn là đắc được ba ngàn thế giới đầy đầy châu báu.

Nếu nghe một bài kệ chánh pháp chưa từng nghe, Bồ Tát sinh tâm đại hoan hỷ, còn hơn là được ngôi Chuyển luân thánh vương.

Nếu được nghe một bài kệ mà chưa từng nghe, mà có thể thanh tịnh Bồ Tát hạnh, còn hơn được ngôi Đế Thích Phạm Vương, trụ vô lượng trăm ngàn kiếp.

Nếu có người nói: Tôi có một câu pháp của Phật nói, có thể thanh tịnh Bồ

Tát hạnh, nếu Ngài có thể vào hầm lửa lớn thọ khổ, thì tôi sẽ cho Ngài.

Bấy giờ, Bồ Tát nghĩ như vậy : Tôi nhờ một câu pháp của Phật nói, để thanh tịnh Bồ Tát hạnh. Giả sử trong ba ngàn đại thiên thế giới đầy lửa lớn, tôi còn muốn từ cõi trời Phạm Thiên nhảy xuống, để lấy bài kệ, hà huống là hầm lửa nhỏ mà không vào được. Hiện tại tôi vì cầu Phật pháp, phải thọ tất cả các sự khổ địa ngục, hà huống các khổ nhỏ trong thế gian.

Giả sử được nghe một bài kệ chánh pháp mà trước kia chưa từng nghe. Bài kệ có câu chữ nhất định : Bốn câu làm một bài kệ, mỗi câu bốn chữ, năm chữ, hoặc bảy chữ .v.v... không giống nhau. Bài kệ có lúc dùng để thuật lại những gì đã nói ở trước, đúc kết lại ý nghĩa đã nói ở trước. Có lúc, dùng để khen ngợi đức hạnh của bậc Thánh nhân. Trong tâm Bồ Tát lập tức sinh khởi tâm đại hoan hỷ, sự hoan hỷ đó còn vui mừng hơn là được ngồi Chuyển luân thánh vương. Giả sử được một bài kệ mà trước kia chưa từng nghe qua, có thể trợ giúp thấu hiểu nghĩa lý trong quá khứ chưa từng hiểu biết, khiến cho mình bạch chân chánh; hoặc trợ giúp thanh tịnh hạnh của Bồ Tát tu, khiến cho hạnh giải viên mãn, thì lúc đó trong tâm Bồ Tát rất vui mừng, còn hơn là được ngồi Đệ Thích Phạm Vương. Dù Đệ Thích Phạm Vương có thể hưởng phước báo vô lượng

trăm ngàn kiếp, Bồ Tát thà bỏ ngôi Đệ Thích Phạm Vương để nghe chánh pháp.

Các vị có cơ hội nghe Phật pháp, đây là điều khó được, đều do trong đời quá khứ đã trồng xuống hạt giống căn lành. Dù đã may mắn được nghe Phật pháp, vẫn còn phải biết thọ dụng như thế nào; hay thọ dụng được giống như uống được cam lồ, nếm được thức ăn ngon; nếu không thọ dụng được, sẽ cảm giác thiếu mùi vị, thậm chí cảm giác mệt mỏi nhàm chán. Đây có nghĩa là hằng ngày nghe, cũng không biết thế nào là Phật pháp chân chánh ? Không biết sự quý giá và diệu dụng của Phật pháp, cũng giống như không nghe. Bồ Tát xem nhẹ tiền tài, xả bỏ ngôi vua, mà kính Phật trọng pháp. Nếu có người nói : "Tôi có một câu pháp mà Phật đã nói trong quá khứ, có thể trợ giúp bạn thanh tịnh hạnh môn tu học của Phật Bồ Tát, giả sử hiện tại bạn vì câu pháp, mà dám nhảy vào hầm lửa lớn, thọ thống khổ khó nhẫn chịu được, thì tôi nhất định sẽ truyền cho bạn". Bồ Tát nghe lời đó rồi, tâm nghĩ : "Vì đắc được một câu pháp mà Phật đã nói trong quá khứ, có thể trợ giúp tôi tịnh trị, viên mãn hạnh môn của Bồ Tát tu, dù trong ba ngàn thế giới đều đầy dẫy hầm lửa lớn, tôi cũng muốn từ trên cõi trời Đại Phạm Thiên nhảy xuống, để đổi lấy câu Phật pháp đó ! Hà huống hiện tại chỉ là một hầm lửa nhỏ, sao lại không dám nhảy vào ? Chỉ cần đắc được Phật pháp, dù phải vào địa ngục thọ các thống khổ, tôi cũng cam tâm tình nguyện, hà huống chỉ là những khổ não nhỏ ở nhân gian, vì câu Phật pháp, tôi thà xả bỏ mạng sống của mình !"

Bồ Tát phát tâm chuyên cần tinh tấn cầu Phật pháp như vậy. Như chỗ đã được

nghe, đều quán sát tu hành. Bồ Tát đó được nghe pháp rồi, nhiếp tâm an trụ, nơi chỗ vắng suy nghĩ : Như theo lời Phật dạy tu hành, thì mới đắc được Phật pháp, chứ chẳng phải miệng nói mà được thanh tịnh.

Phật tử ! Khi Bồ Tát đó trụ tại Phát quang địa này, bèn lìa pháp dục ác bất thiện. Có giác, có quán, lìa sinh hỷ lạc, trụ sơ thiền.

Diệt giác quán, bên trong tịnh nhất tâm, không giác, không quán, định sinh hỷ lạc, trụ đệ nhị thiền.

Lìa hỷ, trụ xả, có niệm, chánh tri, thân thọ lạc, các bậc Thánh đã nói, hay xả bỏ có niệm thọ lạc, trụ đệ tam thiền.

Đoạn lạc, trước hết trừ khổ, diệt mừng lo, không khổ không lạc, xả niệm thanh tịnh, trụ đệ tứ thiền.

Bồ Tát đó phát tâm chuyên cần tinh tấn vì cầu Phật pháp như vậy, thà xả bỏ tài vật, đất nước, mạng sống. Y theo Phật pháp Ngài đã nghe được, thâm nhập nghiên cứu, cung hành thực tiễn, thiết thực tu hành. Bồ Tát nghe được chánh pháp vô thượng rồi, thu nhiếp tâm tán loạn, an nhiên tự tại trụ nơi thanh tịnh, nơi chẳng có người qua lại, bèn

suy nghĩ : Y chiếu theo phương pháp tu hành của Phật nói, mới có thể chứng được cảnh giới của Phật pháp. Tu học tất cả hạnh môn của Bồ Tát, chẳng phải nói ngoài miệng, mà không thật tế thâm nhập thể nghiệm, thì sẽ đạt đến cảnh giới thanh tịnh của Bồ Tát.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát trụ tại địa thứ ba – Phát quang địa, đều đã lìa khỏi tất cả phiền não, lỗi lầm hoạn của năm dục, dứt trừ hẳn mười điều ác và trí huệ bất thiện, trừ sạch năm cái : Tham, sân, thuy miên, trạo cử, nghi pháp, và tất cả tà tri tà kiến. "Có giác có quán" : Bồ Tát biết được sự tổn hại của các điều ác đối với tâm tánh, và nhân quả tạo nghiệp, tiến tới phương pháp quán sát suy gẫm xa lìa, tu hành cầu chứng. Tức biết trừ sạch ác tri thức tham, dục, mười điều ác, đắc được thanh tịnh, do đó mà khởi tâm đại hoan hỷ, thân tâm vui mừng, đắc được vui khinh an mát mẻ của sự giải thoát, an nhiên tự tại trụ nơi "Trời sơ thiên ly sinh hỷ lạc địa". Ý nghĩa chữ "sơ" là bước thứ nhất từ dục giới hướng thượng tiến nhập vào, nơi lìa dục giới gần nhất. "Sơ thiên" là giai đoạn thứ nhất của công phu tu thiền. "Diệt giác quán" : Diệt trừ tất cả tư tưởng ác, lìa khỏi phiền não chướng, khiến cho trong tâm được thanh tịnh. Tức đã trừ khử tất cả tư tưởng ác, liền được "định". Lúc này sinh ra niềm vui hỷ duyệt tự tại, an nhiên trụ đệ nhị thiên. Đây gọi là "Định sinh hỷ lạc địa", tại sao gọi là "định sinh" ? Vì đã đạt đến cảnh giới "thù thắng tịch tĩnh" của "tâm ngừng giác quán". Tiến một bước nữa cũng lìa hỷ, chẳng chấp vào xả, không mất chánh niệm, mà có chánh tri, thân tâm thư thái, thọ vui khinh an. Cảnh giới này chỉ có đệ tử Phật chân chánh, mới có thể thọ nhận chánh pháp của chư Phật nói, hay xả bỏ sự ràng buộc "hữu, niệm, thọ,

lạc". Được chân chánh giải thoát thẳng lạc, an nhiên trụ nơi đệ tam thiên. Nhờ hay xả "có niệm", nên gọi "Ly hỷ diệu lạc địa". Đến được cảnh giới Ly hỷ diệu lạc địa rồi, tiến tới một bước tất cả "lạc" (vui) cũng đoạn trừ, lại tiến tới trừ khử đi "khổ, vui, lo, diệt", các thứ tâm lý. Lúc này "Không khổ không lạc", không động, không thọ, bất cứ cảnh giới nào lay chuyển, cho đến niệm cũng xả bỏ, nên gọi là xả niệm thanh tịnh. Bồ Tát thân tâm thư thái, an trụ nơi tứ thiên, "Xả niệm thanh tịnh địa".

Vượt qua tất cả sắc tướng, diệt hữu đối tượng, không nhớ các thứ tướng, vào vô biên hư không, trụ hư không vô biên xứ.

Vượt qua tất cả hư không vô biên xứ, vào vô biên thức, trụ thức vô biên xứ.

Vượt qua tất cả thức vô biên xứ, vào vô thiếu sở hữu, trụ vô sở hữu xứ.

Vượt qua tất cả vô sở hữu xứ, trụ phi hữu tướng phi vô tướng xứ. Nhưng vì tùy thuận pháp hành, mà không chấp trước sự vui thích.

Bồ Tát đạt đến cảnh giới trời tứ thiên, đó thật là :

"Một niệm không sinh toàn thể hiện,
Sáu căn hốt động bị mây che".

Lúc này vượt qua khỏi tất cả sắc và tướng, tức cũng là lìa khỏi hết thấy "chướng". Cho đến pháp đối đãi cũng

chẳng còn, là tuyệt đối, cho nên chẳng còn tướng. Niệm cũng diệt mất, không nhớ tướng gì hết, do đó :

"Tâm dùng niệm bậc phú quý thật
Tur dục dứt sạch giàu sang thật".

Tâm an hư không định, thọ lợi ích vô thượng. Đến cảnh giới này, thân tâm và hư không dung mà làm một, không người không ta, cho đến thái không cũng không có, nên nói "Trụ hư không vô biên xứ", dùng làm y chỉ. Tiến thêm một bước "Vượt qua tất cả hư không vô biên xứ" : Lìa hư không vô biên xứ. Trụ không chỗ trụ, xứ không xứ sở, tuy nói là trụ hư không vô biên xứ, kỳ thật đã vượt ra ngoài hư không. Ngoài hư không lại như thế nào ? Người chưa đến cảnh giới này, không cách chi thuyết minh. Tức là trong Kinh nói :

"Trong không có thân tâm,
Ngoài không có thế giới,
Quét tất cả pháp, lìa tất cả tướng".

Tứ Không Xứ là : Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, Vô sở hữu xứ, Phi tướng phi phi tướng xứ. Tiến vào vô biên thức, thức cũng vô biên. Hư không chẳng còn, nhưng vẫn còn thức, có thức mới chưa hoàn toàn không, cho nên nói vào vô biên thức, trụ vô biên thức xứ. Lại vượt qua thức vô biên xứ, tiến vào cảnh giới vô sở hữu. Ở trước nói là Không vô biên xứ, Thức vô biên xứ, hiện tại nói là Vô sở hữu xứ. Trong cảnh giới này, gì cũng chẳng còn nữa - niệm cũng vô niệm, thức cũng vô thức, không cũng chẳng không, cho đến chút chấp trước cũng chẳng còn nữa, cho đến nhớ về thân, tâm, của chính mình cũng đều không, sao lại còn phiền não gì nữa ? Cho nên nói Bồ Tát vượt qua tất

cả vô sở hữu xứ (hết thấy mọi nơi), trụ vào phi hữu tướng (chẳng có tướng), phi vô tướng (chẳng không tướng), phi tướng phi phi tướng xứ (không tướng không không tướng). Tức chẳng phải có tướng, cũng chẳng phải không tướng, đã vượt qua có không. Song, Bồ Tát vẫn tùy thuận vào bản thể của tất cả chánh pháp, việc làm, không có chút chấp trước nào của kẻ phàm phu và của người tiểu thừa, tức không lay chuyển giữa hữu, ái, vị, cũng không vui thích chấp pháp ở trong cảnh giới Tứ thiên, Tứ không.

Phật tử ! Tâm của Bồ Tát này tùy nơi từ, rộng lớn vô lượng không hai, không oán, không đối, không chướng, không não, đến khắp tất cả mọi nơi, tận pháp giới hư không giới, khắp tất cả thế gian. Trụ bi hỷ xả, cũng lại như thế.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng : "Các vị đại đệ tử của Phật ! Bồ Tát chúng được địa thứ ba, Ngài chỉ có một tấm lòng từ bi, vào từ tâm tam muội, toàn tâm dạy dỗ chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh đắc được niềm vui chân chánh của pháp. Tâm của Ngài khoáng nhiên, cho nên Ngài duyên vô lượng cảnh - tức là vận dụng từ, bi, hỷ, xả, bốn tâm vô lượng. Lúc này, thiền duyệt, pháp hỷ chẳng một chẳng hai, không có gì khác biệt. Trong tâm của Ngài chẳng có kẻ oán người thân, cũng không đối trị, quét trừ tất cả chướng che, cũng hoá trừ hết thấy phiền não. Ngài có thể dọc cùng tam tế, ngang khắp hư không, đạt đến vô lượng thế gian không thể đếm biết được. Tâm từ như vậy,

tâm bi, tâm hỉ, tâm xả cũng rộng lớn, vô ngại, vô lượng, không hai như thế, khắp cùng tất cả mọi nơi, tất cả thế gian. Bồ Tát này cũng hộ niệm chúng sinh giống nhau, cứu khổ chúng sinh giống nhau, ban vui, mãn nguyện tâm từ cứu tế.

Phật tử ! Bồ Tát này được vô lượng sức thần thông, có thể chấn động đại địa. Dùng một thân làm nhiều thân, nhiều thân làm một thân, hoặc ẩn, hoặc hiển. Đá tường núi ngăn che, qua lại vô ngại, giống như hư không. Ở trong hư không, ngồi kiết già mà đi, giống như chim bay. Vào đất như vào nước, đi trên nước như đi trên đất. Thân phun khói lửa, như đám lửa lớn. Lại mưa nước xuống, giống như mây lớn. Mặt trời mặt trăng ở trong hư không, có oai lực lớn, mà có thể dùng tay sờ đụng bùng nổ. Thân của Ngài tự tại cho đến Phạm Thiên.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng, các vị đại đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu chứng đến địa thứ ba, Ngài đã đắc được vô lượng sức thần lực diệu dụng – sáu thứ thần thông, đều đã đầy đủ:

1. Thiên nhãn thông.
2. Thiên nhĩ thông.

3. Thân tức thông.
4. Tha tâm thông.
5. Túc mạng thông.
6. Lộ tận thông.

Ngài có thể khiến cho đại địa chấn động – sáu thứ chấn động là : 1. Động. 2. Dũng. 3. Khởi. 4. Chấn. 5. Hồng. 6. Kích. Ba cái trước thuộc về tướng, ba cái sau thuộc về thanh. Ngài lại có thể dùng một thân Bồ Tát, biến hoá thành nhiều thân Bồ Tát. Lại có thể dùng nhiều thân Bồ Tát, tụ về làm một. Do đó : "Một làm nhiều, nhiều làm một. Nhiều không ngại một, một không ngại nhiều. Một nhiều vô ngại, có không vô ngại, hay ẩn hay hiển, ẩn hiển vô ngại". Dù đá tường núi cứng chắc, cũng không thể chướng ngại Ngài qua lại, vì Ngài đã đạt đến cảnh giới thân tâm như hư không. Ngài có thể ở trong hư không ngồi kiết già mà đến đi tự như, không cần bất cứ công cụ giao thông nào, phương tiện tự tại giống như chim bay. Ngài có thể đi vào trong lòng đất, dễ dàng giống như đi vào nước. Ngài lại có thể đi trên nước, an ổn giống như đi trên đất bằng. Ngài lại có thể từ trong thân phun ra lửa, từ xa trông giống như đám lửa lớn cháy. Và trong thân có thể phun ra rất nhiều nước, giống như mưa xuống, nhìn lại giống như đám mây dày đặc trên bầu trời. Mặt trời và mặt trăng lơ lửng ở trong hư không, Ngài cũng có oai lực thần diệu, có thể tùy ý dùng tay sờ rẫm nắm lấy. Thân tâm của Ngài an nhiên tự tại, tùy ý biến hoá tự do, đến đi nơi Phạm Thiên và khí thế gian, không có gì mà không làm được, không có chỗ nào mà không đến được.

Bồ Tát này thiên nhĩ thanh tịnh hơn tai người, đều nghe hết thấy âm thanh trời người, hoặc gần, hoặc xa, cho đến những tiếng muỗi mòng cũng đều nghe được.

Bồ Tát Tam địa có thiên nhĩ thông thanh tịnh không nhiễm, cơ năng nghe hơn tai người phàm phu, cao diệu không cách chi nói ví dụ được. Không màng là ở nhân gian, hoặc trên trời, hoặc xa không bờ mé, hoặc gần ở trước mắt, không màng là âm thanh lớn nhỏ, Ngài đều nghe rất rõ ràng. Thậm chí tiếng con muỗi, tiếng con mòng, tiếng những côn trùng nhỏ, Ngài cũng đều nghe rất rõ ràng.

Bồ Tát này dùng tha tâm trí, biết tâm chúng sinh như thật. Như là có tâm tham, thì biết có tâm tham như thật. Là tâm tham, thì biết là tâm tham như thật. Có tâm sân, là tâm sân. Có tâm si, là tâm si. Có tâm phiền não, không có tâm phiền não. Tâm nhỏ, tâm rộng, tâm lớn, tâm vô lượng, tâm lược, tâm không lược, tâm tán, tâm không tán, tâm định, tâm không định, tâm giải thoát, tâm không giải thoát, tâm hữu thượng, tâm vô thượng, tâm tạp nhiễm, tâm không tạp nhiễm, tâm rộng, tâm không rộng, đều biết như thật. Bồ Tát

dùng tha tâm trí biết tâm chúng sinh như vậy.

Bồ Tát đệ tam địa có tha tâm trí, giống như tha tâm thông. Tha tâm trí huệ này, vốn ai ai cũng đều có, chỉ là không thể hiện ra, hoặc hiện ra không rõ ràng. Nếu hay tu hành, trừ khử sạch tâm nhiễm ô, thì tự nhiên tha tâm trí sẽ hiện tiền. Bồ Tát do có tha tâm trí, cho nên biết hết thấy tâm chúng sinh. Chỗ Ngài biết là bản thể chân thật, chẳng phải là huyền tượng tựa thị mà phi. Giống như những chúng sinh có "tâm tham", thì Bồ Tát biết rõ họ tham cái gì. Một đời tham tài, thì khổ cực suốt đời, cuối cùng vì tài mà chết. Một đời tham sắc; thấy sắc đẹp thì chẳng tiếc mạng sống, tiền tài, danh vọng, bất chấp thủ đoạn, theo đuổi không bỏ, cuối cùng chết vì sắc. Một đời tham danh; đi đâu cũng muốn nổi danh, tự mình quảng cáo, đến đâu cũng cố suy tài năng mỹ đức của mình, mua danh chuộc tiếng khen, kết quả ai ai trông thấy cũng sinh sợ, mà xá dài bỏ chạy. Cuối cùng, chẳng cầu được danh tốt, ngược lại làm cho vất vả một đời. Còn có người một đời tham ăn; loại người này nghe nói đến thức ăn ngon, thì cố hòng phát ngựa, rủ rê bạn bè tụ lại ăn uống, cuối cùng vì do tham ăn mà chết. Giống như gần đây có vị Tăng tên là Tô Mạn Thù chết do tham ăn. Còn có người suốt đời tham ngủ, loại người này rất buồn cười, họ chẳng tham tiền tài, sắc đẹp, danh vọng, ăn ngon, mà chỉ thích ngủ. Bất cứ ở đâu họ cũng đều ngủ ngon lành, đứng hoặc ngồi cũng đều ngủ thoải mái. Hồ đồ ngủ cho đến chết, việc thiên hạ đều bỏ ngoài đầu. Những thứ mao bệnh tham này, Bồ Tát đều biết rõ, cũng đối trị được tốt lành. Có những chúng sinh ; ban

đầu khởi lòng tham mà không biết chán, về sau gặp bậc thiện tri thức bèn giác ngộ, từ đó về sau không còn tham nữa. Bồ Tát cũng biết rõ ràng tập tánh của những chúng sinh đó, cho nên nói : "Có tâm tham biết có tâm tham như thật, lìa tâm tham biết lìa tâm tham như thật".

Có những chúng sinh "tâm sân" rất nặng ; thấy bất cứ người nào, bất cứ việc gì, họ cũng đều không hài lòng, không thuận mắt, toàn thân giống như trang bị đầy hoá dược đúng thời bèn phát nổ - nóng giận rất lớn làm cho mọi người sợ ! Song, hốt nhiên khi họ giác ngộ rồi, thì họ sẽ thay đổi, dần dần "lìa tâm sân", Bồ Tát cũng sẽ biết.

Có những chúng sinh "ngu si" ; việc gì cũng cho rằng đúng, làm chuyện điên đảo, không rõ thị phi, ngu muội vô tri, một khi gặp được bậc thiện tri thức khai thị, thì theo thiện như nước chảy, "lìa khỏi ngu si". Lại có những chúng sinh, việc gì cũng phiền não, suốt ngày phiền não, không buông bỏ đặng, ở đâu cũng không như ý, do đó mà phiền não được chết đi sống lại. Nếu như một khi giác ngộ, biết tất cả đều là hoa trong không trăng dưới nước, thì họ sẽ lìa bỏ phiền não, "tâm không phiền não" sẽ an nhiên tự tại. Còn có những chúng sinh "tâm nhỏ" : Suốt đời việc gì họ cũng tiểu tâm cẩn thận, cũng có thể nói lượng tâm nhỏ, khí lượng hẹp hòi. "Tâm rộng" : Chúng sinh này một đời lớn mà hoá, cây thô lá lớn, không tính toán so đo. "Tâm lớn" : Rộng rãi đại lượng không tính toán so đo. "Tâm vô lượng" : Tức là tâm không thể nào tính lường. "Tâm lược" : Tâm đơn giản, không cân nhắc tính toán. "Tâm không lược" : Tâm không đơn giản. "Tâm tán" : Tâm tán loạn không tập trung. "Tâm không tán" : Tâm không tán loạn, tức là tâm định. "Tâm định" : Tâm không tán loạn mà có

định lực, như như bất động. "Tâm không định" : Tâm tán loạn chẳng có định lực. "Tâm giải thoát" : Tâm tự do tự tại đã nhìn xuyên thủng buông bỏ. "Tâm không giải thoát" : Tâm không tự do mà bị ràng buộc. "Tâm hữu thượng" : Tức là tâm của tất cả Bồ Tát phát ra. "Tâm vô thượng" : Là tâm Phật, tâm cao thượng này không có gì sánh bằng. "Tâm tạp nhiễm" : Tức là tâm phàm phu, có sự nhiễm ô. "Tâm không tạp nhiễm" : Tâm chẳng có sự nhiễm ô mà là thanh tịnh, tức cũng là tâm của bậc Thánh. "Tâm rộng" : Tâm trạng vô cùng rộng rãi. "Tâm không rộng" : Tức là tâm lượng hẹp hòi. Ở trên là đủ thứ tâm tánh khác nhau của chúng sinh, Bồ Tát Ngài đều thấu hiểu rõ ràng thanh tịnh. Bồ Tát dùng tha tâm trí, biết tâm tánh của chúng sinh như thật, tuyệt đối không phỏng đoán.

Bồ Tát này nhớ biết vô lượng túc mạng khác nhau. Đó là : Nhớ biết một đời, nhớ biết hai đời, ba đời, bốn đời, cho đến mười đời, hai mươi, ba mươi, cho đến trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời.

Kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại, vô lượng kiếp thành hoại. Tôi từng ở trong xứ đó, tên như vậy, họ như vậy, chủng tộc như vậy, ăn uống như vậy, thọ mạng như vậy, ở lâu như vậy, khổ vui như vậy. Tôi chết ở đó, sinh vào xứ nọ. Từ xứ

nọ chết, sinh vào nơi kia. Hình trạng như vậy, tướng mạo như vậy, tiếng nói như vậy. Quá khứ vô lượng khác biệt như vậy, thấy đều nghĩ nhớ hết.

Trong tâm niệm của vị Bồ Tát này, biết được rất nhiều sự việc trong quá khứ, trong đời quá khứ, vận mạng đời đời kiếp kiếp khác nhau. Sự việc một đời, hai đời, ba đời, bốn đời, mười đời, hai mươi đời, ba mươi đời, trăm đời, vô lượng trăm đời, vô lượng ngàn đời, vô lượng trăm ngàn đời, thấy đều thấy rõ như chỉ bàn tay. Sự việc thế gian kiếp thành, kiếp hoại, kiếp thành hoại, vô lượng số kiếp thành hoại, Ngài đều biết rõ. Như tôi đã từng sinh ra tại nơi nào, tên là gì, họ gì, sinh vào dòng dõi gì, tôi ở đó ăn uống gì, tôi đều nhớ hết. Tôi chết ở đó, lại sinh vào chốn nào, chết ở đâu, rồi lại sinh vào chỗ nào, hình trạng thuở xưa của tôi ra sao, tướng mạo như thế nào, tiếng nói như thế nào? Những sự việc như vậy trong quá khứ, không thể tính đếm được số thời gian, cảnh giới hiện ra khác nhau, tôi đều nhớ rõ hết, rõ ràng như ở trước mắt.

Bồ Tát này thiên nhân thanh tịnh, hơn mắt người thường. Thấy các chúng sinh, khi sinh, khi chết, sắc tốt, sắc xấu, hướng về đường lành, hướng về đường ác, tùy theo nghiệp mà đi.

Nếu chúng sinh đó thành tựu hạnh ác của thân, thành tựu hạnh lời nói ác, thành

tự hạnh ác của ý, phỉ báng Thánh hiền, đầy đủ tà kiến, và nhân duyên nghiệp tà kiến. Khi thân hoại mạng chung, sẽ đọa vào đường ác, sinh vào trong địa ngục.

Nếu chúng sinh đó thành tựu hạnh lành của thân, thành tựu hạnh lành của lời nói, thành tựu hạnh lành của ý, không phỉ báng Thánh hiền, đầy đủ chánh kiến, nhân duyên nghiệp chánh kiến. Khi thân hoại mạng chung, sẽ sinh vào đường lành ở cõi trời. Thiên nhân của Bồ Tát đều biết như thật.

Vị Bồ Tát đệ tam địa này tu hành, Ngài cũng tu chứng được thiên nhãn thông, quán sát được sự vật vi tế rất xa, không giống như phạm phu chỉ có thể nhìn thấy cảnh tượng trước mắt, vì thiên nhãn thanh tịnh hơn mắt của người thường. Ngài nhìn thấy được hết thảy chúng sinh, sinh như thế nào, chết như thế nào, là sắc tốt, hay là sắc xấu, sinh vào đường lành, hay là sinh vào đường ác ? Đó là tùy thuộc vào nghiệp nhân của chính chúng sinh, tự tạo ra mà chiêu cảm, Bồ Tát đều nhìn thấy rất rõ ràng. Nếu như chúng sinh đó đã từng phạm hạnh ác của thân, tức là tội sát sinh, trộm cắp, tà dâm, khi nghiệp ác của họ chín mùi, thì sẽ theo nghiệp ác mà đi vào đường ác. Nếu thành tựu nghiệp lời nói ác, vì họ đã từng phạm tội nói hai lưỡi, chửi mắng, thêu dệt, nói dối. Hoặc thành tựu nghiệp ác của ý, vì

họ đã từng phạm nghiệp ý tham, sân, si. Hoặc họ đã từng phỉ báng Thánh hiền, vì trong đầu họ đầy dẫy tà tri tà kiến. Do tà tri tà kiến tạo ra nghiệp ác, đến khi mạng sống của họ hết, thì phải đoạ vào đường ác, sinh vào trong địa ngục thọ khổ.

Nếu như chúng sinh đó không phạm tội lỗi : Sát sinh, trộm cắp, tà dâm, thì họ sẽ thành tựu nghiệp lành của thân. Chẳng tạo ra khẩu nghiệp, thì thành tựu nghiệp lành của lời nói. Chẳng tạo ra nghiệp của ý, thì sẽ thành tựu nghiệp lành của ý. Không phỉ báng Thánh hiền, một đời đều đầy đủ chánh kiến. Do chánh tri chánh kiến, đến khi mạng chung, thì nhất định sẽ sinh vào đường lành, được sinh về cõi trời hưởng phước trời, hoặc sinh vào gia đình giàu sang phú quý ở nhân gian, làm bậc vua chúa. Những sự việc ở trên, Bồ Tát dùng thiên nhãn của Ngài, đều thấy rất rõ ràng, mà còn đúng như thật.

Bồ Tát này nơi các thiên tam muội, Tam ma bát đề, có thể nhập, có thể xuất, nhưng không tùy theo sức thiên định mà thọ sinh, chỉ tùy theo có thể viên mãn nơi bồ đề phần, dùng ý nguyện lực mà thọ sinh trong đó.

Vị Bồ Tát này ở trong tam muội tứ thiên tứ vô lượng, hoặc ở trong pháp môn chỉ quán Tam ma bát đề, có thể nhập vận tự tại tùy ý mà nhập, tùy ý mà xuất. Ngài không dùng sức thần thông của Ngài đi thọ sanh, Ngài cũng không lựa chọn nơi tịnh ướ, mà là tùy theo có thể viên

mãn nơi bồ đề phần, dùng nguyện lực thuở xưa mà Ngài đã phát ra, để tùy ý thọ sinh. Bồ Tát thọ sinh, là vì viên mãn nguyện lực của Ngài, chứ không phải bị nghiệp lực ràng buộc mà thọ sinh.

Phật tử ! Bồ Tát này trụ Phát quang địa, do nhờ nguyện lực, nên thấy được nhiều vị Phật : Thấy nhiều trăm vị Phật, thấy nhiều ngàn vị Phật, thấy nhiều trăm ngàn vị Phật, cho đến thấy nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật.

Đều dùng tâm rộng lớn, tâm thâm sâu, cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường. Y phục, thức ăn uống, toạ cụ, thuốc thang, tất cả đồ tư sanh, thấy đều dâng cúng. Cũng cúng dường lên tất cả chúng Tăng. Đem căn lành này, hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Phật tử ! Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi vị Bồ Tát này trụ tại Phát quang địa, nhờ nguyện lực thuở xưa Ngài đã phát ra, có thể thấy được rất nhiều vị Phật : Thấy được trăm vị Phật, ngàn vị Phật, trăm ngàn vị Phật, thậm chí thấy được nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật. Bồ Tát thấy được nhiều vị Phật như vậy, Ngài đều dùng tâm rộng lớn sâu dày, tâm thâm sâu khẩn thiết, cung kính lễ tán, tôn trọng chư Phật, thừa sự

cúng dường chư Phật. Như y phục tốt đẹp, thức ăn uống thượng hạng, toạ cụ ngồi thích hợp, thuốc men quý hay, tất cả phẩm vật dùng hàng ngày, đem hết khả năng bố thí cúng dường. Đồng thời cũng đem những vật tư sanh cúng dường hết thầy Tăng chúng. Đủ thứ căn lành công đức đó, đều hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác, hy vọng chúng sinh sớm thành Phật đạo.

Ở chỗ các vị Phật đó, cung kính nghe pháp, nghe rồi thọ trì, tùy sức mình mà tu hành. Bồ Tát này quán tất cả pháp không sinh, không diệt, do nhân duyên mà có.

Trước hết diệt sự ràng buộc cái thấy, thì tất cả ràng buộc ham muốn, ràng buộc về sắc, ràng buộc các cõi, ràng buộc vô minh, đều càng mỏng dần. Ở trong vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, do không tích tập, nên tà tham, tà sân và tà si, đều được dứt trừ. Hết thấy căn lành càng thêm trong sáng thanh tịnh.

Bồ Tát tại đạo tràng của chư Phật, cung kính chuyên tâm nhất ý lắng nghe Phật pháp, nghe rồi y chiếu theo điều nghe được mà thực hành. Nếu chỉ nghe mà không thực hành, thì chẳng có ích gì. Thọ là thọ nơi tâm, ghi nhớ không quên; trì là trì nơi thân, thân thể lực hành. Cung hành thực tiễn, thì mới có ích. Tu hành không nên miễn cưỡng, tùy sức tùy phần, thành thật tu hành thì mới tốt. Vị

Bồ Tát tại Phát quang địa này, Ngài quán sát tất cả pháp do duyên mà sinh, do duyên mà diệt, các pháp do nhân duyên mà sinh, do nhân duyên mà diệt, chẳng có một tự thể nào, cho nên là không sinh không diệt. Phạm phu có rất nhiều tà tri tà kiến, "sự thấy" đó như ràng buộc tâm trí con người giống như sợi dây thừng trói buộc, khiến cho thấy sự vật không rõ ràng, thấy lý không chánh, cho nên gọi là "ràng buộc cái thấy". Nhưng trước hết tại chánh tri chánh kiến phải diệt sự ràng buộc của cái thấy, thì những cái khác như ràng buộc về ham muốn, ràng buộc về sắc, ràng buộc về các cõi, ràng buộc về vô minh .v.v... đều tiêu diệt theo tà kiến, ngày càng sẽ mỏng dần, sẽ bớt đi. Trải qua vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp thời gian, thì những sự ràng buộc về cái thấy .v.v... sẽ không tiếp tục tăng nữa, ngược lại dần dần sẽ giảm bớt, lúc đó sẽ không còn sinh khởi tâm tham, sân, si nữa. Những thứ thô hoặc, tế hoặc ở trên, lâu dần sẽ dứt trừ, hết thấy căn lành, ngày càng trong sáng thanh tịnh, càng tăng thêm nhiều.

Phật tử ! Ví như vàng thật, rèn luyện khéo léo, thì cân không giảm, mà càng thêm trong sáng thanh tịnh. Bồ Tát cũng lại như thế. Do trụ ở Phát quang địa không tích tập, nên tà tham, tà sân và tà si, thấy đều dứt trừ, hết thấy căn lành càng thêm trong sáng thanh tịnh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đại đệ tử của Phật ! Bồ Tát tu hành giống như luyện vàng thật.

Thọ vàng dùng các phương pháp khoa học để rèn luyện vàng, khiến cho thành vàng ròng. Tuy qua sự rèn luyện nhiều lần, nhưng phân lượng vàng vẫn không giảm bớt, ngược lại màu sắc của vàng càng thêm trong sáng thuần tịnh. Bồ Tát tu hành cũng như vậy, khi Ngài trụ ở Phát quang địa, chưa từng có tâm niệm tham dục, tâm sân hận, và tư tưởng ngu si, vì Ngài đã dứt trừ ba độc. Hết thấy căn lành, tùy theo sự công phu tu hành, ngày càng tăng trưởng, phát ra ánh sáng trí huệ.

Bồ Tát này về tâm nhẫn nhục, tâm nhu hoà, tâm hoà thuận, tâm vui đẹp, tâm không sân, tâm không động, tâm không trược, tâm không cao hạ, tâm không mong báo đáp, tâm báo ân, tâm không xiểm nịnh, tâm không dối, tâm không thâm hiểm, đều càng thanh tịnh.

Vị Bồ Tát này rộng tu cúng dường, tích tập tất cả căn lành, công đức ngày càng viên mãn. Về công phu nhẫn nhục thành tựu đặc biệt, một số người không thể nhẫn được, mà Ngài nhẫn thọ được, cho nên thành tựu "tâm nhẫn nhục". Người khác dùng thái độ cương cứng đối với Ngài, lăng nhục Ngài, ngược lại Ngài dùng thái độ nhu hoà để đối đãi, khiến cho họ vui phục, vì Ngài có một thứ "tâm nhu hoà". "Tâm hoà thuận" : Bồ Tát đối với bất cứ ai cũng đều hoà khí, chẳng có chút lời lẽ hành vi nào thô bạo, làm cho người khác thêm ác cảm đối với Ngài, Ngài đều hoà thuận với mọi người, không sinh sân hận. "Tâm vui đẹp" :

Bồ Tát biết tâm tánh chúng sinh, đều hoan hỷ nghe lời hay đẹp, cho nên khi Ngài giáo hoá người, thì cũng nói lời hay đẹp, khiến cho họ vui mà tiếp thọ. "Tâm không sân" : Vì Bồ Tát chẳng có tâm cang cường, tức là thân thọ ác của người khác, Ngài cũng hay tha thứ cho người khác, không khởi tâm sân hận. "Tâm không động" : Không màng gặp bất cứ cảnh giới gì, phú quý vinh nhục đều không lay động, vì Ngài đã không còn tâm tham. "Tâm không trược" : Bồ Tát tu tập đủ thứ căn lành, tư tưởng hành vi của Ngài đều rất thanh tịnh, không có chút tâm nhiễm ô nào phát sinh, cho nên Ngài Ngài không có chút phiền não nào cả, tâm của Ngài thanh tịnh không ô trược. "Tâm không cao thấp" : Bồ Tát đối đãi với hết thảy chúng sinh đều một luật bình đẳng, vì từ lâu Ngài đã lìa kiêu mạn, thì tự nhiên sẽ không khinh thị người khác. "Tâm không mong báo đáp" : Bồ Tát bố thí bất cứ thứ gì, chưa từng mong người khác đền đáp, thậm chí quên luôn người thọ nhận. Người xưa có nói rằng : "Thi ân bất cầu báo, tức là hạnh lành của Bồ Tát". "Tâm báo ân" : Bồ Tát thọ bất cứ ân huệ của ai, không nhớ bao nhiêu quý tiện, Ngài nhất định phải báo đáp. "Tâm không xiểm nịnh" : Bồ Tát chân thật tu hành, ở trong tâm mắt của Ngài chẳng có tư tưởng quyền quý thế lực, càng không cố ý đi xiểm nịnh những người giàu sang có quyền có thế. Vì Ngài bình đẳng đối đãi người, cho nên không có tâm niệm tham dục. "Tâm không dối" : Bồ Tát không tham đồ danh văn lợi dưỡng, lại không xí cầu y phục tốt, thức ăn ngon, cho nên Ngài không dùng thủ đoạn dối trá hoặc lường gạt người. "Tâm không thâm hiểm" : Bồ Tát dùng tâm chánh trực đối đãi người, làm việc quang minh lỗi lạc, không có sự che giấu, cho nên Ngài không cần dùng tâm

thâm hiểm để xử sự. Ở trên là những tâm chánh thành và những tâm không chánh đáng, tốt thì ngày càng hoàn thiện tốt đẹp hơn, tà thì ngày càng tiêu mất, cho nên trí huệ quang minh của Bồ Tát, cũng càng ngày trong sáng thanh tịnh hơn.

Bồ Tát này trong bốn pháp nhiếp, thiên nhiều về lợi hành. Trong mười Ba la mật thiên nhiều về nhẫn nhục Ba la mật. Ngoài ra các môn khác thì tùy sức tùy phần mà tu hành.

Phật tử ! Đó gọi là Bồ Tát Phát quang địa thứ ba.

Vị Bồ Tát này giáo hoá chúng sinh, trong bốn pháp nhiếp, phần nhiều thời gian dùng một phương pháp "lợi hành". Trong mười Ba la mật, phần nhiều thời gian tu pháp môn "nhẫn nhục Ba la mật". Ngoài ra ba thứ pháp nhiếp kia, và chín Ba la mật kia, chẳng phải là không tu hành, nhưng chỉ tùy sức lực và duyên phận mà làm. Các vị đệ tử của Phật ! Những gì vừa nói ở trên là quá trình thực tế của Bồ Tát phát quang địa thứ ba tu học.

Bồ Tát trụ địa này, phần nhiều làm Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam. Hay dùng phương tiện khiến cho các chúng sinh xả lìa tham dục. Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, tất cả các việc làm như vậy, đều

không lìa niệm Phật, không lìa niệm Pháp, không lìa niệm Tăng, cho đến không lìa niệm đầy đủ trí nhất thiết chủng trí.

Khi Bồ Tát tại địa vị này, tùy thời có thể làm Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam (trời Đao lợi). Ngài dùng các thứ phương pháp phương tiện để giáo hoá chúng sinh, khiến cho họ đều có thể xả lìa tâm tham dục hư vọng. Giáo hoá chúng sinh, lợi dụng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, bốn pháp nhiếp này. Bồ Tát làm tất cả nghiệp thiện như vậy, chưa bao giờ lìa niệm từ bi của Phật và đủ thứ công đức của Phật; không lìa niệm Phật pháp vi diệu thâm sâu vô thượng; không lìa niệm mười phương các hiền Thánh Tăng chân tu thật học; không lìa niệm câu đầy đủ trí huệ nhất thiết chủng và đại trí huệ trong trí huệ.

Lại nghĩ rằng : Trong tất cả chúng sinh, tôi sẽ là thượng thủ, là thắng, là thù thắng. Là diệu, là vi diệu. Là thượng, là vô thượng, cho đến là người y chỉ trí nhất thiết trí. Hoặc siêng hành tinh tấn, trong khoảng một niệm, đắc được trăm ngàn tam muội. Thấy được trăm ngàn vị Phật. Biết thần lực của trăm ngàn vị Phật. Có thể chấn động trăm ngàn thế giới của Phật. Cho đến thị hiện trăm ngàn thứ thân, mỗi mỗi thân có trăm ngàn Bồ Tát dùng làm

quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực thù thắng của Bồ Tát, thì tự tại thị hiện, còn hơn số trên. Trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp, không thể biết được.

Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tôi phải ở trong chúng sinh, làm người lãnh đạo của họ, năng lực trí huệ thắng hơn người khác, phải có biểu hiện đặc thù. Các việc cầu tốt, cầu hoàn mỹ nhất, vô thượng nhất. Lại phải làm người lãnh đạo có trí huệ nhất trong hết thảy chúng sinh. Bồ Tát lại chuyên cần tinh tấn, có thể trong một niệm, đắc được trăm ngàn tam muội, có thể thấy được trăm ngàn vị Phật, biết được sức thần thông của trăm ngàn vị Phật, có thể chấn động trăm ngàn thế giới của Phật, cho đến có thể biến hoá thị hiện trăm ngàn hoá thân, mỗi hoá thân, lại có trăm ngàn vị Bồ Tát làm quyến thuộc của Ngài. Nếu dùng sức đại nguyện thù thắng của Bồ Tát đã phát ra thuở xưa, thì còn có thể vượt qua số mục đã nói ở trên. Dù dùng một trăm kiếp, một ngàn kiếp, thậm chí trăm ngàn ức Na do tha kiếp thời gian, cũng không thể nào tính đếm biết được rõ ràng các thứ thần thông biến hoá của Bồ Tát.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn thuật lại nghĩa trên, mà nói bài kệ rằng.

**Tâm thanh tịnh an trụ sáng rực
Tâm nhàm lìa không tham không sân
Tâm kiên cố dũng mãnh rộng lớn**

Bậc trí dùng đây vào Tam địa.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng dùng phương pháp bài kệ, để tường thuật lại những nghĩa lý đã nói ở trên.

Bồ Tát tu học hạnh của Bồ Tát đệ tam địa, điều kiện quan trọng thứ nhất là phải có tâm thanh tịnh, phải lìa khỏi tất cả sự nhiễm ô. Còn phải có tâm an trụ, an trụ nơi bồ đề giác đạo, mới không thể thoái chuyển. Còn phải có tâm trí huệ sáng rực như lửa ngọn, phải nhằm lìa tất cả, chẳng có tâm tham, chẳng có tâm hại người. Phải có tâm tin kiên cố, dũng mãnh tinh tấn. Phải có tâm chí nguyện sâu xa, rộng rãi đại lượng. Phải đầy đủ các thứ tâm như vậy, mới có thể sinh ra trí huệ, mới có thể tiến vào đệ tam địa - quả vị Phát quang địa.

**Bồ Tát trụ Phát quang địa này
Quán các hạnh pháp khổ vô thường
Bất tịnh bại hoại mau quy diệt
Không bền không trụ không đến đi.**

Khi Bồ Tát trụ ở tại Phát Quang địa, Ngài quán sát các pháp là khổ, không, vô thường. Tất cả pháp thế gian đều không thanh tịnh, mà dễ suy bại hoại, trong khoảnh khắc liền quy về tịch diệt. Các pháp không vững bền, cũng không trụ lâu dài, đồng thời cũng không đến, cũng không đi.

**Quán pháp hữu vi như bệnh nặng
Lo sầu khổ não hoặc trói buộc
Lửa dữ ba độc luôn thiêu đốt**

Vô thủy đến nay không dừng nghỉ.

Bồ Tát quán sát tất cả pháp hữu vi, giống như con người có một chứng bệnh nặng. Lại thêm các thứ sầu lo, thống khổ, phiền não, mê hoặc, trói buộc con người không thoát ra được. Lửa độc tham sân si hung dữ thiêu đốt từ vô thủy cho đến bây giờ, những thống khổ đó chưa từng ngừng nghỉ.

Nhàm lia ba cõi không tham trước Chuyên cầu Phật trí không nghĩ khác Khó dò khó lường không gì bằng Vô lượng vô biên không bức nào.

Bồ Tát biết rõ tất cả ưu bi khổ não, cho nên Ngài nhàm chán lưu chuyển trong ba cõi, Ngài không tham luyến những thứ hư huyền của kiếp người, ngược lại chuyên tâm nhất chí cầu trí huệ của Phật, không sinh tư hào tạp niệm. Nếu chúng ta muốn học Phật pháp, muốn nghiên cứu Phật pháp, cũng phải chuyên chú nhất tâm, thì mới có thể thâm nhập vào Phật pháp, mới có thể đắc được trí huệ như đức Phật. Trí huệ của Phật khó dò khó tư lường, khó tưởng tượng được, chẳng có gì so sánh được. Trí huệ này vô lượng vô biên, không có phiền não gì có thể bức bách Ngài được.

Thấy trí Phật rồi thương chúng sinh Cô độc không nương không cứu hộ Ba độc thiêu đốt thường vây khốn

Ở ngục các cõi luân thọ khổ.

Bồ Tát thấy được trí huệ của Phật rồi, bèn sinh ra tâm đại từ bi, thương xót chúng sinh trên thế gian, thương họ cô độc một mình, chẳng có chỗ nương tựa, chẳng có ai cứu hộ họ. Họ luôn bị lửa dữ ba độc vây khốn, ở trong thế giới ba cõi giống như lao ngục, không có lúc nào mà không thọ các khổ não.

Phiền não trôi che mù không mắt Chí thích hạ liệt mất pháp bảo Thuận theo sinh tử sợ Niết bàn Tôi phải cứu họ siêng tinh tấn.

Chúng sinh bị phiền não trôi buộc, giống như người mù không có con mắt. Họ chẳng có chí nguyện cao thượng sâu xa, mà sự truy cầu hoan hỷ các thứ thấp hèn. Họ hoàn toàn không biết tìm cầu Phật pháp, đáng thương xót họ đã làm mất đi ý thú cầu pháp. Chỉ thuận theo dòng luân hồi, trôi nổi ở trong sinh tử, còn đối với pháp môn Niết Bàn chầm dứt sinh tử, thoát khỏi biển khổ, thì ngược lại họ lại sinh ra tâm sợ hãi. Tôi phải siêng cầu Phật đạo, cứu độ họ !

Mong cầu trí huệ ích chúng sinh Nghĩ phương tiện gì khiến giải thoát Không lìa trí Như Lai vô ngại Họ lại phát khởi huệ vô sinh.

Tôi siêng cầu trí huệ, là vì lợi ích chúng sinh, nhưng tôi phải dùng pháp môn phương tiện gì, mới có thể khiến

cho chúng sinh đắc được giải thoát ? Ngoài việc không lìa khỏi đại trí huệ vô ngại của Phật, không còn phương pháp nào khác. Từ nơi đạo lý giác ngộ không sinh không diệt của Phật, mà sinh ra đại trí huệ vô ngại thù thắng.

**Tâm nghĩ huệ này do nghe được
Suy nghĩ như vậy tự siêng năng
Ngày đêm nghe tu không gián đoạn
Chỉ dùng chánh pháp làm tôn trọng.**

Bồ Tát suy gẫm nguồn gốc trí huệ này, là do nghe pháp mà được. Như vậy suy nghĩ cho kỹ, thì sẽ tự cố gắng tinh tấn, ngày đêm không giải đãi, cố lệ chính mình không sinh tâm thoái chuyển. Nghe Phật pháp, tu tập Phật pháp, niệm niệm liên tục, không có gián đoạn. Chuyên tâm cầu chánh pháp, tôn trọng chánh pháp.

**Đất nước tài sản các châu báu
Vợ con quyến thuộc và ngôi vua
Bồ Tát vì pháp khởi tâm kính
Như vậy tất cả đều xả được.**

Lãnh thổ của đất nước, thành trì, tài sản của cải, và hết thảy ngọc ngà châu báu, vợ con, thân bằng quyến thuộc, thậm chí ngôi vua - Bồ Tát đều xả bỏ được. Vì cầu chánh pháp mà kiên thành cung kính, đối với những người đó xem là vật khó có được, Ngài đều có thể bố thí cho chúng sinh.

Đầu mắt tai mũi lưỡi và răng

**Tay chân xương tuỷ tim máu thịt
Hết thấy đều xả chưa là khó
Chỉ nghe chánh pháp là khó nhất.**

Bồ Tát không những xả bỏ bố thí được các thứ tài vật trân quý, mà cho đến thân thể của mình như: Đầu, mắt, tai, mũi, răng, lưỡi, tay, chân, xương, tuỷ, tim, máu, thịt, những vật khó xả bỏ này, đều có thể bố thí cho người khác. Trong tâm mắt của Bồ Tát, bố thí những thứ thân thể máu thịt này, chẳng phải là việc khó khăn. Mà khó khăn nhất, khó gặp nhất là nghe được Phật pháp.

**Nếu có người đến nói Bồ Tát
Nhảy vào được trong hầm lửa lớn
Tôi sẽ ban cho Phật pháp bảo
Nghe nói vào lửa không khiếp sợ.**

Giả sử có người đến nói với Bồ Tát: “Nếu ai có thể nhảy vào trong hầm lửa lớn, nếu ai có tâm thành dũng mãnh vì pháp quên mình, thì tôi sẽ truyền thọ cho họ pháp bảo mà họ chưa từng nghe qua”. Bồ Tát nghe lời đó rồi, liền rất vui mừng, tư hào không do dự trả lời rằng: “Chỉ cần Ngài truyền thọ cho tôi pháp bảo của Phật, khi tôi nghe rồi, tuyệt đối sẽ nhảy vào hầm lửa, mà không sợ hãi gì cả”.

**Giả sử lửa đầy ba ngàn cõi
Thân từ Phạm Thiên mà nhảy vào
Vì cầu pháp nên không khó gì
Hà huống khổ nhỏ ở nhân gian.**

Đừng nói chi một hầm lửa nhỏ, dù hầm lửa lớn đầy khắp ba ngàn đại thiên thế giới, tôi cũng nguyện ý từ cõi Phạm thiên nhảy vào hầm lửa lớn. Vì cầu Phật pháp, bất cứ khó khăn gì tôi cũng đều khắc phục được, không sợ hãi, hà huống chỉ là một chút khổ nhỏ thế gian.

**Từ sơ phát tâm đến thành Phật
Hết tẩy sự khổ ngục A tỳ
Vì nghe pháp nên đều thọ được
Hà huống việc khổ trong nhân gian.**

Từ lúc ban đầu phát tâm bồ đề đến khi thành quả vị Phật, cần phải trải qua thời gian ba đại A tăng kỳ kiếp, sự thọ khổ không thể tính đếm được. Bồ Tát vì cầu nghe pháp, dù có chịu khổ trong địa ngục Vô gián thời gian lâu dài, cũng nhẫn thọ được, hà huống những khổ nhỏ ở nhân gian.

**Nghe rồi như lý nghĩ chân chánh
Đắc được Tứ thiên định vô sắc
Tứ đẳng ngũ thông lần lượt khởi
Không theo sức đó mà thọ sanh.**

Bồ Tát nghe được chân lý Phật pháp rồi, bèn suy nghĩ quán sát, y chiếu theo Phật pháp thiết thực dụng công tu hành, như vậy sẽ đắc được cảnh giới Tứ thiên – Sơ thiên, nhị thiên, tam thiên, tứ thiên, và tiến vào trong thiên định vô sắc giới. Tứ đẳng là từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng. Từ hay ban vui, bi hay cứu khổ, hỷ hay sinh thiện, xả hay lià ác. Ngũ thông - ngoại trừ lậu tận thông ra chưa đắc

được, năm thứ thân thông tức là: Thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông, tha tâm thông, túc mạng thông, và thần túc thông đều đã đắc được. Những công phu tu hành này, tuần tự tiến lên đều tu đến được. Tuy nói còn ở trong dòng sinh tử xả sinh thọ sinh, nhưng không bị nghiệp lực truy bức, mà là tùy theo nguyện lực của mình, vì độ chúng sinh mà thọ sanh.

**Bồ Tát trụ đây thấy nhiều Phật
Cúng dường lắng nghe tâm quyết định
Dứt các tà hoặc thành thanh tịnh
Như luyện vàng thật thể không giảm.**

Bồ Tát trụ nơi cảnh giới địa thứ ba, thấy được vô lượng đức Phật không thể đếm biết được, cúng dường mười phương chư Phật, ở tại đạo tràng của chư Phật nghe pháp, tâm tin càng kiên định, không còn tâm nghi hoặc; tất cả tà tham, tà sân, tà si, các tà hoặc đều dứt trừ; ý niệm càng ngày càng thanh tịnh. Giống như dùng lửa luyện vàng, tuy nói khử hết cặn đục và cát đá, nhưng bản thân phân lượng của vàng vẫn không giảm bớt, ngược lại càng thêm sáng bóng thanh tịnh.

**Trụ đây thường làm vua Đạo Lợi
Hoá đạo vô lượng các Thiên chúng
Khiến xả tâm tham trụ đường lành
Hướng về chuyên cầu công đức Phật.**

Trụ nơi địa thứ ba - Bồ Tát Phát quang địa, đa số làm Thiên chủ cõi trời Tam Thập Tam, giáo hoá vô lượng vô

biên các Thiên chúng cõi trời, khiến cho tất cả chúng sinh đều xả bỏ tâm tham, mà trụ nơi đường lành. Bồ Tát chuyên tâm nhất chí hướng về siêng cầu công đức thành Phật.

**Phật tử trụ đây siêng tinh tấn
Trăm ngàn tam muội đều đầy đủ
Thấy trăm ngàn Phật tướng nghiêm thân
Nếu dùng nguyện lực lại hơn trên.**

Các vị đệ tử của Phật ! Khi các vị trụ nơi địa thứ ba, phải siêng năng tinh tấn, dụng công tu hành, sẽ đắc được viên mãn trăm ngàn thứ tam muội (chánh định chánh thọ). Lại có thể thấy được trăm ngàn vị Phật tướng tốt trang nghiêm, càng có thể chấn động trăm ngàn thế giới của Phật. Nếu nói về dùng nguyện lực thuở xưa của Bồ Tát đã phát ra, thì sức thần thông của Ngài, càng vượt trội số mục đã nói ở trên.

**Tất cả chúng sinh khắp lợi ích
Các Bồ Tát đó hạnh tối thượng
Như vậy hết thấy Đệ tam địa
Tôi nương theo nghĩa giải thích xong.**

Bồ Tát địa thứ ba, tu hạnh môn tối thượng, khiến cho khắp tất cả chúng sinh đều đắc được lợi ích. Những cảnh giới địa thứ ba như ở trên, tôi đã y chiếu theo nghĩa lý, vì các vị giải thích rõ ràng xong rồi.

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN BA MƯƠI SÁU

**PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU
THỨ TƯ DIỆM HUỆ ĐỊA**

**Phật tử nghe hạnh rộng lớn này
Ưa thích địa thù thắng thâm diệu
Tâm đều vui mừng đại hoan hỉ
Khấp rải hoa thơm cúng dường Phật.**

Các vị đại đệ tử của Phật ! Đã nghe qua Bồ Tát Kim Cang Tạng vì mọi người nói xong hạnh môn rộng lớn của Bồ Tát tu hành ở trên, biết được những hạnh môn đó đều là vi diệu, thâm áo, thù thắng nhất, mọi người đều thích vào sâu nghiên cứu tu tập. Do đó, trong tâm của các vị Bồ Tát toả ra sự vui mừng hoan hỉ vô cùng. Các Ngài đều rải xuống rất nhiều loại hoa thơm danh quý nhất, để cúng dường mười phương chư Phật và Đức Phật Thích Ca trong pháp hội.

**Khi diễn nói diệu pháp như vậy
Đại địa nước biển đều chấn động
Tất cả Thiên nữ đều hoan hỉ**

Đều dùng tiếng hay đồng khen ngợi.

Khi Bồ Tát Kim Cang Tạng diễn nói pháp môn vi diệu địa thứ ba không thể nghĩ bàn này, thì hết thầy sơn hà đại địa, nước trong bốn biển, đều cùng hiện ra sáu thứ mười tám tướng chấn động. Thiên nữ nghe rồi đều rất hoan hỉ, cùng nhau phát ra âm thanh hay đẹp, đồng thanh tán thán khen ngợi Tam Bảo.

Tự Tại Thiên Vương rất hớn hở Mưa châu ma ni cúng dường Phật Khen nói Phật vì ta ra đời Diễn nói hạnh công đức bậc nhất.

Lúc đó, Thiên Vương cõi trời Đại Tự Tại, cũng hoan hỉ vô lượng, đem vô lượng châu ma ni cúng dường chư Phật. Ngài lớn tiếng tán thán đức Phật nói : "Đức Phật vì chúng tôi chư Thiên, mới thị hiện ra đời, đặc biệt vì chúng tôi diễn nói hạnh công đức tối thượng, thù thắng bậc nhất !"

Nghĩa các địa bậc trí như vậy Trong trăm ngàn kiếp khó gặp được Nay tôi bỗng nhiên mà được nghe Bồ Tát thắng hạnh tiếng diệu pháp.

Bồ Tát có đại trí huệ như vậy - Bồ Tát Kim Cang Tạng vì đại chúng pháp hội diễn nói nghĩa lý mỗi địa trong Thập địa, thật là trong trăm ngàn kiếp cũng khó nghe được

một lần. Hiện tại tôi thật là may mắn, mới gặp được pháp hội này, nghe được tiếng pháp vi diệu vô thượng.

**Nguyện hãy diễn nói bậc thông huệ
Đạo vô dư quyết định địa sau
Lợi ích tất cả các trời người
Các Phật tử này đều thích nghe.**

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói với Bồ Tát Kim Cang Tạng : "Bồ Tát Kim Cang Tạng có đại trí huệ ! Hiện tại chúng tôi muốn lắng nghe Ngài tiếp tục diễn nói Địa thứ tư, có sự quan hệ phải biết đạo lý tu học và tướng trạng. Chẳng những lợi ích cho sự tu học của các Bồ Tát, đồng thời cũng lợi ích cho các trời người. Các Phật tử ở trong pháp hội cũng rất hoan hỉ nghe pháp môn này.

**Giải Thoát Nguyệt dũng mãnh đại tâm
Thỉnh Kim Cang Tạng nói Phật tử !
Từ đây tiến vào Địa thứ tư
Hết thấy hạnh tướng xin tuyên nói.**

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt dũng mãnh tinh tấn phát tâm đại Bồ Tát, hướng về Bồ Tát Kim Cang Tạng thỉnh pháp, gọi Ngài "đại đệ tử của Phật ! Từ Địa thứ ba tiến vào Địa thứ tư, tất cả pháp môn tu hành, cùng với cảnh giới chứng được, thỉnh cầu Ngài hãy vì chúng tôi giải thích nói cho rõ ràng".

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng, nói
với Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng : Phật**

tử ! Đại Bồ Tát đã khéo thanh tịnh Địa thứ ba rồi, muốn vào Diệm Huệ Địa thứ tư, phải tu hành mười pháp minh môn. Những gì là mười ?

Đó là : Quán sát cõi chúng sinh, quán sát pháp giới, quán sát thế giới, quán sát cõi hư không, quán sát thức giới, quán sát dục giới, quán sát sắc giới, quán sát vô sắc giới, quán sát cõi tâm rộng tin hiểu, quán sát cõi tâm lớn tin hiểu. Bồ Tát dùng mười pháp minh môn này, mà vào được Diệm Huệ Địa thứ tư.

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói xong những bài kệ ở trên rồi, Bồ Tát Kim Cang Tạng bèn tiếp tục nói với Ngài : "Các vị đại đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát đã khéo tu hành thanh tịnh Địa thứ ba, viên mãn công đức Địa thứ ba rồi, chứng được quả vị Địa thứ ba rồi, lại muốn vào Địa thứ tư - Diệm huệ địa, thì phải tu hành mười thứ Phật pháp, mới có thể minh bạch tiên vào cửa Phật pháp. Gì là mười Phật pháp minh môn ? Nói chung đều có sự quan hệ độ chúng sinh về sự và lý. Phân biệt lại nói, không ngoài :

1. Quán sát cõi chúng sinh : Có đủ thứ nhân duyên thiện ác liên kết.

2. Quán sát pháp giới : Nay là thời đại pháp hành thế nào, là chánh pháp ? tượng pháp ? hay là mật pháp ? là thế giới nhiễm, hay là thế giới tịnh ?

3. Quán sát thế giới : Đã đến thời kiếp gì ? là thành ? là trụ ? là hoại ? là không ?

4. Quán sát cõi hư không : Chúng sinh trụ vào chánh báo, y báo, đều nương vào hư không mà lập. Nên nói thứ pháp gì, mới có thể khế hợp với căn cơ của chúng sinh ?

5. Quán sát bản thức của chúng sinh, nhiễm ô và thanh tịnh, nên dùng pháp gì để giáo hoá, khiến cho họ chuyển nhiễm thành tịnh ?

6. Quán sát chúng sinh cõi trời dục giới : Nên dùng pháp gì để độ họ, khiến cho họ có thể ly dục khứ ái, không còn thọ, tưởng ?

7. Quán sát chúng sinh cõi sắc giới.

8. Quán sát chúng sinh vô sắc giới. Chúng sinh ba cõi này đều thuộc về sắc, trong pháp do phiền não mà làm cho nhiễm. Bồ Tát biết ba cõi đều do tâm, vậy nên dùng pháp nào mới có thể khế hợp, mới có thể cứu độ được chúng sinh ?

9. Quán sát chúng sinh trên trời đủ tâm tin hiểu rộng lớn : Họ đã là phiền não không nhiễm, đã thành tịnh phần nương tha, nay dùng phương pháp gì để trợ giúp khiến cho họ tiến vào thượng thừa ?

10. Quán sát chúng sinh trên trời tâm tin hiểu lớn : Họ có thể phát tâm đại Bồ Tát, vượt qua nhị thừa, tức là chúng sinh hành Bồ Tát đạo, nay nên dùng phương pháp gì để trợ giúp họ viên mãn tâm bồ đề đã phát ?

Bồ Tát dùng mười phương pháp này, quán sát viên mãn, do đó minh bạch tiến vào tu hành pháp môn Địa thứ tư. Ý nghĩa Diệm huệ địa nghĩa là trí huệ hoả diệm, giống như tia sáng chói, chiếu sáng khắp mười pháp giới. Ba địa trước gánh vác thế gian, từ địa này tiến vào tu trí huệ

Thánh nhân xuất thế, xả bỏ định ái, vĩnh viễn dứt phiền não, tu chứng bồ đề pháp phần.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Diệm huệ địa này, vì có thể dùng mười thứ trí thành thực pháp, nên đắc được nội pháp của Địa thứ tư, sinh vào nhà Như Lai. Những gì là mười ?

Đó là : Vì thâm tâm không thối lui, vì trong Tam Bảo sinh tịnh tín, rốt ráo không hoại, vì quán các hành sinh diệt, vì quán các pháp tự tánh không sinh, vì quán thế gian thành hoại, vì quán nhân nghiệp có sinh, vì quán sinh tử Niết Bàn, vì quán nghiệp chúng sinh cõi nước, vì quán thời gian trước thời gian sau, vì quán không có gì cùng tận, đó là mười.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Địa thứ tư này, quán trong thân theo thân quán, siêng năng dũng mãnh nhớ biết, trừ diệt tham lam lo lắng của thế gian. Quán ngoài thân theo thân quán, siêng năng dũng mãnh nhớ biết, trừ diệt tham lam lo lắng của thế gian. Quán trong ngoài thân theo thân quán,

siêng năng dũng mãnh nhớ biết, trừ diệt tham lam lo lắng của thế gian.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Trụ nơi Địa thứ tư - Bồ Tát Diệm huệ địa y cứ mùi thứ trí huệ để suy gẫm, quán sát, do tu hành mà thành thực pháp môn tu học. "Thành thực" : Tức là diệt trừ trí chướng giải pháp tam địa trước, nhiếp vào Thánh trí xuất thế Địa thứ tư. Đắc được "tâm trí pháp" thuộc về nội tâm, chẳng phải ngoại tướng, mà là thừa thọ tâm pháp những gì đức Phật nói, giáo hoá chúng sinh, cho nên được sinh vào trong gia tộc của đức Phật. Vì Địa thứ tư là bắt đầu pháp xuất thế, cho nên nói "sinh" vào nhà Như Lai. Những gì là mùi thứ trí huệ thành thực nội pháp ? Đó là :

1. Thâm tâm không thối lui : Thâm tâm tức là tâm bồ đề của Bồ Tát phát ra. "Không thối lui" : Tức là vĩnh viễn không thối chuyển về hàng nhị thừa, không thể giải đãi, phóng dật.

2. Tâm tin đối với Tam Bảo tuyệt đối kiên định, không thể lay động, không hoài nghi, do đó sinh ra tâm tôn kính thanh tịnh, vĩnh viễn không thất hoại.

3. Bồ Tát quán sát các hành sinh diệt, minh bạch là vô thường khổ không, sinh diệt vô thường.

4. Quán tự tánh của tất cả các pháp, vốn không sinh không diệt. Vì tất cả pháp vốn là vắng lặng, chẳng có bản thể, là nhân duyên sinh ra. Đức Phật nói :

"Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không.
Cũng gọi là giả danh
Cũng gọi nghĩa trung đạo".

5. Lại quán thể gian và tất cả thể gian, đều không thể tránh khỏi tướng kiếp: Thành, trụ, hoại, không. Bồ Tát thương nhớ chúng sinh, cho nên phát tâm đại bồ đề.

6. Lại quán tất cả nghiệp. Chúng sinh thọ đủ thứ báo khác nhau, là do hạt giống nghiệp, gặp duyên thành thực mà thọ báo chướng, cho nên "Thiện thì có thiện báo, ác thì có ác báo", nhân quả tuần hoàn, tơ hào không sai.

7. Lại quán sự khác nhau về sinh tử, Niết bàn, sinh tử lao nhọc, do tham dục khởi, khổ não vô lượng; Niết Bàn vắng lặng, thường lạc ngã tịnh. Bồ Tát giác ngộ được khổ sinh tử, liền biết hướng về bồ đề, vĩnh viễn dứt sinh tử, luôn luôn thọ vui Niết Bàn. Ngài suy gẫm các pháp, biết rõ gì là sinh tử, gì là Niết Bàn, liền được đạo không sinh không diệt.

8. Lại quán tất cả chúng sinh, trong cõi nước và thọ sinh trong sáu nẻo khác nhau, là do nhân nghiệp gì ? Lại biết họ hay tạo ra nghiệp gì, mới đắc được quả báo đáng thọ đó.

9. Lại quán thời gian trước, phiền não không có sự bắt đầu (vô thủy). Lại quán thời gian sau, Niết bàn không có sự kết thúc (vô chung). Chỉ vì chúng sinh sinh vọng tưởng trùng trùng, nên sinh ra nghiệp báo khác nhau.

10. Lại quán tất cả chúng sinh, phiền não vô tận, hư không vô tận, sinh, già, bệnh, chết, hư nguy không có chủ, đều không cùng tận.

Ở trên là mười thứ trí của Bồ Tát trụ Diệm huệ địa, tinh tấn chuyên cần quán sát, suy gẫm, lại nương vào trí này mà thành thực pháp lý và sự tướng. Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng Phật tử ! Khi Bồ Tát trụ vào Địa thứ

tư, Ngài tu tập pháp môn chỉ quán, khi quán trong thân thì, quán tướng thân này không sạch, là ba mươi sáu thứ vật thể bất tịnh và năm thứ bất tịnh tập thành. Ba mươi sáu thứ vật bất tịnh :

1. Tướng ngoài mười hai thứ : Tóc, lông, móng, răng, ghèn, nước mắt, nước dãi, đờm, phân, nước tiểu, cầu bần, mồ hôi.

2. Thân có mười hai thứ : Da, da ngoài, máu, thịt, gân, mạch, xương, tuỷ, mỡ lá, mỡ miếng, não, màng.

3. Bên trong có mười hai thứ : Gan, mật, ruột, dạ dày, lá lách, thận, tim, phổi, sanh tạng, nhiệt tạng, xích đàm, bạch đàm.

Năm thứ bất tịnh :

a. Chủng tử bất tịnh, do nghiệp kết quá khứ và tinh cha huyết mẹ làm chủng tử.

b. Trụ xứ bất tịnh, chỗ ở trong thai mẹ bất tịnh.

c. Tự tướng bất tịnh, thân có đủ chín lỗ, thường chảy ra vậy ô ứ.

d. Tự thể bất tịnh, vì thân có ba mươi sáu thứ vật bất tịnh hợp thành.

e. Cứu kính bất tịnh, chết rồi chôn dưới đất làm thức ăn cho côn trùng, cuối cùng thành phân đất.

Đối với thân bất tịnh này, sao lại sinh khởi tham ái ? Nếu muốn trừ khử lìa tham ái tập khí ác lo buồn được mất từ vô thủy đến nay, thật không dễ dàng, cho nên phải tinh tấn siêng năng, quyết tâm, có nghị lực, có sự dũng mãnh.

"Nhớ" nghĩa là sự giác ngộ, phải minh bạch "thân" và "mạng" là vô thường, phải cảnh giác Phật pháp sẽ diệt, phải biết thu nhiếp tán tâm, ghi nhớ không quên, sinh khởi chánh niệm. "Biết" tức là có tâm kiên quyết, lập chí sám

hồi những lỗi lầm quá khứ, phát nguyện không làm ác, làm điều thiện. Như thực hành theo lời nói, sức hành thực tiễn, mới có thể trừ khử tất cả tham ái ràng buộc và thống khổ ưu bi khổ não trên thế gian. Bồ Tát lại quán sát ngoài thân : "Ngoài thân" là chỉ tất cả sắc, thanh, hương, vị, xúc, bên ngoài thân. Theo thân quán sát suy gẫm tỉ mỉ bên ngoài thân, tất cả vạn sự vạn vật hiển hiện ra, đều là có tiếng không có tiếng, có hình không có hình, nói pháp cho người thế gian nghe. Nếu người đời minh bạch được hàm ý nói pháp của nó, thì có thể đạt được thật tướng của tất cả các pháp. Thường hành tinh tấn, phản tinh, phá trừ tà tri tà kiến, tôn kính chánh pháp, thành chánh hạnh, tu học trí huệ của Phật, thì tự nhiên sẽ có thể trừ khử tất cả sự tham lam lo lắng của thế gian. Kế tiếp lại "quán trong ngoài thân" : Quán trong thân : là quán sắc, thọ, tưởng, hành, thức, năm uẩn bên trong thân. Quán ngoài thân : là quán sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, sáu trần bên ngoài thân. Tất cả pháp trong ngoài thân, phải theo đây để quán sát suy gẫm, biết rõ về tâm, thì trí huệ sẽ hiện tiền. Còn phải siêng dững mãi nhớ biết, tự tại tu hành. Bồ Tát xa lìa phiền não nhân gian, xả bỏ sự điên đảo vô tri thế gian, sao lại còn có tham ái phóng dật, càng không sinh ra sầu lo khổ não.

Có câu rằng :

"Biết lỗi mà sửa đổi, không có điều thiện nào bằng".

Ở trước đại chúng biểu thị lỗi lầm của mình, ở trước Phật sám hối tội nghiệp của mình, như vậy, lỗi lầm sẽ tiêu diệt. Nếu không muốn người biết, cũng không biết sửa đổi sám hối, ngược lại che giấu, thì lỗi lầm sẽ vĩnh viễn tồn tại, bạn cũng vĩnh viễn không biết sửa đổi sám hối.

Khi đức Phật còn tại thế, hai chúng có phạm lỗi lầm, đều phải ra trước đại chúng bộc bạch sám hối. Đây cũng giống như chiếc áo trắng bị dơ bẩn, phải giặt cho sạch. Tâm của con người có sự ám ảnh, một khi sám hối thì sẽ khôi phục lại ánh sáng trí huệ vốn có. Tại sao một số người không thể hiển lộ ra ánh sáng trí huệ ? Vì ai ai cũng đều có bộ mặt giả, không muốn cho người khác biết lỗi lầm của mình. Cho nên, đương thời đức Phật dùng phương pháp đương chúng sám hối, khiến cho con người đều có cơ hội hối lỗi làm mới lại. Có lúc, chính mình phạm lỗi lầm mà không biết, do đó nhờ người khác tốt ý khích lệ, chỉ ra lỗi lầm của họ, đây gọi là chỉ lỗi. Khiến cho họ sám hối, khôi phục lại thanh tịnh, đây là quy luật thời chánh pháp trụ thế. Sau khi đức Phật vào Niết bàn rồi, dần dần con người không dùng phương pháp sám hối này nữa, nên pháp dần dần mai một.

Như ngày nay Phật pháp mới truyền vào tây phương, có thể nói là thời đại chánh pháp, cho nên phải tôn trọng những gì đức Phật chế ra, đối với bốn chúng đệ tử, không màn phạm bất cứ lỗi lầm gì, chỉ cần bộc bạch, thì sẽ khôi phục lại bản tánh thanh tịnh, đừng để lưu lại sự ám ảnh ở trong tâm. Người tu hành đừng có tâm ích kỷ lợi mình, nên quan niệm rộng rãi về "tiểu ngã" của mình mà trở thành người của đại chúng. Việc có lợi cho đại chúng, có tổn hại về mình, dù cho tan thân nát thịt, cũng nên tận sức gánh vát. Ngược lại, nếu việc tổn người lợi mình, cũng không nên làm. Nếu thực hành theo đây, thì mới có thể thành tựu đạo của Bồ Tát thực hành.

Như vậy quán trong thọ, ngoài thọ, trong ngoài thọ, theo thọ quán. Quán trong tâm, ngoài tâm, trong ngoài tâm, theo tâm quán. Quán trong pháp, ngoài pháp, trong ngoài pháp, theo pháp quán. Chuyên cần dũng mãnh nhớ biết, diệt trừ tham lam lo lắng của thế gian.

Lại nữa, Bồ Tát này đối với các pháp ác bất thiện chưa sinh ra. Vì không muốn cho sinh ra, nên phải siêng tinh tấn, phát tâm đoạn trừ. Các pháp ác bất thiện đã sinh ra, vì muốn dứt trừ, nên siêng tinh tấn, phát tâm đoạn trừ. Các pháp lành chưa sinh ra, vì muốn sinh ra, nên siêng tinh tấn, phát tâm thực hành. Các pháp lành đã sinh ra, vì muốn trụ không mất đi, nên phải tu hành, khiến cho nó tăng trưởng rộng lớn, mà siêng tinh tấn, phát tâm thực hành.

Như vậy quán sát, nghiên cứu tỉ mỉ, hồi quang phản chiếu : Sự cảm thọ trong nội tâm như thế nào ? Cảm thọ ở bên ngoài như thế nào ? Sự cảm thọ trong ngoài hợp nhất lại như thế nào ? Đó gọi là theo tâm quán, là thuận theo thọ để quán sát. "Thọ" gồm có "tâm thọ" và "thân thọ" : Sự thọ

của sáu thức gọi là "tâm thọ". Sự thọ của năm căn gọi là "thân thọ". Lại quán nội tâm như thế nào? Ngoại tâm lại như thế nào? Nội ngoại tâm hợp nhất lại như thế nào? Theo tâm ý quán sát, nhờ tác dụng thật tâm nghiên cứu. Lại quán tất cả pháp bên trong và tất cả pháp bên ngoài, pháp trong ngoài, theo pháp để quán sát. Cũng phải siêng tinh tấn, dũng mãnh không giải đãi, niệm tất cả trí huệ, diệt trừ tất cả tham ái và ưu sầu phiền não trên thế gian.

Người xuất gia phải thoát ra khỏi nhà tam giới – Thoát ra khỏi nhà dục giới, nhà sắc giới, nhà vô sắc giới, còn phải thoát ra khỏi nhà phiền não, đoạn trừ tất cả phiền não; thoát ra khỏi nhà thế tục tức là trừ khử tham ái. Muốn chân chánh làm cho được viên mãn thì đương nhiên không dễ dàng, nhưng phải khắc phục sự khó khăn, lực hành thực tiễn. Cổ ngữ có nói: "Nhân giả, gian nan nhi hậu hoạch". Nghĩa là người thành tựu nhân tâm, phải trải qua quá trình gian nan khốn khổ, mới có thể chân chánh thành thực tâm nhân từ, đạt đến trí huệ viên dung vô ngại và nhân cách hoàn thành cao thượng mỹ mãn. Ở trước có nói là nhiệm ô tham ái thế gian, hiện tại muốn nói sự khoái lạc xuất thế gian. Ở trước không nói được viên mãn, hiện tại nói tỉ mỉ một chút. Vị Bồ Tát tu Diệm huệ địa này, khi trong tâm của Ngài chưa sinh khởi các niệm ác và pháp không tốt, thì vì muốn khiến cho các niệm ác và pháp không tốt không sinh, cho nên phải phát tâm bồ đề, chuyên cần tinh tấn, dũng mãnh không giải đãi. Phải dứt trừ tất cả các niệm ác và pháp không tốt như vậy. Dứt trừ tức là dứt trừ sự giải đãi. Các điều ác tức là mười điều ác. Khiến cho nó không sinh khởi lên; nếu đã sinh ra, thì phải cấp tốc khiến cho nó dứt trừ. Cũng phải sinh tâm bồ đề dũng mãnh tinh tấn, phát

tâm đại nguyện để dứt trừ niệm ác và pháp bất thiện đó, đổi thành niệm thiện pháp thiện, tức là mười điều thiện. Nếu như chưa sinh ra, mà hy vọng sinh khởi tâm thập thiện, thì càng phải dừng mãnh tinh tấn không giải đãi. Phải phát tâm đại Bồ đề, phát tâm nguyện lớn, thiết thật làm được mười điều lành. Giả sử đã sinh ra tất cả niệm thiện, vì muốn bảo trì thường hành mười điều lành, không thể ngừng giữa đường, thì phải siêng năng tinh tấn, khiến cho niệm thiện hạnh thiện ngày càng tăng trưởng rộng lớn, cũng phải dừng mãnh tinh tấn, phát tâm đại Bồ đề, thiết thật tu hành chánh tri chánh kiến, thành tựu Bồ đề.

Lại nữa, Bồ Tát này tu hành định dục giới muốn dứt trừ hạnh ác, thành tựu thần túc, y chỉ vào nhàm chán, y chỉ vào lìa, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả. Tu hành tinh tấn định, tâm định, quán định, đoạn định, thành tựu thần túc. Y chỉ vào nhàm chán, y chỉ vào lìa, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại tiếp tục nói : "Ở trước nói về vị Bồ Tát này, khi Ngài tu hành định dục giới, phải dứt trừ tất cả ác hạnh, sinh ra tất cả hạnh lành, thì sẽ thành tựu thần túc thông – đây là một trong sáu thứ thần thông. Phải y chỉ vào nhàm lìa tất cả pháp hạnh ác, dứt trừ tất cả pháp hạnh ác, cũng phải diệt tất cả pháp hạnh ác. Đem tất cả hồi hướng về tất cả hạnh xả, tu tất cả Bồ thí. "Xả", là phải xả những gì mình không thể xả, mới là thật xả bỏ. "Tu hành

ting tấn định", là công phu tu định luôn không gián đoạn. Tâm định; tức là tâm có định lực, không bị cảnh bên ngoài dụ hoặc làm giao động, không bị nhân tình làm thay đổi. Có câu rằng : "Tám gió thổi không lay".

Tám gió là :

1. Xung : Được người khen không động tâm.
2. Cơ : Bị người chê cũng không động tâm.
3. Khổ : Thọ khổ không lay động.
4. Lạc : An vui cũng không lay động.
5. Lợi : Có lợi không lay động.
6. Suy : Có hại cũng không lay động.
7. Huỷ : Bị phỉ báng không động tâm.
8. Dự : Được người khen ngợi cũng không động tâm.

Như vậy có thể chứng minh công phu "tâm định", đến được trình độ nào. "Quán định" ; quán sát sự tu định có sự thành tựu chăng. "Đoạn định" : Đoạn trừ tất cả ác hạnh. Như vậy sẽ thành tựu thân tức thông, một trong sáu thân thông. Phải y chỉ vào sự nhàm tất cả pháp thế gian, y chỉ liả tất cả pháp thế gian, y chỉ diệt trừ tất cả ác hạnh thế gian, hồi hướng về pháp môn bố thí hỷ xả". Bồ Tát tu hành như vậy, sẽ đạt được cảnh giới "Mắt thấy hình sắc bên trong chẳng có, tai nghe chuyện đời tâm chẳng hay", mới chân chánh có định lực.

Lại nữa, Bồ Tát này tu hành tín căn, y chỉ vào nhàm, y chỉ vào liả, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả. Tu hành tinh tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn. Y chỉ nhàm, y chỉ liả, y chỉ diệt, hồi hướng nơi xả. Lại

nữa, Bồ Tát này tu hành tín lực, y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lia, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả. Tu hành tinh tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lia, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại nói tỉ mỉ tiếp theo đạo lý ở trước. Khi vị Bồ Tát này tu hành năm căn – tín căn, tấn căn, niệm căn, định căn, huệ căn, thì y chỉ nhàm chán thế giới Ta Bà, y chỉ thoát khỏi tất cả phiền não, y chỉ diệt tận tất cả tập khí, hồi hướng về xả Ba la mật. Lại nói tỉ mỉ rằng, vị Bồ Tát Diệm huệ địa này, tu hành năm lực – Tín lực, tấn lực, niệm lực, định lực, huệ lực, cũng đều y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lia, y chỉ vào diệt, hồi hướng về "xả" Ba la mật. Đó là năm căn năm lực, lực là do căn sinh ra. Y chỉ vào những hạnh môn này để tu hành, thì sẽ nhàm lia tất cả pháp thế gian, tu hành tất cả pháp xuất thế, hồi hướng về pháp môn xả.

Lại nữa, Bồ Tát này tu hành niệm giác phần, y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lia, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả. Tu hành trạch pháp giác phần, tinh tấn giác phần, hỷ giác phần, khinh an giác phần, định giác phần, xả giác phần. Y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lia, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả.

Lại nữa, Bồ Tát này tu hành chánh kiến, y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lìa, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả. Tu hành chánh tư duy, chánh ngữ, chánh nghiệp, chánh mạng, chánh tinh tấn, chánh niệm, chánh định. Y chỉ vào nhàm, y chỉ vào lìa, y chỉ vào diệt, hồi hướng nơi xả.

Bồ Tát tu hành công đức như vậy, vì không bỏ tất cả chúng sinh, vì nguyện xưa gia trì, vì đại bi làm đầu, vì đại từ thành tựu, vì nghĩ nhớ trí huệ nhất thiết trí, vì thành tựu trang nghiêm cõi Phật, vì thành tựu lực của Như Lai, vô sở úy, pháp bất cộng, vì tướng tốt âm thanh đều đầy đủ. Vì cầu đạo thù thắng vô thượng, vì tùy thuận nghe sự giải thoát thâm sâu của Phật, vì suy gẫm đại trí phương tiện thiện xảo.

Bồ Tát Kim Cang Tạng nói xong pháp môn năm căn năm lực rồi, kế tiếp lại nói về pháp môn của Bồ Tát Diệm huệ địa, phải tiếp tục tu hành pháp môn bảy giác chi. Còn gọi là bảy bồ đề phần, ý nghĩa là giác, quán sát. Đây là pháp môn định huệ đồng đều. Trước hết phải tu :

1. Niệm giác phần : Vì giác là tự thể, còn sáu thứ kia là nhân của giác; niệm có thể thông hiển sáu thứ kia, vì đều nương vào niệm. Do quan hệ với niệm hay khiến cho các

pháp không thể quên mất, khiến cho trí huệ đồng đều. Khi tu niệm giác phần thì cũng nương vào chánh niệm này, mà nhằm bỏ tất cả pháp thế gian hữu lậu, xả bỏ lia tất cả pháp hữu vi thế gian, diệt trừ tất cả tư tưởng nhiễm ô thế gian, hồi hướng về xả Ba la mật của bốn tâm vô lượng. Bồ Tát này còn phải tu hành sáu giác phần còn lại :

1. Trạch pháp giác phần : Dùng trí huệ để chọn lựa pháp thật hay giả.

2. Tinh tấn giác phần : Dùng tâm dũng mãnh, lia hạnh tà, hành pháp thật.

3. Hỷ giác phần : Tâm được pháp lành, liền sinh hoan hỉ.

4. Khinh an giác phần : Đoạn trừ tướng thân tâm thô trọng, khiến cho không ô nhiễm mà được khinh an.

5. Định giác phần : Khiến cho tâm trụ nơi một cảnh mà không tán loạn.

6. Xả giác phần : Xả các vọng sai và tất cả các pháp, hành xả bình đẳng, vĩnh viễn trừ tham ái. Khi tu hành sáu giác phần này, thì cũng giống như y chỉ chánh pháp, quán sát tư duy, nhằm bỏ tất cả, xa lia tất cả, diệt trừ tất cả tư tưởng hành vi bất thiện, hồi hướng về xả Ba la mật.

Vị Bồ Tát này tiếp tục tu hành Bát chánh đạo, còn gọi là tám Thánh đạo, vì bát chánh là Bồ Tát đạo, xa lia bát tà, dứt các phiền não, sinh ra tất cả tam muội không thể nghĩ bàn của Bồ Tát, khai thông Niết Bàn, cho nên gọi là Thánh đạo :

1. Chánh kiến : Tức là minh bạch đạo lý khổ tập diệt đạo bốn Diệu đế, tu chứng được trí huệ vô lậu, làm chủ thể các chánh đạo.

2. Chánh tư duy : Đã thấy được đạo lý bốn Thánh đế, còn phải suy gẫm khiến cho thật trí tăng trưởng, dùng tâm vô lậu làm thể.

3. Chánh ngữ : Dùng thật trí tu khẩu nghiệp, không nói lời phi lý, dùng giới vô lậu làm thể.

4. Chánh nghiệp : Dùng trí huệ trừ sạch tất cả thân nghiệp không chánh đáng, trụ nơi thân nghiệp thanh tịnh, dùng giới vô lậu làm thể.

5. Chánh mạng : Nương vào ba nghiệp thanh tịnh, thuận chánh pháp mà sinh sống, lìa khỏi năm tà mạng, dùng giới vô lậu làm thể.

6. Chánh tinh tấn : Phát dụng trí huệ chân thật, dũng mãnh không giải đãi tu học đạo lý tiến vào Niết bàn, dùng chuyên cần vô lậu làm thể.

7. Chánh niệm : Dùng thật trí nghĩ nhớ chánh đạo của Phật, không khiến cho sinh khởi tà niệm, dùng niệm vô lậu làm thể.

8. Chánh định : Dùng thật trí vào thiền định thanh tịnh, dùng định vô lậu làm thể. Thực hành ngược lại Bát chánh đạo, tức là bát tà đạo. Bồ Tát tu Bát chánh đạo này, cũng phải y chỉ vào thật trí, nhằm chán hồng trần, xả bỏ tham ái dục cầu nhân gian, diệt sạch tư tưởng nhiễm ô, hồi hướng về xả Ba la mật.

Bồ Tát Diệm huệ địa tu hành những công đức vô lậu này, là vì Ngài không muốn xả bỏ chúng sinh ở trong biển khổ, hy vọng tế độ họ. Vì căn cứ vào tâm nguyện quá khứ mà Ngài đã phát ra, khiến cho Ngài mãn nguyện. Vì dùng tâm đại bi làm trọng yếu thứ nhất. Vì dùng đại từ để thành tựu hết thảy chúng sinh. Vì suy gẫm thật trí huệ trong nhất thiết trí huệ. Vì thành tựu trang nghiêm cõi nước của chư

Phật. Vì thành tựu bốn thứ lực vô sở úy giống như Phật, và mười tám thứ Phật pháp bất cộng, còn có tướng tốt giống như Phật, âm thanh hay, tất cả đều viên mãn đầy đủ. Lại vì cầu Phật đạo thù thắng tối thượng. Lại vì hy vọng tùy thuận chỗ nghe được tất cả Phật pháp đắc được diệu pháp giải thoát thâm sâu nhất. Lại vì suy gẫm đại trí huệ và pháp môn phương tiện khéo léo, có thể dùng giáo hoá chúng sinh. Vì có đủ thứ duyên, cho nên phải tu hành Bồ Tát đạo. Những điều vừa nói ở trên có thể dùng ví dụ để hiển rõ :

"Pháp tánh như đại địa
Nơi niệm như hạt giống
Chánh cần là trồng trọt
Thần túc như mầm non
Năm căn như sanh căn
Năm lực như cành lá lớn lên
Nở hoa Thất giác chi
Kết quả Bát chánh đạo".

Phật tử ! Bồ Tát trụ Diệm huệ địa này, hết thấy thân kiến làm đầu. Ta, người chúng sinh, thọ mạng, uẩn xứ giới, chỗ khởi chấp trước, khởi diệt, suy gẫm, quán sát. Vì tu trị, vì của ta, vì tài vật, vì chấp nơi chốn, như vậy hết thấy tất cả đều lìa.

Bồ Tát này nếu thấy nghiệp nào mà Như Lai quở trách, phiền não ô nhiễm, thấy đều xả lìa. Nếu thấy nghiệp nào thuận

với Bồ Tát đạo, được Như Lai khen ngợi, thấy đều tu hành.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ tại Diệm huệ địa tu hành, thì ở trong các "kiến", đầu tiên phải trừ khử "thân kiến". Còn các kiến kia như "Ngã kiến, nhân kiến, chúng sinh kiến, thọ giả kiến, năm uẩn - sắc, thọ, tưởng, hành, thức; mười tám giới - sáu căn, sáu trần, sáu thức; mười hai xứ - sáu căn, sáu trần", sinh ra phiền não, nhiễm ô, chấp trước, kiêu mạn .v.v... tư dục, chẳng lợi ích gì cho sự tu trị thân tâm.

Bồ Tát phải quán sát tỉ mỉ sự sinh diệt, vào sâu suy gẫm những cảnh giới đó, biết rõ như huyễn như hoá, đều chẳng có, đều là không. Ở trong pháp đó, quán sát tu trị sự thấy, phát hiện hết thấy tự ngã kiến của mình, tất cả tư hữu kiến tài vật thuộc về ta, chấp trước nơi an xứ pháp định kiến - Do đó, trên thân kiến mà mà sinh ra phiền não, vọng tưởng, ngã chấp, pháp chấp. Hiện tại đều muốn xả lìa, vứt bỏ.

Vị Bồ Tát này nếu thấy ác nghiệp này, điều mà đức Phật không hoan hỷ, Phật quả trách, là tất cả phiền não nhiễm ô, thì Ngài nhất định xả bỏ nó và còn xa lìa nó. Nếu như nhìn thấy nghiệp lành, thì thuận theo tu hành đạo phẩm phải tu trị, là lời dạy không trái với đức Phật nói, được Như Lai khen ngợi, Ngài phải y giáo phụng hành, như pháp tu hành.

Phật tử ! Bồ Tát này tùy theo chỗ khởi phương tiện huệ, tu tập nơi đạo, và trợ đạo phần. Như vậy mà được tâm nhuận trạch,

tâm mềm mại, tâm điều thuận, tâm lợi ích an lạc, tâm không tạp nhiễm, tâm cầu vô thượng thắng pháp, tâm cầu trí huệ thù thắng, tâm cứu tất cả thế gian, tâm cung kính tôn đức không trái với lời dạy bảo, tâm tùy chỗ nghe pháp đều khéo tu hành.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát tại Diêm huệ địa, tùy theo phương tiện trí huệ đã chứng được ở trong Tứ địa, công đức tích tập được, cùng với pháp môn trợ giúp Ngài tu đạo, liền đắc được tâm trí quang minh nhuần trạch. Tâm mềm mại từ hoà. Tâm điều thuận chẳng có chút nóng giận, thì khí huyết điều hoà. Ngài có tâm khiến cho người được an ổn khoái lạc, tùy thời làm lợi ích chúng sinh. Ngài chẳng có chút tâm tham sân si và tạp nhiễm dục niệm. Ngài thường thường có tâm kiên thành cầu thắng pháp vô thượng. Ngài hy vọng cầu được tâm trí huệ tối thượng thù thắng giống như Phật. Tâm đại bi phát nguyện cứu độ tất cả chúng sinh khổ nạn trên thế gian, muốn khiến cho họ lìa khổ được vui. Ngài có tâm cung kính lễ kính thiện tri thức, tôn trọng đại đức hiền Thánh, kính cẩn tiếp thọ sự giáo hoá của các Ngài, mà không làm trái ý. Ngài có tâm y giáo phụng hành, bất cứ ở nơi nào nghe được pháp lành, thì Ngài đều y theo pháp lành mà tu hành.

Bồ Tát này biết ân, biết báo ân, tâm rất hoà thiện. Đồng trụ an lạc, chất trực

mềm mại, không có ngã mạn, khéo thọ lời dạy dỗ, được lòng người nói.

Bồ Tát này thành tựu nhẫn như vậy, thành tựu điều nhu như vậy, thành tựu tịch diệt như vậy, thành tựu nhẫn điều nhu tịch diệt như vậy. Tịnh trị nghiệp của địa sau, khi tác ý tu hành, thì được sự tinh tấn không ngừng nghỉ, tinh tấn không tạp nhiễm, tinh tấn không thoái chuyển, tinh tấn rộng lớn, tinh tấn vô biên, tinh tấn hỷ hừng, tinh tấn không ai bằng, tinh tấn không thể hoại, tinh tấn thành thực tất cả chúng sinh, tinh tấn khéo phân biệt đạo phi đạo.

Bồ Tát này tâm giới thanh tịnh, thâm tâm không mất, ngộ hiểu sáng suốt, căn lành tăng trưởng, lìa cấu bần ô trước thế gian, dứt các nghi hoặc, đầy đủ minh đoán, ưa thích sung mãn, được đức Phật hộ niệm, vô lượng chí nguyện vui thích, thấy đều thành tựu.

Vị Bồ Tát này thọ được sự lợi ích trợ giúp Ngài tu hành Bồ Tát đạo, trong tâm rất cảm kích, biết ân đức này rất khó được, cũng biết làm thế nào để báo đáp ân đức vô

thượng đó. Tâm địa của Ngài rất hoà thiện, Ngài cùng ở với bất cứ ai, cùng ở với nhau, đều làm cho người khác có cảm giác rất tốt, khiến cho vui vẻ ôn hoà giống như vào mùa xuân. Chất trực của Ngài nhu hoà, tâm tánh thành thật ngay thẳng, chẳng có tự hào khiến cho người khác cảm giác khó chịu, cũng chẳng có chỗ nào khiến cho người khác không dám gần gũi. Ngài chẳng kiêu mạn đối với ai, đối với lời dạy của thiện tri thức Ngài đều rất vui thích tiếp thọ, các đại Bồ Tát rất hoan hỷ được nghe giảng nói Kinh Hoa Nghiem. Vị Bồ Tát này có tư chất tốt lành như vậy, do đó thành tựu công đức nhân Ba la mật, thành tựu phẩm đức thân tâm điều hoà mềm mại, đắc được vui tịch diệt thường lạc ngã tịnh thanh tịnh không nhiễm. Nhân Ba la mật, điều nhu tịch diệt như vậy, công phu tu hành như vậy đều thành tựu, do đó có thể tiến vào Địa thứ năm – Nan thắng địa, chuyên tâm nhất chí tu học Địa thứ năm. Trong giai đoạn này, Bồ Tát ngày đêm không giải đãi, tinh tấn tu học Phật đạo không ngừng nghỉ. "Tinh tấn không tạp nhiễm", nghĩa là không giải đãi, cũng không quá cấp tốc, không nhanh không chậm, bình đẳng hằng thường. "Tinh tấn không thoái chuyển", niệm không thôi, hạnh không thôi, vị không thôi nơi tự thừa. Hai điểm ở trên quan hệ về phương tiện tự lợi. "Tinh tấn rộng lớn", tâm niệm rộng lớn, có tâm lợi tha. Rộng lớn đến tận hư không, khắp pháp giới, đều là nơi và đối tượng của Ngài tu hành. "Tinh tấn vô biên", phát nguyện nhiếp thọ vô biên chúng sinh, bố thí lợi ích khắp, giáo hoá khiến cho họ tu hành. "Tinh tấn hỷ hùng", tùy thuận dạy dỗ, tinh tấn tu học giống như lửa. "Tinh tấn không ai bằng", tinh tấn chẳng có ai bằng, và không ai sánh được. "Tinh tấn không thể hoại", chẳng có bất cứ sức lực gì

có thể cản trở Ngài hoặc phá hoại sự tinh tấn của Ngài. "Tinh tấn thành thực tất cả chúng sinh", tự mình tu Bồ Tát đạo, cũng có thể giáo hoá tất cả chúng sinh tu Bồ Tát đạo, khiến cho căn lành của tất cả chúng sinh thành thực. "Khéo phân biệt đạo phi đạo tinh tấn", khéo minh bạch lý giải, thế nào là Phật đạo, thế nào là ma đạo, có trí huệ dứt nghi, có sức lực không sợ hãi điều phục họ, tinh tấn chân chánh tu tập. Bốn tâm của vị Bồ Tát này tinh tấn thanh tịnh rồi, thì tâm bồ đề của Ngài vĩnh viễn không thoái chuyển, vĩnh viễn không thất hoại. Ngài triệt để giác ngộ, lý giải, minh bạch. Căn lành của Ngài ngày càng tăng trưởng, thoát khỏi ô nhiễm ác trược của thế gian. Dứt trừ tất cả nghi hoặc quá khứ. Minh bạch những gì phải dứt trừ, những gì phải nhiếp thọ, viên mãn đầy đủ, trong tâm sung mãn hoan hỉ vô hạn, mười phương chư Phật đều đích thân hộ niệm vị Bồ Tát này. Chí nguyện vô lượng, đều thành tựu vui mừng ở trong tự tánh – Đó là bốn tâm giới mãn túc quả.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Diệm huệ địa này, do nguyện lực, nên được thấy nhiều vị Phật. Thấy nhiều trăm vị Phật, thấy nhiều ngàn vị Phật, thấy nhiều trăm ngàn vị Phật, cho đến thấy nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật, đều cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường. Y phục, toạ cụ, thức ăn uống, thuốc thang, tất cả đồ tư sanh, đều đem dâng cúng. Cũng đem cúng dường tất cả chúng Tăng.

Đem căn lành này, thủy đều hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác. Ở chỗ vị Phật đó, cung kính nghe pháp, nghe rồi thọ trì, tu hành đầy đủ.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát trụ tại Diêm huệ địa, do nguyện lực thưở xưa đã phát ra, cho nên được thấy rất nhiều vị Phật. Được thấy bao nhiêu vị Phật ? Có thể thấy được hàng trăm vị Phật, hàng ngàn vị Phật, hàng trăm ngàn vị Phật, cho đến có thể thấy được trăm ngàn ức Na do tha vị Phật. Bồ Tát thấy Phật rồi, Ngài đều cung kính, tôn trọng những vị Phật đó, hầu hạ phụng dưỡng những vị Phật đó, đem các thứ vật tốt nhất dâng cúng lên những vị Phật đó. Đại khái là tất cả những vật dùng hằng ngày như : Y phục để mặc, tọa cụ để ngồi, thức ăn uống thượng hạng, bổ dưỡng thân thể, hoặc thuốc men trị bệnh, chẳng có gì mà không bố thí dâng cúng lên chư Phật, đồng thời cũng đem những đồ vật đó dâng cúng lên các vị hiền Thánh Tăng. Tu tập căn lành như vậy, hoàn toàn hồi hướng về quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ở tại đạo tràng của chư Phật thuyết pháp, dùng thái độ cung kính nghe pháp, chỉ cần nghe được chánh pháp rồi, thì Ngài thọ dụng chiếu cứ tu hành, cung hành thực tiễn.

Lại nữa, ở trong pháp của các đức Phật đó, xuất gia tu đạo. Lại càng tu trị thâm tâm tin hiểu, trải qua vô lượng trăm

ngàn ức Na do tha kiếp, khiến cho các căn lành, càng thêm sáng tịnh.

Phật tử ! Ví như thợ vàng, rèn luyện vàng thật, làm đồ trang sức. Những kim khí khác không thể sánh kịp. Đại Bồ Tát cũng lại như vậy, trụ nơi Địa này hết thấy căn lành, căn lành Địa thấp hơn không thể sánh kịp.

Như báu ma ni thanh tịnh quang luân, hay phóng quang minh, các châu báu khác không thể sánh kịp. Gió mưa các duyên khác đều không thể hoại được. Đại Bồ Tát cũng lại như vậy, trụ nơi Địa này, Bồ Tát địa thấp hơn không thể sánh kịp, các ma phiền não đều không thể hoại được.

Bồ Tát này ở trong bốn pháp nhiếp, thì thiên nhiều về đồng sự, trong mười Ba la mật, thì thiên nhiều về tinh tấn. Còn các hạnh khác, chỉ tùy sức tùy phần mà tu hành.

Vị Bồ Tát này ở tại Diệm huệ địa, nghe pháp thọ trì, tu hành đầy đủ, ở trong pháp ích của chư Phật, xả tục xuất gia. Ngài đoạn trừ các tham dục, lìa khỏi các ái lạc, chuyên tu vô thượng Phật đạo. Vì công phu tu trì ngày càng tăng

trường, đối với pháp vi diệu vô thượng của chư Phật nói, từ nơi thâm tâm tin phục, lại cũng tìm không ra tơ hào hoài nghi. Trải qua vô lượng kiếp, khiến cho căn lành bồ đề của mình tu tập, ngày càng sáng rõ tinh thuần.

Các vị đệ tử của Phật ! Tu trị như vậy, giống như thợ luyện vàng, lấy cát vàng từ dưới mỏ vàng lên, rèn luyện thành thuần vàng, đem ra làm đồ trang sức. Nếu vàng đó chưa rèn luyện, thì tuyệt đối không thể giống như vàng đã luyện rồi. Bồ Tát Tam địa ở trước không bằng với vị Bồ Tát này. Đây cũng giống như bảo châu ma ni, quang luân thanh tịnh, có thể phóng ra ánh sáng rực rỡ, ánh sáng đó, cũng không phải báu vật khác có thể có được. Liền khiến cho các nhân duyên mưa gió, cũng không thể làm tổn hoại được ánh sáng của bảo châu ma ni được. Đại Bồ Tát kiên cố giống như ánh sáng châu ma ni. Bồ Tát trụ ở ba địa trước, công phu tu trị của các Ngài, không bằng Bồ Tát Tứ địa này. Bất cứ thiên ma ngoại đạo hoặc bất cứ phiền não bên ngoài nào đến, đều không thể phá hoại tâm định của Ngài, làm lay động được ý chí của Ngài. Khi vị Bồ Tát này dùng bốn pháp nhiếp độ chúng sinh, thì dùng nhiều phương pháp đồng sự. Khi tu mười Ba la mật, thì tu nhiều pháp môn tinh tấn Ba la mật. Ngoài ra ba pháp nhiếp kia và chín Ba la mật kia, thì không phải là không tu, mà chỉ là tùy sức lực của mình, và duyên phận mà thôi.

Phật tử ! Đó là lược nói về Địa thứ tư Diệm huệ địa của đại Bồ Tát. Bồ Tát trụ địa này, phần nhiều làm Dạ Ma Thiên Vương. Dùng phương tiện khéo léo, hay

trừ thân kiến các hoặc của chúng sinh, khiến cho họ trụ chánh kiến. Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, như vậy làm tất cả các nghiệp, đều không lìa niệm Phật, không lìa niệm pháp, không lìa niệm Tăng, cho đến không lìa niệm đầy đủ nhất thiết chủng trí, nhất thiết trí.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đây là lược nói về cảnh giới tu hành địa thứ tư Diệm huệ địa của đại Bồ Tát. Bồ Tát ở tại quả vị này, đa số đều làm Dạ Ma Thiên Vương. Ngài dùng đủ thứ phương tiện khéo léo, để tiêu trừ thân kiến, biên kiến, kiến thủ kiến, giới kiến thủ, tà kiến, các thứ mê hoặc của chúng sinh, khiến cho họ trụ vào chánh pháp. Ngài dùng bốn pháp nhiếp - bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, làm tất cả nghiệp lành, đều không lìa khỏi công đức niệm Phật, không lìa khỏi pháp bảo thâm sâu vô thượng, không lìa khỏi ngưỡng mộ hiền Thánh Tăng thanh tịnh. Cho đến tư duy bậc nhất thiết trí, nhất thiết trí huệ tối thượng thù thắng.

Lại nghĩ như vậy, tôi sẽ ở trong tất cả chúng sinh là thượng thủ, là thắng, là thù thắng, là diệu, là vi diệu, là thượng, là vô thượng, cho đến là bậc y chỉ của nhất thiết trí.

Nếu Bồ Tát này phát tâm siêng tinh tấn, trong khoảng một niệm, vào được ức số tam muội, thấy được ức số vị Phật, biết được thần lực của ức số vị Phật. Có thể chấn động ức số thế giới, cho đến có thể thị hiện ức số thân. Mỗi mỗi thân, có ức số Bồ Tát làm quyến thuộc.

Nếu dùng nguyện lực thù thắng của Bồ Tát, tự tại thị hiện, thì hơn số trên đây, trăm ngàn ức kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp, không thể đếm biết được.

Vị Bồ Tát tại Diệm huệ địa này, lại suy gồm như vậy, tôi phải ở trong hết thủy chúng sinh lãnh đạo họ. Tôi phải có năng lực hơn người, có trí huệ đặc biệt, đầu óc sáng suốt, có tư tưởng vi diệu hơn người, tất cả biểu hiện phải cao hơn người bình thường. Thậm chí phải có trí huệ hơn tất cả mọi người, càng phải có trí huệ cao hơn một bậc, để làm chỗ nương tựa cho những người có trí. Nếu như vị Bồ Tát này tiến thêm một bước nữa, tâm dũng mãnh tinh tấn, thì có thể ở trong khoảng một niệm, vào được ức số tam muội chánh định, có thể thấy được ức số vị Phật, cũng biết được ức số thần thông. Ngài có thể chấn động ức số thế giới, cho đến có thể biến hoá ức số thân, thị hiện khắp mọi nơi. Trong mỗi thân thể, Ngài lại có thể biến hoá ra ức số Bồ Tát làm quyến thuộc. Nếu nói về dùng nguyện lực thù thắng của vị Bồ Tát này đã phát ra trong quá khứ, thì rất tự

tại, an nhiên biểu hiện sự tích thân diệu, nhiều hơn gấp bội trên đây, cũng chẳng có gì khó. Thị hiện như vậy, cùng tận trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp, cũng không cách chi nói hết được, đếm được số mục chính xác.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng, muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói bài kệ rằng :

**Bồ Tát đã tịnh Địa thứ ba
Lại quán chúng sinh thế pháp giới
Không giới thức giới và tam giới
Tâm đều hiểu rõ nhập vào được.**

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng, sợ rằng đại chúng có chỗ không nghe rõ ràng. Ngài bèn nương đại oai thần lực của mười phương chư Phật, quán sát tất cả nhân duyên của chúng sinh, khiến cho người chưa trồng căn lành, gieo trồng xuống căn lành; người đã trồng căn lành, làm cho tăng trưởng; người căn lành đã tăng trưởng, khiến cho thành thực; người căn lành đã thành thực, khiến cho họ được giải thoát. Cho nên Ngài muốn dùng phương pháp kệ tụng để thuật lại nghĩa lý Kinh trường hàng vừa nói ở trên. Bồ Tát đã viên mãn ba địa ở trước, đã chứng được quả vị thanh tịnh, kế tiếp Ngài lại quán sát chúng sinh giới, thế giới, pháp giới, hư không giới, thức giới, và tam giới - dục giới, sắc giới, vô sắc giới. Tâm của Ngài đã minh bạch, nên minh bạch làm thế nào để tiến vào Địa thứ tư.

**Mới lên Diệm địa tăng thế lực
Sinh nhà Như Lai vĩnh không lùi
Nơi Phật Pháp Tăng tin không nghi
Quán pháp vô thường chẳng sinh khởi.**

Bồ Tát tiên vào Địa thứ tư, càng tăng thêm đạo nghiệp, tăng ích trí huệ, tăng thêm thế lực và quang minh, càng tăng thêm đại đạo tâm của Bồ Tát. Đến được Địa thứ tư rồi, liền sinh vào trong gia tộc của Phật, vĩnh viễn không thôi lùi nơi Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Bồ Tát chứng được quả vị Địa thứ tư, tâm tin đối với Phật, Pháp, Tăng, Tam Bảo càng sâu dày, càng vững chắc, tín căn của Ngài vĩnh viễn không bị thiên ma ngoại đạo phá hoại. Ngài quán sát tất cả các pháp đều là vô thường, chẳng có sinh khởi, cũng chẳng có hiện tượng huỷ hoại.

**Quán thế thành hoại nghiệp sinh ra
Sinh tử, Niết Bàn, cõi, các nghiệp
Quán tiền hậu tế cũng quán hết
Tu hành như vậy sinh nhà Phật.**

Bồ Tát Quán sát thế giới biến hoá : thành, trụ, hoại, không, đều do nghiệp quả của chúng sinh mà sinh ra. Trong chúng sinh có : sinh, chết, có chứng được Niết Bàn, lại có sinh đến cõi Phật nào đó, đây cũng là do nghiệp quả của mỗi người khác nhau, nên nghiệp báo cảm ra cũng khác nhau. Quán tiền tế không thể được, quán hậu tế cũng không thể được, quán trước mắt cũng không thể được, hết thấy đều quán hết. Tu hành giống như vậy, sẽ được sinh

vào trong gia tộc của Phật, tức cũng là chứng được quả vị Phật.

Được pháp đó rồi tăng từ mãn Càng thêm siêng tu bốn niệm xứ Thân thọ tâm pháp quán trong ngoài Thế gian tham ái đều trừ bỏ.

Bồ Tát chứng được quả vị Phật rồi, đối với các pháp thật tướng đã minh bạch thật sự, do đó tâm từ bi thương xót đối với chúng sinh càng tăng thêm. Lúc đó, Ngài bèn siêng tu học pháp môn bốn niệm xứ:

1. Quán thân bất tịnh.
2. Quán thọ thị khổ.
3. Quán tâm vô thường.
4. Quán pháp vô ngã.

Bên trong quán tâm, không thấy tâm; ngoài quán hình sắc, chẳng thấy hình sắc; xa xa quán vật, chẳng thấy có vật. Sự tham của người thế gian, vị Bồ Tát này cũng không tham; sự luyện ái của người thế gian, vị Bồ Tát này cũng không luyện ái, Ngài trừ khử sạch tâm ái dục của người của người thế gian, vì trừ khử sạch tâm tham ái của người thế gian, nên sinh ra một thứ định lực. Có định lực rồi, thì không còn bị tất cả ngoại cảnh làm lay động. Làm thế nào mới có thể có được công phu này ? Trước hết, phải tu pháp môn bốn niệm xứ. Do quán thân có chín lỗ thường chảy ra đồ bất tịnh - mắt có ghèn, mũi có nước mũi, tai có cục váy, miệng có đàm, đại tiện, tiểu tiện. Thân thể như nhớp như vậy, có gì mà tham luyện ? Lại quán hằng ngày thường nhiếp thọ, tất cả cảm thọ và hưởng thụ về vật chất,

kỳ thật đều là nhân tố trong sự khổ. Quán tâm vô thường: Niệm niệm sinh diệt, chẳng có gì là vĩnh hằng. Quán pháp vô ngã: Các pháp từ xưa nay, thường tự tướng tịch diệt, không thể dùng lời lẽ để biểu đạt, sao lại có cái ta? Bồ Tát quán sát tu tập pháp môn bốn niệm xứ, trừ khử sạch năm dục và tham ái.

**Bồ Tát tu hạnh bốn chánh cần
Ác pháp trừ diệt thiện tăng trưởng
Thần túc căn lực đều khéo tu
Thất giác bát đạo cũng như vậy.**

Bồ Tát tu hành hạnh bốn chánh cần, tức là điều ác đã sinh ra, khiến dừng lại, điều ác chưa sinh, khiến cho đừng sinh; điều thiện chưa sinh, khiến cho sinh ra, điều thiện đã sinh, khiến cho tăng trưởng. Nói tóm lại, tức là nghiệp ác hoặc niệm ác chưa sinh ra, thì phải khiến cho đừng sinh ra, như đã sinh ra thì khiến cho nó tiêu diệt. Hết thấy nghiệp lành chưa sinh ra, thì khiến cho nó sinh ra, đã sinh ra thì khiến cho tăng trưởng thêm. Tiến thêm một bước nữa thì tu tập bốn như ý túc, năm căn, năm lực. Đồng thời, đối với bảy giác chi, bát chánh đạo, cũng nỗ lực siêng năng tu tập. Ở trên là ba mươi bảy phẩm trợ đạo.

**Vì độ chúng sinh tu hạnh đó
Nguyện xưa hộ trì từ bi trước
Cầu nhất thiết trí và cõi Phật
Cũng niệm mười lực của Như Lai.**

Vì muốn độ tất cả chúng sinh, cho nên phải tu pháp môn ba mươi bảy phẩm trợ đạo. Tâm đại nguyện thuở xưa mà Bồ Tát đã phát ra, nay thành tựu căn lành công đức, đều nhờ tâm từ bi sâu dày mới đắc được. Vì cầu nhất thiết trí huệ của Phật và cõi nước Phật, chẳng những phải luôn luôn dụng công tu hành, mà còn phải luôn luôn nghĩ nhớ đến mười thứ thân thông oai lực của Phật.

**Bốn vô sở úy pháp bất cộng
Tướng tốt thù đặc âm thanh hay
Cũng cầu đạo mầu nơi giải thoát
Và đại phương tiện tu các hạnh.**

Bồ Tát chẳng những phải tu hành bốn điều không sợ hãi và mười tám pháp bất cộng, mà còn phải tu tướng tốt thù thắng, cùng với âm thanh hay êm tai. Đồng thời cũng cầu nghiệp không thể nghĩ bàn, đắc được thiền định và giải thoát. Vì đắc được những pháp môn phương tiện tối đại tối thắng đó, cho nên đối với những hạnh môn ở trên đều phải tinh tấn tu học.

**Thân kiến làm đầu sáu mươi hai
Ta và của ta vô lượng thứ
Uẩn giới xứ thấy các chấp trước
Trong Địa thứ tư là tất cả.**

Bồ Tát nói : "Phải trừ khử sáu mươi hai thứ tà kiến, trước hết phải trừ khử thân kiến trước". Ta và của ta có vô lượng vô biên, đủ thứ sự chấp trước ngã kiến; còn có năm uẩn, mười tám giới, mười hai xứ những sự chấp trước ái

thủ này, Bồ Tát minh bạch đều là không. Khi Ngài tu tập pháp môn Địa thứ tư, thì Ngài đều liả bỏ tất cả.

**Như Lai quả trách hạnh phiền não
Là nhân khổ hoạn đều dứt trừ
Bậc trí tu hành hạnh thanh tịnh
Vì độ chúng sinh tu tất cả.**

Phàm là bị Phật quả trách, vô minh phiền não không hoạn hỉ, và tư tưởng hành vi, đều phải triệt để dứt trừ. Vì phiền não đối với con người chẳng có tốt lành chút nào, cho nên phải dứt trừ. Người có trí huệ, thì tu nghiệp thanh tịnh, là điều Như Lai hoan hỉ khen ngợi nhất. Vì độ chúng sinh, nên phải tu tất cả nghiệp lành.

**Bồ Tát siêng tu không giải đãi
Liên được đầy đủ cả mười tâm
Chuyên cầu Phật đạo không nhàm mỏi
Chỉ mong thọ chức độ chúng sinh.**

Bồ Tát là bậc tu hành xả mình vì người, Ngài chỉ biết lợi ích chúng sinh, chưa từng nghĩ về mình. Tư tưởng hành vi của Ngài ngược lại với những người phàm phu. Bồ Tát chẳng tham vui một mình, hoàn toàn lấy niềm vui của chúng sinh làm vui. Ngài chẳng lấy sự thương ghét làm thương ghét, mà là luôn luôn thuận chúng sinh lấy sự hoan hỉ của chúng sinh làm hoan hỉ. Chỗ chấp trước của phàm phu Ngài chẳng chấp trước. Đó mới là bậc chân thật tu hành Bồ Tát đạo. Chỉ cần có thể lợi người quên mình, ai ai cũng đều có thể hành Bồ Tát đạo. Bồ Tát thọ khổ cũng

chẳng cho rằng khổ, tu hành gian nan cũng không sợ thối tâm. Ngài chỉ vì độ tất cả chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui, chấm dứt sinh tử. Bồ Tát biết chúng sinh đang ở trong khổ nạn, cần cầu cứu độ. Bồ Tát vì cầu được trí huệ độ hoá chúng sinh, ngày đêm thân tâm tinh tấn không ngừng, thậm chí ở trong mộng, Ngài cũng làm công việc giáo hoá chúng sinh. Phạm phu nhìn thấy Bồ Tát đang chìm sâu trong giấc ngủ, kỳ thật Ngài đã hoá thân ngàn vạn ức, đến các cõi nước phương khác để độ chúng sinh. Cảnh giới của Bồ Tát không thể nghĩ bàn, chẳng phải phạm phu tục tử có thể biết được, minh bạch được, cho nên : “Bồ Tát siêng tu không giải đãi”, lúc nào cũng tinh tấn. Vì tinh tấn không ngừng, nên viên mãn đầy đủ mười thứ tâm bồ đề tinh tấn. Bồ Tát chuyên tâm nhất chí siêng cầu Phật đạo, không lãng phí chút thời gian nào, chưa từng nghỉ ngơi, càng không nhàm mỏi. Chí nguyện của Ngài là hy vọng tương lai sẽ thành Phật đạo, chúng được quả Phật, thọ chức vị Pháp Vương, thọ ngôi quán đảnh, sau đó trở lại con thuyền từ bi, rộng độ chúng sinh.

**Cung kính tôn đức tu hành pháp
Biết ơn để bảo không hờn giận
Xả mạn lìa xiêm tâm điều nhu
Lại thêm tinh cần không thối chuyển.**

Bồ Tát cung kính mười phương chư Phật, tôn trọng bậc thiện tri thức đức cao vọng trọng, tu tập tất cả pháp lành. Chúng ta cũng phải cung kính tôn trọng chư Phật Bồ Tát và thiện tri thức, lấy ân đức báo đáp các Ngài. Tu hành Bồ Tát đạo, đầy đủ chánh tri chánh kiến, cũng phải giáo

hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ cũng khôi phục lại chánh tri chánh kiến. Giáo hoá chúng sinh, không lựa dễ độ hay khó độ, lấy thiện bỏ ác, mà là đối đãi bình đẳng như nhau, không bỏ một chúng sinh nào. Dù chúng sinh nào ác nhất, Bồ Tát cũng phát nguyện đến giáo hoá họ, khiến cho họ có thể thành Phật đạo. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, dùng từ bi hi xả đối đãi với tất cả chúng sinh đáng thương xót, Ngài chưa từng nóng giận đối với chúng sinh. Vì một khi nóng giận thì sẽ khởi tâm nhàm bỏ. Bồ Tát giáo hoá chúng sinh, đều dùng tâm nhẫn nhục, thái độ hoà mục. Như vậy giáo hoá chúng sinh mới có hiệu quả. Bồ Tát xả bỏ tâm cống cao ngã mạn, chẳng giống như phàm phu tự cho rằng cao hơn người một bậc, đối với người cũng không thể hiềm nghèo thích giàu, càng không thể xiểm nịnh quý nhân có quyền có thế. Tâm tình của Ngài thường nhu hoà, từ bi, bình đẳng. Công phu tu hành ngày càng tinh tấn, siêng tu giới định tuệ, diệt trừ tham sân si. Vĩnh viễn không thoái chuyển về hàng nhị thừa, không thoái chuyển về phàm phu, càng không thoái chuyển đọa vào ba đường ác. Đó là niệm không thoái, hạnh không thoái, vị không thoái.

**Bồ Tát trụ Diệm huệ địa này
Tâm Ngài thanh tịnh mãi không mất
Ngộ hiểu quyết định thiện tăng trưởng
Lưới nghi cầu trực thấy đều lia.**

Bồ Tát trụ tại quả vị Diệm huệ địa, Ngài đã đắc được trí huệ thanh tịnh, trong tâm chẳng có chút tạp niệm nào. Trí huệ thanh tịnh đó, vĩnh viễn không bao giờ mất đi. Chẳng có tâm nhiễm ô, thì sẽ không sinh ra dục niệm. Bất

cứ cảnh giới gì đến, Ngài cũng đều không thấy khác nghĩ lệch, cho nên nói không mất. Vì chẳng có tạp niệm, tâm không sinh ô nhiễm, thì trí huệ quang minh sẽ hiện tiền. Trí huệ đó là đại trí huệ, chân trí huệ, chẳng phải là thế trí biện thông. Chân trí huệ có thể biết rõ thị phi, nhận thức được thế nào là đạo, thế nào chẳng phải đạo, gì là pháp, gì là phi pháp. Chân trí huệ tức là trạch pháp nhãn, có trạch pháp nhãn, thì không thể bị pháp thế gian làm mê hoặc. Căn lành sẽ ngày càng tăng trưởng. Đối với Phật pháp đều minh bạch nhận thức được, chẳng có chút lười nghi nào, cũng chẳng hoài nghi. Hết thấy nghi hoặc và đủ thứ tư tưởng không tốt, ý niệm không thuần tịnh trong quá khứ, đều không còn nữa, đều đã xa lìa.

**Địa này Bồ Tát thắng trong người
Cúng Na do tha vô lượng Phật
Lắng nghe chánh pháp cũng xuất gia
Không thể phá hoại như vàng thật.**

Bồ Tát tu chứng được Diệm huệ địa, là tối thù thắng nhất trong loài người. Quá khứ Ngài đã từng cúng dường vô lượng Na do tha các vị Phật. Ngài ở trong pháp hội của mười phương chư Phật, và ở trong pháp hội của mười phương các vị pháp sư, lắng nghe chư Phật và các vị pháp sư nói chánh pháp rồi, bèn phát tâm xuất gia. Ngài dụng công tu hành, cũng giống như vàng thật, không sợ khó khăn nào, cũng không bị bất cứ trở ngại phá hoại nào.

**Bồ Tát trụ đây đủ công đức
Dùng trí phương tiện tu hành đạo**

Chẳng vì các ma tâm thối chuyển Ví như báu đẹp không thể hoại.

Khi Bồ Tát trụ tại Diệm huệ địa, đã đầy đủ vô lượng công đức. Dùng đại trí huệ của Ngài đắc được, phương tiện khéo léo để tu hành Bồ Tát đạo. Ngài không thể do người, sự việc, thời, địa, vật bên ngoài làm chướng ngại, không thể bị cảnh giới huyễn hoá làm lay chuyển, cũng chịu đựng được sự khảo nghiệm của tà ma ngoại đạo, những cảnh giới đó đều không làm cho Ngài thối tâm hoặc thay đổi ý chí. Giống như báu vật tốt đẹp nhất, chẳng có bất cứ vật gì phá hoại được.

Trụ đây thường làm chủ Dạ Ma Nơi pháp tự tại chúng tôn kính Khắp hoá quần sinh trừ ác kiến Chuyên cầu Phật trí tu nghiệp lành.

Bồ Tát trụ tại Diệm huệ địa thường làm Thiên Vương Trời Dạ Ma, Ngài đối với tất cả các pháp, đều thọ dụng nhậm vận tự tại, cho nên đại chúng trời người đều tôn kính Ngài. Ngài khắp giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ trừ khử tà tri tà kiến, khôi phục lại chánh tri chánh kiến. Ngài chuyên tâm cầu trí huệ giống như đức Phật, chuyên tu tập tất cả nghiệp lành.

Bồ Tát chuyên cần thêm tinh tấn Được tam muội thấy đều ức số Nếu dùng nguyện trí lực mà làm

Vượt hơn số đây không biết được.

Bồ Tát tinh tấn chuyên cần, tăng thêm nỗ lực, tu học tất cả pháp lành, đắc được chánh định chánh thọ, nhiều hàng trăm ngàn vạn ức. Nếu dùng nguyện lực và trí huệ của Ngài đã phát ra trong quá khứ, và công phu tu hành mà nói, thì sẽ vượt hơn số mục vừa nói ở trên, chẳng có ai có thể biết được tình hình sự thật của Ngài.

Bồ Tát Địa thứ tư như vậy Tu hành thanh tịnh đạo vi diệu Công đức nghĩa trí đều tương ưng Tôi vì Phật tử đã tuyên nói.

Quá trình tu hành của Bồ Tát đạt đến giai đoạn Địa thứ tư như vậy, Ngài tu hành đều là hạnh môn thanh tịnh, chứng được đều là Phật đạo vô thượng vi diệu. Tích tụ căn lành công đức, chứng ngộ nghĩa thú cao tột, hiển bày trí huệ thù thắng, từng chữ từng câu, đều tương ưng với nhau. Tôi - Bồ Tát Kim Cang Tạng, hiện tại đã tuyên nói xong với các vị đệ tử của Phật.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYỂN BA MƯƠI SÁU

**PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU
THỨ NĂM NAN THẮNG ĐỊA**

**Bồ Tát nghe hạnh thắng địa này
Nơi pháp hiểu ngộ tâm hoan hỉ
Trong không mưa hoa khen ngợi rằng
Lành thay ! Đại sĩ Kim Cang Tạng.**

Các vị đại Bồ Tát, nghe xong diệu hạnh thù thắng của Địa thứ tư rồi, đối với Phật pháp càng thấu hiểu thâm sâu, hoàn toàn giác ngộ, thật là đều đại hoan hỉ. Do đó, các Ngài ở trong không rải xuống các thứ hoa báu, đồng thời cùng nhau vang ra lời khen ngợi rằng: “Lành thay ! Đại Bồ Tát Kim Cang Tạng”.

**Tự Tại Thiên Vương và Thiên chúng
Nghe pháp hơn hỷ trụ hư không
Khắp phóng đủ thứ mây sáng đẹp
Cúng dường Như Lai vui tràn đầy.**

Đại Tự Tại Thiên Vương và các Thiên chúng, nghe Bồ Tát Kim Cang Tạng nói diệu pháp địa thứ tư xong rồi, hoan hỉ hơn hỷ nhảy nhót ở trong hư không, khắp phóng ra

ánh sáng rực rỡ, cúng dường đức Phật Thích Ca và các đại Bồ Tát. Sự hoan hỉ vui mừng đó đầy khắp mười phương đại thiên thế giới.

Chư Thiên thể nữ tấu âm nhạc Cũng dùng lời lẽ ca khen Phật Đều nhờ oai thần của Bồ Tát Trong âm thanh đó phát lời này:

Lúc đó, thể nữ ở trên trời – các thiên nữ mặc đồ rất xinh đẹp, diễn tấu lên nhạc trời rất êm tai vô cùng. Họ nghe Bồ Tát Kim Cang Tạng diễn nói pháp vi diệu thâm sâu của Địa thứ tư rồi, do đó vui mừng diễn tấu lên nhạc trời, dùng lời lẽ phổ vào ca khúc, để tán thán khen ngợi đức Phật, và khen ngợi pháp vị này vô cùng tận. Đó đều là do công đức tu hành của Bồ Tát cảm ứng, cùng với đại oai thần lực gia bị của chư Phật, mới hiện ra các cảnh giới đó. Trong âm thanh lời ca của các Thiên nữ đó, có những câu dưới đây:

Nguyện Phật xa xưa nay mới mãn Phật đạo lâu xa nay mới được Thích Ca Văn Phật đến cung trời Bậc lợi trời người lâu mới thấy.

Đức Phật Thích Ca Mâu Ni rất xa xưa về trước, phát ra các đại thế nguyện, trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp tinh tấn tu hành, mà nay mới viên mãn, chính thức thành Phật. Tu hành Phật đạo là con đường rất gian nan lâu dài, mà hôm nay đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã chứng được quả vị Phật. Viên mãn thành Phật, lại đến cung trời vì đại chúng

nói pháp. Vị Phật lợi ích trời người này, phải trải qua thời gian lâu dài mới thấy được Ngài - thật là một sự việc không dễ dàng ! Cho nên đại chúng phải thiết thật y chiếu theo lời dạy của Phật, tinh tấn siêng năng tu hành.

**Biển cả lâu xa nay mới động
Phật quang lâu xa nay mới phóng
Chúng sinh lâu xa mới an lạc
Âm thanh đại bi lâu mới nghe.**

Biển cả vốn không động, nhưng đã trải qua thời gian lâu xa, hiện tại cũng vừa mới động lại. Đức Phật cũng phải trải qua ba đại A tăng kỳ kiếp thời gian tu hành, mới có thể thành Phật. Đã rất lâu rồi không nhìn thấy được quang minh trí huệ của Phật, hiện tại mới đại phóng quang minh. Chúng sinh cũng đã trải qua thời gian rất lâu dài chưa đắc được sự an lạc, hiện tại đức Phật Thích Ca thành đạo xuất thế, chúng sinh cũng theo đó đắc được sự an lạc. Đã rất lâu rồi không nghe được âm thanh của Phật, hiện tại chúng ta lại được nghe ! Âm thanh đại bi của Phật, dùng tám âm thuyết pháp đối với chúng sinh, thấy đều thấu rõ.

**Công đức bờ kia đều đã đến
Kiêu mạn đen tối đều đã diệt
Thanh tịnh cùng cực như hư không
Không nhiễm thế pháp như hoa sen.**

Đức Phật đã viên mãn công đức, đạt đến bờ bờ đề bên kia. Tập khí ma bệnh, cống cao ngã mạn, đen tối vô minh, cùng với tham sân si, phiền não tập tánh của con

người, cũng đều đã diệt trừ đoạn sạch hết. Đức Phật đã chứng được pháp thân thanh tịnh tột hảo không nhiễm, do đó giống như hư không bao hàm vạn hữu. Trí huệ của Phật vượt qua các thế giới, vượt khỏi ba cõi, giống như hoa sen tuy sinh ra trong bùn, nhưng không nhiễm bùn.

**Đấng Đại Mâu Ni hiện ra đời
Ví như Tu Di hiện giữa biển
Cúng dường dứt sạch tất cả khổ
Cúng dường sẽ được trí chư Phật.**

"Đấng Đại Mâu Ni" là danh xưng của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Đức Phật hiện ra đời, giống như núi đại Tu Di từ trong biển lớn hiện ra. Khổ nạn của chúng sinh, ai cúng dường đức Phật, thì người đó có thể diệt trừ được tất cả thống khổ. Nếu bạn hiểu được sự cúng dường đức Phật, thì bạn chắc chắn sẽ đắc được trí huệ của chư Phật.

**Chỗ này đáng cúng không gì bằng
Thế nên tâm vui cúng dường Phật
Như vậy vô lượng các Thiên nữ
Phát lời lẽ đó khen ngợi rồi.**

Tại sao phải cúng dường Phật ? Vì Phật đầy đủ công đức, phước huệ đầy đủ viên mãn, là bậc Ứng Cúng của trời người. Vì công đức của Ngài chí cao vô thượng. Khi chúng ta cúng dường Phật, phải dùng tâm chí thành nhất, và phẩm vật thù thắng nhất, vui mừng cung kính cúng dường Phật. Vô lượng số các Thiên nữ đó, phát ra lời lẽ hay đẹp ở trên để tán thán khen ngợi chư Phật Bồ Tát.

**Tất cả cung kính vui tràn đầy
Chiêm ngưỡng Như Lai đứng yên lặng
Lúc đó Đại sĩ Giải Thoát Nguyệt
Lại thỉnh vô úy Kim Cang Tạng
Các tướng hạnh trong Địa thứ năm
Xin đại Bồ Tát hãy tuyên nói.**

Các chư thiên ở trong pháp hội, và các đại Bồ Tát, cùng nhau dùng tâm cung kính nhất, tràn đầy tâm pháp hỷ, đánh lễ chiêm ngưỡng đức Phật. Đức Phật hiện ra quang minh từ bi, yên lặng ngồi ở tại đạo tràng, như như bất động. Lúc đó, đại Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt, lại thỉnh vị đại Bồ Tát Kim Cang Tạng đầy đủ bốn vô sở úy, vì đại chúng tiếp tục diễn nói tất cả tướng trạng và quá trình tiến hành tu Địa thứ năm.

**Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng bảo
Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng : Phật tử !
Đại Bồ Tát Địa thứ tư tu hành thiện đạo
viên mãn rồi, muốn vào Địa thứ năm Nan
Thắng Địa, phải nhờ mười thứ tâm thanh
tịnh bình đẳng.**

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng liền bảo Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt : "Các vị đại đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành. Ở tại Diệm huệ địa tu hành Bồ Tát đạo, làm các nghiệp lành viên mãn rồi. Muốn tiếp tục tiến vào Địa thứ năm - quả vị Nan thắng địa,

thì phải tu chứng mười thứ tâm trí huệ thanh tịnh bình đẳng, mới có thể tiến vào".

Những gì là mười ? Đó là : Tâm bình đẳng thanh tịnh đối với Phật pháp trong quá khứ. Tâm bình đẳng thanh tịnh đối với Phật pháp vị lai. Tâm bình đẳng thanh tịnh đối với Phật pháp hiện tại. Tâm bình đẳng thanh tịnh đối với giới. Tâm bình đẳng thanh tịnh đối với tâm. Tâm bình đẳng thanh tịnh trừ thấy nghi hối. Tâm bình đẳng thanh tịnh nơi trí đạo phi đạo. Tâm bình đẳng thanh tịnh tu hành trí huệ kiến giải. Tâm bình đẳng thanh tịnh quán sát tất cả pháp bồ đề phần. Tâm bình đẳng thanh tịnh giáo hoá tất cả chúng sinh.

Những gì là mười ? Đó là :

1. Đối với pháp chư Phật nói trong quá khứ, phải dùng tâm bình đẳng không có sự ô nhiễm, không phân biệt để tu trì.

2. Đối với pháp chư Phật vị lai sẽ nói, cũng phải dùng tâm bình đẳng không ô nhiễm trí huệ không có sự phân biệt và sự thanh tịnh để học tập.

3. Đối với pháp chư Phật hiện tại nói, cũng phải dùng tâm bình đẳng không phân biệt và thanh tịnh không ô

nhiệm để học tập tu hành. Đối với pháp ba đời chư Phật nói, đều dùng tâm bình đẳng không phân biệt và để tu học.

4. Trì giới bình đẳng, tức là mình nguyện thay thế tất cả chúng sinh không trì giới, giữ giới thanh tịnh. Dem công đức trì giới, bình đẳng hồi hướng cho hết thầy chúng sinh, không sinh tâm phân biệt thân sơ thương ghét.

5. Tâm Bồ Tát đối với chúng sinh như nhau. Cho nên : "Những gì mình không muốn, đừng bố thí cho người khác". Những gì mình không hoan hỷ, đừng bao giờ cho người khác; còn những gì mình muốn, nên bố thí cho người khác. Tâm của Ngài có thể bao hàm tất cả vạn vật trong hư không, rộng lớn vô lượng vô biên, trụ khắp Hằng hà sa số thế giới, chẳng có chút sai biệt nào.

6. Thấy hoặc là một thứ nghiệp chướng, có thể chướng đạo, do đó, người tu đạo nhiều không biết bao nhiêu, mà người thành đạo rất ít, vì bị thấy hoặc chướng ngại. Nếu trừ diệt được tà kiến che đậy, và tâm hoài nghi hối hận, dùng tâm bình đẳng thanh tịnh để tu hành nghiệp lành, thì nhất định sẽ thành đạo. Giả sử có người, bố thí rồi lại hối hận, cảm thấy bố thí cho người khác mình sẽ thiếu ăn, đó là sự suy nghĩ sai lầm. Vì bố thí cho người, cũng giống như bố thí cho chính mình, công đức không mất đi.

7. Người tu hành phải minh bạch gì là chánh đạo, gì là tà đạo. Phải tu hành theo chánh đạo, xa lìa tà đạo. Phải có tâm trí huệ chọn pháp, y pháp mà không y người. Phải dùng tâm bình đẳng thanh tịnh không nhiệm để học tập tu hành.

8. Bồ Tát phải tài bồi học rộng hiểu nhiều, suy gẫm tường tận, đắc được trí huệ rồi, sẽ có chánh tri chánh kiến,

sẽ y giáo phụng hành, dùng tâm bình đẳng thanh tịnh tu hành.

9. Đối với tất cả Thánh pháp giác đạo - tức là pháp bồ đề phần, dùng trí huệ tối thượng, quán sát kỹ càng, dùng tâm bình đẳng thanh tịnh để thâm nhập để tìm tòi.

10. Giáo hoá hết thầy chúng sinh, cũng phải dùng tâm bình đẳng không phân biệt và trí huệ thanh tịnh không ô nhiễm. Các vị thiện tín đến đây nghe pháp, các vị cũng phải dùng mười thứ tâm này để nghe pháp, để học tu pháp môn xuất thế, mới có thể chứng được quả vị.

Đại Bồ Tát dùng mười thứ tâm bình đẳng thanh tịnh này, vào được Địa thứ năm của Bồ Tát.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ Địa thứ năm này rồi, do khéo tu pháp bồ đề phần. Do khéo thanh tịnh thâm tâm. Lại do cầu đạo vô thượng thù thắng. Do tùy thuận chân như. Do nguyện lực gia trì. Do từ bi thương xót không bỏ tất cả chúng sinh. Do tích tập phước trí trợ đạo. Do tinh tấn siêng năng tu tập không ngừng. Do sinh ra phương tiện khéo léo. Do quán sát chiếu sáng các bậc trên. Do được Như Lai hộ niệm. Do niệm trí lực gia trì, nên được tâm không thoái chuyển.

Đại Bồ Tát dùng mười thứ tâm bình đẳng thanh tịnh ở trên, tu hành tiến vào quả vị Địa thứ năm rồi – Nan thắng địa. Vị đại Bồ Tát này, sau khi tiến vào Địa thứ năm rồi, do:

1. Ngài khéo biết tu học phương pháp bồ đề giác phần.
2. Biết thanh tịnh tâm bồ đề của mình.
3. Càng biết tiếp tục cầu Phật đạo vô thượng thù thắng.
4. Cũng biết được tùy thuận chân tâm lý thể, dùng tâm bình đẳng thanh tịnh để tu hành. Đó là nương vào nguyện lực đã phát ra trong quá khứ để chi trì.
5. Đối với bất cứ chúng sinh nào, cũng đều biết dùng từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng bình đẳng thương xót họ.
6. Biết tích tụ phước đức trí huệ để trợ giúp tu đạo.
7. Lại biết phải chuyên cần tinh tấn, tu học Phật đạo, không có lúc nào ngừng nghỉ.
8. Biết tu hành Bồ Tát đạo, mới có thể đắc được pháp môn phương tiện khéo léo.
9. Lại biết phải quán sát chiếu rõ kỹ càng, có thể minh bạch được pháp môn tu hành của các Địa và quả vị ở trên.
10. Lại biết chân chánh như pháp tu hành, có thể đắc được chư Phật thường đến hộ niệm.
11. Biết vận dụng sức lực để chi trì, luôn luôn tinh tấn tu hành không sinh nhàm mỏi. Do đó, Bồ Tát biết những nhân tố ở trên, cho nên Ngài dũng mãnh tinh tấn không thôi chuyển, không giải đãi, không mất tâm, chuyên chú một lòng tu hành.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, biết như thật, đây là khổ Thánh đế, đây là khổ tập Thánh đế, đây là khổ diệt Thánh đế, đây là khổ diệt đạo Thánh đế. Khéo biết tục đế, khéo biết đệ nhất nghĩa đế, khéo biết tướng đế, khéo biết sai biệt đế, khéo biết thành lập đế, khéo biết sự đế, khéo biết sinh đế, khéo biết tận vô sinh đế, khéo biết nhập đạo tri đế, khéo biết tất cả Bồ Tát địa thứ lớp thành tựu đế, cho đến khéo biết Như Lai trí thành tựu đế.

Các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, Ngài minh bạch chân thật, minh bạch bốn Thánh đế, tức là bốn đạo lý chân thật mà đức Phật đã nói.

Thứ nhất: Ngài biết đạo lý “khổ”. Nghĩ muốn đừng thọ khổ, thì phải dứt trừ tất cả phiền não, cầu vui tịch diệt chân thật. Học tu đạo trước hết phải “biết khổ”, thì phải “đoạn tập”, kế tiếp “mộ diệt” phiền não, thì phải “tu đạo”, đây là bốn bước tu hành bốn Thánh đế. Khổ của con người, có nhiều vô lượng vô biên. Nói chung có ba thứ khổ, tám thứ khổ và vô lượng thứ khổ.

Ba thứ khổ:

a. Khổ khổ: Không nhà, không quần áo, không chỗ ở, bản cùng khôn khổ, đây là sự khổ nhất trong các thứ khổ.

b. Hoại khổ: Ví như người này vốn giàu có sung sướng, hưởng thụ bất tận. Nhưng bỗng nhiên gặp tai nạn, hoặc tán gia bại sản, hoặc thân thuộc ly tán, sống chết không biết. Như ở Trung Quốc thời biến loạn, chính mắt tôi thấy nhiều người bị thứ hoại khổ này, nhiều không biết bao nhiêu mà nói. Bần cùng là khổ khổ, giàu có là hoại khổ.

c. Hành khổ: Thứ khổ này đa số mọi người đều không ai tránh khỏi. Tuy nhiên chẳng có khổ khổ về bần cùng, cũng chẳng có hoại khổ về giàu có, nhưng con người từ bé đến già, niệm niệm trôi qua, niệm niệm không ngừng, thọ khổ bốn ba lao碌.

Tám thứ khổ là:

1. Sinh khổ: Con người khi lọt khỏi lòng mẹ, liền khóc không ngừng, tại sao? Vì nó đã biết con người sinh ra đời đều là khổ. Còn một nguyên nhân khác, khi con người mới lọt lòng mẹ, thân thể thọ cái lạnh không khí bên ngoài, da thịt đau buốc giống như rùa sống lột mai.

2. Già khổ: Con người lớn lên rồi già, ngũ quan tứ chi đều già nua hết linh hoạt, mắt mờ tai điếc, tay chân đau yếu, tinh thần hết minh mẫn.

3. Bệnh khổ: Bất cứ già trẻ, giàu nghèo, nam nữ, ai ai cũng đều có bệnh, không bệnh này cũng bệnh kia, không bệnh nặng cũng bệnh nhẹ, không một ai tránh khỏi. Bệnh thì khổ vô cùng, không thể nào diễn tả được.

4. Chết khổ: Con người có sinh thì có chết, chết cũng nhiều thứ khác nhau, chết và bệnh là bình đẳng nhất. Giàu sang như ông vua, nghèo cùng như kẻ ăn mày, đều không tránh khỏi cái chết. Thống khổ về tử biệt, thê thảm đến cực

điểm. Khi con người sắp chết, nhục thể thống khổ vô cùng, giống như bò sống lột da.

5. Ái biệt ly khổ: Con người đều xả bỏ không được người và đồ vật mà mình yêu thích, một khi phải phân ly thì tâm tình thống khổ, cũng khó chịu được.

6. Oán tăng hội khổ: Tình hình này ngược lại với ái biệt ly, bạn không thích người này, mà đi đâu cũng gặp, cũng khó chịu vô cùng, đó cũng là một thứ khổ.

7. Cầu bất đắc khổ: Nghĩa là bạn muốn có được, bạn ưa thích, mà không được như ý, cũng là khổ.

8. Ngũ âm xí thanh khổ: Ngũ âm tức là: Sắc thọ tưởng hành thức, năm âm này chi phối con người làm cho điên đảo, lúc khóc lúc cười, lúc buồn lúc vui, không được thanh tịnh, không được bình an. Đó tức là bị năm âm chi phối, khổ giống như lửa thiêu đốt. Ở trên là sự thật về những sự khổ, cùng với đạo lý thọ khổ mà chúng sinh thường hay gặp.

“Khổ tập” Thánh đế: Tức là tất cả khổ tập tụ tập lại với nhau, trở thành phiền não vô hạn. Vì khổ, cho nên phải tìm phương pháp diệt khổ. Nhưng trước hết phải minh bạch nguyên nhân sự khổ, sau đó tìm phương pháp giải cứu - tức là “tu đạo”, chỉ có tu đạo mới là đạo lý diệt khổ thù thắng nhất.

Đồng thời, Bồ Tát này không những cũng phải biết đạo lý của thế tục, cũng phải biết đạo lý thế gian đệ nhất đẳng - tức là pháp xuất thế. Phải minh bạch đạo lý tất cả tướng trạng của mọi sự vật. Phải biết đạo lý đủ thứ sự vật sai biệt khác nhau. Cũng phải hiểu rõ đạo lý tất cả sự vật sinh khởi. Cũng phải hiểu đạo lý tất cả sự vật chết diệt. Phải giác ngộ đạo lý vận dụng trí huệ tu học Phật đạo. Phải

biết rõ quá trình tu học Thập địa Bồ Tát đạo của Bồ Tát tu hành, là làm thế nào để tuần tự tiến vào, để thành tựu quả vị. Cần phải biết phải có trí huệ của Phật, mới có thể thành tựu quả vị như Phật.

Vì Bồ Tát này tùy tâm ưa thích của chúng sinh, khiến cho họ hoan hỷ, nên biết tục đế. Vì thông đạt một thật tướng, nên biết đệ nhất nghĩa đế. Vì giác ngộ pháp tự tướng cộng tướng, nên biết tướng đế. Vì biết rõ các pháp phân vị sai biệt, nên biết sai biệt đế. Vì khéo phân biệt uẩn giới xứ, nên biết thành lập đế. Vì giác ngộ thân tâm khổ não, nên biết sự đế. Vì giác ngộ các cõi sinh tương tục, nên biết sinh đế. Vì tất cả nhiệt não rốt ráo diệt, nên biết hết vô sinh trí đế. Vì sinh ra không hai, nên biết nhập đạo trí đế. Vì chánh giác tất cả hạnh tướng, nên khéo biết tất cả Bồ Tát địa. Thứ lớp tiếp tục thành tựu, cho đến Như Lai trí thành tựu đế, dùng trí lực tin hiểu mà biết, chứ chẳng phải dùng rốt ráo trí lực mà biết được.

Vì Bồ Tát này tùy thuận tâm ưa thích của chúng sinh, khiến cho chúng sinh đều sinh hoan hỷ. Vì Ngài hiểu

được tâm lý của phàm phu tục tử, biết vận dụng pháp thế gian. Ngài minh bạch đạo lý thật tướng, cho nên thông đạt vô ngại với pháp thế gian. Nghĩa là thân ở trong pháp thế gian, mà có thể tu pháp xuất thế gian. Lục Tổ Huệ Năng đã từng nói :

“Phật pháp tại thế gian,
Không lìa thế gian giác.
Lìa thế cầu bồ đề,
Ví như tìm sừng thỏ”.

Tức là đạo lý này. Bồ Tát lại biết đạo lý "không" tối thắng đệ nhất nghĩa, giác ngộ được đạo lý pháp "tự tướng" là tục, và "cộng tướng" là thật. Lại biết đạo lý tu các pháp chứng được quả vị, có sự sai biệt khác nhau. Lại minh bạch được đạo lý năm uẩn, mười tám giới, mười hai xứ thành lập, đều do nhân duyên mà thành tựu, chẳng có tự tánh. Lại giác ngộ đạo lý sở dĩ thân tâm khổ não, là do không minh bạch tất cả sự việc, mà làm việc điên đảo. Lại giác ngộ đạo lý đến tất cả các cõi, nguyên nhân nào tương tục không dứt, nhờ đó mà biết sanh. Lại biết tất cả phiền não vốn là không, nhờ tu hành mà được trí huệ, có thể thấu rõ đạo lý không sinh không diệt. Tức đã biết sinh là nhân của tập, vô sinh tức là thật chứng của diệt, liền thoát khỏi sinh tử, không sinh hai hạnh. Bồ Tát biết rõ đạo lý "tập" là nhân của "khổ", bèn thâm nhập tu "đạo", cầu chứng "diệt". Lại biết rõ tất cả hình tướng tu hành, lại biết thứ lớp và từng bước tu Bồ Tát hạnh, liên tục thành tựu quả giác. Cho đến biết đạo lý trí huệ Như Lai thành tựu như thế nào. Trí huệ của Bồ Tát này, là do tín tâm và sức hiểu biết tu đắc được

hậu đắc trí, chứ chẳng phải nương vào trí huệ chân chánh bản nhiên (căn bản trí) mà đắc được.

**Phật tử ! Đại Bồ Tát này đắc được các
đế trí như vậy rồi, biết như thật tất cả pháp
hữu vi hư vọng trá ngụy, lừa dối mê hoặc
phàm phu ngu si.**

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này, đắc được những đạo lý tối thượng này rồi, thành tựu đại trí huệ vô thượng, chân chánh thấu hiểu tất cả pháp hữu vi, đều là hư vọng không thật, chỉ có thể mê hoặc những chúng sinh ngu si không có trí huệ.

**Bấy giờ, Bồ Tát tăng thêm đại bi, sinh
đại từ quang minh, đối với các chúng sinh.**

Công phu tu hành của Bồ Tát Địa thứ năm, tiên bộ hơn nhiều so với ở trước. Đối với việc cứu độ chúng sinh, biết vận dụng trí huệ phương tiện khéo léo, tăng thêm tâm đại bi, tâm thương xót cũng phân đồng với chư Phật.

**Phật tử ! Đại Bồ Tát này được trí lực
như vậy, chẳng xả bỏ tất cả chúng sinh,
thường cầu trí huệ của Phật. Quán tất cả
hạnh hữu vi tiền tế hậu tế như thật. Biết từ
vô minh tiền tế, hữu, ái, nên sinh. Sinh tử
lưu chuyển, ở trong nhà các uẩn không thể
thoát ra, tăng trưởng nhiều sự khổ tụ tập.**

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu Địa thứ năm, đắc được đủ thứ sức trí huệ, không xả bỏ chúng sinh thọ khổ. Ngài nỗ lực tinh tấn trên cầu trí huệ của Phật, dưới độ tất cả chúng sinh. Ngài quán sát kỹ càng, suy gẫm tất cả pháp hữu vi trên thế gian, tại sao nó liên tục tiền tế (quá khứ) và hậu tế (vị lai) không ngừng, nhân tố của nó là gì ? Bồ Tát đắc được câu trả lời : Biết là do vô minh tiền tế (quá khứ), hữu, chủng tử của ái, mà sinh ra tất cả khổ đau vị lai. Những chủng tử đó, khiến cho chúng sinh lưu chuyển sinh tử trong sáu nẻo, đời đời kiếp kiếp ở trong ngục tù năm uẩn, không thoát ra được, khổ não thiêu đốt, ngày đêm tăng trưởng, các khổ tích tụ nơi thân tâm.

Không cái ta, không kẻ thọ, không kẻ dưỡng dục, càng không kẻ thủ lấy số thân đời sau. Lìa cái ta của ta, như quá khứ vị lai cũng như vậy, đều không chỗ có. Hư vọng tham trước, dứt sạch thoát khỏi. Hoặc có, hoặc không, đều biết như thật.

Bồ Tát quán sát suy gẫm rồi, biết vốn chẳng có cái ta, cũng chẳng có kẻ thọ, chẳng có kẻ dưỡng dục, càng không thể lưu chuyển không ngừng, sinh sinh không dứt ở trong sáu nẻo. Chỉ có lìa khỏi chủ quan về cái ngã, và sự chấp trước về của ta, thì mới có thể dứt quả khổ sinh tử. Thời quá khứ như vậy, vị lai cũng như vậy, đều là không, đều là giả. Chỉ vì con người tham cái không, cái giả, hư vọng không thật tại. Nếu bạn dứt sạch hết tất cả phiền não

hư vọng, thì sẽ chúng được "diệt", tức cũng là thoát khỏi thống khổ sinh tử của ba cõi, chúng được "đạo". Đối với những cảnh giới hư vọng hoặc có hoặc không, phàm phu chấp mê không ngộ, cho nên không biết không giác. Bồ Tát đã giác ngộ, cho nên Ngài minh bạch thật sự về đạo lý này.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại nghĩ như vậy : Các phàm phu này ngu si không trí huệ, rất đáng thương xót. Có vô số thân, đã diệt, nay diệt và sẽ diệt, diệt hết như vậy, mà không thể nghĩ nhàm chán về thân. Lại càng tăng thêm biết bao việc khổ, theo dòng sinh tử, không thể quay trở lại được. Nơi nhà các uẩn, không cầu thoát khỏi.

Phật tử ! Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đại đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này tu đủ thứ Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, Ngài lại nghĩ như vậy : Phàm phu ngu si không minh bạch tất cả lý không, lại chẳng có trí huệ, không biết nhàm khổ, thật là đáng thương xót ! Họ đã trải qua vô lượng số lần sinh tử huyễn diệt - đời quá khứ diệt rồi, đời hiện tại cũng phải diệt, đời tương lai cũng sẽ diệt. Sinh rồi chết như vậy, chết rồi sinh như vậy, rất khổ mà không biết, khổ nhiều mà không rõ, lưu chuyển như vậy, cuối cùng diệt hết. Song, họ đối diện với sinh tử, như thống khổ nơi thân tâm, mà chẳng thấu hiểu sinh tử tướng nhàm chán. Một đời so với một đời càng tăng thêm vô minh, giống như người gỗ, nương vào máy móc để đi

chuyên, không có thì không thể lay động, mắt mù, bị động, tạo ra nghiệp ác, trôi xuống nhân khổ, thuận theo dòng nghiệp sinh tử, không thể nào quay trở về nguồn cội được. Bị nhốt trong nhà năm uẩn không biết thoát khỏi nhà lửa.

Không biết lo sợ bốn rắn độc lớn, không nhớ được mũi tên kiêu mạn kiến chấp, không diệt được lửa tham sân si, không phá tan được vô minh đen tối, không cạn khô được biển lớn ái dục, không cầu đại Thánh đạo sư mười lực, mà nhập vào rừng rậm ma ý, ở trong biển sanh tử, bị sóng giác quán cuốn trôi nhận chìm.

Bốn đại - đất, nước, gió, lửa, có sự độc ác giống như rắn độc, nhưng phàm phu cũng không biết lo buồn, sợ hãi, càng không thể nghĩ phương pháp thoát khỏi. Tất cả tà tri tà kiến, công cao ngã mạn, đều giống như mũi tên độc, luôn bắn vào thân tâm con người không ngừng. Không thể nhớ được mũi tên độc ra, cũng chẳng có trí huệ diệt trừ được lửa độc tham sân si, để được mát mẻ. Cũng chẳng có phương pháp phá tan vô minh đen tối, để thấy ánh sáng. Họ càng không thể làm khô cạn được biển lớn ái dục, họ không biết cầu giác hạnh viên mãn, phước huệ đầy đủ, của bậc Đạo sư trời người, để được giải thoát. Các phiền não kiết sử, sinh tử thông khổ như vậy, đều là tri kiến của ma. Những việc làm của phàm phu, đều ở trong tri kiến của ma, như tiến vào rừng sâu rồi không thấy được mặt trời, lưu chuyển điên đảo, không có ngày thoát khỏi. Ở trong biển

lớn sinh tử, bị "sóng giác quán cuốn trôi nhận chìm", ý nghĩ đều là tà tri tà kiến dẫn đến nhân khổ, như sóng lớn trong biển, cuốn trôi nhận chìm con người cho đến chết cũng chẳng cách chi cứu được.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại nghĩ như vậy : Chúng sinh này thọ khổ như vậy, cô cùng khốn đốn, không ai cứu, không chỗ nương, không đất, không nhà, không mát, không người dẫn dắt, vô minh che đậy, ràng buộc trong đen tối.

Nay tôi vì tất cả chúng sinh đó, mà tu hành pháp phước trí trợ đạo, độc nhất phát tâm, không cầu bạn bè. Dem công đức này, khiến cho các chúng sinh rất ráo được thanh tịnh, cho đến đắc được mười lực trí huệ vô ngại.

Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, tích tập đủ thứ căn lành lại nghĩ như vậy : Những chúng sinh này, thọ những phiền não thống khổ như ở trên đã nói, giống như con cái chẳng có cha mẹ, cô độc không chỗ nương tựa. Lại giống như người lang thang tứ xứ, tứ cô vô thân. Lại giống như gánh nặng đi đường xa, khát vọng có người đến thay thế họ nhưng không thể được. Suốt đời thọ sự ràng buộc bệnh già uy hiếp, bị nghiệp hoặc quấy rối, hy vọng có người thiện đến cứu cũng tìm chẳng được. Muốn tìm chỗ để nương nhờ, cũng tìm không được. Chẳng

có chỗ an toàn, tức chẳng có nhà cửa để che gió che mưa, cũng chẳng có vị thiện tri thức mắt sáng suốt để lãnh đạo họ, giống như kẻ mù không có mắt. Vô minh sai sử, phiền não trùng trùng, bốn phía khách trần nhiễu loạn, tà niệm dấy lên, giống như con mắt sinh ra màng, che lấp chẳng nhìn thấy được gì. Không nghe được chánh pháp, giống như bị nhốt trong chỗ đen tối, bị phiền não trói buộc. Bồ Tát lại nghĩ : Tôi phải vì những chúng sinh này, tu tập phước huệ, cầu pháp môn trí huệ thù thắng, và cầu trợ giúp tu đạo. Tôi tự một mình phát tâm, không cầu người khác trợ giúp, ngoài ra cũng chẳng tìm bạn bè đồng tu. Dùng những công đức đó, khiến cho chúng sinh đắc được an vui bờ Niết Bàn bờ đề, càng khiến cho họ đắc được mười lực giống như đức Phật, nghĩa là đầy đủ mười thứ trí lực và công dụng, cùng với bốn trí huệ vô ngại như Phật và Bồ Tát.

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng trí huệ quán sát căn lành tu tập như vậy, đều vì cứu hộ tất cả chúng sinh, lợi ích tất cả chúng sinh, an lạc tất cả chúng sinh, thương xót tất cả chúng sinh, thành tựu tất cả chúng sinh, giải thoát tất cả chúng sinh, nhiếp thọ tất cả chúng sinh. Khiến cho tất cả chúng sinh lìa các khổ não, khiến cho tất cả chúng sinh khắp được thanh tịnh, khiến cho tất cả chúng sinh đều được điều phục,

khiến cho tất cả chúng sinh vào Bát Niết Bàn.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu Bồ Tát hạnh, tích tập đủ thứ căn lành, Ngài dùng đủ thứ trí huệ như đã nói ở trước, quán sát tất cả căn lành của mình tu được, dùng để cứu hộ tất cả chúng sinh. Lúc ban đầu phát tâm tu hành, đều vì cứu độ chúng sinh, nên tu thiện. Tức nhiên như thế, hiện tại Ngài phải làm :

1. Cứu hộ chúng sinh trong biển khổ, khiến cho họ thoát khỏi luân hồi sinh tử.
2. Khiến cho chúng sinh trụ nơi bất thiện, đắc được lợi ích của pháp lành.
3. Khiến cho chúng sinh đã đắc được lợi ích pháp lành, được an lạc, hoàn thành nghiệp thiện quả thiện.
4. Đối với chúng sinh nghèo thiếu, trợ giúp họ theo chánh nghiệp, tài bồi tâm từ bi thương xót.
5. Thấy chúng sinh tu hành nhiều chướng ngại, trợ giúp họ thành tựu căn lành tu hành.
6. Thấy chúng sinh tại thế gian thọ phiền não khôn khổ mê hoặc, chỉ dẫn cho họ được chánh kiến, tài bồi căn lành thành thực để được giải thoát.
7. Đối với chúng sinh tà tri tà kiến, dùng pháp môn khéo léo nhiếp thọ, giáo hoá họ, khiến cho họ được niềm tin chân chánh.
8. Khiến cho những chúng sinh ngu muội vô tri, chỉ dẫn họ lìa khỏi khổ não, tinh tấn theo việc chánh đáng.

9. Nhìn thấy chúng sinh hạ liệt, đối với chân lý lại sinh mê hoặc, phải khiến cho họ giải nghi trừ hoặc, đắc được sự nhận thức rõ ràng.

10. Đối với chúng sinh khó điều khó phục, thì phải có tâm nhẫn nại khéo dạy, cảm hoá họ, nhiếp phục họ, khiến cho họ tâm vui thành phục, làm người có trí nhu hoà thiện lương.

Bồ Tát thương xót chúng sinh, khắp khiến cho chúng sinh thọ được ích lợi giáo hoá của Phật, tu học bồ đề, nhập vào đại Bát Niết Bàn, chấm dứt sinh tử.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ Nan thắng địa thứ năm, gọi là nhớ, vì không quên các pháp. Gọi là trí, vì hay khéo quyết định. Gọi là có thú hướng, vì biết trải qua ý thú, lần lượt liên hợp. Gọi là tầm quý, vì tự hộ hộ người. Gọi là kiên cố, vì không bỏ giới hạnh. Gọi là giác, vì hay quán thị xứ phi xứ. Gọi là tùy trí, vì không tùy theo họ. Gọi là tùy huệ, vì khéo biết câu nghĩa phi nghĩa khác nhau. Gọi là thần thông, vì khéo tu thiền định. Gọi là phương tiện khéo léo, vì hay tùy thế gian tu hành. Gọi là không nhàm đủ, vì khéo tích tập phước đức. Gọi là không ngừng nghỉ, vì thường cầu trí huệ. Gọi là không mỗi một, vì tập đại từ bi. Gọi

là vì họ siêng tu, vì muốn khiến cho tất cả chúng sinh vào Niết Bàn. Gọi là siêng cầu không giải đãi, vì cầu lực vô úy pháp bất cộng của Như Lai. Gọi là phát tâm năng hành, vì thành tựu trang nghiêm cõi Phật. Gọi là siêng tu đủ thứ nghiệp lành, vì hay đầy đủ tướng tốt. Gọi là thường siêng tu tập, vì cầu trang nghiêm thân lời ý của Phật. Gọi là đại tôn trọng cung kính pháp, vì ở nơi tất cả Bồ Tát pháp sư, theo lời dạy mà tu hành. Gọi là tâm không chướng ngại, vì dùng đại phương tiện, thường hành thế gian. Gọi là ngày đêm xa lìa những tâm khác, vì thường thích giáo hoá tất cả chúng sinh.

Các vị đại đệ tử của Phật ! Những vị đại Bồ Tát này tu Bồ Tát đạo, đầy đủ các thứ căn lành, trụ tại Nan thắng địa thứ năm, có nhiều danh hiệu, đều căn cứ vào sự tu hành của Ngài mà được. Tên gọi là nhớ, vì Bồ Tát này chưa từng khi nào quên mất tất cả pháp của chư Phật nói. Tên gọi là trí, vì Ngài có đủ đại trí Bát nhã, đối với các sự việc có sự nhận thức đúng đắn, bất cứ khó khăn gì, Ngài cũng đều có thể lập tức phán đoán giải quyết được, chẳng giống như một số người hoài nghi do dự không giải quyết được. Tên gọi là có thú hướng, vì Ngài rất có sức lý giải, các đại Kinh

điền một khi đọc tụng, thì tự nhiên thấu triệt tông thú ý chỉ, thứ tự trước sau, đều dung hội quán thông. Tên gọi là tầm quý, vì Bồ Tát này hay nhẫn nhục mà tâm tánh nhu hoà, Ngài thường ôm lòng tầm quý, không khinh quý thân. Tự hộ bảy chi – thân ba, nghiệp ác của miệng có bốn, không chiêu phi nghĩa, thà xả bỏ sanh mạng không thiếu khuyết giới hạnh. Đồng thời cũng có thể ảnh hưởng đến người khác, giữ gìn giới hạnh thanh tịnh. Tên gọi là kiên cố, vì Ngài hay giữ gìn giới hạnh thanh tịnh, không bị cảnh bên ngoài dụ hoặc, có ý chí kiên cố. Tên gọi là giác, vì Ngài là vị có tiên tri tiên giác và trí huệ, biện rõ thị phi, không làm việc điên đảo, biết rõ gì là hợp lý, gì không hợp lý. Tên gọi là tùy trí, vì Ngài có chánh tri chánh kiến, không tùy theo tà thuyết họ vâng mình cũng vâng, mà giao động kiến giải của mình. Tên gọi là tùy huệ, vì Ngài có sức lý giải rất cao minh, nghĩa lý trong Kinh điển có chánh quyết chẳng ? từ ngữ có thích hợp chẳng ? đều thấu biết được, chẳng vì văn tự tán loạn, mà sinh tâm nghi hoặc. Tên gọi là thần thông, vì Ngài đắc được thiền định tam muội thâm sâu, có công phu thiền định chân thật, từ trong thiền định có thể hiển hiện công dụng thần thông trí huệ. Tên gọi là phương tiện khéo léo, vì Bồ Tát hoá độ chúng sinh, dùng pháp môn phương tiện điều phục nhiếp thọ, khéo léo vận dụng, tùy thuận pháp thế gian, mà không trái với pháp xuất thế. Tên gọi là không nhàm đủ, vì Ngài khéo tích tụ phước đức, tăng trưởng căn lành, siêng tu không ngừng, không nhàm đủ tích tụ năm độ phước đức. Tên gọi là không ngừng nghỉ, vì Ngài ngày đêm không giải đãi, tinh tấn tu học, trên cầu Phật đạo dưới độ chúng sinh, tăng trưởng trí huệ của mình. Tên gọi là không mệt mỏi, vì Bồ Tát tu Bồ Tát hạnh, đều

trần đầy tâm hoan hỷ, tinh thần sung túc, chưa từng cảm thấy mệt mỏi khổ sở, hy vọng dừng lại nghỉ ngơi. Vì Ngài tích đủ tâm nhu hoà đại từ đại bi, ái hộ chúng sinh, cứu độ chúng sinh. Tên gọi là siêng tu, tất cả hành vi của Bồ Tát, đều là vì chúng sinh. Ngài siêng tu không ngừng, ngày đêm tinh tấn, mục đích là hy vọng chúng sinh vào đại Niết Bàn, đắc được vui tịch diệt chân chánh. Tên gọi là siêng cầu không giải đãi, vì Bồ Tát siêng cầu không giải đãi, hy vọng đắc được mười lực đại trí huệ, bốn trí vô ngại, vô sở úy, và mười tám pháp bất cộng giống như đức Phật. Tên gọi là phát tâm năng hành, vì Bồ Tát phát đại nguyện, tu vạn hạnh, lại cước đạp thật địa làm được. Công đức thành tựu viên mãn, dùng để trang nghiêm cõi nước của chư Phật trong mười phương. Tên gọi là siêng tu đủ thứ nghiệp thiện, vì Bồ Tát siêng năng tu tập đủ thứ nghiệp thiện, tức là mười điều lành. Nghiệp thiện viên mãn rồi, sẽ đầy đủ ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tên gọi là thường siêng tu tập, phàm là người tu học Phật pháp, đều phải siêng năng tinh tấn, mà Bồ Tát này trong hai mươi bốn giờ không giải đãi lười biếng, khiến cho thân miệng ý ba nghiệp thanh tịnh, đem công đức tu học này để trang nghiêm cõi Phật mà đắc được danh hiệu này. Tên là đại tôn trọng cung kính pháp, vì Bồ Tát dùng tâm thành vô thượng, cung kính tôn trọng hết thảy Bồ Tát và pháp sư, ở trong đạo tràng của các Ngài lắng nghe Phật pháp, thiết thực y giáo phụng hành. Tên gọi là tâm không chướng ngại, Bồ Tát vào thế gian, dùng tâm từ và trí huệ vô lượng vô biên, phương tiện khéo léo, giáo hoá chúng sinh, khiến cho tất cả chúng sinh khắp được lợi ích, phát tâm đại nguyện xuất thế nơi nơi phương tiện vô ngại. Tên gọi là ngày đêm xa lìa

các tâm khác, vì Bồ Tát không sinh tư tưởng nhiễm ô dù chỉ một phút một giây, Ngài đều vui thích giáo hoá tất cả chúng sinh.

Phật tử ! Khi đại Bồ Tát siêng tu hành như vậy, dùng bố thí để giáo hoá chúng sinh. Dùng ái ngữ, lợi hành, đồng sự để giáo hoá chúng sinh. Thị hiện sắc thân để giáo hoá chúng sinh. Diễn nói các pháp để giáo hoá chúng sinh. Khai thị Bồ Tát hạnh để giáo hoá chúng sinh. Hiện hiện đại oai lực của Như Lai để giáo hoá chúng sinh. Thị hiện lỗi lầm hoạn nạn của sinh tử để giáo hoá chúng sinh. Khen ngợi lợi ích trí huệ của Như Lai để giáo hoá chúng sinh. Hiện sức đại thần thông để giáo hoá chúng sinh. Dùng đủ thứ hạnh phương tiện để giáo hoá chúng sinh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi đại Bồ Tát siêng năng tinh tấn tu hành như vậy, Ngài dùng phương pháp bố thí để giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh biết buông xả tâm tham, dùng từ bi đối đãi với người, dùng phương pháp ái ngữ để khuyên nhủ chúng sinh. Ai ai cũng đều hoan hỉ nghe lời của Ngài, Ngài lúc nào cũng hoà nhan duyệt sắc, nói lời nhỏ nhẹ tiếp dẫn những người ở trong sự khốn khổ. Đồng

thời, khai thị Phật pháp, trợ giúp linh tánh của họ, dẫn dắt chúng sinh làm việc thiện có ích cho người, cộng sự với người, cũng tận sức giúp đỡ người. Dùng đức hoá người, làm ảnh hưởng đến chúng sinh, lại khai thị tướng mạo đoan chánh, phong độ bình dị gần người, giáo hoá chúng sinh. Lại có thể diễn nói các hạnh môn trong Phật pháp, giáo hoá chúng sinh tiếp thọ khế hợp với pháp môn của mình, tu học pháp xuất thế. Lại giải thích đối với chúng sinh, đưa ra ví dụ công đức lợi ích tu hạnh Bồ Tát, khiến cho chúng sinh phát nguyện tu học. Lại hiển bày sức đại oai đức của Phật, để giáo hoá những chúng sinh mệt mỏi thối lùi tâm, khiến cho họ tinh tấn. Lại thị hiện các thứ sinh tướng nhân sinh khác nhau, tướng già, tướng bệnh, tướng chết. Chúng sinh phần đông đắm chìm trong sự tham tài cầu danh, do đó mà không tránh khỏi tạo ra các nghiệp ác, thọ rất nhiều buồn phiền hoạn nạn. Bồ Tát giáo hoá họ, khiến cho họ không những biết lỗi lầm hoạn nạn, mà còn biết sửa đổi lỗi lầm. Bồ Tát thị hiện thọ các thứ thiên tai nhân hoạ, nhà tan người mất, các thảm trạng gian khổ cùng cực, khiến cho chúng sinh thấy được, sinh ra tâm giác ngộ hồi đầu, mới phát nguyện lớn, tu Bồ Tát đạo. Rất nhiều chúng sinh không tin đại thừa, Bồ Tát lại luôn luôn tán thán khen ngợi trí huệ tối thượng của Phật, cùng với Phật vì chúng sinh mưu tất cả công đức phước lợi, và dùng từ bi của Phật, giáo hoá chúng sinh tất cả công đức bình đẳng không khác biệt. Bồ Tát lại thấy chúng sinh ngoại đạo, chúng sinh vô tri mê hoặc, mới hiện đủ thứ sức thần thông, dùng để giáo hoá chúng sinh ngoại đạo, khiến cho họ bỏ tối về sáng. Bồ Tát lại dùng đủ thứ pháp môn phương tiện, để giáo hoá

chúng sinh, khiến cho họ lìa khổ được vui, an trụ nơi chánh mạng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này siêng năng dùng phương tiện giáo hoá chúng sinh như vậy, tâm luôn liên tục hướng về trí huệ của Phật, khiến cho các căn lành không thối chuyển, thường khuyến tu học pháp thù thắng hạnh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu hạnh Bồ Tát, tích tụ đủ thứ căn lành, Ngài hay dùng đủ thứ phương pháp như đã nói ở trên, phương tiện khéo léo, không ngừng giáo hoá chúng sinh dù chỉ một phút một giây. Tâm của Ngài cũng không ngừng hướng về cầu trí huệ của Phật. Ngài chỉ biết dừng mãi hướng về trước, khiến cho căn lành tăng trưởng, chưa từng giải đãi thối lùi, cũng trợ giúp chúng sinh tiến tu không thối lùi. Tâm niệm Ngài siêng năng tu học Phật pháp thù thắng, và các hạnh môn có lợi ích độ sanh.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này, vì lợi ích chúng sinh, nên học tập tất cả kỹ nghệ thế gian, như văn học, toán số, đồ thư, ấn tử, địa thủy hoả phong, đủ các thứ luận, thấy đều thông đạt.

Lại giỏi phương thuốc chữa lành các bệnh, như điên cuồng, càn tiêu, quỷ mị, cổ

độc, đều trừ dứt được. Văn bút tán vịnh, ca múa, kỹ nhạc, điệu cười, đàm luận, thầy đều khéo giỏi. Quốc thành, thôn ấp, nhà cửa, vườn tược, suối chảy, ao hồ, cỏ cây hoa thuốc, những thứ giảng bày, thầy đều biết rõ. Vàng bạc, ma ni, chân châu, lưu ly, ngọc bích, san hô, các bảo tàng, đều biết nơi chốn, bày chỉ cho người. Đều giỏi quán sát mặt trời, mặt trăng, tinh tú, chim kê, địa chấn, đêm mộng cát hung, thân tướng sang hèn, không một chút sai lầm.

Trì giới nhập định, thần thông vô lượng, bốn vô sắc, cùng với tất cả việc thế gian khác, nhưng đối với chúng sinh chẳng tổn hại nhiệt nã. Vì lợi ích thầy đều khai thị, dần dần khiến cho họ an trụ vào Phật pháp vô thượng.

Các vị đại đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu hành Bồ Tát đạo, tích tập đủ thứ căn lành, vì lợi ích tất cả chúng sinh, cho nên Ngài đối với các kỹ năng của thế gian, nhân văn nghệ thuật, chẳng có môn nào mà không đi tìm tòi học tập. Ví như văn tự, tuy chẳng phải là pháp xuất thế, nhưng văn hay biểu thị cho ý, Ngài phải vào sâu điển tịch tạo câu luyện chữ, cầu sức văn tự thần thông.

Toán số, đây là môn tinh mật nhất trong học thuật, đại phạm thiên văn, địa lý, vật lý, hoá học, điện học, cơ giới, y học .v.v... đều dùng toán số làm cơ sở. Bất quá toán số nói trong Kinh, là chỉ "số" tướng thanh khác biệt. Hơn nữa số dùng ký số, toán dùng ký vị. Đồ thư : Tức là tạng thư cổ kim trong ngoài, kinh sử tử tập, những thứ đó đều là bảo tàng tri thức vô hạn uẩn tàng, nguồn gốc lâu xa lưu truyền lâu dài ghi ở trong lịch sử nhân văn, có thể trợ giúp bảo giám kiến quốc lợi dân. Cho nên Bồ Tát đều thâm nhập nghiên cứu, hấp thu tri thức rộng rãi, dùng để mưu phúc lợi cho chúng sinh. Ấn loát : là dùng đá ngọc điêu khắc thành. Vua chúa thời xưa dùng trên chiếu thư, dùng làm biểu ký thật giả. Khắc tám chữ trên miếng đó là : "Thọ mạng u thiên, tức thọ vĩnh xương". Người bình thường dùng chỉ có thể gọi là ấn. Bồ Tát cũng hiểu biết nghệ thuật chế làm ấn tử này và phương pháp giám biệt thật giả tinh vi.

Địa, thủy, hỏa, phong, bốn đại này với sự quan hệ thân thể con người, mỗi thứ có chỗ thấy khác nhau, nhất là dùng tà kiến nghị luận của ngoại đạo càng nhiều. Bồ Tát dùng chánh tri chánh kiến, xiềng dương giáo hoá. Cho đến tánh trọng yếu của bốn đại trong vũ trụ, Bồ Tát giỏi biết vận dụng lợi ích của nó như thế nào, làm thế nào để ngăn ngừa hoạn nạn và trừ diệt tai hại của nó. Như các thứ lý luận và thần luận của các chuyên gia trước tác, bình phán, Bồ Tát đều tinh thông, càng biết dùng để lợi ích chúng sinh.

Bồ Tát lại có thể bắt mạch cho toa trị bệnh, Ngài tinh thông y thuật trong ngoài, nội y ba độc tâm lý con người, Ngài dạy họ tu tập giới định huệ, dùng để trị tham sân si ba độc ác bệnh. Các thứ bệnh đau bên ngoài thân thể, như do

tham quá độ mà sanh bệnh phong cuồng điên đảo, thân thể hốt nhiên càn tiêu, mật vàng các thứ bệnh, Ngài đều cho toa thuốc trị bệnh. Còn có một thứ bệnh là quỷ quái, yêu ma, ở trong thân người tác quái, khiến cho họ mê mất tâm tánh, bị ma lực chi phối, làm thiện làm ác, đều không tự biết. Còn có một thứ người ta gọi là "phóng cổ", đây là một thứ tà thuật, phóng vào trong đồ ăn uống, người ăn xong thì suốt đời bị họ khống chế. Muốn phá trừ thứ tà pháp đó, chỉ có người trì Chú Lăng Nghiêm. Như tôn giả A Nan bị nạn nữ Ma Đãng Già, đức Phật sai Bồ Tát Văn Thù đi giải cứu, tức là dùng Chú Lăng Nghiêm này. Bồ Tát ba học tinh thâm, đương nhiên vì chúng sinh đoạn trừ những tai hại này.

Văn bút tán vịnh, ca múa kỹ thuật, tức là dùng văn tự tốt đẹp, biên ra lời thơ tán thán ca ngợi công đức chư Phật. Dem lời thơ đó phổ vào âm vận, trở thành thánh ca u nhã, phối hợp với vận luật, dùng tứ chi thân thể biểu đạt ý trong thánh ca, và dùng các thứ cung huyền nhạc khí, diễn nhảy múa và kỹ nhạc thần kỳ có âm có sắc – như là tán thán Tam Bảo, ca ngợi Thánh chúng. Điều cười đàm luận : đây là nghi thái đãi nhân tiếp vật, nói cười vui vẻ, phong nhã cao thượng, khiến cho người ưa thích gần gũi, thọ sự huân nhiễm, dần dần hướng về sự giáo hoá của Phật.

Bồ Tát đối với công trình kiến trúc, cũng đặc biệt chuyên môn, như thiết kế quốc phòng công sự, đô thành ấp lớn, kiến lập khu xã quốc dân, hoàng cung, nhà cửa, vườn tược, chẳng có một nơi nào mà làm không đẹp. Suối chảy, ao hồ, do nghề lợi đạo, tận dụng sự tốt đẹp thiên nhiên, làm để cúng dường cho người du ngoạn, lại có thể cúng nước để làm ruộng đất. Cỏ cây hoa thuốc có quan hệ giống

thường thức, cùng với vườn thuốc tri thức vườn rừng chung quanh, đều có nhiều sự lợi ích. Bồ Tát lại biết giỏi về nơi xuất xứ của các thứ trân bảo, và nhận thức những mỏ khoáng. Như vàng bạc, lưu ly, ngọc bích, những bảo tàng này, ma ni, châu châu, san hô, những thứ báu vật ở trong biển này, Ngài đều biết ở chỗ nào, và còn nói ra cho họ đi khai thác.

Bồ Tát đối với phương diện thiên văn như : nhật thực nguyệt thực, tinh tú di động, hiện rồi mất, Ngài cũng minh bạch về những đạo lý biến hoá này. Về phương diện địa chất như : nguyên nhân địa chấn và cấp số chấn động, Ngài cũng biết rất rõ ràng. Ngài lại hiểu về tiếng chim, thời xưa Trung Quốc có người hiểu tiếng chim. Bồ Tát còn có thể thế người viên mộng, nói với bạn về mộng tốt xấu, lại có thể xem tướng đoán mạng, chỉ bày sự cát hung. Những tri thức thế tục này, từ trong miệng Ngài nói ra, một chút cũng không sai lầm, cho nên nói Bồ Tát trên biết thiên văn, dưới biết địa lý, thông đạt nhân tình.

Phương diện tu hành của Bồ Tát, phàm là Bồ Tát tu Bồ Tát đạo, Ngài nhất định trì giới cẩn thận. Tại sao phải trì giới ? Vì không trì giới thì không đắc được định, chẳng có định thì không thể sinh huệ. Giới định huệ là ba học vô lậu. Phải trì giới như thế nào ? Trì giới phải nghiêm cẩn, không phóng dật, phải thanh tịnh, không thể có chút tư tưởng ô nhiễm, không thể sinh ý tưởng tham dục. Trì giới nhất định phải thanh tịnh, có một câu ví dụ : "Thanh tịnh như trăng rằm", tỳ hào không trái phạm.

Thế nào gọi là trì giới ? Tức là chấp trì giới luật – Tam quy ngũ giới của người tại gia, Bồ Tát giới. Giới Sa Di của người xuất gia, giới Tỳ Kheo Tỳ Kheo Ni, giới Bồ

Tát, nhất định phải giữ gìn cẩn thận, bảo hộ giới tướng giới thể. Giữ gìn trong tâm ý, biểu lộ nơi hành vi, cho nên một mặt siêng tu "giới định huệ", một mặt thiết thực tiêu diệt "tham sân si". Nhập thiên định : Hay trì giới mới có thể nhập thiên định, không thể trì giới thì không thể nhập thiên định. Muốn tu định thì phải giữ giới cẩn thận. Muốn đắc được trí huệ thì trước hết phải tu định, do tu thiên định mà hay phát sinh vô lượng trí huệ, thần thông, đồng thời thiên định có thể đối trị tham dục. Thần thông, nghĩa là "Không thể dò mà lại không bị bất cứ sự trở ngại nào", Bồ Tát do tu định mà đắc được sức lực này, vận dụng cứu độ khắp chúng sinh, không bị mọi sự trở ngại nào, tự tại vô ngại. Cũng đối trị tà ác cương cứng. Vô lượng : tức từ bi hỷ xả bốn tâm vô lượng, tu bốn tâm vô lượng này sẽ được sinh về Phạm Thiên. Cũng đối trị thuyết ngoại đạo giết ngựa cúng tế cầu Phạm phước, diệt trừ chúng sinh vọng cầu công đức nhiệm nghiệp. Tứ vô sắc : Tức là :

- a. Không vô biên xứ.
- b. Thức vô biên xứ.
- c. Vô sở hữu xứ.
- d. Phi tưởng phi phi tưởng xứ.

Đây đều là giai đoạn tu thiên định.

Những thứ ở trên và tất cả trí huệ thế gian cùng với việc thế tục, chỉ cần chẳng tổn hại đối với chúng sinh, không tăng thêm phiền não cho chúng sinh, có lợi ích đối với chúng sinh, không màng là pháp thế gian, hoặc pháp xuất thế, Bồ Tát đều vì chúng sinh nói kỹ càng và chỉ bày cho chúng sinh phương châm đúng đắn, khiến cho chúng sinh thông tình đạt lý, dần dần ưa thích tu học tất cả pháp môn vô thượng.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Nan thắng địa này, do nguyện lực mà thấy được nhiều vị Phật. Như thấy được nhiều trăm vị Phật, nhiều ngàn vị Phật, nhiều trăm ngàn vị Phật, cho đến thấy nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật. Đều cung kính tôn trọng, thừa sự cúng dường y phục, thức ăn uống, ngoạ cụ, thuốc thang, tất cả đồ tư sanh, thấy đều dâng cúng. Cũng đem cúng dường tất cả chúng Tăng, đem căn lành này, hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Ở chỗ chư Phật cung kính nghe pháp, nghe rồi thọ trì, tùy sức tu hành. Lại ở trong pháp của chư Phật đó mà được xuất gia. Xuất gia rồi, lại càng nghe pháp, đắc được Đà la ni, làm văn trì pháp sư. Trụ trong địa này, trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, hết thấy căn lành, dần dần càng trong sáng thanh tịnh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát chứng được quả vị Nan thắng địa, do nhờ nguyện lực Ngài đã phát ra trong quá khứ, mà thấy được

rất nhiều vị Phật. Như ở trên đã nói, thấy được nhiều trăm vị Phật, ngàn vị Phật, trăm ngàn vị Phật, thậm chí thấy được trăm ngàn ức Na do tha vị Phật. Đối với mỗi vị Phật, Ngài đều cung kính tôn trọng như nhau. Lại dùng tâm chí thành khẩn thiết thừa sự cúng dường rất nhiều vị Phật. Ngài cúng dường y phục tốt nhất, thức ăn uống thượng hạng, ngoạ cụ thích hợp, thuốc thang quý giá, và tất cả những đồ tư sanh dùng hằng ngày, không thiếu thôn thứ gì, thấy đều dâng lên cúng dường chư Phật, cũng dùng những vật chất đó cúng dường cho các vị hiền Thánh Tăng, đem căn lành công đức tu được, hồi hướng về quả vị Vô thượng chánh đẳng chánh giác.

Bồ Tát Địa thứ năm ở trong đạo tràng của mười phương chư Phật, lắng nghe Phật pháp đều hết sức cung kính, chuyên chú một lòng lắng nghe. Sau khi nghe rồi, nhất định thiết thực tôn chiếu tận tâm tận sức dụng công tu hành. Bồ Tát nghe Phật pháp rồi, đắc được rất nhiều lợi ích, liễu ngộ sinh tử, phát nguyện xuất gia. Sau khi xuất gia rồi, càng siêng nghe pháp. Mỗi khi có đạo tràng thuyết pháp, không màng gần xa, không từ hạnh khổ, nhất định đi nghe. Nhờ nghe mà đắc được Đà la ni, dịch là tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa. Trở thành một vị pháp sư hay nghe pháp, lại hay thọ trì. Khi Bồ Tát trụ tại Địa thứ năm, trải qua một trăm kiếp, một ngàn kiếp, thậm chí phải trải qua vô lượng trăm ngàn ức Na do tha đại kiếp, tu tập căn lành công đức, theo thời gian dần dần càng thuần tịnh, càng trong sáng.

Phật tử ! Ví như vàng thật, dùng xa cừ để đánh bóng thì càng sáng tịnh. Hết thấy

căn lành của Bồ Tát ở địa này cũng lại như vậy. Dùng phương tiện huệ suy gẫm quán sát, thì càng sáng tịnh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Nay tôi đưa ra một ví dụ : Giống như luyện vàng thật, dùng loại đá xa cừ để đánh bóng, thì càng đánh bóng càng sáng, ánh sáng càng trong suốt. Bồ Tát tại Địa thứ năm, Ngài tu tập căn lành càng nhiều, thì công phu tu hành của Ngài càng tiến bộ. Tu hành tiến bộ, thì căn lành tích tập cũng càng nhiều, dần dần tiến đi lên. Bồ Tát tu hành làm thế nào để tiến bộ ? Bồ Tát chứng được Nan thắng địa, Ngài dùng phương tiện trí huệ, để suy gẫm các pháp, quán sát pháp giới. Nếu như tinh tấn siêng tu thì trí huệ ngày càng sáng tỏ.

Phật tử ! Bồ Tát trụ tại Nan thắng địa này, dùng phương tiện trí thành tựu công đức, căn lành địa dưới không bằng được.

Phật tử ! Như mặt trời mặt trăng tinh tú cung điện quang minh, do sức gió gia trì, không thể trở hoại được, các gió khác cũng không thể khuynh động được. Hết thấy căn lành của Bồ Tát địa này cũng lại như vậy. Dùng phương tiện trí tùy theo sự quán sát, không thể trở hoại được, tất cả căn lành của bậc Thanh Văn, Độc Giác, thế gian

cũng không thể khuynh động được. Trong mười Ba la mật, Bồ Tát này thiên nhiều về thiên Ba la mật, còn các Ba la mật kia chỉ tùy sức tùy phần mà tu hành.

Các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát chúng được Địa thứ năm – Nan thắng địa, Ngài dùng phương tiện trí huệ, thành tựu rất nhiều công đức. Công đức đó, những Địa thứ nhất, thứ hai, thứ ba, thứ tư, của Bồ Tát ở trước không bằng được.

Các vị đệ tử của Phật ! Giống như mặt trời, mặt trăng, hết thủy tinh tú, và cung điện quang minh của chư thiên, hoàn toàn nhờ sức gió chi trì, mới không trở hoại, tuyệt đối không bị sức gió khác làm khuynh động. Căn lành của Bồ Tát Địa thứ năm, cũng giống như sức gió chi trì mặt trời, mặt trăng và tinh tú, chẳng có bất cứ sức lực nào có thể lay động được. Ngài dùng phương tiện trí huệ, tùy thuận cảnh giới, thủy đều quán sát, phân minh rõ ràng, cho nên chẳng có bất cứ cảnh giới nào có thể dụ hoặc, hoặc làm lay động được niềm tin của Ngài. Cũng chẳng phải tất cả Thanh văn thừa, Độc giác thừa, và sự việc thế tục có thể khuynh động được. Khi Bồ Tát Nan thắng địa tu mười Ba la mật, thì thiên nhiều về tu thiên Ba la mật, còn chín Ba la mật kia tùy sức lực, và duyên phần của mình mà tu hành.

Phật tử ! Đó là lược nói về Nan thắng địa thứ năm của đại Bồ Tát. Bồ Tát trụ địa này, phần nhiều làm Thiên Vương cõi trời Đâu Suất. Chỗ làm tự tại nơi các chúng

sinh, hàng phục được tất cả ngoại đạo tà kiến, hay khiến cho chúng sinh trụ trong thật đế. Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, làm tất cả các nghiệp như vậy, đều không là niệm Phật, không là niệm Pháp, không là niệm Tăng, cho đến không là niệm đầy đủ nhất thiết chủng trí, nhất thiết trí.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây chỉ là lược nói về cảnh giới thật tại của đại Bồ Tát Địa thứ năm tu hành. Khi Bồ Tát Địa thứ năm tu học, thì đa số làm Thiên Vương cõi trời Đâu Suất. Về việc giáo hoá chúng sinh, Ngài rất an nhiên tự tại, chẳng có chút khó khăn gì. Hết thấy ngoại đạo tà kiến, Ngài đều hàng phục được hết, khiến cho họ không bị ảnh hưởng, mà sống trong sự lý chân thật, dùng bốn pháp nhiếp - bồ thí, trì giới, lợi hành, đồng sự, sống cùng chung với chúng sinh. Tu tập nghiệp lành như vậy, lúc nào cũng đều không quên niệm công đức từ bi của Phật, không là khỏi niệm Pháp nghĩa thâm sâu vi diệu, không là khỏi niệm sức học khổ hạnh của hiền Thánh Tăng, và lúc nào cũng cảnh giác chính mình, phải viên mãn đầy đủ nhất thiết trí huệ tối thượng và trí huệ thù thắng nhất, tuyệt đối không tán loạn.

Lại nghĩ như vậy : Tôi phải ở trong chúng sinh làm thượng thủ, làm thắng, làm thù thắng. Làm diệu, làm vi diệu. Làm

thượng, làm vô thượng. Cho đến làm bậc y chỉ của trí nhất thiết trí.

Bồ Tát trụ Địa thứ năm, Ngài lại nghĩ như vậy : Tôi phải ở trong chín pháp giới chúng sinh, làm lãnh tụ của họ, làm tốt, làm lãnh tụ tốt nhất. Có năng lực không thể nghĩ bàn, có trí lực vô vi bất tri. Còn phải làm nhân cách toàn mỹ, làm bậc lãnh đạo phước huệ đầy đủ, tức là thành Phật. Cho đến làm y chỉ sư của bậc trí huệ cao minh, tức là đắc được Chánh đẳng chánh giác.

Nếu Bồ Tát này phát tâm siêng tinh tấn, trong khoảng một niệm đắc được ngàn ức tam muội, thấy được ngàn ức vị Phật, biết thần lực của ngàn ức vị Phật, có thể chấn động ngàn ức thế giới của Phật, cho đến thị hiện ngàn ức thân, mỗi mỗi thân thị hiện ngàn ức Bồ Tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực thù thắng của Bồ Tát, thì tự tại thị hiện, hơn số trên đây. Trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp, cũng không đếm biết được.

Vị Bồ Tát tại Nan thắng địa này, nếu Ngài phát nguyện siêng năng tinh tấn tu học, thì trong khoảng một niệm sẽ chứng được thật tướng lý thể, đắc được ngàn ức tam muội – chánh định chánh thọ, luôn luôn thấy được

ngàn ức vị Phật vì Ngài nói pháp, biết rõ sức thần thông của trăm ngàn ức vị Phật, đồng thời Ngài cũng có sức thần thông của ngàn ức vị Phật. Một khi Ngài dơ tay, hay bước chân, thì có thể khiến cho đại địa chấn động, không những chấn động một cõi Phật, mà cho đến ngàn ức thế giới của chư Phật, đều có sáu thứ chấn động. Ngài lại ở trong khoảng một niệm, hoá ra ngàn ức thân thị hiện ra đời, mỗi một hoá thân, lại có thể thị hiện ngàn ức Bồ Tát làm quyến thuộc của Ngài. Nếu như dùng nguyện lực đặc thù của Bồ Tát, thì an nhiên tự tại hiển hiện những thần thông đó, thị hiện ở trước chúng sinh, sẽ hơn số mục vừa nói ở trên. Nếu như trong trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp thời gian, cũng không thể nào đếm biết được có bao nhiêu.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng, muốn thuật lại nghĩa trên mà nói bài kệ rằng:

**Bồ Tát Tứ địa thanh tịnh rồi
Suy gẫm ba đời Phật bình đẳng
Giới tâm trừ nghi đạo phi đạo
Quán sát như vậy vào Ngũ địa.**

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng, muốn thuật lại đạo lý đã nói ở trước, khiến cho mọi người thấu rõ hơn, bèn dùng phương thức bài kệ để nói lại :

Bồ Tát tu hành công đức Địa thứ tư đã viên mãn rồi, đắc được lý thể thanh tịnh rồi. Bồ Tát thường tu pháp môn thiền định, vì thiền định có thể sinh ra trí huệ. Thiền na là

tiếng Phạn, dịch là tư duy tu. Bồ Tát chẳng có lúc nào mà không ở trong định dụng công, Ngài suy gẫm pháp của chư Phật ba đời nói; các pháp bình đẳng, chẳng có cao thấp.

Giới tâm : Người tu hành, thứ nhất là phải trì giới, trì giới thì phải: "Không làm các điều ác, làm hết thấy điều lành", chẳng màng việc ác lớn nhỏ đều không làm. Vì rằng : "Đừng cho việc thiện nhỏ mà không làm, đừng cho việc ác nhỏ mà làm", tích tụ tiểu ác thì sẽ thành đại ác, tích tụ tiểu thiện, thì sẽ thành đại thiện. Tục ngữ nói : "Núi Thái là do từng hạt bụi tích tụ mà thành". Hành giả phải có giới tâm thanh tịnh. Trừ nghi : Không làm ác, thì không sinh ra ác chướng. Không chướng thì chẳng có nghi hoặc. Tâm nghi đã dứt, thì tự nhiên sẽ phá được vô minh. Đạo phi đạo : "Phải đạo thì tiến, trái đạo thì lùi". Hợp với lý thì y theo pháp tu hành, không hợp lý thì cải ác hướng thiện. Người hay trì giới, thì nhất định mình bạch thể nào là hợp lý, thể nào không hợp lý. Thể nào là "đạo", thể nào là "phi đạo". Tóm lại, Người hay trì giới, thì họ chắc chắn phân biệt được đạo, phi đạo. Suy gẫm quán sát như vậy, thì sẽ tiến vào Địa thứ năm.

**Niệm xứ làm cung, căn làm tên
Chánh cần làm ngựa, thần túc: xe
Áo giáp năm lực phá oán địch
Dũng mãnh không lùi vào Ngũ Địa.**

Bốn niệm xứ giống như cây cung dương lên, năm căn năm lực giống như mũi tên nhọn. Bốn chánh cần giống như thiên lý mã, bốn như ý túc giống như chiếc xe báu. Năm lực giống như áo giáp kiên cố, phá được tất cả oán

địch. Bồ Tát siêng tu các pháp môn như vậy, dũng mãnh tinh tấn quyết định không thối lui, để vào Địa thứ năm.

Tâm quý làm y, giác phần: man
Tịnh giới làm hương, thiên: hương thoa
Trí huệ phương tiện diệu trang nghiêm
Vào rừng tổng trì vườn tam muội.

Phải luôn luôn biết tâm quý (hồ thẹn), giống như y phục bảo vệ thân. Bảy giác phần giống như hoa man trên đầu dùng để trang nghiêm. Trì giới thanh tịnh giống như đốt hương thơm - chân tâm đốt hương không dùng tay, chân tâm niệm Phật không dùng miệng, chỉ biết trang nghiêm giới định huệ, thì tự nhiên sẽ đi hướng về con đường bồ đề. Thiên định giống như hương thoa. Tất cả trí huệ, tất cả pháp môn phương tiện, là đồ cúng dường trang nghiêm tối thượng. Như vậy hướng về từng lâm "tổng tất cả pháp, trì vô lượng nghĩa", nhập vào trong vườn hoa lớn chánh định chánh thọ (tam muội).

Như ý làm chân, chánh niệm: cổ
Từ bi làm mắt, trí huệ: răng
Sư tử vô ngã trong loài người
Phá oán phiền não vào Ngũ Địa.

Bốn như ý túc giống như hai chân của con người, chánh niệm giống như cái cổ của con người, tâm từ bi làm con mắt, trí huệ làm răng. Con người viên mãn đầy đủ như vậy, mới có thể làm sư tử trong loài người. Lại thêm chẳng có tướng ta, thấy cái ta, tướng người, thì có thể làm sư tử

không sợ hãi, giáo hoá chúng sinh. Lúc đó, cũng tự nhiên phá trừ được oán tặc phiền não, tiến vào Địa thứ năm tu hành.

Bồ Tát trụ Địa thứ năm này Chuyển tu đạo thanh tịnh thù thắng Chí cầu Phật pháp không thối chuyển Tâm niệm từ bi không nhàm mỏi.

Khi Bồ Tát trụ tại Địa thứ năm này, triển chuyển tu tập các thứ pháp môn thù thắng, và cầu Phật đạo thanh tịnh vô thượng. Chí nguyện của Bồ Tát, chỉ một lòng siêng cầu Phật đạo, thề không thối chuyển. Không lúc nào quên niệm từ bi hỷ xả, dùng bốn tâm vô lượng này đối đãi chúng sinh, vĩnh viễn không nhàm lia chúng sinh, cũng không sinh tâm mỏi nhàm.

Tích tập phước trí thắng công đức Tinh cần phương tiện quán địa trên Phật lực gia trì đủ niệm huệ Biết rõ bốn đế đều như thật.

Đức Phật ba A tăng kỳ tu phước huệ, trăm kiếp trông tướng tốt, tích tụ căn lành, cho nên thành tựu đấng Lương Túc phước huệ đầy đủ, làm bậc chí tôn chí thượng của thế gian và xuất thế gian. Phước huệ đầy đủ tức là công đức thù thắng. Bồ Tát Địa thứ năm tuy đã tích tập vô lượng công đức thù thắng, nhưng vẫn tiếp tục nỗ lực, dùng phương tiện trí huệ để quán sát, nghiên cứu tướng trạng tu hành của Địa thứ sáu. Chỉ nương vào sức nỗ lực của chính

mình vẫn không đủ, phải vào Địa thứ sáu, phải đắc được tam muội của Phật gia trì, thì mới đầy đủ chánh niệm chánh huệ. Có chánh niệm chánh huệ rồi, mới có thể minh bạch triệt đề đạo lý chân thật : khổ tập diệt đạo, mới thành thật tu tập pháp môn bốn đế.

Khéo biết thế đế thắng nghĩa đế Tương đế khác biệt thành lập đế Sự đế sinh tận và đạo đế Cho đến Như Lai vô ngại đế.

Bồ Tát không những biết pháp bốn đế của thế gian, mà Ngài cũng biết tất cả sự lý của thế gian. Như đạo lý có tướng, phân biệt tất cả đạo lý sự vật, đạo lý thế gian thành lập như thế nào, đạo lý sự việc thế gian sinh và diệt như thế nào, tại sao phải tu hành ? Đạo lý làm thế nào để tu hành, đạo lý thấu rõ chư Phật chứng được đại trí huệ vô ngại, chẳng có sự việc gì mà Bồ Tát không biết rõ ràng.

Quán đế tuy vi diệu như vậy Chưa được vô ngại thắng giải thoát Nhờ đây hay sinh đại công đức Cho nên vượt qua trí thế gian.

Bồ Tát quán sát những đạo lý thế gian, xuất thế gian như ở trên như vậy, tuy đã biết vi diệu rồi, nhưng vẫn chưa đắc được giải thoát vô ngại thù thắng. Giải thoát vô ngại thù thắng, hay sinh ra công đức lớn nhất tốt nhất, hay thành tựu vượt qua thế trí biện thông của thế gian, vượt qua trí huệ của một số người.

**Bèn quán để rồi biết hữu vi
Thể tánh hư nguy không thật bèn
Được phần từ mẫn quang của Phật
Vì lợi chúng sinh cầu Phật trí.**

Bồ Tát quán sát pháp thể gian rồi, biết pháp thể gian đều là pháp hữu vi, không thanh tịnh. Thể tánh của pháp hữu vi đều là hư giả, không thể trường cửu, lại không chân thật. Nếu đắc được từ bi mẫn niệm, quang minh trí huệ của Phật gia bị, thì mới có thể lợi ích chúng sinh. Nhờ đó mà Bồ Tát siêng cầu Phật trí, tức là vì cứu khắp chúng sinh.

**Quán các hữu vi trước và sau
Vô minh đen tối ái ràng buộc
Lưu chuyển xoay vòng trong sự khổ
Không ta không người không thọ mạng.**

Bồ Tát Quán sát tất cả pháp hữu vi, như mộng huyễn bọt bóng, như sương cũng như điện. Giác ngộ như vậy rồi, biết tiền tế diệt rồi, hậu tế lại sinh, đây tức là hiện tượng pháp hữu vi không rốt ráo, không chân thật. Vô minh : tức là không minh bạch, gì cũng không biết, chẳng có trí huệ. Đen tối đồng ý nghĩa với vô minh. Ái : tức là từ vô minh đen tối sinh ra. Phiền não thống khổ của người thế gian, đều do ái mà ra, bị ái ràng buộc, giống như con tằm làm kén tự ràng buộc mình, đến chết cũng không ngộ. Vô minh đen tối của ái, ràng buộc con người lưu chuyển sinh tử trong sáu nẻo, không thoát khỏi sự khổ não. Nếu giác ngộ tri kiến không có cái ta, tri kiến không có người, tri kiến

không có chúng sinh, và tri kiến không có thọ mạng, như vậy sẽ thoát khỏi sự ràng buộc của ái, đắc được giải thoát chân thật.

**Ái thủ là nhân thọ khổ sau
Muôn tìm bờ mé không thể được
Mê vọng trôi chìm không kỳ về
Bọn này đáng thương tôi phải độ.**

Mười hai nhân duyên là "vô minh" làm đầu, sau có "hành". "Hành" là hành vi hai tánh "ái". Do hành vi "ái", mà sinh ra "thức". Có thức rồi, tự nhiên sinh ra danh sắc. Danh sắc tức là thai nhi. Thai thành rồi thì sinh ra lục nhập - mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Có lục nhập thì có xúc trần. Do cảm ứng của xúc trần tức là lãnh thọ. Do lãnh thọ mà cần có ái, cần tức là dục vọng thủ lấy, cho nên nói "Ái thủ là nhân", mà thọ khổ đời sau. Thủ lấy thì sinh ra hữu, từ vô minh đến ái thủ, do đó sinh sinh tử tử, mê hoặc vọng tưởng càng dài càng nhiều, trôi chìm trong biển sinh tử, vĩnh viễn không thời kỳ quay trở về. Những chúng sinh đáng thương xót này, tôi phải đi độ họ !

**Uẩn: nhà, rấn: cũi, mũi tên: chấp
Lửa tâm cháy mạnh si ám nặng
Sông ái trôi chuyển không rảnh xem
Biển khổ dạt dờ không người dắt.**

Năm uẩn tức là sắc thọ tưởng hành thức. Sáu căn sáu trần là mười hai xứ, thêm sáu thức gọi là mười tám giới, những thứ này đều giống như rấn độc. Sáu mươi hai thứ

kiến hoặc, giống như mũi tên độc. Lửa dục trong tâm thiêu đốt cháy hừng hực. Ngu si một đời so với một đời ngày càng nặng, những chúng sinh trôi nổi trong biển ái, lưu chuyển trong sinh tử, chẳng có thời giờ quán sát suy gẫm kỹ càng, sớm bị chết chìm ở trong biển khổ, cũng chẳng có bậc thiện tri thức đến dẫn dắt họ.

**Biết như vậy rồi siêng tinh tấn
Chỗ làm đều vì độ chúng sinh
Gọi là bậc có niệm có trí
Cho đến bậc giác hiểu phương tiện.**

Bồ Tát Ngài biết sự thật những thống khổ ở trên, cho nên phải siêng năng tinh tấn. Động cơ khuyến khích Ngài tu hành như vậy, là vì muốn độ những chúng sinh thọ khổ đó. Đây là bậc hành giả có chánh niệm, có trí huệ chân thật, lại là Bồ Tát đã giác ngộ, có lý giải có phương tiện trí huệ.

**Tu hạnh phước trí không nhàm đủ
Cung kính đa văn không mệt mỏi
Cõi nước tương tốt đều trang nghiêm
Tất cả như vậy vì chúng sinh.**

Bồ Tát tu phước tu huệ, chưa từng sinh tâm tự mãn, càng không có lúc nào cảm giác nhàm mỏi. Ngài cung kính mười phương chư Phật, thường ở tại đạo tràng nghe pháp, cũng chẳng sinh tâm mệt mỏi. Đem những công đức đó, để trang nghiêm cõi nước và ba mươi hai tướng tốt, tám mươi vẻ đẹp. Tu hành như vậy đều vì cứu độ tất cả chúng sinh.

**Vì muốn giáo hoá các thế gian
Giỏi biết thư số ẩn các pháp
Cũng lại hiểu biết các phương thuốc
Chữa trị các bệnh khiến lành hẳn.**

Vì muốn giáo hoá các chúng sinh thế gian, Bồ Tát tinh thông văn tự Bát nhã, biên chép, toán số, ẩn tỉ, những kỹ thuật thường thức này, Ngài đều thâm nhập nghiên cứu qua. Ngài cũng hiểu các thứ thuốc, biết các chứng bệnh và chữa trị cho chúng sinh, thuốc đến bệnh lành, linh nghiệm khởi tử hồi sinh.

**Văn tự ca múa đều khéo giỏi
Nhà cửa vườn hồ đều an ổn
Bảo tàng phát hiện chỉ cho người
Vì lợi ích vô lượng chúng sinh.**

Bồ Tát thông đạt tất cả việc thế gian, về phương diện văn tự cũng rất thành tựu. Văn chương tả rất hay, thơ từ ca múa cũng xuất chúng, biểu hiện cảnh giới không thể nghĩ bàn. Cũng việc như vậy, mà phàm phu làm, thường khiến cho con người trầm mê đoạ lạc, nhưng Bồ Tát làm, ngược lại hay khiến cho chúng sinh sinh tâm giác ngộ, đây tức gọi là "đều khéo giỏi". Nhà cửa, vườn hoa, ao hồ thủy, có sự quan hệ về thiết kế, kiến trúc, bố trí, khiến cho kỹ thuật tài năng trang nghiêm đẹp đẽ, đều được bình an yên ổn. Năm thứ ngũ kim và đá quý cùng với những khoáng mỏ ở dưới đất, Bồ Tát đều biết được ở chỗ nào, đều chỉ bày cho người khác đi khai thác. Những gì Bồ Tát nói, Bồ Tát làm, đều là

chân thật. Ngài làm như vậy, hoàn toàn vì hết thấy chúng sinh, mọi người đều đắc được lợi ích.

**Nhật nguyệt tinh tú đất chấn động
Cho đến thân tướng cũng quán sát
Tứ thiên vô sắc và thân thông
Vì lợi thế gian đều hiển bày.**

Bồ Tát chẳng những tu được văn tự Bát Nhã, mà đối với thiên văn, địa lý, Ngài cũng đều thấu biết hết, như nhật thực nguyệt thực, tinh tú thay đổi, những đạo lý áo diệu đó, Ngài đều nghiên cứu thâm nhập. Đối với thân thể tướng trạng của con người, Ngài cũng giỏi quán sát. Về phương diện tu đạo, cảnh giới tứ thiên, tình huống tứ vô sắc định, và sáu thứ thân thông, Bồ Tát chân tu thật học, điều dụng ứng tâm. Vì lợi ích hết thấy chúng sinh thế gian, cho nên Ngài phải hiển bày.

**Bậc trí trụ Nan Thắng Địa này
Cúng Na do Phật cũng nghe pháp
Như dùng báu đẹp dĩa vàng thật
Hết thấy căn lành dần sáng tịnh.**

Bồ Tát địa thứ năm, khi trụ tại Nan Thắng Địa, Ngài cúng dường vô lượng chư Phật, cũng ở trong đạo tràng của mười phương chư Phật, thường đi nghe pháp. Tinh thần Bồ Tát siêng tu học như vậy, ví như dùng báu đẹp để mài dũa vàng thật, càng mài thì càng sáng. Bồ Tát tu hành càng tinh tấn, thì căn lành cũng càng tinh thuần, ánh sáng trí huệ càng sáng tịnh.

**Ví như tinh tú trong hư không
Sức gió nhiếp trì không tổn động
Cũng như hoa sen không dính nước
Đại sĩ tu nơi đời như vậy.**

Ví như tinh tú ở trong hư không, chịu sức gió nhiếp trì với nhau, mới không bị di động, hay bị tổn hại rơi xuống. Lại giống như hoa sen báu lớn, tuy sinh ra ở trong bùn ô nhiễm, mà không nhiễm bùn. Tuy lớn lên ở trong nước, cũng không dính nước. Bồ Tát phải có chí khí kiên cố như vậy, mới có thể hành Bồ Tát đạo độ chúng sinh trong thế gian.

**Trụ đây thường làm vua Đâu Suất
Hàng phục dị đạo các tà kiến
Tu các việc lành vì Phật trí
Nguyện được mười lực cứu chúng sinh.**

Bồ Tát tu chứng được Địa thứ năm, phần nhiều làm Thiên Vương cõi trời Đâu Suất, vì Ngài có chánh kiến, hiểu rõ chân lý, cho nên hàng phục được tất cả nghị luận tà ma ngoại đạo, phá tan nhiều tà tri tà kiến. Ngài tu tập căn lành công đức, đều vì cầu được đại trí huệ giống như đức Phật, hy vọng đắc được mười lực giống như Phật, dùng để cứu độ tất cả chúng sinh.

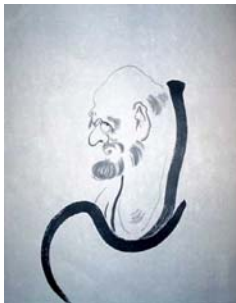
**Bồ Tát lại tu đại tinh tấn
Tức thời cúng dường ngàn ức Phật**

Được định động cõi cũng như thế Nguyện lực mà làm lại hơn trên.

Bồ Tát tu hành càng dũng mãnh tinh tấn, ở trong một niệm có thể cúng dường ngàn ức các vị Phật, có thể đắc được ngàn ức tam muội, có thể chấn động ngàn ức cõi Phật. Cũng như vậy, trong khoảng một niệm có thể làm được, nếu dùng nguyện lực thù thắng thuở xưa của Ngài, thì sẽ vượt qua số trên

Nan Thắng Địa thứ năm như vậy Đạo chân thật tối thượng trong người Tôi dùng đủ thứ sức phương tiện Vì các Phật tử diễn nói xong.

Tất cả cảnh giới chân thật của Nan Thắng Địa thứ năm như đã nói ở trên, đều là đạo lý chân thật nhất, cao thượng hơn hết trong loài người. Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Tôi dùng đủ thứ sức phương tiện lời lẽ, vì các đệ tử của Phật đã nói xong rồi.



KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYỂN BA MƯƠI BẢY

**PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU
THỨ SÁU HIỆN TIỀN ĐỊA**

**Bồ Tát đã nghe những thắng hạnh
Tâm đều hoan hỷ mưa diệu hoa
Phóng tịnh quang minh rải châu báu
Cúng dường Như Lai khen khéo nói.**

Các vị đệ tử của Phật sau khi nghe Bồ Tát Kim Cang Tạng nói xong hạnh môn thù thắng Địa thứ năm rồi, đều sinh tâm đại hoan hỷ, vọt lên hư không rải xuống hoa quý đẹp như mưa. Lại phóng ra quang minh thanh tịnh, rải xuống vô lượng châu báu, để cúng dường mười phương chư Phật và đức Phật Thích Ca. Và còn tán thán khen ngợi nói : "Pháp bảo chư Phật nói ra, đều là vi diệu vô thượng".

**Trăm ngàn Thiên chúng đều vui mừng
Cùng trong hư không rải các báu
Tràng hoa anh lạc và tràng phan
Lọng báu hương thoa đều cúng Phật.**

Nhiều trăm ngàn Thiên nhân đều vui mừng nhảy múa, cùng nhau ở trong hư không rải xuống vô số châu

báu, đủ thứ tràng hoa, anh lạc, tràng phan, còn có đủ thứ lọng báu, hương thoa danh quý, đều dùng để cúng dường chư Phật.

**Tự Tại Thiên Vương cùng quyến thuộc
Tâm sinh hoan hỷ trụ hư không
Rải báu thành mây để cúng dường
Khen nói Phật tử khéo diễn nói.**

Đại Tự Tại Thiên Vương cùng với quyến thuộc rất hoan hỷ, cùng nhau ở trong hư không, rải xuống vô lượng châu báu, hình thành giống như vàng mây, dùng để cúng dường đức Phật. Đồng thời đều lớn tiếng khen ngợi, thỉnh cầu Bồ Tát Kim Cang Tạng nói : "Đại đệ tử của Phật ! Xin Ngài hãy mau tiếp tục nói" !

**Vô lượng thiên nữ trụ trong không
Đều dùng âm nhạc ca khen Phật
Trong tiếng hát đều nói như vậy
Lời Phật hay trừ bệnh phiền não.**

Vô số Thiên nữ đều ở trong hư không, cùng nhau tấu lên nhạc trời rất hay, ca xướng tán thán khen ngợi công đức của Phật. Ý nghĩa ca xướng đều nói như vậy : "Lời dạy của đức Phật, lời lẽ nhu hoà, nghe rồi có thể khiến cho tiêu trừ tám vạn bốn ngàn phiền não và bệnh tật, mà đặc được mát mẻ".

**Pháp tánh vốn lặng không hình tướng
Giống như hư không chẳng phân biệt**

Vượt các chấp lấy bậc lời lẽ Chân thật bình đẳng thường thanh tịnh.

"Các pháp không tự sinh, cũng chẳng từ tha sinh, chẳng cùng chẳng không sinh, cho nên nói không sinh". (chư pháp bất tự sanh, diệc bất tùng tha sanh, bất cộng bất vô sanh, thị cố thuyết vô sanh). Bản tánh của pháp là vắng lặng bất động. Dụng của pháp là "cảm mà toại thông", nó không hình không tướng, cho nên phải "quét tất cả pháp, lia tất cả tướng". Có phân biệt thì không thể gọi là hư không. Người học Phật phải giống như hư không, tức không chấp vào "pháp", càng không chấp vào thấy "ta, người". Bản thể của pháp là "Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt", lia văn tự lời nói, là chân thật, bình đẳng, cũng là thanh tịnh, vắng lặng.

Nếu hay thông đạt các pháp tánh Nơi có nơi không tâm chẳng động Vì muốn cứu đời siêng tu hành Từ miệng Phật sanh chân Phật tử.

Nếu như bạn hay đối với tất cả sự tướng đều không chấp trước, tức là thông đạt bản tánh của các pháp. Tâm ý của bạn đều không bị pháp hữu vi, hoặc pháp vô vi làm giao động. Bồ Tát vì cứu độ người đời, cho nên nỗ lực siêng tu Phật đạo. Như vậy mới từ trong miệng Phật sinh ra, từ pháp hoá sinh ra chân chánh đệ tử Phật.

Không thủ các tướng mà bố thí Vốn dứt các ác kiên trì giới

Hiểu pháp không hại thường kham nhẫn Biết pháp tánh là đủ tinh tấn.

"Không thủ các tướng", tức là đối với chúng sinh chẳng có thành kiến tốt, xấu, thiện, ác. Khi hành bố thí, thì trong tâm chẳng có bất cứ mục đích gì, vốn đều là tam luân thể không, dùng tâm đại từ bình đẳng hành bố thí. Tam luân thể không là:

1. Không người thí.
2. Không người nhận.
3. Không vật bố thí.

Tam luân đều không, mới thật là bố thí. Con người khi mới sinh ra, vốn đều là thiện lương, chỉ vì sau này tùy theo hoàn cảnh mà thay đổi, làm thiện tạo ác, làm cho hồ đồ. Nếu như theo thiện như dòng nước, biết lỗi liền sửa, kiên trì giới hạnh, thì sẽ không tạo ra các điều ác. Bản thân của pháp chẳng có thiện ác, pháp cũng chẳng phải ràng buộc người. Người thấu rõ pháp, tức là người thấu rõ lý, nhất định họ sẽ khiêm hư hoà mục, không tranh với người. Biết pháp tánh và pháp dụng, lìa khỏi tất cả chấp trước, tức là đủ điều kiện tinh tấn.

Đã hết phiền não vào các thiên Khéo đạt tánh không phân biệt pháp Đầy đủ trí lực hay rộng cứu Diệt trừ các ác xung Đại Sĩ.

Đã dứt sạch tất cả phiền não, tiến vào cảnh giới tứ thiên, đắc được pháp hỷ giải thoát. Cũng thấu rõ pháp tánh vốn không, cũng không phân biệt. Đầy đủ tất cả trí lực, hay

rộng độ hết thầy chúng sinh. Diệt trừ hết tất cả niệm ác, như vậy tức là trở thành một vị Đại Bồ Tát.

**Diệu âm như vậy ngàn vạn thứ
Khen rồi yên lặng chiêm ngưỡng Phật
Giải Thoát Nguyệt nói Kim Cang Tạng
Dùng hạnh tướng nào vào địa sau ?**

Âm thanh vi diệu như vậy có ngàn vạn thứ. Các Bồ Tát và Thiên chúng khen ngợi đức Phật rồi, mọi người đều yên lặng tỏ ra niềm hân hoan chiêm ngưỡng đức Phật. Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt lại nói với Bồ Tát Kim Cang Tạng : "Dùng pháp môn gì tu hành ? Có tướng trạng thế nào ? Mới có thể tiến vào Địa thứ sáu ?"

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng nói với Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng : Phật tử ! Đại Bồ Tát đã đầy đủ Địa thứ năm, muốn vào Hiện Tiền Địa thứ sáu, phải quán sát mười pháp bình đẳng.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng nói với Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng : "Các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, đã tu hành viên mãn pháp môn thứ năm Nan Thắng Địa, hy vọng tiếp tục tiến vào - Hiện Tiền Địa thứ sáu. Phải quán sát mười thứ pháp môn bình đẳng. Tu mười pháp môn bình đẳng này, tuần tự tiến dần, sau đó mới có thể tiến vào Địa thứ sáu được".

Những gì là mười ? Đó là : Tất cả pháp không tướng nên bình đẳng. Không thể nên bình đẳng. Không sanh nên bình đẳng. Không thành nên bình đẳng. Bỏ lai thanh tịnh nên bình đẳng. Không hí luận nên bình đẳng. Không lấy bỏ nên bình đẳng. Vắng lặng nên bình đẳng. Như huyễn, như mộng, như bóng, như vang, như trăng dưới nước, như hình trong gương, như diệm, như hoá, nên bình đẳng. Có, không chẳng hai nên bình đẳng.

Phải quán sát mười thứ pháp môn bình đẳng như thế nào ? Tức là :

1. Tất cả pháp vốn chẳng có tướng trạng của nó, vì chẳng có tướng trạng, cho nên "Pháp thì bình đẳng, chẳng có cao thấp".

2. Pháp không tự tướng, cũng không tự thể. Trên mỗi thân chúng sinh đều có pháp, nhưng vì không có tự thể, cho nên nhìn không ra.

3. Pháp chẳng có sinh, cũng chẳng có diệt, vì không sinh không diệt, cho nên bình đẳng.

4. Pháp chẳng có thành, cũng chẳng có hoại, vì chẳng thành chẳng hoại, cho nên bình đẳng.

5. Pháp vốn thanh tịnh, cũng chẳng có gì có thể nhiễm ô nó. Vì thanh tịnh không dơ, cho nên bình đẳng.

6. Pháp đều là chân thật, không thể hí luận, cho nên bình đẳng.

7. Pháp không thể thủ lấy được, cũng không thể bỏ được, vì không lấy không bỏ, cho nên bình đẳng.

8. "Các pháp tùng bản lai, thường tự tịch diệt tánh". Nó vốn tịch diệt, không bị ngoại cảnh biến động, cho nên là bình đẳng.

9. Pháp là hư huyền không thật. Pháp giống như nằm mộng, pháp giống như hình bóng – nói nó có chăng? Nó chẳng có thật thể. Nói nó chẳng có chăng? Nó lại có hình bóng. Pháp giống như tiếng vang, chỉ có thể nghe được âm thanh, nhưng nhìn không thấy hình tướng, muốn cầm lên nhìn xem cũng không thể được. Pháp lại giống như mặt trăng trong nước, nhìn tựa như có, muốn lấy lại lấy không được. Pháp giống như hình bóng trong gương, giống như ngọn lửa. Pháp giống như biến hoá, tựa như không lại hoá ra có, tựa như có lại hoá ra không, chẳng có nhất định, cho nên bình đẳng.

10. Có tức là có, có mà chẳng có. Không tức là không, không mà chẳng không. Tức có tức không, tức không tức có. Có không chẳng hai, cho nên cũng là bình đẳng.

Bồ Tát quán tất cả pháp như vậy, tự tánh thanh tịnh, tùy thuận không trái. Được nhập vào Địa thứ sáu Hiện Tiền địa. Đắc được tùy thuận nhãn minh lợi, chưa đắc được vô sinh pháp nhãn.

Bồ Tát nghiên cứu tất cả pháp, quán sát tất cả pháp, hiểu rõ tất cả pháp, thông đạt tất cả pháp như vậy, biết tự tánh thanh tịnh. Tùy thuận theo pháp, không trái với đạo lý của pháp. Chiếu theo đó mà tu hành, từng chút từng chút sẽ nhập vào Địa thứ sáu - Hiện Tiền địa. Đắc được trí huệ thông minh vô thượng như vậy. Tùy thuận theo chân lý, kiểm trí huệ vốn minh lợi, nhìn thấu tất cả sự việc, bình tâm tĩnh khí hoà bình xử lý, đối với mọi người nhẫn nhịn nhu hoà. Tuy nhiên được như vậy, nhưng vẫn chưa đắc được vô sanh pháp nhẫn chân chánh.

Phật tử ! Bồ Tát này quán như vậy rồi, lại dùng đại bi làm đầu, đại bi tăng thượng, đại bi đầy đủ. Quán thế gian sanh diệt, mà nghĩ như vậy : Thế gian thọ sanh, đều do chấp cái ta, nếu lìa chấp trước này, thì không có chỗ sinh.

Lại nghĩ như vậy : Phạm phu không có trí huệ, chấp trước vào cái ta, thường cầu có, không, suy nghĩ bất chánh, khởi hạnh hư vọng, hành tà đạo, tạo tội, làm phước, làm bất động, tích tập tăng trưởng.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị Bồ Tát này đang tu học Địa thứ sáu, Ngài quán sát mười pháp bình đẳng như đã nói ở trước rồi, biết được hành Bồ Tát đạo phải dùng tâm đại bi làm đầu, phải dùng tâm đại bi làm tăng thượng, phải dùng tâm đại bi để

viên mãn hết thấy hạnh Bồ Tát. Ngài quán sát tất cả hiện tượng sinh diệt của thế gian, lại nghĩ như vậy : Tất cả sinh vật trên thế gian (bao quát con người trong đó) tại sao lại có sinh có diệt ? Tại sao không thể nào chấm dứt sinh tử ? Đó đều do chấp trước vào chữ "Ta". "Tướng ta" nhìn không thấu, thì "thấy cái ta" không thể trừ được, "chấp cái ta" không thể nào lìa được, cho nên sinh tử không thể dứt được. Nếu như lìa khỏi được tướng ta, chấp cái ta, thì sinh tử sẽ dứt được. Bồ Tát lại nghĩ như vậy : "Vì phàm phu chẳng có trí huệ, điên đảo ngu si, cho nên chấp vào cái ta. Do chấp trước mà sinh ra công cao ngã mạn, luôn luôn dùng công phu trên pháp hữu vi, pháp vô vi, không sinh tư tưởng chánh đáng. Dùng vô minh làm nhân, cứ sinh ra tà tri tà kiến, làm những việc ác hư vọng, ba nghiệp chẳng thanh tịnh. Bàng môn tả đạo, thân đầy tội ác. Nhưng có lúc lại làm chút căn lành công đức. Do đó mà tội nghiệp thiện nghiệp xen tạp không rõ ràng, chẳng có định kiến. Như đây tạo nghiệp quá nhiều, không dễ thay đổi, thì trong nghiệp lực không thể chuyển động được. Làm tội ngày càng chồng chất, tăng trưởng không ngừng, một khi nghiệp nhân chín mùi, thì sẽ theo nghiệp thọ báo.

Ở trong các hạnh, trồng hạt giống tâm, hữu lậu có thủ lấy. Lại khởi cõi sau, sanh và lão tử. Do đó gọi nghiệp là ruộng, thức là hạt giống, vô minh đen tối che đậy, nước ái thấm nhuần, ngã mạn tưới nước, lưới chấp kiến tăng trưởng, sinh mầm danh sắc. Danh sắc tăng trưởng sinh ra

năm căn. Các căn tương đối sinh xúc, xúc đối sinh ra thọ, thọ rồi mong cầu sinh ra ái. Ái tăng trưởng sinh ra thủ, thủ tăng trưởng sinh ra hữu, hữu sinh rồi thì ở trong các cõi khởi thân năm uẩn gọi là sinh. Sinh rồi, suy biến là già, cuối cùng là chết. Khi già chết thì sinh các nhiệt nã. Vì nhiệt nã nên ưu sầu bi ai các khổ đều tụ tập.

Ở trong các nghiệp hạnh tất cả thiện ác hỗn hợp, thì ở trong ruộng tâm thức trồng xuống hạt giống sinh tử lưu chuyển. "Hạt giống" này là "nhân" của hữu lậu; có "nhân" này rồi, thì sinh ra "chấp thủ". Có "chấp thủ", thì sẽ sinh ra "cõi sau", bèn có "đời sau". Do "đời sau" nên có "già chết". Tạo nghiệp cũng giống như một thửa ruộng. Nhân thiện ác thu ở trong ruộng bát thức, tức là hạt giống. Vô minh che lấp hạt giống nghiệp ruộng. "Ái" giống như nước phân, thấm nhuần từ từ những hạt giống chấp thủ, hữu, sinh, già, chết. Dùng "ngã mạn" để tưới bón nghiệp ruộng, thức giống. Tà kiến như tấm lưới, che đậy những hạt giống nghiệp, khiến cho nó ngày càng tăng trưởng, bèn sinh ra mầm "danh sắc" – bào thai. Mầm danh sắc dần dần lớn lên, thì sinh ra "năm căn" - mắt, tai, mũi, lưỡi, thân. "Sinh căn" và "tánh căn" này tương đối, bèn sinh ra "xúc giác". Phản ứng của xúc giác là "lãnh thọ". Có cảm thọ rồi, bèn sinh ra tâm tham mong cầu – đây tức là biểu hiện của "ái". "Ái dục" một khi tăng trưởng, thì sinh ra ý niệm "thủ" lấy.

"Thủ" tăng cường, thì hình thành chiếm hữu dục; phạm những gì thấy được, một khi hoan hỷ thì muốn chiếm làm sở "hữu" của mình. Khi "hữu" thành thực, thì thành công đầy đủ thân "năm uẩn" ở trong sáu nẻo luân hồi, đó tức là "sinh". Sau khi "sinh" rồi, thì chẳng bao lâu sẽ biến thành "suy già". Cuối cùng, quy về cái chết. Khi lúc già chết, trăm cảm giao tập, người xả bỏ không được ái; thương tiếc đồ vật, giống như mang đi không được. Ngàn vạn phiền não, ràng buộc tâm. Do những phiền não đó, khiến cho con người khi lâm chung thì tâm lo lắng, buồn khổ, bi ai .v.v... nhiều thứ nói không hết được, đều tụ tập lại với nhau.

Đó là do nhân duyên nên tập hợp, chứ chẳng có kẻ tập, nhậm vận mà diệt, cũng chẳng có kẻ diệt. Bồ Tát tùy thuận quán sát tướng duyên khởi như vậy.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại nghĩ như vậy : Nơi đệ nhất nghĩa đế không thấu hiểu, nên gọi là vô minh. Làm những nghiệp quả là hành. Hành y chỉ vào sơ tâm là thức. Thức cùng sinh với bốn thủ uẩn là danh sắc. Danh sắc tăng trưởng là sáu xứ. Căn cảnh thức ba việc hoà hợp là xúc. Xúc cộng với sinh có thọ. Nơi thọ nhiễm trước là ái. Ái tăng trưởng là thủ. Thủ khởi lên nghiệp hữu lậu là hữu. Từ nghiệp khởi uẩn

là sinh. Uẩn chín mùi là già. Uẩn hoại là chết. Khi chết ly biệt, ngu mê tham ái, lòng phiền muộn là sầu. Khóc rơi lệ than thở là thán. Tại năm căn là khổ. Tại ý tưởng là ưu. Ưu khổ chuyển nhiều thành não.

Như vậy chỉ có cây khổ tăng trưởng. Không ta, không của ta, không kẻ làm, không kẻ thọ. Lại nghĩ như vậy : Nếu có kẻ làm, thì có làm việc. Nếu không kẻ làm, cũng không làm việc. Trong đệ nhất nghĩa đế đều bất khả đắc.

Do "nhiệt não ưu bi" đủ thứ nhân duyên, nên đã trông xuống "đời sau". Tuy nhiên nói các khổ tích tập, nhưng không có một thật thể nào khiến cho nó tích tập, chỉ là hư vọng mà sinh, hư vọng mà diệt. Vì hư vọng mới khiến cho con người sinh ra chấp trước. Cho nên nói : "Chẳng có một người nào tích tập, nó tự nhiên nhậm vận mà sinh ra, nhậm vận mà diệt đi. Tức chẳng có năng diệt, cũng chẳng có sở diệt. Chẳng có năng sinh, cũng chẳng có sở sinh. Bồ Tát tư duy quán sát như vậy, dùng trí huệ nghiên cứu những vấn đề này, tùy thuận cảnh giới quán sát tướng trạng của duyên khởi. Có thể kết luận rằng: Tất cả là hư vọng không thật, duyên khởi không tánh. Do đó:

"Nhân duyên sinh ra pháp
Ta nói tức là không
Cũng gọi là tên giả

Cũng gọi nghĩa trung đạo".

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu hành Bồ Tát đạo, tích tập đủ thứ căn lành, Ngài lại suy gẫm như vậy : Phạm phu vì không minh bạch đệ nhất nghĩa đế - Pháp bốn đế, cho nên gọi là "vô minh". "Vô minh" tạo nghiệp, thọ quả báo, tức là "hành". "Hành" là y chỉ tâm niệm lúc ban đầu, đây tức là "thức". Với thức đồng sinh ra bốn thủ uẩn - 1. Vô minh. 2. Hành. 3. Thức. 4. Danh sắc, tức gọi là "danh sắc". Bốn thứ này đồng thời sinh ra. "Danh sắc" lớn dần, bèn có lục nhập - mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Căn : Sáu căn còn gọi là lục xứ, còn gọi là lục nhập. Cảnh : Sáu trần, tức là tất cả sự tướng. Thức : Sáu thức, tâm phân biệt khởi lên đối với sự tướng. Ba dạng này hợp lại phát sinh ra một thứ tác dụng, tức là "xúc". Tự xúc xúc tha, xúc giác tương sinh, thì phát sinh ra "thọ", là một sự cảm ứng tốt, xấu, tức là "thọ". Trong sự lãnh thọ, tâm sinh nhiễm ô và chấp trước, tức là một số người xem nặng "ái" của sinh mạng thứ hai. "Ái" đến cực điểm, thì sinh ra tâm "thủ", phải thủ lấy làm của riêng mình. Do đây mà sinh ra tâm chiếm lấy làm của riêng, bèn sinh ra "hữu". "Hữu" tức là nghiệp hữu lậu. Từ trong nghiệp hữu lậu sinh ra "sắc" uẩn, tức là "sinh", bèn có đời sau. Năm uẩn - sắc, thọ, tưởng, hành, thức, chín mùi ròi, tức là "già". Đến khi năm uẩn tan hoại, bốn đại - đất, nước, gió, lửa, đều phân tán, thì đến thời kỳ chết. Người ngu si hồ đồ, đến giờ phút cuối cùng vẫn tham luyến thân xác, mọi thứ xả bỏ không được, buông bỏ chẳng đặng. Vì tham luyến, nên trong tâm sinh ra phiền muộn, đây tức là "sầu". Khóc lóc chảy nước mắt, kêu la không ngừng gọi là "thán". Nói về năm căn thì cảm giác rất là thống khổ, nói

về tâm ý thì ưu bi khổ não vô hạn. Tình huống thảm thiết này, càng ngày càng thêm nhiều, đây tức là phiền não bi khổ. Tình hình này giống như một cây khổ, phía trước kết đầy quả khổ, ngày ngày tăng trưởng. Trong những quả khổ này, chẳng có phần nào là ta, cũng chẳng có phần nào là của ta. Chẳng có một người nào làm những chuyện này, cũng chẳng có một người nào thọ những chuyện này. Tất cả những gì hiện ra, đều là hư vọng không thật.

Bồ Tát lại suy gẫm như vậy : Giả như có người làm những chuyện này, thì phải có những sự tướng làm hiện ra ; nhưng chỉ có khổ, lại chẳng có sự thật để chứng minh. Giả sử chẳng có người làm việc, thì đương nhiên chẳng có sự thật để biểu hiện. Đây gọi là khổ, ở trong đạo lý đệ nhất nghĩa đế đều là không, hư vọng.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này lại nghĩ như vậy : Hết thấy ba cõi, chỉ là một tâm. Như Lai từ đây mà phân biệt diễn nói mười hai chi, đều nương vào một tâm như vậy mà lập. Tại sao vậy ? Vì tùy theo sự tham dục cùng sinh với tâm. Tâm là thức, sự là hành. Nơi hành mê hoặc là vô minh. Vô minh cùng sinh với tâm là danh sắc. Danh sắc tăng trưởng là sáu xứ. Sáu xứ ba phần hợp là xúc. Xúc cùng sinh là thọ. Thọ không nhàm đủ là ái. Ái nhiếp lấy không bỏ là thủ. Các chi đó sinh là hữu. Hữu khởi lên

gọi là sinh. Sinh chín mùi là lão. Lão hoại là tử.

Bồ Tát Kim Cang lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này tu hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, tại Địa thứ sáu - Hiện tiền địa, lại nghĩ như vậy : Hết thấy tất cả ba cõi – cõi dục, cõi sắc, cõi vô sắc, đều do một tâm niệm mà tạo thành. Đức Phật đối với hết thấy chúng sinh trong ba cõi, phân môn biệt loại rất rõ ràng, giải thích mười hai thứ nhân duyên thành lập - đều nương vào một tâm niệm mới sinh ra, cũng là do một tâm niệm chi trì. "Một tâm đầy đủ mười pháp giới", tức là đạo lý này.

Do một tâm niệm mà sinh ra đủ thứ nhân duyên, mà mỗi thứ lập thành danh tướng. Tại sao vậy ? Vì tùy theo sự tướng mà sinh ra tham dục. Tham dục cùng với tâm mới sinh ra "thức". "Thức" tức là "tâm", lại gọi là "hành". Một khi tâm niệm động tức là "thức", nó hay khởi dụng, có thể phân biệt sự vật. Sự tức là "hành", có hành vi biểu hiện cụ thể. Nơi "hành" mà mê hoặc thì chẳng có lý trí, đầu não không rõ ràng, làm ra sự việc điên đảo, không hợp với lý tánh. Vì mê hoặc nên chẳng có trí huệ, cho nên làm việc điên đảo, đây tức là "vô minh". "Vô minh" lại cùng với "tâm thức" sinh ra "danh sắc" – danh tự và nhan sắc, tức là ban đầu trồng xuống "bào thai". "Danh sắc ngày càng lớn dần, bèn sinh ra "sáu xứ" - còn gọi là sáu căn, hoặc là lục nhập - mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Sáu xứ phân làm ba phần – 1. Sáu xứ. 2. Sáu cảnh còn gọi là sáu trần. 3. Sáu thức. Nương vào căn, biết cảnh, chạy theo sự phân biệt của ý thức. Ba thứ này hợp lại với nhau thành "xúc". Ba cái mà thiếu một thì không thể cùng sinh, vì "xúc" là có sự phân

biệt, có cảm giác. "Xúc" với "xúc" tương đối - tự xúc, tha xúc, tự tha xúc, do đó sinh ra "thọ", tức là "lãnh thọ" hoặc gọi là "lãnh nạp". Trong sự "lãnh thọ", có cảm giác tốt xấu, bèn sinh ra tâm tham, thọ thọ không ngừng. Sự tham lãnh thọ này chẳng có lúc nào nhàm đủ, ở trong đó bèn biến thành "ái". Do "ái" mà có "ái dục sinh ra", hy vọng sở ái vĩnh viễn tồn tại không mất. Một khi không hoan hỉ nữa thì "ghét muốn nó chết đi", vĩnh viễn tiêu diệt. Ái bao nhiêu thì hận bấy nhiêu. Do đó buông bỏ chẳng đặng, nhìn không thấu, thì làm sao được tự tại ? Do "ái" nhiếp lấy không bỏ, bèn quyết định lấy cho được, do đó bèn sinh ra "hữu". Hữu này tức là hữu lậu. "Hữu lậu tạo ra nghiệp, nghiệp này bèn trôi xuống nhân đời sau. Nhân này giống như một hạt giống. Hạt giống chín mùi sinh lên, thì gọi là "sinh". "Sinh" ra rồi, càng ngày càng lớn lên chín mùi thì "già" đi. Già rồi thì bắt đầu thoái hoá biến hoại, trước hết năm uẩn đều sinh ra bệnh tật, mất đi tác dụng. Bốn đại cũng dần dần phân hoá, cuối cùng tiêu tan. Bốn đại quy về không, thì thân thể sẽ "chết" đi.

Phật tử ! Trong đó vô minh có hai thứ nghiệp : Một là khiến cho chúng sinh mê nơi sở duyên. Hai là cùng với hành làm sinh ra nhân. Hành cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay sinh báo vị lai. Hai là cùng với thức làm sinh ra nhân. Thức cũng có hai thứ nghiệp : Một là khiến cho các hữu tương tục. Hai là cùng với danh sắc

làm sinh ra nhân. Danh sắc cũng có hai thứ nghiệp : Một là hỗ tương trợ thành. Hai là cùng với sáu xứ làm sinh ra nhân. Sáu xứ cũng có hai thứ nghiệp : Một là mỗi thứ đều thủ lấy cảnh giới. Hai là cùng với xúc làm sinh ra nhân. Xúc cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay xúc sở duyên. Hai là cùng với thọ làm sinh ra nhân. Thọ cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay lãnh thọ thương ghét các sự việc. Hai là cùng với ái làm sinh ra nhân. Ái cũng có hai thứ nghiệp : Một là nhiệm trước việc đáng ưa thích. Hai là cùng với thủ làm sinh ra nhân. Thủ cũng có hai thứ nghiệp : Một là khiến các phiền não tương tục. Hai là cùng với hữu làm sinh ra nhân. Hữu cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay khiến sinh ở trong các cõi khác. Hai là cùng với sinh làm sinh ra nhân. Sinh cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay khởi các uẩn. Hai là cùng với già làm sinh ra nhân. Già cũng có hai thứ nghiệp : Một là khiến các căn biến đổi. Hai là cùng với chết làm sinh ra nhân. Chết

cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay hoại các hành. Hai là không giác biết, cho nên liên tục không ngừng.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị Phật tử ! Ở trong mười hai nhân duyên, "Vô minh" tạo thành có hai thứ nghiệp quả chủ yếu : Một là nó khiến cho chúng sinh mê nơi cảnh giới nương tựa. Phạm là những cảnh giới tiếp xúc, đều không nhận thức được nhân duyên rõ ràng, không hiểu thế nào đối mặt với hiện thực, do đó mà mê hoặc điên đảo hồ đồ. Thứ hai là do "vô minh", không trí huệ, làm việc hồ đồ, những gì làm đều trở thành nhân tố sinh khởi "hành". "Hành" cũng có hai thứ nghiệp : Một là có thể sinh ra quả báo thọ vị lai, do "hành" mà có thể tạo ra các thứ nghiệp, tạo nghiệp thì phải thọ báo. Hai là làm nhân tố "thức" sinh khởi. "Thức" cũng có hai thứ nghiệp : Một là có thể khiến "hữu" tác nghiệp liên tục không ngừng. Hai là làm nhân tố sinh khởi ra "danh sắc". "Danh sắc" cũng có hai thứ nghiệp : Một là có thể trợ giúp nghiệp khác thành lập. Hai là làm ra nhân tố sinh khởi "sáu xứ". "Sáu xứ" cũng có hai thứ nghiệp : Một là "sáu xứ" đều giữ lấy cảnh giới của nó. Hai là làm thành nhân tố sinh khởi "xúc". Nếu chẳng có "sáu xứ", thì không thể có "xúc" sinh khởi, cho nên nói "sáu xứ" hạt giống của "xúc". "Xúc trần" cũng có hai thứ cảnh giới : Một là xúc trần năng "xúc" sở duyên. Hai là làm "lãnh thọ" sinh khởi hạt giống. "Thọ" cũng có hai thứ nghiệp quả : Một là có thể lãnh thọ đủ thứ sự vật tốt xấu. Hai là thành hạt giống sinh khởi "ái". "Ái" cũng có hai thứ nghiệp quả : Một là đối với cảnh giới sự tương thấy được, sinh khởi tâm tham ái, do đó mà mất đi lý trí, mê hồ

nhiệm trước không thể tự giác tự cứu, cho rằng "ái" mới là mục tiêu họ đáng truy cầu, là một bảo bối duy nhất. Hai là do nhiệm trước "ái", mà sinh ra tâm thủ lấy ích kỷ, tâm chiếm đoạt, do đó trồng xuống nhân duyên sinh ra "thủ". "Thủ" cũng có hai thứ nghiệp : Một là khiến cho chúng sinh có tâm được mất, giữ lấy được thì sinh ra tâm hoan hỷ, giữ lấy không được thì sinh ra tâm phiền não, do phiền não đó mà vĩnh viễn liên tục không thể dứt trừ. Hai là lại làm ra nhân duyên sinh khởi "hữu", "hữu" tức là hạt giống hữu lậu. Hạt giống hữu lậu sinh ra gốc mầm "hữu", trở thành "hữu chi". "Hữu lậu" tức là nghiệp không thanh tịnh, thứ nghiệp này làm cho con người rớt vào vào ba cõi, hoặc những cõi khác. "Hữu" và "lậu" là hai thứ không lìa khỏi, "hữu" tức là "đời sau". "Hữu" cũng có hai thứ nghiệp : Một là hay khiến cho chúng sinh thọ sinh trong những cõi khác - lục đạo hoặc sáu nẻo. Hai là làm thành nhân tố sinh khởi "đời sau". "Sinh" cũng có hai thứ nghiệp báo : Một là hay sinh ra "năm uẩn". Hai là làm hạt giống sinh khởi "lão". Sinh ra rồi thì nhất định sẽ già đi. "Lão" cũng có hai thứ nghiệp quả : Một là hay khiến cho các căn suy yếu, tướng mạo biến thành xấu xí, da nhăn tóc bạc, đó là hiện tượng các căn biến đổi. Hai là làm nhân tố sinh khởi "tử". "Tử" cũng có hai thứ nghiệp quả : Một là hay phá hoại lý tướng của con người, trở ngại tất cả mọi việc con người đang làm. Hai là do ở trong "vô minh" hôn mê không giác, sinh sinh tử tử, tuần hoàn liên tục, cuối rồi lại bắt đầu, không thể dứt được sinh tử.

Phật tử ! Trong đây vô minh duyên hành, cho đến sinh duyên lão tử, do vô

minh cho đến sinh làm duyên, nên khiến hành cho đến lão tử trợ giúp hình thành không dứt. Vô minh diệt thì hành diệt, cho đến sinh diệt thì lão tử diệt. Do vô minh cho đến sinh không làm duyên, nên khiến cho các hành, cho đến lão tử đoạn diệt không trợ giúp hình thành.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Ở trong mười hai nhân duyên, từ "vô minh" mà nói. Do "vô minh" mới sinh ra "hành". "Hành" lại tiếp tục sinh ra các nhân duyên sau, cho đến "lão, tử", cuối cùng rồi lại bắt đầu tuần hoàn không dứt. Cho nên đều nói là do "vô minh" mới dẫn đến "sinh". Do "vô minh" làm duyên cho đến "sinh", khiến cho "hành" đến "lão tử" tiếp tục không ngừng, trợ giúp lẫn nhau, từ trên xuống dưới thành mười hai nhân duyên. Nếu "vô minh" diệt trừ rồi, thì "hành" cũng sẽ diệt, cho đến "sinh, lão, tử" cũng đều diệt trừ hết. Là do nguyên nhân gì ? Vì chẳng còn "vô minh" thì chẳng còn hạt giống, thì các nhân duyên ở sau không thể nào sinh khởi, mất đi căn cứ liên quan trước sau với nhau. "Hành" đến "lão tử" đều dứt trừ, thì không thể hỗ trợ giúp tương tục trợ thành.

Phật tử ! Trong đây vô minh ái thủ không dứt là phiền não đạo. Hành và hữu không dứt là nghiệp đạo. Các phần khác không dứt là khổ đạo. Tiền tế hậu tế phân

biệt diệt thì tam đạo dứt. Như vậy ba nghiệp lìa ngã, ngã sở, chỉ có sinh diệt giống như bó lau.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Nếu không thể đoạn trừ "vô minh, ái và thủ" trong mười hai nhân duyên, thì đây tức là hoặc nghiệp, sẽ trở thành phiền não. Nếu như không thể đoạn trừ "hành và hữu", thì sẽ trở thành gốc rễ của nghiệp. Còn các nhân duyên khác không thể đoạn trừ, thì sẽ trở thành nhân tố của khổ. Còn nếu có thể ở trong đời trước và đời sau, phân biệt thấy đều diệt trừ những nhân duyên này, thì có thể đoạn trừ được ba thứ nguồn gốc căn bản. Lúc đó tam đạo - phiền não đạo, nghiệp đạo, khổ đạo, sẽ lìa khỏi (ngã và ngã sở). Nghĩa là nói : Ở trong tam đạo vốn chẳng có ngã và ngã sở. Sinh diệt nhân quả giống như bó cỏ lau, nó là hai rễ đều sinh, hỗ tương nương lập với nhau, không thể độc thành. Tam đạo lìa khỏi ngã và ngã sở thì sinh diệt tự nhiên sẽ dứt.

Lại nữa, vô minh duyên hành là quán quá khứ. Thức cho đến thọ là quán hiện tại. Ái cho đến hữu là quán vị lai. Từ đây về sau triển chuyển liên tục.

Lại nói : Ý nghĩa "Vô minh duyên hành" là quán nhân tạo ra quá khứ. "Thức cho đến thọ" là quán hiện tại tất cả đều do nghiệp quá khứ tạo ra. "Ái cho đến hữu" là quán nhân của vị lai mà đắc được quả vị lai. Từ đây về sau triển chuyển liên tục.

Vô minh diệt thì hành diệt là quán đối đãi đoạn diệt. Lại nữa, mười hai chi đều có ba khổ. Trong đó vô minh hành, cho đến sáu xứ là hành khổ. Xúc thọ là khổ khổ. Còn những cái khác là hoại khổ. Vô minh diệt thì hành diệt, là ba khổ dứt.

"Vô minh" diệt, thì "hành" diệt. Đây là nói về diệt, là một thứ đối đãi. Lại nữa, "hữu" trong mười hai nhân duyên, còn gọi là "ba khổ". Trong đó "vô minh hành cho đến sáu xứ", là "hành khổ". "Xúc và thọ" là khổ trong sự khổ. Còn những chi khác là "hoại khổ". Vô minh diệt thì hành không thể sinh ra, tức cũng diệt luôn, những chi sau càng không thể nào sinh ra, cho nên ba khổ thấy đều diệt hết.

Lại nữa, vô minh duyên hành, vô minh nhân duyên sinh ra các hành. Vô minh diệt thì hành diệt, không có vô minh thì các hành cũng không, những cái khác cũng như vậy.

Lại nói tại sao "vô minh" có thể sinh ra "hành" ? Vì "vô minh" là không có trí huệ, hồ đồ không minh bạch chánh tà thị phi, do đó mà sinh ra rất nhiều tà tri tà kiến, khởi hoặc tạo nghiệp, do nó mà sinh ra "hành" và những nhân duyên khác. Nếu "vô minh" diệt thì "hành" diệt. Vì chẳng còn "vô minh", nên những nhân duyên khác cũng

không cách nào sinh khởi, đây tức là đạo lý "vô minh diệt, hành diệt cho đến sinh lão tử diệt.

Lại nữa, vô minh duyên hành là sinh trói buộc. Vô minh diệt thì hành diệt, là diệt trói buộc. Những cái khác cũng như vậy.

Lại nữa, vô minh duyên hành là tùy thuận vô sở hữu quán. Vô minh diệt thì hành diệt, là tùy thuận tận diệt quán, những cái khác cũng như vậy.

Lại nói về ý nghĩa "vô minh duyên hành", tức giống như dùng một sợi dây thừng, trói buộc con người lại, khiến cho không được tự do. Ý nghĩa "Vô minh diệt thì hành diệt" : Giống như chặt đứt sợi dây thừng, thì cởi trói, mà được tự do. Cũng không còn những cái khác trói buộc nữa. Lại nói một cách khác : Nghĩa là căn cứ nghiên cứu kết luận, quán sát kỹ càng cảnh giới thật tế, tùy thuận đạo lý chân thật, biết tất cả đều là không chẳng chỗ có, đây là vô sở hữu quán. Biết tất cả đều không chẳng chỗ có, "vô minh" diệt rồi, thì "hành" cũng diệt. Đây là trải qua sự nghiên cứu, tùy thuận sự quán sát mà biết tất cả đều là không, cho nên đoạn diệt – đây là tận diệt quán. Các thứ nhân duyên sau nương đạo lý này, đều đắc được câu trả lời, tất cả đều là không huyền.

Phật tử ! Đại Bồ Tát quán nghịch thuận mười thứ duyên khởi như vậy. Đó là

vì hữu chi tương tục, vì nhất tâm nhiếp trì, vì tự nghiệp khác biệt, vì chẳng bỏ lia nhau, vì tam đạo không dứt, vì quán quá khứ hiện tại vị lai, vì ba khổ tụ tập, vì nhân duyên sinh diệt, vì sinh diệt trói buộc, vì vô sở hữu tận quán.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát đi ngược trở lại như vậy, quán sát chân chánh, quán sát ngược lại, quán sát nguyên nhân mười hai nhân duyên sinh khởi, nương vào đạo lý gì mà tiếp nối không dứt ? Bồ Tát đặc được câu trả lời là :

1. Chi "hữu" trong mười hai nhân duyên là hữu lậu, hay tạo đủ thứ nghiệp ác. Nghiệp nhân tức là hạt giống của đời sau, do đó mà tiếp nối không dứt.

2. Mười hai nhân duyên đều nương vào tâm mà khởi, không lìa một tâm, được một tâm nhiếp lấy.

3. Nghiệp của mỗi người tạo ra, đều khác nhau.

4. Những nghiệp đó không dễ gì bỏ lìa, vì buông chẳng đặng, tức là chướng ngại.

5. Ba thứ đạo - phiền não đạo, nghiệp đạo, khổ đạo, đều không dễ gì đoạn diệt sạch hết.

6. Quán quá khứ là như vậy, hiện tại là như vậy, vị lai vẫn như vậy, nhân quả ba đời biết không thể dứt.

7. Ba khổ ngày càng tích lũy, không dễ hết được.

8. Đủ thứ nhân quả, tạo thành sinh diệt không dứt.

9. Sinh diệt như bị trói buộc, không thể giải thoát được.

10. Tất cả không chẳng chỗ có. Quán sâu như vậy, Bồ Tát biết pháp thế gian không trái với pháp xuất thế.

Phật tử ! Đại Bồ Tát dùng mười thứ tướng quán các duyên khởi như vậy, biết không có cái ta, không người, không thọ mạng, tự tánh không, không người làm, không người thọ, liền được môn giải thoát không hiện tiền. Quán các chi hữu, đều tự tánh diệt, rốt ráo giải thoát, chẳng có chút pháp tướng sinh, liền đắc được giải thoát môn vô tướng hiện tiền.

Như vậy vào không vô tướng rồi, không có nguyện cầu, chỉ trừ đại bi làm đầu, giáo hoá chúng sinh. Liền đắc được môn giải thoát vô nguyện hiện tiền. Bồ Tát tu ba môn giải thoát như vậy, là nghĩ tưởng cái ta đó, là nghĩ tưởng người làm, người thọ, là nghĩ tưởng có và không.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Đại Bồ Tát Địa thứ sáu tu hành Bồ Tát đạo tích tập đủ thứ căn lành, Ngài căn cứ vào mười phương pháp như đã nói ở trên, quán tưởng duyên khởi của mười hai thứ nhân duyên. Ngài biết trong tất cả sự vật, đều chẳng có "cái ta" tồn tại, đây là không ta ; cũng chẳng có "người" khác

tồn tại, cũng chẳng tồn tại "thọ mạng". Đây là chúng sinh không, tự tánh của nó vốn không, chẳng có bản thể. Tức chẳng có người làm, cũng chẳng có người thọ. Quán sát như vậy, bèn chứng được pháp môn giải thoát không, thấu rõ các pháp không tướng. Ý nghĩa hiện tiền là nói trí và cảnh đều đến được chỗ sâu xa. Lại quán tất cả duyên khởi của "hữu", tự tánh của nó vốn là vắng lặng, vốn chẳng có sự trói buộc, vốn là giải thoát, cũng chẳng sinh ra một chút pháp tướng nào. Quán sát như vậy, lập tức chứng được pháp môn một tướng vô tướng. Năng sở đều vắng lặng, thì vô tướng hiện tiền. Quán tướng như vậy rồi, từ không mà vào giả, minh bạch tất cả tướng cũng đều là giả, liền giác ngộ thêm. Gì cũng chẳng có, thì không cầu, cũng không nguyện, tất cả vọng tưởng đều tiêu mất, huyễn hoá. Chỉ có một tâm đại bi mới là chân thật, quan trọng bậc nhất. Có tâm đại bi, mới có thể giáo hoá chúng sinh, độ chúng sinh trong sự khổ nạn, lợi ích chúng sinh. Đắc được sự giác ngộ này, lập tức chứng được pháp môn giải thoát không, vô tướng, vô nguyện, hiện tiền. Bồ Tát suy gẫm thâm trầm như vậy, quán sát kỹ càng, tinh chuyên tu học, chuyên tâm nghiên cứu ba môn giải thoát ở trên – môn giải thoát không, môn giải thoát tướng, môn giải thoát nguyện. Suy gẫm lìa khỏi không người không ta, ta người đều không còn nữa. Suy gẫm lìa khỏi người làm, người thọ, năng sở cả hai đều không. Suy gẫm lìa khỏi có và không, đến được cảnh giới chân không.

Phật tử ! Đại Bồ Tát này đại bi càng tăng thêm, tinh chuyên tu tập, vì chưa mãn pháp bồ đề phần, nên khiến cho viên mãn.

Bèn nghĩ rằng : Tất cả hữu vi, có hoà hợp thì chuyển, không hoà hợp thì không chuyển. Duyên tập thì chuyển, duyên không tập thì không chuyển. Tôi biết pháp hữu vi nhiều các hoạ hoạn như vậy, phải dứt nhân duyên hoà hợp này. Nhưng vì thành tựu chúng sinh, nên cũng không rốt ráo diệt các hành.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát chúng được Địa thứ sáu này, vì tỏ ngộ ba pháp môn giải thoát, biết được sự quan trọng của tâm đại bi, thường thường dũng mãnh tinh tấn tu học, thì tâm đại bi ngày càng tăng trưởng. Ngoài nguyên nhân Bồ Tát siêng tu những pháp môn này, vẫn là do Ngài tu học bồ đề giác đạo chưa được viên mãn, cho nên hy vọng muốn sớm được viên mãn đầy đủ. Do đó, Bồ Tát nghĩ như vậy : Tất cả pháp hữu vi đều do nghiệp hoặc hoà hợp với nhau mới sinh khởi, như vô minh duyên hành. Có hoà hợp thì tiếp nối không dứt. Không hoà hợp thì không thể nối tiếp không dứt. Do duyên đầy đủ không thiếu, nên khởi tác dụng, nối tiếp không dứt. Nhân duyên không đầy đủ thì sẽ không sinh khởi tác dụng, không thể nối tiếp không dứt. Giả sử tuy nhiên có hành, mà không có ái đê thâm nhuần nó, thì không thể sinh khởi các nhân duyên sau. Hiện tại Bồ Tát biết tất cả nhân duyên hoà hợp sinh ra pháp, đưa đến rất nhiều phiền não và tai nạn, khiến cho con người thường gặp những chuyện không như ý, do đó phải dứt trừ

nhân duyên hoà hợp, sau đó giáo hoá chúng sinh, thành tựu chúng sinh, bắt tất phải hoàn toàn diệt sạch hết. Vẫn ở trong tất cả các pháp lưu lại một chút khuyết giân, để thích ứng với căn cơ của chúng sinh.

Phật tử ! Bồ Tát quán sát pháp hữu vi nhiều các lỗi ác như vậy, chẳng có tự tánh không sinh không diệt, mà luôn khởi đại bi không bỏ chúng sinh, liền đắc được Bát Nhã Ba La Mật hiện tiền, tên là Vô chướng ngại trí quang minh. Thành tựu trí quang minh như vậy rồi, tuy tu tập bồ đề phần nhân duyên, mà không trụ trong pháp hữu vi. Tuy quán sát pháp hữu vi tự tánh vắng lặng, cũng không trụ trong vắng lặng, vì pháp bồ đề phần chưa viên mãn.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát hiện tiền địa quán sát nhân duyên hoà hợp sinh ra của pháp hữu vi như vậy, minh bạch nó có rất nhiều khuyết điểm, có thể tạo thành rất nhiều lỗi ác, khiến cho con người buồn rầu hoạn nạn không ngừng. Pháp hữu vi này vốn chẳng có tự tánh, dùng vọng sinh vọng, dùng lỗi ác sinh lỗi ác. Nó vốn chẳng có tự thể, cho nên không sinh không diệt. Tuy nhiên Bồ Tát quán tất cả các pháp như đây không hợp đạo lý, nhưng mà Ngài vẫn thường sinh khởi tâm đại bi cứu hộ chúng sinh, không nhẫn bỏ chúng sinh đáng thương xót. Do đó, Ngài liền đắc được đại trí huệ, và

chúng được hữu vi Niết Bàn bình đẳng hiện tiền. Tên của Bát nhã này gọi là "Vô chướng ngại đại quang minh". Bồ Tát thành tựu đại trí huệ này rồi, tuy nhiên vẫn phải tiếp tục tu học nhân duyên của bồ đề giác đạo, nhưng Ngài chẳng vì sự mà mất lý, chấp trước vào pháp hữu vi, mà là biết hữu vi mà chẳng vi. Tuy nhiên Ngài quán sát biết rõ pháp hữu vi chẳng có bản thể, tự tánh là vắng lặng, nhưng Ngài thấy lý không hoại sự, không trụ ở trong pháp vắng lặng, vì pháp giác đạo mà Ngài tu chưa được viên mãn, cho nên Ngài không trụ nơi có, cũng chẳng trụ nơi không.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hiện Tiền địa này, vào được không tam muội, tự tánh không tam muội, đệ nhất nghĩa không tam muội, đệ nhất không tam muội, đại không tam muội, hợp không tam muội, khởi không tam muội, như thật chẳng phân biệt không tam muội, chẳng xả lìa không tam muội, lìa chẳng lìa không tam muội. Bồ Tát này đắc được mười tam muội không như vậy làm đầu, trăm ngàn không tam muội thấy đều hiện tiền. Mười vô tướng, mười vô nguyện môn tam muội như vậy làm đầu, trăm ngàn vô tướng vô nguyện môn tam muội thấy đều hiện tiền.

Bồ Tát chẳng trụ không, chẳng trụ có. Nếu như chấp vào không, thì không thể tu hành tiến về trước được, phạm vào nhị thừa trung đạo tự hoá, được ít cho là đủ, vướng vào ma bệnh mê hoặc bởi không. Giả như chấp vào có, thì chấp trước vào người, chấp trước vào pháp. Cho nên Bồ Tát chẳng chấp vào không, cũng chẳng chấp vào có, "người, pháp" cả hai đều vong mất, chẳng chấp vào "có, không". Do công đức trợ đạo chưa đầy đủ, còn phải siêng tu, lực độ vạn hạnh, hành sở vô sự.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ tại hiện tiền địa, Ngài siêng tu lực độ vạn hạnh và pháp môn hiện tiền địa, thì Ngài chứng được :

1. Thật không, tức là "vào không", cho nên Ngài vào được không tam muội – chánh định, lìa khỏi "có". Tam muội này chẳng chấp vào tất cả pháp hữu vi.

2. Tự tánh không, tức là không tánh. Tự tánh vốn là không, chẳng rời vào "không", cũng chẳng rơi vào "có". Bồ Tát cũng chứng được chánh định tự tánh không, tức là "pháp không".

3. Đệ nhất nghĩa không tam muội, tức là hiểu rõ đệ nhất nghĩa đế, chẳng chấp vào đệ nhất nghĩa.

4. Đệ nhất không tức so với đệ nhất nghĩa "không" càng tiến thêm một bước, tức chẳng rơi vào "không", cũng chẳng rơi vào "có", "không, có" chẳng hai, vào tam muội này, thì tất cả đều chẳng chấp trước nữa. Đây là chánh định không chẳng chỗ không.

5. Đại không là chánh định lớn mà không ngoài, nhỏ mà không ở trong.

6. Hợp không tam muội, còn gọi là chánh định Bát nhã ba la mật. Hợp tức là hợp không chỗ hợp, trong ngoài đều không.

7. Khởi không tam muội tức là chánh định khởi chẳng chỗ khởi.

8. Như thật tam muội là chánh định chân thật lý thể, chẳng có mọi sự phân biệt về "không".

9. Chẳng xả lìa tam muội, tức là chánh định lìa chẳng chỗ lìa.

10. Lìa chẳng lìa tam muội tức là không chẳng chỗ "không". Lìa với chẳng lìa đều chẳng chỗ có. Bồ Tát địa thứ sáu, Ngài chứng được mười thứ chánh định chánh thọ này, nhận thức được quyết thật về "không" chẳng lay động, lãnh hội được diệu lý không. Lại dùng mười thứ pháp môn tam muội vô tướng vô nguyện làm chỗ nương tựa hướng về, do đó, trăm ngàn thứ pháp môn không vô tướng vô nguyện, tự nhiên đều hiển hiện đặc được.

Phật tử ! Bồ Tát trụ hiện tiền địa này, lại càng tu tập đầy đủ tâm không thể hoại, tâm quyết định, tâm thuần thiện, tâm thâm sâu, tâm không thôi chuyển, tâm không dừng nghỉ, tâm rộng lớn, tâm không bờ mé, tâm cầu trí, tâm phương tiện huệ tương ưng, thấy đều viên mãn.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ tại địa thứ sáu - Hiện Tiền địa, thì Ngài đặc biệt lưu ý tu tập trí vĩnh viễn không thể hoại mất,

tâm đại bi, thì có thể diệt trừ chướng ngại của sự tu hành, sớm được quả vị viên mãn. Trước hết Ngài đối với niềm tin có sự quyết định vững chắc. Thứ hai là công phu tu hành phải chú ý về tâm điều hoà nhu nhĩ. Thứ ba không trụ vào niệm ác, chẳng sợ ngoại đạo, có trí huệ Bát nhã thâm sâu. Thứ tư tâm bồ đề chẳng thối về nhị thừa. Thứ năm là phải có tâm lúc nào cũng tinh tấn, không mệt mỏi. Thứ sáu là phải có tâm rộng lớn vô lượng, chẳng có sự phân biệt "ta người". Thứ bảy là phải có tâm lợi ích chúng sinh, không chấp vào bờ mé. Thứ tám là phải có tâm cầu trí huệ vô thượng. Thứ chín là phải có trí huệ phương tiện khéo léo, giáo hoá chúng sinh, và tất cả mọi việc đều tùy thuận thích nghi tương ứng. Thứ mười có mười thứ tâm đại đạo bi trí như ở trên đã nói, thì đạo quả tu tập sẽ được đầy đủ thành tựu viên mãn.

Phật tử ! Bồ Tát dùng mười thứ tâm này, tùy thuận Phật bồ đề, chẳng sợ dị luận, vào các trí địa. Là đạo nhị thừa, hướng về Phật trí. Các ma phiền não, không thể nào trở ngại phá hoại được. Trụ nơi trí huệ quang minh của Bồ Tát, ở trong pháp không vô tướng vô nguyện, đều khéo tu tập. Phương tiện trí huệ luôn tương ứng với nhau. Pháp bồ đề phân thường thực hành không bỏ.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát Địa thứ sáu này đang tu tập, dùng mùi thứ tâm trí huệ như đã nói ở trên, tùy thuận bồ đề giác đạo thâm nhập thú hương, siêng tu tập mà được tự tại, do đó không sợ thiên ma ngoại đạo, và tất cả tà tri tà kiến của ngoại đạo luận sư nói. Bồ Tát chẳng những không bị ảnh hưởng chúng, mà còn có thể hàng phục được họ, sau đó một lòng thâm nhập vào trí địa của Phật. Bồ Tát minh bạch tôn chỉ thú hương của hàng nhị thừa là không rốt ráo, cho nên Ngài xa lìa Thanh văn Duyên giác, tự biết siêng tu Phật trí. Ngài lại có thể đoạn trừ tất cả ma chướng, chướng ngại sự tu tập, như phiền não chướng, sở tri chướng .v.v... các loại ma chướng đó, cũng không thể dùng sức để phá hoại quyết tâm và sức trí huệ của Ngài được, vì Bồ Tát đã thấu rõ thâm sâu về chân lý pháp không. Bồ Tát thường trụ ở trong trí huệ, đối với không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện giải thoát môn – ba thứ pháp môn này – Ngài đều hiểu được tu tập và ứng dụng như thế nào, mà không chấp trước vào ba cõi. Bồ Tát đắc được các thứ trí huệ phương tiện quyền xảo, và pháp môn tu tập. Pháp môn Bồ Tát giác đạo, cũng thường thường tu tập, chưa từng xả bỏ.

Phật tử ! Bồ Tát trụ trong Hiện tiền địa này, đắc được Bát Nhã Ba La Mật hạnh tăng thượng, đắc được tam minh lợi thuận nhãn, vì ở nơi các pháp như thật tướng tùy thuận không trái.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Vị đại Bồ Tát này đang tu tập các thứ pháp môn trong Địa thứ sáu - Hiện tiền địa, Ngài tu đắc được thành quả trí huệ, đã đạt được trình độ bờ bên kia. Nhưng Ngài vẫn siêng tu tập không giải đãi, cho nên trí huệ quang minh của Ngài càng ngày càng tăng trưởng. Do đó Bát nhã hiện tiền, tất cả thuận nhân minh lợi. Ý nghĩa "thứ ba" : Ở trong tam phẩm nhẫn, dùng "thuận nhẫn minh lợi" làm tối thượng. Thuận nhẫn : ý niệm quyết định lý lẽ không di động, khoảng giữa từ Tứ địa đến Lục địa, thuận bờ đề đạo mà hướng về quả vị vô sinh pháp nhẫn. Minh lợi : Thần thông vô ngại các căn minh lợi, cùng với tất cả chân lý các pháp thật tướng, Bồ Tát đều thông đạt vô ngại. Ngài biết tùy thuận thật tướng để tu hành, quyết định không trái ngược.

Phật tử ! Bồ Tát trụ Hiện tiền địa này rồi, do nhờ nguyện lực nên thấy được nhiều vị Phật. Thấy được nhiều trăm vị Phật, cho đến thấy được nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ tại Hiện tiền địa, do nhờ đại nguyện của Ngài phát ra trong quá khứ, cho nên thấy được nhiều vị Phật. Tại sao một số người không thấy được Phật ? Vị trong đời quá khứ họ chẳng phát đại nguyện. Bồ Tát phát đại nguyện lực, cho nên Ngài có thể thấy được nhiều vị Phật, thấy được hàng trăm vị Phật, cho đến thấy được trăm ngàn ức Na do tha vị Phật.

Đều dùng tâm rộng lớn, tâm thâm sâu, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi. Y phục thức ăn uống, toạ cụ thuốc thang, tất cả vật tư sanh, đều dâng lên cúng dường. Cũng đem cúng dường tất cả chúng Tăng. Đem căn lành hồi hướng về Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Ở chỗ các đức Phật cung kính nghe pháp, nghe rồi thọ trì, đắc được như thật tam muội, trí huệ quang minh. Tuỳ thuận tu hành, nhớ giữ không bỏ. Lại đắc được pháp tạng thâm sâu của chư Phật.

Bồ Tát thấy được các đức Phật rồi, Ngài liền dùng tâm rộng lớn vô lượng vô biên, tâm thành thâm sâu không thể dò, dùng để cung kính cúng dường chư Phật, tôn trọng khen ngợi mười phương ba đời chư Phật. Lại đem y phục tốt đẹp nhất, thức ăn uống thượng hạng, toạ cụ, thuốc thang, tất cả vật tư sanh thường dùng hằng ngày, cung kính dâng lên cúng dường mười phương ba đời chư Phật, cũng đem những đồ vật đó cung kính dâng lên cúng dường mười phương chư hiền Thánh Tăng. Đem các thứ căn lành cung kính cúng dường, tôn trọng khen ngợi, hồi hướng về quả vị Phật Vô thượng chánh đẳng chánh giác. Do công đức đó, Bồ Tát thấy được vô số chư Phật như đã nói ở trên, đắc được sự thành tựu như vậy. Vị Bồ Tát địa thứ sáu này, Ngài ở tại đạo tràng của mười phương chư Phật, thân, tâm,

ý, kiên thành tụ tinh hội thần lắng nghe Phật pháp. Nghe rồi, Ngài nhất định y giáo phụng hành. Thọ nơi tâm, hành nơi thân, cho nên đắc được chánh định chánh thọ chân thật, mà hiển ra trí huệ quang minh vốn có. Ngài thuận theo trí huệ, tu hành các pháp môn, suy gẫm ghi nhớ không quên. Thành khẩn siêng tu Phật pháp như vậy, cho nên được chư Phật hộ niệm, cũng đắc được pháp tạng thâm sâu vi diệu của chư Phật.

Trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, hết thủy căn lành càng thêm sáng tịnh. Ví như vàng thật, dùng báu tỳ lưu ly mài dũa, thì càng thêm sáng tịnh.

Bồ Tát siêng năng tu hành, trải qua trăm kiếp, ngàn kiếp, cho đến vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, căn lành của Ngài tích tụ, càng thêm sáng lặng, càng thanh tịnh hơn. Đây cũng giống như luyện vàng thật, dùng đá báu tỳ lưu ly mài dũa nhiều lần, thì khiến cho vàng càng sáng lặng, càng thanh tịnh. Công phu tu hành của Bồ Tát Hiện Tiền địa, căn lành tích tập, giống như vàng thật, cũng từng kiếp từng kiếp đầy đủ viên mãn.

Hết thủy căn lành của Bồ Tát địa này cũng lại như vậy. Dùng phương tiện huệ theo dõi quán sát, càng thêm sáng tịnh. Lại càng vắng lặng, chẳng có che khuất được. Ví như ánh sáng mặt trăng chiếu lên thân

chúng sinh, khiến cho được mát mẻ, bốn thứ gió không thể nào hoại được. Hết thủy căn lành của Bồ Tát địa này cũng lại như vậy, có thể diệt vô lượng trăm ngàn ức Na do tha lửa phiền não của chúng sinh, bốn thứ ma đạo không thể nào phá hoại được.

Bồ Tát này ở trong mười Ba la mật, thiên nhiều về Bát nhã ba la mật, còn các Ba la mật kia chỉ tùy sức tùy phần mà tu.

Phật tử ! Đó là lược nói về Hiện Tiền địa thứ sáu của đại Bồ Tát.

Bồ Tát tại Địa thứ sáu, hết thủy căn lành của Ngài, cũng giống như vàng thật. Ngài dùng phương tiện trí huệ khéo léo mà Ngài tu được, theo loại quán sát, thì trí huệ quang minh của Ngài càng thêm sâu rộng. Vì trí huệ vốn có của Ngài hiển hiện ra. Chúng được trí huệ, giải thoát khỏi chướng ngại, thì càng vắng lặng. Do trí huệ của Ngài thanh tịnh, cho nên chẳng có bất cứ quang minh nào có thể che khuất được, cũng chẳng có bất cứ quang minh nào so sánh được. Ví như ánh sáng mặt trăng trong hư không, chiếu sáng đến tất cả thân chúng sinh, khiến cho hết thủy chúng sinh đều cảm thấy mát mẻ tự tại. Dùng bốn thứ gió có thể phá hoại tất cả các pháp để nói : Gió mùa xuân điều hoà, ví dụ ma phiền não, vì có tâm ý thuận ái. Gió mùa hè nóng, dụ như ma uẩn, nhiệt não nhiều. Gió mùa thu mát mẻ, dụ cho tử ma, quả chín tiêu sát. Gió mùa đông lạnh, dụ

cho thiên ma, hại người hành thiện. Bốn thứ gió này, tuy mỗi thứ có oai lực của nó, nhưng không thể nào phá hoại được ánh sáng mặt trăng, làm cho ánh sáng mặt trăng ẩn đi. Căn lành của Bồ Tát Hiện Tiền địa tu tập, cũng giống như ánh sáng mặt trăng, chẳng có bất cứ vật gì có thể làm tổn hại Ngài được. Căn lành của Bồ Tát tu tập, có thể tiêu diệt vô lượng trăm ngàn ức lửa phiền não của chúng sinh, bốn thứ ma – ma phiền não, ma bệnh, ma chết, thiên ma, tuy nhiên lợi hại, cũng không thể nào phá hoại được căn lành của Bồ Tát. Bồ Tát Địa thứ sáu tu hành phần nhiều thiên về Bát nhã trí huệ Ba la mật trong mười Ba la Mật, còn chín Ba la mật kia không phải là không tu hành, mà là tùy sức và duyên phần của mình mà tu tập.

Các vị đệ tử của Phật ! Đây chỉ là nói sơ lược về quá trình tu tập của đại Bồ Tát hiện tiền địa thứ sáu, nói chút ít về cảnh giới thật tại mà thôi.

Bồ Tát trụ tại địa này, phần nhiều làm Thiện Hoá Thiên Vương, việc làm đều tự tại. Tất cả Thanh Văn vãn nạn điều gì, đều không khuất phục được, hay khiến cho chúng sinh diệt trừ được ngã mạn, vào sâu duyên khởi. Bồ thí ái ngữ lợi hành đồng sự, làm tất cả các nghiệp như vậy, đều không lìa khỏi niệm Phật, cho đến không lìa niệm đầy đủ nhất thiết chủng trí, nhất thiết trí.

Lại nghĩ như vậy : Ở trong tất cả chúng sinh tôi phải làm thượng thủ, làm tối thắng, cho đến làm bậc y chỉ của nhất thiết trí. Bồ Tát này nếu siêng hành tinh tấn, thì trong khoảng một niệm, đắc được trăm ngàn ức tam muội, cho đến thị hiện trăm ngàn ức Bồ Tát, dùng để làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực tự tại mà thị hiện, thì nhiều hơn số trên, cho đến trăm ngàn ức Na do tha số kiếp, không thể đếm biết được.

Khi Bồ Tát tu đến quả vị Địa thứ sáu, thì đa số đều thị hiện làm Thiên Vương cõi trời Thiện Hoá. Những gì Ngài làm đều nhậm vận tự tại, không bị bất cứ gì làm khó khăn, hoặc trở ngại được. Dù hàng Thanh Văn có vấn nạn đối với Phật pháp, thì vị Bồ Tát này cũng không thể nào bị khuất phục những vấn nạn đó. Vì Ngài đã thấu rõ đạo đế của hàng nhị thừa nên hàng phục được. Vị Bồ Tát này cũng rất khéo léo giáo hoá chúng sinh, hay khiến cho chúng sinh được lợi ích, mà diệt trừ được ác tập công cao ngã mạn, khiến cho chúng sinh vào sâu hiểu rõ được đạo lý chân thật của các pháp duyên khởi. Bồ Tát độ hoá chúng sinh, trước hết quán sát tập tánh và sự cần thiết của chúng sinh, sau đó dùng : Bồ thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, trong bốn pháp nhiếp. Như vậy, tất cả công việc độ hoá, đều không quên

tông chỉ Phật pháp, cũng không trái với nguyên tắc đầy đủ trí huệ, hoàn toàn bám vào trí huệ tối thượng để hành sự.

Do đó, Bồ Tát lại nghĩ như vậy : Tôi phải làm bậc lãnh đạo trong tất cả chúng sinh, làm một bậc lãnh đạo thù thắng có đầu não đặc biệt, cho đến làm y chỉ sư của những người có trí huệ nhất. Phải giống như đức Phật tự giác giác tha, làm thầy của trời người. Nếu như vị Bồ Tát này dừng mãnh tinh tấn không giải đãi, thì có thể ở trong một niệm, đắc được trăm ngàn ức chánh định chánh thọ (tam muội). Cũng có thể ở trong một niệm, thị hiện được trăm ngàn ức Bồ Tát làm quyến thuộc của Ngài. Nếu dùng nguyện lực mà Bồ Tát đã phát ra trong quá khứ, thì Ngài rất tự tại thị hiện tất cả, còn hơn số vừa nói ở trên, dù bạn có dùng trăm ngàn ức Na do tha kiếp để tính đếm, cũng không cách chi đếm rõ ràng được.

**Bấy giờ Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn
thuật lại nghĩa trên, bèn nói kệ rằng :**

Bồ Tát viên mãn Ngũ địa rồi

Quán pháp vô tướng cũng vô tánh

Không sanh không diệt vốn thanh tịnh

Không có hí luận không lấy bỏ.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn tường thuật lại ý nghĩa đã nói ở trên, do đó dùng phương pháp kệ để nói ra. Kệ tụng nói như vậy :

Đại Bồ Tát tu tập hạnh Bồ Tát, tích tụ đủ thứ căn lành, viên mãn chứng được Địa thứ năm rồi - quả vị Nan Thắng địa, Ngài quán sát các pháp. Biết các pháp vốn là

không có thể, không tướng, cũng không có tánh. Pháp không sanh, cũng không hoại diệt, vì nó vốn thanh tịnh không nhiễm. Pháp vốn không có chỗ gọi là hí luận, cũng không có chất bấu cụ thể có thể lấy, có thể bỏ.

**Thể tướng vắng lặng như huyền thủy
Có, không chẳng hai lìa phân biệt
Tùy thuận pháp tánh quán như vậy
Trí này đặc được vào Lục địa.**

Thể tướng của pháp là vắng lặng, nó giống như mộng huyền bọt bóng, như sương như điện. Có và không chẳng có hai dạng, lìa khỏi sự phân biệt lời nói. Bạn chỉ có thể tùy thuận chân lý của pháp tánh để quán sát suy gẫm, nếu chứng được Bát nhã trí huệ thù thắng, thì có thể tiến vào Địa thứ sáu. "Trí này đặc được" là không, vô tướng, vô nguyện ba thứ trí huệ.

**Minh lợi thuận nhận trí đầy đủ
Quán sát thế gian tướng sanh diệt
Do sức si ám thế gian sinh
Nếu diệt si ám thế gian diệt.**

Thông minh có trí huệ tùy thuận pháp môn nhận tu học, thì có thể đặc được đầy đủ tất cả trí huệ. Bồ Tát quán sát tất cả trên thế gian, cùng với tướng trạng sinh diệt của chúng sinh, đều do bị sức ngu si, ám độn, mới lưu chuyển sanh tử tại thế gian. Giả sử tiêu diệt hết sức ngu si ám độn, thì không còn lưu chuyển sanh tử tại thế gian nữa.

**Quán các nhân duyên thật nghĩa không
Không hoại giả gọi hoà hợp dụng
Không làm không thọ không nghĩ nhớ
Các hành như mây giăng khắp nơi.**

Quán sát tất cả nghiệp quả nhân duyên sanh khởi trên thế gian, phân tích kỹ càng ra, thì chẳng có một sự kiện gì chẳng phải là không. Đem tất cả giả danh đó tập hợp lại với nhau, thì sẽ sanh ra một thứ tác dụng. Kỳ thật vốn chẳng có người tạo tác, chẳng có người thọ nhận, cũng chẳng có gì suy nghĩ nhớ tưởng, buông bỏ chẳng đặng. Vì "vô minh" mà hưng khởi các thứ nghiệp hành, giống như mây theo duyên mới sanh, tùy cảnh giăng bủa khắp nơi, thể tánh của nó là hư huyền không thật.

**Không biết chân đế gọi vô minh
Gây tạo nghĩ nghiệp ngu si quả
Thức khởi cùng sinh đó gọi sắc
Như vậy cho đến các khổ tụ.**

Thế nào gọi là "vô minh" ? Không biết chân lý gọi là "vô minh". Cứ làm những việc hồ đồ điên đảo, còn tự mình cho là đúng, đây là biểu hiện hành vi "vô minh". Những gì vọng tưởng nghĩ tà là nhân, làm ra hành vi ngu si hồ đồ điên đảo là quả. Do "vô minh" nên có "hành", có "hành" rồi thì sinh ra "thức", ba thứ này tiếp tục sinh ra "danh sắc", tiếp tục cho đến "sanh lão tử", kết thành quan hệ đời đời kiếp kiếp, trong đời đời kiếp kiếp thông khổ tích tụ lại với nhau.

**Thấu đạt ba cõi nương tâm có
Mười hai nhân duyên cũng như vậy
Sinh tử đều do tâm tạo ra
Nếu tâm diệt rồi hết sinh tử.**

Bồ Tát Địa thứ sáu, Ngài đã chứng được đại trí huệ, cho nên minh bạch hết thấy ba cõi đều do tâm hiện. Nghĩa là mười pháp giới cũng do một tâm niệm hiện ra - Phật, Bồ Tát, Duyên Giác, Thanh Văn, trời, người, A tu la, súc sanh, ngạ quỷ, địa ngục. Mười hai nhân duyên mà hình thành cũng do tâm tạo ra. Con người lưu chuyển trong sanh tử luân hồi, cũng bắt đầu từ một tâm niệm sinh khởi. Do vọng tưởng tạo nghiệp, do nghiệp thọ báo, cho nên nói: Lưới nghiệp vây bủa, luân hồi trả nợ, sanh tử khó dứt. Nếu trong tâm không sanh vọng niệm, thì đối với cảnh giới bên ngoài đến, như như bất động, rõ ràng sáng suốt. Bởi vậy:

“Một niệm không sinh toàn thể hiện
Sáu căn giao động bị mây che”.

Chẳng còn niệm thì tâm sẽ diệt. Cống cao ngã mạn, độc tố tham sân si chẳng còn nữa, sinh tử cũng chấm dứt.

**Vô minh tạo nên có hai thứ
Trong duyên không rõ là nhân hành
Như vậy cho đến lão và tử
Từ đây khổ sinh không cùng tận.**

“Vô minh” tạo nên nghiệp nhân có hai thứ: Một thứ là làm tất cả, tức là nghiệp nhân, giống như hạt giống. Hạt giống gặp duyên chín mùi tức là nhân của “hành”. Như vậy

tiếp tục về sau thẳng đến “sinh, lão, tử”, tuần hoàn không ngừng, đều do “vô minh” sinh ra. Ba khổ tám nạn cũng tuần tự sinh ra, chẳng lúc nào cùng tận.

**Vô minh làm duyên không thể dứt
Duyên khổ đó hết thấy đều diệt
Ngu si ái thủ phiền não chi
Hành hữu là nghiệp chi khác khổ.**

Mười hai nhân duyên từ “vô minh” sinh ra, tiếp tục diễn biến tiến về trước, vô cùng vô tận, chẳng có lúc nào đoạn diệt. Nếu hiểu rõ được đạo lý pháp môn hoàn diệt, thì khiến cho các duyên khác không sinh, thì mười hai nhân duyên cũng không, đoạn diệt mất. Môn hoàn diệt và môn thuận sinh, cả hai đều tương phản với nhau.

Môn thuận sinh là: “Vô minh duyên hành, hành duyên thức, thức duyên danh sắc, danh sắc duyên lục nhập, lục nhập duyên xúc, xúc duyên thọ, thọ duyên ái, ái duyên thủ, thủ duyên hữu, hữu duyên sanh, sanh duyên lão tử, ưu bi khổ não”.

Môn hoàn diệt là: “Vô minh diệt thì hành diệt, hành diệt thì thức diệt”. Như vậy thuận diệt về sau, thì tự nhiên các chi đều diệt mất. Vì “vô minh” sinh ra “ái”, có “ái” rồi thì sau đó có “thủ”, đây là người gốc của phiền não. “Hành duyên” và “hữu duyên” là chủ động lực tạo nghiệp, tức cũng là trồng xuống nhân thọ báo đời sau. Các duyên khác đều thuộc về nhân duyên của khổ.

**Si đến sáu xứ là hành khổ
Xúc thọ tăng trưởng là khổ khổ**

Còn các chi khác là hoại khổ Nếu thấy vô ngã ba khổ diệt.

Từ "Vô minh" đến "sáu xứ" – cũng gọi là "lục nhập", đây là hành khổ. "Xúc" và "thọ" hai thứ duyên này tăng trưởng, tức là khổ trong khổ. Còn các chi khác là hoại khổ. Nếu thấu đạt đạo lý tất cả vô ngã, cũng không có ngã sở, thì ba khổ này sẽ diệt trừ được.

Vô minh và hành là quá khứ Thức đến thọ chuyển biến hiện tại Ái thủ hữu sinh khổ vị lai Quán đãi nếu dứt mờ mé dứt.

"Vô minh" và "hành" hai chi này là nhân của quá khứ. Từ "thức" đến "thọ" mấy chi này là nhân hiện tại đang chuyển biến con người. "Ái" và "thủ, hữu, sinh" mấy chi này là nhân khổ của vị lai. Quán sát suy gẫm kỹ càng nhân sinh khởi của mười hai nhân duyên, hiểu rõ phương pháp đối trị hoàn diệt chuyên tâm tu hành học đạo, đồng đối đãi với khổ vô biên không bờ mé, cuối cùng dứt tận diệt sạch hết.

Vô minh làm duyên trói buộc sinh Nơi duyên lia được trói buộc hết. Từ nhân sinh quả lia sẽ dứt Quán sát từ đây biết tánh không.

Từ "Vô minh" về sau sinh ra nhân duyên các chi khác, đó tức là trói buộc "sinh". Nếu thấu hiểu được môn

hoàn diệt, thì từ "vô minh" duyên khởi này sẽ đoạn diệt, trời buộc sinh sẽ hết, khổ cũng hết chẳng còn nữa. Từ nhân duyên mới sinh ra quả báo; lia nhân duyên rồi, thì quả báo đương nhiên sẽ lia. Bạn thường quán sát suy gẫm về đạo lý này, thì sẽ minh bạch "nhân duyên sinh ra pháp, tất cả tức là không".

**Tuỳ thuận vô minh khởi các cõi
Nếu không tuỳ thuận các cõi dứt
Đây có kia có không cũng vậy
Mười thứ suy gẫm tâm lia chấp.**

Nếu thuận theo "vô minh" phát triển về sau, thì các chi khác nhân duyên cũng thuận theo từng chi từng chi sinh khởi. Nếu không thuận theo "vô minh" phát triển về sau, thì các chi khác sẽ không sinh khởi theo. Đạo lý này là : Có chi này thì sẽ sinh ra chi khác. Nếu chi này không sinh khởi, thì chi khác không thể sinh ra. Quán tưởng kỹ càng mười thứ đạo lý này, kết luận lại là "tâm phải lia chấp trước".

**Có chi liên tục một tâm nhiếp
Tự nghiệp chẳng lia và ba đường
Ba tế ba khổ nhân duyên sanh
Ràng buộc khởi diệt thuận vô tận.**

Vì "có" chi nghiệp nhân này, khiến sinh tử liên tục không dứt, nguyên nhân chủ yếu vẫn là do một tâm nhiếp với nhau không lia, tức là chấp trước. Tự mình tạo ra nghiệp ác thì không thể giải thoát được, sẽ bị đọa vào trong

ba đường ác. Nghiệp nhân ba đời đắc được báo của ba khổ, đó đều là chi phối nhân duyên của thọ, khó thoát khỏi khổ báo. Sự ràng buộc các thứ khổ của con người, sinh diệt biến đổi, thuận theo vô minh, thì vĩnh viễn chẳng có lúc nào dừng lại và hết được. Nếu giác ngộ chân lý sinh diệt, lìa khỏi "có" và "chấp trước" thì sẽ chấm dứt các khổ.

**Như vậy quán khắp duyên khởi hành
Không làm không thọ không chân thật
Như huyền như mộng như hình bóng
Cũng như kẻ ngu đuổi dương diệm.**

Quán sát khắp duyên khởi của các pháp như vậy, biết chẳng có kẻ làm, cũng chẳng có kẻ thọ, càng không có thể tánh chân thật, đều là giả không. Giống như huyền thuật, cảnh mộng, hoặc giống như hình bóng, lại giống như kẻ ngu si đuổi theo dương diệm, mà chẳng tìm được dương diệm, tất cả đều là hư vọng không thật, bất khả đắc.

**Như vậy quán sát vào nơi không
Biết duyên tánh lìa được vô tướng
Thấu rõ hư vọng không nguyện cầu
Chỉ có từ bi độ chúng sinh.**

Như vậy suy gẫm quán sát, thì chứng được chân lý "không", minh bạch bản tánh của tất cả nhân duyên, đều là không chẳng chỗ có. Có thể nhận thức rõ ràng bản tánh của mười hai nhân duyên, thì sẽ xa lìa "vô minh", chứng được pháp môn vô tướng giải thoát. Biết tất cả pháp hữu vi đều là hư vọng, sẽ chứng được pháp môn vô nguyện giải thoát.

Tất cả những gì đều buông xả hết, chỉ có lưu lại tâm từ bi, dùng để giáo hoá chúng sinh, mới là chân thật không hư.

**Đại sĩ tu hành môn giải thoát
Thêm ích đại bi cầu Phật pháp
Biết các hữu vi hoà hợp làm
Chí ưa quyết định siêng hành đạo.**

Đại Sĩ là một tên gọi khác của Bồ Tát. Cũng gọi là chúng sinh Đại đạo tâm, vì Bồ Tát là do chúng sinh tinh cần tu đạo mà thành tựu, vì Ngài có đạo tâm kiên cố đặc biệt, cho nên được gọi là chúng sinh có đại đạo tâm. Còn gọi là Đại khai sĩ, hay khai mở trí huệ cho tất cả chúng sinh. Còn gọi là đại Bồ Tát, đây là nửa tiếng Phạm, nói cho đầy đủ là Bồ đề tát đỏa, dịch là "giác hữu tình", hay giác ngộ tất cả hữu tình. Hữu tình tức là chúng sinh, còn gọi là "hữu tình giác", nghĩa là một bậc giác ngộ trong hữu tình. Bồ Tát tu học pháp môn giải thoát, Ngài biết muốn đắc được giải thoát, phải diệt trừ tham sân si, không chấp trước, thì mới không bị mọi sự ràng buộc. Sỡ dĩ phàm phu bị ràng buộc, là vì tự mình cùng với vô minh phiền não ràng buộc với nhau, buông bỏ chẳng đặng tham sân si, chấp trước tất cả hư huyền vọng niệm, do đó chẳng được giải thoát. Nếu phá trừ được vô minh, đoạn sạch phiền não, tiêu diệt tham sân si, như vậy thì sẽ đắc được pháp môn giải thoát, đắc được tự do tự tại chân chánh, chẳng còn chấp trước ! Bồ Tát đắc được môn giải thoát, đắc được đại lợi ích, thì tâm đại bi càng tăng trưởng, tâm tinh tấn trên cầu Phật đạo càng thêm vững chắc. Bởi vậy Bồ Tát càng thấu rõ vạn sự vạn vật của thế gian, cùng với sự hình thành

tất cả pháp hữu vi thành lập, đều không lìa khỏi nhân duyên hoà hợp. Bồ Tát biết rõ những đạo lý này rồi, quyết định phát ra tâm kiên cố, chí nguyện tu hành, ưa thích siêng hành Phật đạo.

**Môn không tam muội đủ trăm ngàn
Vô tướng vô nguyện cũng như vậy
Bát nhã thuận nhãn đều tăng thêm
Giải thoát trí huệ được thành mãn.**

Không tam muội tức là thấu rõ chân đế của "không". Tam muội là chánh định chánh thọ. Pháp môn tam muội "không" này có trăm ngàn thứ. Tam muội vô tướng vô nguyện cũng có trăm ngàn thứ loại. Bát nhã là đại trí huệ vô thượng, pháp trí huệ xuất thế. Tùy thuận nơi pháp môn vô sinh pháp nhãn, càng ngày càng tăng tấn, do đó mà pháp môn giải thoát trí huệ được thành tựu viên mãn.

**Lại dùng thâm tâm cúng nhiều Phật
Ở trong Phật giáo tu tập đạo
Được Phật pháp tạng thêm căn lành
Như vàng dùng lưu ly dũa bóng.**

Bồ Tát lại dùng tâm chí thành thâm sâu rộng lớn của Ngài, luôn luôn cúng dường các đức Phật. Dưới sự dạy bảo từ bi của Phật, tu tập vô thượng Phật đạo, đắc được Phật pháp bảo tạng, căn lành cũng càng tăng trưởng. Giống như vàng thật dùng lưu ly đá báu để mài dũa, khiến cho sự sáng bóng càng thêm sáng bóng.

**Như trăng mát mẽ bị các vật
Bốn gió thổi đến không thể hoại
Bồ Tát địa này vượt ma đạo
Cũng dứt phiền não của chúng sinh.**

Lại giống như ánh sáng của mặt trăng chiếu lên thân chúng sinh, khiến cho chúng sinh cảm thấy mát mẽ. Gió bốn mùa xuân hạ thu đông, tuy sức gió mỗi mùa khác nhau, cũng không thể phá hoại được ánh sáng mát mẽ của mặt trăng. Bồ Tát địa thứ sáu - Hiện tiền địa, định lực tu hành đã vượt qua khỏi các ma đạo, hàng phục được các ma đạo. Tâm đại bi mát mẽ của Bồ Tát, cũng hay diệt trừ được bệnh nhiệt phiền não của chúng sinh.

**Địa này thường làm Thiện Hoá vương
Hoá đạo chúng sinh trừ ngã mạn
Chỗ làm đều cầu nhất thiết trí
Đều đã vượt qua Thanh Văn đạo.**

Bồ Tát Hiện tiền địa, dùng nguyện lực của Ngài, thường thị hiện làm Thiên Vương trời Thiện Hoá, giáo hoá tất cả chúng sinh, khiến cho họ trừ khử tập khí ác công cao ngã mạn. Những gì Bồ Tát làm, và tu tập tất cả pháp môn, cùng với tích tập đủ thứ căn lành công đức, mục đích là muốn cầu được nhất thiết chủng trí. Pháp môn tu hành và sự thành tựu của Bồ Tát địa thứ sáu, đều đã vượt qua pháp môn của bậc Thanh Văn Duyên Giác tu.

Địa này Bồ Tát siêng tinh tấn

**Được các tam muội trăm ngàn ức
Cũng thấy bao nhiêu vô lượng Phật
Ví như mặt trời giữa mùa hạ.**

Bồ Tát Địa thứ sáu, lúc nào cũng tinh tấn không giải đãi, cho nên Ngài mới đắc được vô lượng trăm ngàn ức tam muội – chánh định chánh thọ. Đồng thời cũng thấy được vô lượng vị Phật nhiều không thể đếm biết được. Sự thành tựu đó, có thể dùng mặt trời mùa hạ làm ví dụ, vì ai ai cũng đều cảm thọ được ánh nắng gay gắt.

**Thâm sâu vi diệu khó thấy biết
Thanh Văn Độc Giác không rõ được
Bồ Tát Địa thứ sáu như vậy
Tôi vì Phật tử đã nói xong.**

Phật pháp thâm sâu vi diệu vô thượng, rất khó thấy được, cũng không dễ gì hiểu được. Thanh Văn và Duyên Giác của hàng nhị thừa, các Ngài tuy đã ở trong hàng Thánh, nhưng cũng không thể nào hiểu biết hoàn toàn. Sự tu hành của các vị Bồ Tát Địa thứ sáu - Hiện tiền địa, pháp môn và cảnh giới của địa này, tôi - Bồ Tát Kim Cang Tạng đã vì các vị đệ tử của Phật diễn nói xong rồi.

KINH HOA NGHIÊM ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT

QUYÊN BA MƯƠI TÁM

**PHẨM THẬP ĐỊA THỨ HAI MƯƠI SÁU
THỨ BẢY VIÊN HÀNH ĐỊA**

**Bấy giờ Thiên chúng lòng hoan hỉ
Rải báu thành mây trụ trong không
Khắp phát đủ thứ âm thanh hay
Nói với bậc tối thắng thanh tịnh.**

Lúc đó, các Thiên chúng ở trong pháp hội, trong tâm của mọi người đều tràn đầy sự hoan hỉ, bèn rải xuống các thứ châu báu ở trong không kết thành vàng mây sáng chói rất đẹp. Các vị đó khắp phát ra đủ thứ âm thanh hay, nói với đức Phật, bậc thù thắng nhất thanh tịnh nhất.

**Thấu đạt thắng nghĩa trí tự tại
Thành tựu công đức trăm ngàn ức
Hoa sen trong đời không chấp trước
Vì lợi quần sinh nói hạnh sâu.**

Đức Phật thấu đạt tất cả nghĩa đế thù thắng nhất, lại có trí huệ tự tại, thành tựu công đức trăm ngàn ức, đây có thể ví dụ là một đoá hoa sen lớn trong loài người – Hoa sen

sinh ra từ trong bùn mà không nhiễm, cũng không vương nước. Đức Phật không chấp trước bất cứ điều gì, chỉ vì muốn lợi ích chúng sinh, mới diễn nói pháp môn thâm sâu vi diệu này.

**Tự Tại Thiên Vương ở trong không
Phóng đại quang minh chiếu thân Phật
Cũng rải mây hương thơm tối thượng
Khắp cúng bậc dứt ưu phiền não.**

Đại Tự Tại Thiên Vương cũng ở trong hư không, phóng ra đại quang minh, chiếu đến thân Phật, lại rải xuống hương thơm tốt đẹp nhất, kết thành mây ở trong hư không. Tất cả đều dâng lên cúng dường đức Thế Tôn, bậc chẳng còn sầu lo phiền não.

**Bấy giờ Thiên chúng đều hoan hỉ
Đều phát tiếng hay cùng khen ngợi
Chúng tôi nghe công đức địa này
Thời là đã được lợi lành lớn.**

Lúc đó, Đại Tự Tại Thiên Vương và Thiên chúng, ở trong hư không rải hoa, rải hương thành mây, phóng quang minh chiếu đến thân Phật, Dạ Ma Thiên Vương và Thiên chúng cũng rất hoan hỉ, nên đại chúng dị khẩu đồng thanh, cùng phát ra tiếng tốt đẹp để khen ngợi đức Phật, nói: Chúng tôi đang nghe đến pháp môn Địa thứ sáu - Hiện tiền địa, thật là bất khả đa đắc! Vì đây là căn lành công đức của các đại Bồ Tát phát đại tâm và đại nguyện lực tu hành. Mà khiến cho chúng tôi nghe được rồi, cũng đắc được đại thiện

ngiệp và lợi ích, khiến cho chúng tôi minh bạch phải sớm giác ngộ, bỏ mê về với giác.

**Thiên nữ lúc đó tâm vui mừng
Cùng tấu âm nhạc trăm ngàn thứ
Đều do thần lực của Như Lai
Trong âm cùng vang lời như vậy:**

Lúc đó, trong tâm của các Thiên nữ cũng đặc biệt hoan hỉ vui mừng, cùng nhau tấu lên ngàn vạn thứ nhạc trời, để biểu thị chí tâm cúng dường chư Phật. Cảnh tượng đó đều hoàn toàn nhờ đại oai thần lực của Phật. Trong tiếng nhạc và tiếng ca đó, mọi người không hẹn mà cùng nhau xướng lên lời ca giống nhau, khen ngợi công đức vô thượng của chư Phật.

**Oai nghi tịch tĩnh không ai bằng
Điều phục hết thấy đời đáng cúng
Đã vượt tất cả các thế gian
Mà vào thế gian xiển đạo mầu.**

Oai nghi của Phật là từ tường, khiến cho người kính sợ. Trong sự tịch tịnh chảy lộ ra hoà mục, khiến cho người thấy rồi sinh ra tánh hâm mộ. Trong thế gian không có người nào có thể sánh với đức Phật. Có những chúng sinh cương cường khó điều phục, họ vô minh ám chướng quá nhiều, đối với sự lý chẳng minh bạch, đối với người cống cao ngã mạn, thấy mình rất cao. Một khi gặp được bậc thiện tri thức, hiểu chút sự lý ngược lại càng thêm ngạo mạn. Tóm lại, loại chúng sinh này có các thứ chướng ngại,

khiến cho họ không dễ gì tự tại buông bỏ được, phá chẳng được chấp trước của chính mình. Đức Phật đối với những chúng sinh cang cường đáng thương xót này, dùng trí huệ vô thượng và các thứ pháp môn phương tiện khéo léo, để điều phục, giáo hoá họ, dẫn dắt họ đi trên con đường lớn sáng suốt. Do đó, chúng sinh trên thế gian đều phải tôn kính cúng dường đức Phật. Đức Phật là sư biểu của trời người phước huệ đầy đủ giác hạnh viên mãn, tất cả đều đã vượt qua phàm Thánh. Nhưng lòng từ bi của đức Phật như biển cả, chưa từng xả bỏ chúng ta, tùy thời đều vì chúng sinh trong biển khổ, tuyên dương họ làm thế nào được vô thượng diệu pháp là khổ được vui.

**Tuy hiện đủ thứ vô lượng thân
Biết mỗi mỗi thân không chỗ có
Khéo dùng lời lẽ nói các pháp
Không chấp tướng văn tự âm thanh.**

Tuy nhiên đức Phật hiện đủ thứ, nhiều vô lượng không thể đếm được hoá thân khác nhau, để giáo hoá chúng sinh, nhưng đức Phật không chấp vào những thân đó, vì đức Phật biết tất cả cuối cùng đều là hư vọng không thật. Đức Phật biết rất rõ căn tánh của chúng sinh, Ngài biết vận dụng lời lẽ khéo léo và pháp môn phương tiện, khéo hợp với căn cơ của chúng sinh, đối với chúng sinh diễn nói các pháp. Đức Phật vì giáo hoá chúng sinh, dùng đủ thứ lời lẽ, đủ thứ văn tự, đủ thứ âm thanh, đủ thứ hoá tướng; tuy nhiên như vậy, Ngài cũng chẳng chấp trước vào lời nói, lời dạy, và giả tướng của văn tự âm thanh.

**Qua đến trăm ngàn các cõi nước
Dùng đồ thượng hạng cúng dường Phật
Trí huệ tự tại không chấp trước
Không sinh khởi tưởng cõi Phật ta.**

Đức Phật giáo hoá chúng sinh, không giới hạn một cõi nước, Ngài trải qua khắp trăm ngàn ức cõi nước, giáo hoá chúng sinh. Đại Bồ Tát hành Bồ Tát đạo, cũng đến trăm ngàn ức cõi nước để gần gũi Phật. Bồ Tát dùng các thứ đồ thượng hạng cần dùng hằng ngày, cúng dường mười phương chư Phật. Trí huệ của Phật và Bồ Tát, đều đã đạt đến cảnh giới tự tại không chấp trước, cho nên các Ngài chẳng có giới hạn cõi nước của tôi và cõi nước của bạn. Chư Phật là một thể, cõi nước của chư Phật chẳng phân chia đó đây, chẳng có sự khác biệt. Do đó, đức Phật không sinh khởi tư tưởng kêu chúng sinh đến nước của tôi.

**Tuy siêng giáo hoá các chúng sinh
Mà không có các tâm đó đây
Tuy đã tu thành thiện rộng lớn
Mà nơi pháp lành không chấp trước.**

Tuy nhiên đức Phật luôn luôn giáo hoá chúng sinh, nhưng trong tâm nghĩ như vậy:

“Tôi khiến tất cả chúng sinh được diệt độ,
Mà không một chúng sinh được diệt độ”.

Nghĩa là không chấp vào tướng. Đức Phật chẳng có tâm phân biệt “bạn là chúng sinh, tôi là Phật”. Tuy nhiên

biết mình đã tu thành căn lành và công đức rộng lớn, mà đối với pháp lành của mình tu, không sinh tâm chấp trước.

**Vì thấy tất cả các thế gian
Lửa tham sân si thường thiêu đốt
Nơi các tướng niệm thấy đều lìa
Phát khởi đại bi sức tinh tấn.**

Đức Phật thấy hết thấy chúng sinh trên thế gian, từ vô lượng kiếp đến nay, thường bị lửa tham sân si thiêu đốt che lấp đi chân tánh vốn có. Tại sao phàm phu không dễ gì tu thành Phật quả? Vì bị thiêu đốt mê hồ ở trong lửa dữ ba độc, thoát chẳng được. Nếu tiêu diệt được lửa dữ ba độc, gần gũi Phật, siêng tu giới định huệ ba học vô lậu, đắc được ba học mát mẻ, thì sẽ thành Phật đạo. Phải lìa khỏi tâm si vọng tưởng, cuồng tâm dã tánh, bỏ vọng về chân, phát tâm đại bi vô lượng, dũng mãnh tinh tấn, siêng cầu Phật đạo.

**Tất cả chư Thiên và Thiên nữ
Cúng dường đủ thứ khen ngợi rồi
Đồng thời đều cùng đứng yên lặng
Chiêm ngưỡng Nhân Tôn nguyện nghe pháp.**

Hết thấy Thiên Vương của các cõi trời, Thiên chúng, và Thiên nữ, rải hoa, rải hương, tấu nhạc trời, ca tụng khen ngợi và dâng cúng đủ thứ đồ thượng hạng rồi, mọi người đồng thời cung kính yên lặng, mắt không nháy, chiêm ngưỡng Đức Phật tối tôn quý trong loài người, hy vọng tiếp tục nghe đức Phật nói pháp.

**Giờ Giải Thoát Nguyệt lại thỉnh rằng:
 Các đại chúng đây tâm thanh tịnh
 Các hạnh tướng trong Địa thứ bảy
 Xin mong Phật tử hãy tuyên nói.**

Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt lại hướng về Bồ Tát Kim Cang Tạng thỉnh pháp, nói: Các đại Bồ Tát trong pháp hội này, đều đã hoàn toàn thanh tịnh, chẳng có tư hào tâm vọng tưởng, đang đợi nghe diệu pháp Địa thứ bảy trong Thập địa. Tại Địa thứ bảy phải tu hành như thế nào? Tu những pháp môn gì? Những cảnh giới đó ra sao? Có những tướng trạng gì? Hy vọng đại đệ tử của đức Phật - Bồ Tát Kim Cang Tạng, xin Ngài tiếp tục vì đại chúng diễn nói.

Bấy giờ, Bồ Tát Kim Cang Tạng bảo Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng: Phật tử! Đại Bồ Tát đầy đủ hạnh Địa thứ sáu rồi, muốn vào Viên Hành Địa thứ bảy, phải tu mười thứ phương tiện huệ, phát khởi đạo thù thắng.

Khi Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt hướng về Bồ Tát Kim Cang Tạng thỉnh pháp rồi, thì Bồ Tát Kim Cang Tạng liền tiếp thọ sự thỉnh cầu của Ngài, nói: Các vị đệ tử của Phật! Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo tích tập đủ thứ căn lành, tu hành viên mãn Địa thứ sáu rồi, lại tiếp tục tu hành Địa thứ bảy - Viên Hành địa, thì phải tu tập mười thứ phương tiện

trí huệ. Mười thứ phương tiện trí huệ này, sẽ phát khởi sự thấu hiểu thâm sâu đối với Phật pháp, đối với tất cả pháp hữu vi càng nhận thức triệt để, mà xả bỏ sự chấp trước. Tâm từ bi đối với sự giáo hoá chúng sinh càng thâm thiết. Rõ pháp tánh không mà hay tùy thuận ý giải của chúng sinh, phát khởi trí huệ thù thắng, phương tiện khéo léo nhậm vận hành sự.

Những gì là mười? Đó là: Tuy khéo tu tam muội không, vô tướng, vô nguyện, mà từ bi chẳng bỏ chúng sinh.

Tuy được pháp bình đẳng của chư Phật, mà thường ưa thích cúng dường Phật.

Tuy vào môn quán không trí, mà siêng tích tập phước đức.

Tuy xa lìa ba cõi, mà trang nghiêm ba cõi.

Tuy rất ráo vắng lặng các lửa phiền não, mà hay vì tất cả chúng sinh khởi diệt lửa phiền não tham sân si.

Tuy biết các pháp như huyễn, như mộng, như tiếng vang, như lửa ngọn, như biến hoá, như trăng dưới nước, như hình

trong gương, tự tánh không hai, mà tùy tâm tạo vô lượng nghiệp thiện khác biệt.

Tùy biết tất cả cõi nước giống như hư không, mà hay dùng diệu hạnh thanh tịnh trang nghiêm cõi Phật.

Tùy biết pháp thân chư Phật bốn tánh không thân, mà dùng tướng tốt để trang nghiêm thân Phật.

Tùy biết âm thanh chư Phật, tánh không vắng lặng không thể nói, mà hay tùy tất cả chúng sinh phát ra đủ thứ âm thanh tịnh khác nhau.

Tùy tùy chư Phật rõ biết ba đời chỉ là một niệm, mà tùy chúng sinh ý hiểu phân biệt, dùng đủ thứ tướng, đủ thứ thời, đủ thứ kiếp số, mà tu các hạnh.

Bồ Tát dùng mười thứ phương tiện huệ như vậy, phát khởi hạnh thù thắng. Từ Địa thứ sáu vào Địa thứ bảy, khi vào rồi, hạnh này thường hiện ra ở trước, tên là trụ Viên Hành địa thứ bảy.

Những gì là mười thứ phương tiện trí huệ? Tức là:

1. Tùy nhiên Bồ Tát biết tất cả đều là không, tất cả đều là vô tướng, tất cả đều là vô nguyện. Ba thứ tam muội

không, vô tướng, vô nguyện này – Tuy Bồ Tát đã thâm nhập vào trong tam muội giải thoát này, nhưng Ngài vẫn phải phát tâm đại từ bi để giáo hoá chúng sinh. Khiến cho chúng sinh phát tâm Bồ đề, dùng từ bi hỷ xả bốn tâm đại từ bi vô lượng, không bỏ một chúng sinh nào. Có những người không tin Bồ Tát trợ giúp người, vì họ chẳng thấy được sự thật hiển hiện. Phải biết Bồ Tát trợ giúp người, mà chẳng cầu báo đáp. Nếu Bồ Tát không trợ giúp chúng ta, thì e rằng thân người này cũng khó đắc được! Làm thế nào để thấy được? Giống như chúng ta có thể một niệm hướng thiện, biết được không làm các điều ác, biết sợ nhân quả, đó tức là Bồ Tát làm ảnh hưởng chúng ta trong vô hình, giáo hoá chúng ta.

2. Bồ Tát trải qua kiếp số tu hành, vốn đã chứng được trí huệ, pháp lực và thần thông bình đẳng với Phật, nhưng Ngài vẫn luôn cung kính cúng dường ba đời chư Phật.

3. Tuy Bồ Tát đã vào pháp môn trí huệ quán không, biết rõ các pháp đều không, nhưng Ngài vẫn luôn luôn tu tập đủ thứ phước đức căn lành.

4. Bồ Tát vốn sớm đã vượt qua ba cõi, sớm đã lìa khỏi dục niệm, nhưng Ngài vẫn làm công đức lành không ngừng, dùng để trang nghiêm ba cõi.

5. Bồ Tát đã diệt trừ tất cả lửa phiền não, nhưng Ngài vì giáo hoá chúng sinh, vẫn sinh một chút diệt lửa ba độc.

6. Tuy Bồ Tát biết tất cả pháp hữu vi trên thế gian như huyễn, như cảnh mộng, như hình bóng, như tiếng vang, như lửa ngọn, như biến hoá, như trăng dưới nước, như hình bóng trong gương - những thứ đó đều là hư vọng,

là giả. Phật tánh của mình chẳng có hai, mà có thể tùy theo tâm từ bi vốn có, tạo đủ thứ nghiệp thiện khác nhau.

7. Tuy Bồ Tát biết tất cả cõi nước của chư Phật, cũng giống như hư không, không sinh tâm chấp trước, mà Ngài vẫn dùng diệu hạnh thanh tịnh, để trang nghiêm cõi nước chư Phật trong mười phương, khiến cho cõi nước chư Phật trong mười phương càng thêm thù thắng vi diệu.

8. Tuy Bồ Tát đã biết pháp thân của chư Phật, bản tánh chẳng có thân tướng nhất định, nhưng Ngài vẫn dùng ba mươi hai tướng tốt để trang nghiêm pháp thân của chư Phật.

9. Tuy Bồ Tát đã biết âm thanh của chư Phật, vốn là tánh không vắng lặng, không thể dùng lời nói để hình dung biểu đạt, là lia lời nói tướng, lia tướng văn tự, lia tâm duyên tướng, nhưng Bồ Tát vẫn tùy cảnh giới của tất cả chúng sinh, phát ra đủ thứ âm thanh thanh tịnh khác nhau.

10. Tuy Bồ Tát minh bạch pháp của chư Phật, giác ngộ ba đời bất quá là một niệm sinh khởi, nhưng Ngài vẫn y nhiên tùy tâm ý minh bạch của chúng sinh để phân biệt. Trong sự đủ thứ hình tướng, đủ thứ thời gian, đủ thứ kiếp số, Bồ Tát phải tu đủ thứ pháp môn.

Bồ Tát dùng mười thứ phương tiện trí huệ vừa nói ở trên, khai phát trí huệ vô thượng thù thắng nhất của Ngài, tu hạnh Bồ Tát, hành Bồ Tát đạo. Từ Địa thứ sáu tiến vào Địa thứ bảy rồi, như vậy đủ thứ pháp môn tu hành và cảnh giới, thường hiện ở trong tâm ý của Ngài, vĩnh viễn không bao giờ thôi thất, đây gọi là “trụ Địa thứ bảy - Viễn hành địa, “trụ” nghĩa là không thôi thất.

Phật tử ! Đại Bồ Tát trụ Địa thứ bảy này rồi, vào vô lượng cõi chúng sinh, vào vô lượng thiện nghiệp giáo hoá chúng sinh của chư Phật, vào vô lượng lưới thế giới, vào vô lượng cõi nước thanh tịnh của chư Phật, vào vô lượng đủ thứ pháp khác biệt, vào vô lượng hiện giác trí của chư Phật, vào vô lượng kiếp số, vào vô lượng giác ngộ trí ba đời của chư Phật, vào vô lượng tin hiểu khác nhau của chúng sinh, vào vô lượng đủ thứ thân danh sắc của chư Phật thị hiện, vào vô lượng ưa muốn, các căn khác nhau của chúng sinh, vào vô lượng lời nói âm thanh của chư Phật, khiến cho chúng sinh hoan hỉ. Vào vô lượng đủ thứ tâm hành của chúng sinh, vào vô lượng trí huệ hiểu biết rộng lớn của chư Phật, vào vô lượng tin hiểu của Thanh Văn thừa, vào vô lượng trí đạo của chư Phật nói, khiến cho tin hiểu. Vào vô lượng sự thành tựu của Bích Chi Phật. Vào vô lượng môn trí huệ thâm sâu của chư Phật nói, khiến cho thú nhập. Vào vô lượng phương tiện hạnh của

các Bồ Tát. Vào vô lượng đại thừa tập thành sự của chư Phật nói, khiến cho Bồ Tát được vào.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Đại Bồ Tát trụ Địa thứ bảy rồi, Ngài hay tùy tâm nguyện đi vào các cõi chúng sinh khác nhau. Ngài lại hay vào trong thiện nghiệp của chư Phật giáo hoá trợ giúp Phật tế độ chúng sinh. Ngài lại hay đi đến lưới các thế giới nhiều không thể đếm biết được để hành Bồ Tát đạo. Ngài lại hay đi vào cõi nước thanh tịnh của chư Phật để gần gũi chư Phật, không bị bất cứ trở ngại nào. Ngài lại hay vào sâu vô lượng đủ thứ pháp hữu vi và pháp vô vi khác nhau. Ngài lại hay vào vô lượng trí huệ của chư Phật thị hiện giác ngộ chúng sinh, khiến cho chúng sinh sớm giác ngộ. Ngài lại hay vào vô lượng kiếp thời gian dài ngắn khác nhau, cùng nhau nhiếp nhập, cùng nhau vô tận. Ngài lại hay vào vô lượng giác ngộ trí huệ ba đời của chư Phật. Lại hay vào vô lượng sự tin hiểu khác nhau của chúng sinh, vì Ngài minh bạch căn tánh của chúng sinh. Lại hay vào vô lượng các thứ thân danh sắc khác nhau của chư Phật thị hiện. Lại hay vào vô lượng các thứ căn tánh khác nhau của chúng sinh, khế hợp sự ưa muốn của họ. Lại hay phát huy vô lượng lời lẽ âm thanh giống như chư Phật, thay thế chư Phật tuyên dương Phật pháp, giáo hoá chúng sinh, làm cho chúng sinh hoan hỷ. Ngài lại khéo biết vô lượng tâm lý của chúng sinh, tùy thời hoà với họ, làm ảnh hưởng họ, khiến cho họ không lầm vào đường tà. Lại hay vào sâu vô lượng biển trí rộng lớn của chư Phật và biết rõ sử dụng. Lại hay vào sâu trong vô lượng Thanh Văn thừa, tin sâu, lý giải

pháp môn bốn đế. Lại hay vào sâu trong vô lượng trí đạo của chư Phật thuyết pháp, khiến cho chúng sinh sinh tâm tin hiểu. Lại hay vào sâu vô lượng pháp môn mười hai nhân duyên của Bích Chi Phật tu, thành tựu quả vị A la hán. Lại hay vào sâu vô lượng pháp môn trí huệ thâm sâu của chư Phật nói, khiến cho chúng sinh đều tiến vào được. Lại hay vào sâu vô lượng pháp môn phương tiện của các Bồ Tát. Lại hay vào sâu vô lượng lục độ vạn hạnh, pháp môn đại thừa của chư Phật nói mà thành Phật sự, khiến cho Bồ Tát cũng đều vào được pháp môn đại thừa viên dung vô ngại này.

Bồ Tát này nghĩ như vậy: Vô lượng cảnh giới Như Lai như vậy, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp cũng không biết hết được. Tôi phải dùng tâm không phân biệt, không công dụng để thành tựu viên mãn.

Phật tử! Bồ Tát này dùng trí huệ thâm sâu quán sát như vậy, thường siêng tu tập phương tiện huệ, khởi đạo thù thắng, an trụ bất động, không một niệm ngừng nghỉ phé bỏ. Đi đứng nằm ngồi cho đến ngủ nghỉ, chưa từng tạm tương ưng với cái chướng, thường không hề bỏ tưởng niệm như vậy.

Vị Bồ Tát trụ tại Địa thứ bảy này, suy gẫm như vậy: Cảnh giới của Phật nhiều không thể biết hết như vậy, dù có trải qua trăm ngàn ức Na do tha kiếp thời gian lâu dài, cũng không cách chi biết được hết số mục chính xác. Hiện tại tôi phải dùng tâm ý tự tại, vô công dụng hạnh, nhậm vận tự tại, chẳng có sự phân biệt so đo, để thành tựu viên mãn tất cả các pháp môn đó.

Các vị đệ tử của Phật! Vị Bồ Tát địa thứ bảy này, lại dùng trí huệ thâm sâu của Ngài tu được quán sát như vậy, luôn luôn siêng năng tu tập phương tiện trí huệ, chẳng trụ nơi không, có, sở hành thù thắng. Trong pháp đạo thù thắng đó, an trụ tu hành, hiển quán thành tướng, oai nghi đi đứng, thân tướng chẳng động. Bồ Tát chẳng sinh tư tưởng một niệm giải đãi, càng không ngừng phê bỏ. Khi đi, khi dừng nghỉ, khi tĩnh tọa, khi ngủ nghỉ, thậm chí ở trong mộng, đều không quên những Phật pháp đại thừa này; dù ở trong chiêm bao, cũng không có cái chướng, phiền não chướng để quấy nhiễu những Phật pháp đại thừa này, vì Ngài trọn không quên Phật đạo thù thắng.

Bồ Tát này ở trong niệm niệm, thường đầy đủ mười Ba la mật. Tại sao? Vì niệm niệm đều dùng đại bi làm đầu, tu hành Phật pháp, hướng về trí huệ của Phật.

Hết thấy căn lành, vì cầu trí huệ của Phật, mà bố thí cho chúng sinh, đó gọi là Đàn na Ba la mật. Hay diệt tất cả các phiền não nóng bức, đó gọi là Thi la ba la mật.

Từ bi làm đầu, không tổn hại chúng sinh, đó gọi là Sà ã Ba la mật. Cầu thiện pháp thù thắng, không nhằm đủ, đó gọi là Tỳ lê gia Ba la mật. Nhất thiết trí đạo thường hiện ra ở trước, chưa từng tán loạn, đó gọi là Thiền na Ba la mật. Hay nhẫn các pháp không sinh không diệt, đó gọi là Bát nhã Ba la mật. Hay sinh ra vô lượng trí, đó gọi là phương tiện Ba la mật. Hay cầu trí huệ vô thượng, đó gọi là nguyện Ba la mật. Tất cả dị luận và các chúng ma không thể trở ngại phá hoại được, đó gọi là lực Ba la mật. Như thật biết rõ tất cả pháp, đó gọi là trí Ba la mật.

Vị Bồ Tát này trụ Địa thứ bảy - Viên hành địa, bất cứ lúc nào, ở đâu, trong tâm của Ngài chẳng có một sát na nào quên mất mười Ba la mật. Tại sao? Vì Bồ Tát ở trong mỗi ý niệm, đối với mọi người, đối với tất cả chúng sinh, đối với tất cả sự việc, Ngài đều dùng tâm đại bi làm bản hoài. Do đó, Ngài siêng tu các thứ pháp môn, nghĩa là vì hướng về siêng cầu trí huệ của Phật.

1. Ngài tích tập đủ thứ căn lành công đức, cũng là vì cầu được trí huệ của Phật. Sau đó lại đem những trí huệ thù thắng này, bố thí cho chúng sinh, khiến cho chúng sinh cũng đắc được đại trí huệ vô thượng, đây gọi là Đản na ba la mật. Ba la mật nghĩa là “đến bờ kia”, bờ kia tức là bờ lìa

sinh tử bên kia, chứng Niết bàn bờ bên kia, thành tựu Phật đạo. Tức cũng nói Đản na ba la mật - bố thí công đức, đạt đến không, vô tướng, vô nguyện, tam luân thể không, chẳng có chút thiếu khuyết nào, nên đến được bờ bên kia, thành Phật đạo.

2. Trí huệ của Phật, hay tiêu diệt bất cứ phiền não chấp trước, lừa dối vô minh nào; nghĩa là nói công phu giữ giới, đạt đến trình độ thanh tịnh, chẳng có chút nhiễm ô nào, thì sẽ đạt đến Niết bàn bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

3. Dùng tâm từ bi làm đầu, không làm cho chúng sinh bị chút tổn hại nào, nghĩa là công đức nhẫn nhục tu đến giai đoạn viên mãn nhất, chẳng có chút khuyết điểm nào, thì sẽ đạt đến bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

4. Siêng cầu tu học thiện pháp thù thắng, chưa từng sinh tâm mỗi mệt và tâm tự mãn kiêu ngạo, nghĩa là tinh thần dũng mãnh tinh tấn siêng cầu tu học, đạt đến trình độ cao nhất, chứng được Niết bàn bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

5. Hết thầy đạo trí huệ của Phật, thường thường chỉ hiện ở trong tâm thức, vận dụng tự như, tuyệt đối chẳng tán loạn hốt hoảng, nghĩa là công phu thiền định đạt đến trình độ cao nhất. Lúc đó, định lực thâm hậu, trí huệ tự nhiên sinh ra, đạt đến bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

6. Thấu hiểu được đạo lý chân thật của các pháp thật tướng, không sinh không diệt, nghĩa là trí huệ đạt đến đỉnh cao nhất, mà đến được bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

7. Sinh ra vô lượng phương tiện trí huệ khéo léo, đối với vô lượng pháp thế gian, nghĩa là pháp môn phương tiện “đại dụng”, phát duy được hiệu lực cao nhất, đạt đến bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

8. Biết siêng cầu Phật trí vô thượng, nghĩa là biểu hiện của nguyện lực đạt đến cực điểm, cũng có thể đến được bờ Niết ban bên kia, thành tựu Phật đạo.

9. Tất cả tà kiến dị luận ngoại đạo, và các ma quỷ, đều không thể phá hoại được tâm kiên cố tu học Phật đạo của Bồ Tát, không thể lay động được ý chí của Ngài tu hành Bồ Tát đạo, nghĩa là tín tâm nguyện lực đã đạt đến bờ bên kia, thành tựu Phật đạo.

10. Như thật tướng hiểu rõ được đạo lý của tất cả các pháp, dùng để giáo hoá chúng sinh, nghĩa là trí lực đã đến đỉnh điểm, chẳng có gì vượt qua được, tự đạt đến bờ bên kia, thành tựu Phật đạo. Bồ Tát tu học đạt đến Địa thứ bảy, có thể ở trong một niệm đầy đủ mười Ba la mật, niệm niệm như vậy, đến đây mới được đầy đủ viên mãn.

Phật tử! Mười Ba la mật này, Bồ Tát ở trong niệm niệm đều được đầy đủ. Như vậy bốn pháp nhiếp, bốn pháp trì, ba mươi bảy phẩm, ba môn giải thoát, lược nói cho đến tất cả pháp bồ đề phần, ở trong niệm niệm thấy đều viên mãn.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Mười Ba la mật này, Bồ Tát ở trong mỗi niệm thấy đều đầy đủ viên mãn. Như bốn pháp nhiếp - Bồ Tát độ chúng sinh thường dùng bốn thứ phương pháp để nhiếp thọ chúng sinh:

1. Bố thí.
2. Ái ngữ.

3. Lợi hành.

4. Đồng sự.

Bốn pháp trì, còn gọi là bốn tổng trì:

1. Pháp tổng trì, còn gọi là văn tổng trì, nơi giáo pháp của Phật nghe giữ không quên.

2. Nghĩa tổng trì: Nơi nghĩa lý các pháp, tổng trì không quên.

3. Chú tổng trì: Bồ Tát nương định khởi chú, trí chú thân nghiệm, hay trừ tai họa của chúng sinh.

4. Nhẫn tổng trì: Thật trí của Bồ Tát, hay nhẫn trì thật tướng của pháp mà không quên.

Ba mươi bảy phẩm, tức là ba mươi bảy thứ phẩm danh của Phật đạo:

1. Bốn niệm xứ. 2. Bốn chánh cần. 3. Bốn như ý túc, còn gọi là bốn thần túc. 4. Năm căn. 5. Năm lực. 6. Bảy giác phần. 7. Bát chánh đạo. Cộng lại là ba mươi bảy phẩm.

Ba môn giải thoát, tức là:

1. Không giải thoát môn.

2. Vô tướng giải thoát môn.

3. Vô nguyện giải thoát môn.

Đây chỉ là nói sơ lược mà thôi. Tóm lại, tất cả phải tu học pháp môn bồ đề giác đạo, Bồ Tát tại Địa thứ bảy, ở trong niệm niệm, thấy đều siêng năng tu học, viên mãn đầy đủ.

Bấy giờ, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng: Phật tử! Bồ Tát chỉ ở trong Địa thứ bảy này, đầy đủ tất

cả pháp bồ đề phần, hay là ở trong các địa cũng được đầy đủ?

Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử! Bồ Tát ở trong Thập địa đều đầy đủ pháp bồ đề phần. Riêng Địa thứ bảy thì thù thắng nhất. Tại sao? Vì Địa thứ bảy này công dụng hạnh đã viên mãn, vào được hạnh trí huệ tự tại.

Lúc đó, Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng: Đại đệ tử của Phật! Bồ Tát tu học pháp môn Thập địa, là trong địa thứ bảy mới đầy đủ tất cả pháp môn bồ đề giác đạo? Hay là mỗi địa trong Thập địa đều đầy đủ tất cả pháp môn bồ đề giác đạo?

Bồ Tát Kim Cang Tạng đáp lại Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt rằng: Đại đệ tử của Phật! Bồ Tát tu học pháp môn Thập địa, mỗi địa trong Thập địa đều đầy đủ tất cả pháp môn bồ đề giác đạo, bất quá ở tại Địa thứ bảy, tu học được thù thắng nhất viên mãn nhất. Tại sao? Vì các địa ở trước Địa thứ bảy, tu công đức và hạnh môn, tuy nói đã viên mãn, nhưng chưa chân chánh đắc được trí huệ tự tại, chỉ là đến tự phần đầy đủ. Đến Địa thứ bảy, tu công đức hạnh môn, có thể cầu chứng trí Địa thứ tám, đắc được trí huệ tự tại.

Phật tử! Bồ Tát ở tại Sơ địa, vì duyên tất cả Phật pháp nguyện cầu, đầy đủ pháp bồ đề phần. Vì Địa thứ hai là tâm cầu. Vì

Địa thứ ba nguyện lại tăng trưởng được pháp quang minh. Vì Địa thứ tư nhập đạo. Vì Địa thứ năm thuận việc làm thế gian. Vì Địa thứ sáu vào pháp môn thâm sâu. Vì Địa thứ bảy khởi tất cả Phật pháp, cũng đều đầy đủ pháp phần bồ đề. Tại sao? Vì Bồ Tát từ Sơ địa cho đến Địa thứ bảy thành tựu phần trí công dụng. Do nhờ sức lực này, từ Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười, vô công dụng hạnh, thấy đều thành tựu.

Các vị đệ tử của Phật! Bồ Tát tu tập pháp môn Thập địa, lúc ở trước Tam địa thì đều y cứ vào thập thiện, tất cả pháp hữu lậu thế gian, bốn trước nguyện lực, siêng cầu đạt đến viên mãn bồ đề giác đạo. Cho nên nói: “Sơ địa nguyện trung cụ”. Địa thứ hai thì y trì vào giới hạnh thanh tịnh, là tất cả nhiệm cầu, mà viên mãn đầy đủ, nên nói: “Nhị địa giới trung cụ”. Địa thứ ba thì nguyện lực tăng trưởng, nương trí huệ của Phật lợi ích chúng sinh, nên nói: “Tam địa văn trung cụ”. Địa thứ hai và Địa thứ ba đem các pháp hữu lậu, bốn trước trí huệ thông đạt đến pháp vô lậu xuất thế. Địa thứ tư nương tam muội thanh tịnh, được văn trì trí như thật hiển bày, huệ sáng tăng trưởng. Lúc đó, Bồ Tát đã vào Phật đạo, tu pháp môn xuất thế. Địa thứ năm sao gọi là Nan thắng địa? Vì các địa trước tuy được xuất thế, mà chưa thể thuận thế. Chân đế và tục đế vốn trái ngược với nhau,

mà nay phải khiến cho nó tương ưng hoà hợp với nhau, nên địa này đã được phương tiện nhiếp bỏ đề phần, có thể thuận những việc làm của thế gian. Địa thứ sáu thì đã viên mãn đầy đủ bỏ đề giác đạo, mà tiến vào pháp môn thâm sâu. Địa thứ bảy thì tu tập thể xuất thế gian thù thắng, sinh ra tất cả Phật pháp. Hết thấy 37 đạo phẩm các pháp môn đã nói ở trước, đều đã viên mãn đầy đủ. Bởi nguyên nhân gì? Vì Bồ Tát tu học pháp môn Thập địa, từ Sơ địa đến Địa thứ bảy, sáu địa trước đều thiên năng tu tập một thứ pháp môn, đến Địa thứ bảy mới đầy đủ tất cả. Do đó, từ sơ tích tập, đến địa này thì đã thành tựu trí công dụng chân thật trí huệ. Có phần trí lực này rồi, thì tiến vào Địa thứ tám cho đến Địa thứ mười, đều có thể nhập vận tự tại, vô công dụng hạnh rất tự nhiên, đều có thể thành tựu.

Phật tử! Ví như có hai thế giới, một nơi tạp nhiễm, một nơi thuần tịnh; ở giữa hai thế giới đó khó qua được, chỉ trừ Bồ Tát có đại phương tiện thần thông nguyện lực.

Phật tử! Bồ Tát các địa cũng lại như vậy; có hạnh tạp nhiễm, có hạnh thanh tịnh. Ở giữa hai thế giới đó khó qua được, chỉ trừ Bồ Tát có đại nguyện lực, phương tiện trí huệ, mới vượt qua được.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Ví như có hai thế giới, một thế giới thì có thanh

tịnh, cũng có tạp uế nhiễm cấu hỗn hợp, và một thế giới thì thuần nhất thanh tịnh không có chút tạp nhiễm nào. Ở giữa hai thế giới đó, rất khó thông qua được, chỉ có Bồ Tát có đại phương tiện trí huệ, thần thông diệu dụng, đại nguyện lực xả mình vì người, thì có thể đến đi tự tại.

Các vị đệ tử của Phật! Bồ Tát tu tập pháp môn Thập địa, khi tiến vào mỗi địa, cũng khó khăn như vậy. Nghĩa là thế nào? Vì mỗi người đều có A lại da thức, trong đó hàm chứa những hạt giống tạp nhiễm nhiều đời nhiều kiếp, tức là gốc rễ câu sanh ngã chấp. Từ Sơ địa đến Địa thứ bảy, phá được câu sanh ngã chấp rồi, chuyển tàng thức thành Đại viên cảnh trí, trở thành thanh tịnh thức, nhưng vẫn còn một phần hạt giống câu sanh khó dứt, cho nên nói khó qua được. Ý nghĩa ở giữa hai thế giới là: A lại da thức này nhiễm tịnh hai thứ hoà hợp, hiện tại ở tại Địa thứ bảy phải phá tướng câu sanh hoà hợp này, đoạn tuyệt hết sạch, rất là khó khăn nhất. Chỉ có Bồ Tát có đại nguyện lực rất lớn, có phương tiện trí huệ thù thắng, mới có thể an nhiên vượt qua tiến vào các địa sau.

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói: Phật tử! Bồ Tát Thất địa này là nhiễm hạnh, là tịnh hạnh?

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng: Đại đệ tử của Phật! Bồ Tát Thất địa là nhiễm hạnh? Hay là tịnh hạnh?

Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử! Từ Sơ địa đến Thất địa thực hành các

hạnh, đều xả lìa nghiệp phiền não, vì đem hồi hướng vô thượng bồ đề. Vì được phần đạo bình đẳng, nhưng chưa được gọi là hạnh siêu phiền não.

Bồ Tát Kim Cang Tạng trả lời Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói: Phật tử! Bồ Tát tu học pháp môn Thập địa, từ Sơ địa đến Thất địa, trong quá trình này, các Ngài tu học các thứ pháp môn, cùng với tư tưởng hành vi của các Ngài, đều đã lìa khỏi tất cả hạnh nghiệp phiền não. Đủ thứ hạnh nghiệp tu tích tập đều đem hồi hướng vô thượng bồ đề giác đạo, vì tông chỉ chủ yếu thành tựu tịnh hạnh. Nhưng chưa được tịnh vị. Vì hồi hướng mà được phần bình đẳng Phật đạo, được tịnh danh, mà chẳng phải là tịnh vị. Đây là nói đang muốn đoạn một phần chủng tử cấu sanh mà chưa có thể hoàn toàn đoạn hết, cho nên không thể nói là siêu phiền não, vì vẫn chưa cầu được thuần tịnh.

Phật tử! Ví như Chuyển Luân Thánh Vương cỡi voi trời báu, du hành bốn thiên hạ, biết có người bạn cùng khốn khổ, mà không bị hoạn nạn của những người đó làm nhiễm, nhưng chưa gọi là bậc siêu nhân. Nếu bỏ thân vua sinh về trời Phạm Thế, ngự cung điện trời, thấy ngàn thế giới, du hành ngàn thế giới, thị hiện Phạm

Thiên, quang minh oai đức, như vậy mới gọi là bậc siêu nhân.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Hiện tại tôi đưa ra một ví dụ: Chuyển Luân Thánh Vương ngồi trên voi báu, tuần du đông nam tây bắc bốn thiên hạ tất cả thế giới, nhìn thấy có rất nhiều người bần cùng khốn khổ, nhưng vua chẳng bị nhiễm những tình huống khốn khổ đó, mà chuyển biến những cảnh ngộ của những người bần cùng khốn khổ đó. Vì vua Chuyển Luân chưa đắc được sức lực siêu nhân, vua vẫn là một con người. Giả như vua Chuyển Luân xả bỏ thân người đó, mà sinh về trời Phạm Thiên làm Phạm Thiên Vương, ngự ở cung điện Phạm Vương, thì nhìn thấy được ngàn thế giới, du hành ngàn thế giới, cũng hiện thân Phạm Vương quang minh thân thông quyền năng oai đức, giải cứu được hoàn cảnh của những người bần cùng khốn khổ đó, đây mới có thể nói là sức lực hơn người.

Phật tử! Bồ Tát cũng lại như vậy. Ban đầu từ Sơ địa đến Thất địa, ngồi Ba la mật thừa, du hành thế gian. Biết các thế gian phiền não lỗi lầm hoạn nạn, do ngồi thừa chánh đạo, nên không bị phiền não lỗi lầm làm nhiễm, nhưng chưa gọi là siêu hạnh phiền não. Nếu bỏ tất cả hữu công dụng hạnh, từ Địa thứ bảy vào Địa thứ tám, ngồi thừa Bồ Tát thanh tịnh, du hành thế gian,

biết phiền não lỗi lầm, mà chẳng bị nhiễm. Đó mới gọi là siêu hạnh phiền não, vì vượt qua được hết tất cả.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Bồ Tát tu học pháp môn Thập địa, cũng giống như đạo lý ví dụ ở trên. Từ lúc ban đầu phát tâm tu học địa thứ nhất – Hoan hỉ địa, tuần tự dần dần tiến lên Địa thứ bảy - Viễn hành địa, tích tập đủ thứ căn lành, siêng cầu tu tập các Ba la mật, đắc được thần thông diệu dụng viên mãn của các Ba la mật, ngồi đại thừa vô thượng trí huệ, du hành thế gian. Biết được thấy được tất cả ưu bi khổ hoạn của thế gian, cùng với các thứ phiền não ràng buộc. Nhưng Bồ Tát đã hiểu tất cả nhân duyên nghiệp báo, có tư tưởng chánh đạo, trí huệ thù thắng, cho nên chẳng bị ảnh hưởng những thứ phiền não lỗi lầm đó. Tuy nhiên có chánh kiến và định lực đó, nhưng vẫn không thể nói là đã vượt qua nhiễm hạnh phiền não. Giả sử Bồ Tát có thể tiến tới mà xả bỏ công dụng tư tưởng tất cả hữu tướng, ý chấp, đoạn trừ một phần chủng tử cấu sanh cuối cùng, từ Địa thứ bảy tiến vào Địa thứ tám, thì lúc đó đã xả bỏ tư tưởng hữu công dụng, đắc được sự thành tựu của Địa thứ tám, thanh tịnh danh vị. Ngồi đại thừa thanh tịnh này, du hành thế gian, thấy biết phiền não lỗi lầm mà chẳng bị nhiễm. Đó mới có thể chân chánh nói là đã vượt qua hạnh nghiệp phiền não. Vì Bồ Tát lúc này đã xả bỏ triệt để hết tất cả hữu tướng và ý chấp, được pháp hi chân thật nhập vận tự tại.

Phật tử! Bồ Tát Địa thứ bảy này, đã vượt qua hết nhiễm tham dục và các thứ

phiền não, trụ ở địa này, không gọi là bậc có phiền não, không gọi là bậc không phiền não. Tại sao ? Vì tất cả phiền não không hiện hành, nên chẳng gọi là có. Vì tâm cầu trí Như Lai chưa viên mãn, nên chẳng gọi là không.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Vị Bồ Tát này đang tu tập Địa thứ bảy, Ngài đã vượt qua tất cả niệ²m tham dục, và hết thấy tất cả phiền não vô vị, thậm chí tâm cầu thành quả vị Phật đều không tồn tại. Đối với tất cả khổ não thế gian cũng nhàm chán vô sở vị; cũng chẳng chấp không, cũng chẳng chấp có. Những thứ đó đối với Ngài đều đưa đến phiền não, cho nên nói Ngài đã : “Vượt qua hết các thứ tham dục và phiền não”. Giai đoạn trụ ở Địa thứ bảy này, không thể nói là không có phiền não. Tại sao? Vì tất cả phiền não không dễ gì hiển hiện, Bồ Tát này thường quán chiếu bên trong, cho nên nói không gọi người có phiền não. Nhưng Ngài tu tích tập đủ thứ căn lành công đức, vẫn không lìa khỏi hữu công dụng hạnh. Công dụng tức là phiền não, vì tâm cầu trí huệ của Phật cũng chưa được đầy đủ, cho nên không thể nói là người không có phiền não.

Phật tử! Bồ Tát trụ tại Địa thứ bảy, dùng tâm thanh tịnh thành tựu nghiệp thân, thành tựu nghiệp lời, thành tựu nghiệp ý. Hết thấy tất cả nghiệp đạo bất

**thiện mà Như Lai quả trách đều đã bỏ lia.
Tất cả nghiệp thiện mà Như Lai khen ngợi
thường khéo tu hành.**

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Khi Bồ Tát trụ tại Địa thứ bảy, Ngài ôm lòng thanh tịnh thâm thiết một lòng cầu chứng quả Phật, thành tựu nghiệp thân thanh tịnh viên mãn, thanh tịnh nghiệp lời không nhiễm, thanh tịnh nghiệp ý như trăng sáng. Hết thấy tất cả nghiệp ác bất thiện ô nhiễm – ba nghiệp và ba độc, mà chư Phật cho là không tốt, thì Bồ Tát thấy đều xả bỏ lia xa. Còn tất cả ba nghiệp thiện và ba học vô lậu mà chư Phật khen ngợi, thì Bồ Tát đều tinh tấn tu học, thường không nhàm mỏi.

Hết thấy kinh thư kỹ thuật của thế gian, như nói trong Địa thứ năm, đều tự nhiên mà thực hành, không cần dụng công. Bồ Tát này ở trong ba ngàn đại thiên thế giới làm minh sư, chỉ trừ Như Lai và bậc Bát địa trở lên, ngoài ra các Bồ Tát khác, thâm tâm diệu hạnh không ai bằng được.

Trên thế gian, hết thấy tất cả kinh luận học thuyết, và các thứ kỹ xảo công nghệ mỹ thuật, Bồ Tát ở tại Địa thứ năm đã “bát cổ thông kim”, thế trí biện thông, không cần phải hạ thủ công phu nữa, tất cả tùy theo ý muốn của tâm, tự nhiên thành tựu. Bồ Tát đang tu tập tại Địa thứ bảy, Ngài ở trong ba ngàn đại thiên thế giới, là một vị minh sư

có đại trí huệ. Ngoại trừ đức Phật và đại Bồ Tát Bát địa trở lên, các Bồ Tát khác tuy có tâm thâm thiết chí thành khẩn thiết cầu Phật đạo, và các thứ thần thông diệu dụng, nhưng không bằng được.

Các thiên tam muội, tam ma bát đề, thần thông giải thoát, đều được hiện tiền. Nhưng do tu thành, chẳng phải như Bát địa, quả báo được thành tựu. Bồ Tát tại địa này ở trong niệm niệm, tu tập đầy đủ phương tiện trí lực, và tất cả pháp bồ đề phần, càng thù thắng viên mãn.

“Các thiên tam muội”: Sơ thiên, ly sinh hỷ lạc địa. Nhị thiên: Định sinh hỷ lạc địa. Tam thiên: Ly hỷ diệu lạc địa. Tứ thiên: Xả niệm thanh tịnh địa. Bốn giai đoạn thiên định này có: Không vô biên xứ định, Thức vô biên xứ định, Vô sở hữu xứ định, Phi phi tướng xứ định, tại Vô tướng thiên định gọi là chín thứ địa định. Các thiên tam muội là nói chánh định chánh thọ của Sơ thiên hoặc là Nhị thiên, Tam thiên, Tứ thiên.

“Tam ma bát đề” là nói “chỉ quán”, có năm thứ:

1. Bốn vô sắc.
2. Tám thắng xứ.
3. Mười biên xứ.
4. Diệt tận định.
5. Vô tướng định.

“Thần thông giải thoát”: Một thứ sức lực thần thông không thể nghĩ bàn, lia khỏi sự ràng buộc của vật chất mà

tự tại, đắc được nghiệp dụng không chướng ngại. Những cảnh giới ở trên được như như định, như như huệ, được liễu liễu quang minh trí huệ, tùy thời có thể hiển hiện mà sinh diệu dụng. Nhưng những cảnh giới này, ở tại Bồ Tát Địa thứ bảy, đều là từ công phu tu hành mà thành tựu, chẳng phải giống như sau này Bồ Tát Bát địa sinh ra có đủ, chẳng cần trải qua tu học thì có. Bồ Tát trước Địa thứ bảy có thần thông, thiên định .v.v... gọi là tu đắc thông. Bồ Tát Bát địa về sau hết thấy thiên định, thần thông v.v... gọi là báo đắc thông. Vì Ngài đã tu được đủ thứ hạnh môn, căn lành công đức đầy đủ viên mãn rồi. Công phu tu hành chẳng lãng phí, một phần công phu thì có một phần thu hoạch. Tại Bồ Tát Địa thứ bảy, giây phút đều không lãng phí, thâm tâm khẩn thiết tu tập các thứ pháp môn, khiến cho Ngài đầy đủ phương tiện trí lực. Tất cả pháp môn Bồ đề giác đạo, Ngài hoàn toàn tu tập viên mãn thành tựu. Tuy nhiên như vậy, Ngài vẫn không giải đãi, cho nên ngày càng thù thắng viên mãn.

Phật tử ! Bồ Tát trụ địa này, nhập vào Bồ Tát khéo quán chọn tam muội, khéo chọn nghĩa tam muội, tối thắng huệ tam muội, phân biệt nghĩa tạng tam muội, như thật phân biệt nghĩa tam muội, khéo trụ kiên cố căn tam muội, môn trí huệ thần thông tam muội, pháp giới nghiệp tam muội, Như Lai thắng lợi tam muội, đủ thứ môn nghĩa tạng sinh tử Niết bàn tam muội.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Bồ Tát trụ tại Địa thứ bảy, Ngài có thể nhập sâu vào Bồ Tát chánh định, khéo quán sát, khéo chọn, khéo biết thị đạo, phi đạo. Chỉ cần một khi nhập vào trong định, thì minh bạch những gì đúng, những gì không đúng, những gì hợp với thiện pháp, những gì chẳng hợp với thiện pháp? Ngài cũng khéo chọn nghĩa lý chánh quyết, biết xả bỏ nghĩa lý không chánh quyết, và tiến cầu chánh định tối thù thắng. Lại có thể phân biệt nghĩa lý trọng điểm ở tại nơi nào? Ngài biết phân biệt nghĩa lý chánh định. Ngài khéo giữ căn lực thâm nhập chánh định. Chánh định có trí huệ có thần thông. Chánh định thiện nghiệp sung mãn pháp giới. Chánh định Như Lai tối thù thắng lợi ích chúng sinh. Chánh định chánh thọ đủ thứ môn nghĩa lý bao hàm sinh tử Niết bàn.

Nhập vào đây đủ trăm ngàn môn tam muội đại trí thần thông như vậy, tịnh tri địa này. Bồ Tát đó được tam muội này, vì khéo tịnh tri phương tiện huệ, vì sức đại bi, vượt qua bậc nhị thừa, được bậc quán sát trí huệ.

Bồ Tát thâm nhập vào đây đủ trăm ngàn thứ môn tam muội đại trí thần thông như ở trước đã nói, khi ở Địa thứ bảy này muốn tiến vào Địa thứ tám thì, lúc này tất cả đều tu tập viên mãn. Bồ Tát Địa thứ bảy đắc được những tam muội ở trên, là vì Ngài khéo tịnh tri đại phương tiện trí huệ. Vì dùng sức đại bi làm đầu. Bồ Tát Địa thứ bảy đã

vượt qua địa vị nhị thừa Thanh Văn Duyên Giác, đã đến được giai đoạn quán sát trí huệ, đã vào biển trí huệ của Phật. “bậc trí huệ” tức chỉ nhập vào bát địa vô công dụng trí.

Phật tử! Bồ Tát trụ địa này, khéo tịnh vô lượng thân nghiệp vô tướng hạnh, khéo tịnh vô lượng lời nghiệp vô tướng hạnh, khéo tịnh vô lượng ý nghiệp vô tướng hạnh, nên được vô sinh pháp nhãn quang minh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát Địa thứ bảy đạt đến quả vị này, Ngài khéo thanh tịnh vô lượng thân nghiệp, vô tướng hạnh. Ngài lại khéo thanh tịnh vô lượng lời nghiệp, vô tướng hạnh. Ngài lại khéo thanh tịnh vô lượng ý nghiệp, vô tướng hạnh. Bồ Tát nhị thừa tuy cũng đạt đến ba nghiệp thanh tịnh, nhưng chưa được vô lượng. Ý nghĩa khéo tịnh là nói Thất địa Bồ Tát tu phương tiện hạnh môn đã đầy đủ. Do đó, Bồ Tát chứng được hạnh môn vô sinh pháp nhãn không thấy chút pháp sinh, không thấy chút pháp diệt, quang minh trí huệ hiện tiền, là những điều Bồ Tát Thất địa chưa từng chứng được.

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói: Phật tử! Bồ Tát từ Sơ địa đến bậc này, hết thấy vô lượng thân lời ý nghiệp, đã vượt qua hàng nhị thừa chưa?

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nghe những lời trên rồi, bèn hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng rằng: Phật tử! Bồ Tát tu tập pháp môn Thập địa, từ Sơ địa đến Địa thứ bảy, ba nghiệp của Ngài đã vượt qua hàng nhị thừa chưa?

Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử! Các bậc này đều đã vượt qua, nhưng vì nhờ nguyện cầu các Phật pháp, chứ chẳng phải là tự trí lực quán sát. Nay Địa thứ bảy do tự trí lực, nên tất cả hàng nhị thừa không sao bằng được.

Ví như vương tử sinh vào trong nhà vua, do hoàng hậu sinh ra đầy đủ vương tướng. Sinh ra rồi, liền hơn hẳn tất cả chúng thần, nhưng nhờ sức lực của vua, chứ chẳng phải tự lực. Nếu thân trưởng thành lớn lên, nghề nghiệp thành tựu, thì mới nhờ vào tự lực hơn hẳn tất cả.

Đại Bồ Tát cũng lại như thế. Lúc ban đầu phát tâm, vì nhờ chí cầu đại pháp, nên vượt qua tất cả hàng Thanh Văn Duyên Giác. Nay trụ ở địa này, nhờ tự mình tu hành trí huệ lực, nên vượt lên trên tất cả hàng nhị thừa.

Bồ Tát Kim Cang Tạng trả lời Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói: Phật tử! Không sai, Bồ Tát tu tập pháp môn Thập địa, ba nghiệp của các Ngài đều đã vượt qua hàng nhị thừa. Bồ Tát trước Địa thứ bảy, ba nghiệp các Ngài thanh tịnh, là nhờ nguyện lực siêng cầu tu tập pháp môn của chư Phật, mà đắc được ba nghiệp thanh tịnh, chứ chẳng phải là do trí huệ vốn có, và sức lực quán sát của chính mình mà được, chỉ là do nguyện lực. Hiện tại Bồ Tát Địa thứ bảy và hàng nhị thừa khác nhau, là Ngài tự tu được, do trí huệ quán sát của mình. Hết thấy trí huệ và định lực của hàng nhị thừa, đều không bằng Bồ Tát Địa thứ bảy. Hiện tại đưa ra một ví dụ: Ví như thái tử của vua, Ngài sinh vào trong nhà vua, do chánh cung hoàng hậu - đệ nhất phu nhân sinh ra. Khi sinh ra rồi, thì đầy đủ tướng của vua. Một khi sinh ra thì hơn hẳn các vị đại thần trong triều. Đây chẳng phải là do sức lực tự thân, chỉ bất quá là vì cha của Ngài làm vua, do đó thân phận của Ngài hơn hẳn người khác, đợi đến lúc Ngài trưởng thành lớn lên rồi, học thức và năng lực của Ngài - lục nghệ: Lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số, đều tinh thông hết, nghề nghiệp năng lực của Ngài hơn hẳn mọi người, thì chẳng còn nương tựa vào quyền thế của vua cha mà hơn hẳn mọi người. Đại Bồ Tát tu hành Bồ Tát đạo tích tụ đủ thứ căn lành, cũng giống như vậy. Một khi Ngài bắt đầu phát đại tâm, nhờ chí nguyện của Ngài, siêng cầu vô thượng đại pháp, nên hơn hẳn tất cả hàng nhị thừa Thanh Văn và Duyên Giác. Hà huống là hiện tại đã trụ Địa thứ bảy, nhờ chính Ngài tu hành đắc được trí huệ lực, do đó mà vượt lên trên hàng nhị thừa. Đó đều là do sức lực của chính mình, chứ chẳng phải nhờ sức lực của người khác mà vượt lên trên tất cả hàng nhị thừa.

Phật tử! Bồ Tát ở địa này, được cảnh giới thâm sâu xa lìa vô hành, thường hành thân lời ý nghiệp, siêng cầu thượng đạo mà không xả lìa, cho nên Bồ Tát tuy hành thật tế mà không tác chứng.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát đang tu học trụ tại địa thứ bảy, đạt đến được cảnh giới thâm sâu không dễ gì dò biết được, đã xa lìa tất cả nhiễm ô và hết thảy chướng cái quá khứ. Ngài thường biểu hiện nơi thân lời ý nghiệp, siêng cầu Phật đạo vô thượng, mà chưa từng xả bỏ sự tinh tấn. Bồ Tát tuy đã thật chứng được pháp môn vô tướng, nhưng Ngài chẳng tự nhận đã đoạn phiền não, hoặc chưa đoạn phiền não, chỉ ở giữa hai giai đoạn này.

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt nói: Phật tử! Bồ Tát từ địa nào chứng nhập được diệt tận định?

Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt hỏi Bồ Tát Kim Cang Tạng: Đại đệ tử của Phật! Bồ Tát tu pháp môn Thập địa từ địa nào bắt đầu, mới có thể nhập vào diệt tận định?

Bồ Tát Kim Cang Tạng nói: Phật tử! Bồ Tát từ Địa thứ sáu trở lên, có thể nhập diệt tận định. Nay trụ địa này có thể niệm niệm nhập, cũng niệm niệm khởi, mà

chẳng tác chúng. Nên Bồ Tát này gọi là thành tựu thân lời ý nghiệp không thể nghĩ bàn, tu hành nơi thật tế mà chẳng tác chúng.

Ví như có người ngồi thuyền đi vào biển, nhờ sức khéo léo chẳng gặp tai nạn, Bồ Tát địa này cũng lại như vậy, ngồi thuyền Ba La Mật đi vào biển thật tế, vì nhờ nguyện lực nên chẳng chúng diệt.

Bồ Tát Kim Cang Tạng trả lời Bồ Tát Giải Thoát Nguyệt: Đệ tử của Phật! Bồ Tát tu tập pháp môn Thập địa, từ Địa thứ sáu thì có thể nhập vào diệt tận định, bất quá chưa có thể niệm niệm nhập vào. Nay trụ ở Địa thứ bảy này, niệm niệm có thể nhập vào diệt tận định, niệm niệm khởi diệt tận định, tức khiến cho không khởi nơi diệt tận định, cũng có thể hiện oai nghi của ba nghiệp. Nhưng Bồ Tát trụ Địa thứ bảy Ngài cũng chẳng nói tôi có thể niệm niệm nhập vào diệt tận định, hoặc nói tôi không thể niệm niệm nhập vào và khởi diệt tận định. Vì Bồ Tát Địa thứ bảy được gọi là “Bồ Tát thành tựu thân lời ý ba nghiệp không thể nghĩ bàn”. Tuy Ngài thành tựu như vậy, vẫn siêng tu tinh tấn, thiết thật tu hành, chẳng bao giờ nghĩ mình đã đến được cảnh giới nào đó, hoặc quả vị gì đó. Ví như có người ngồi thuyền vào biển cả, vì có năng lực trí thức về hàng hải, cho nên không sợ sóng to gió lớn trong biển cả. Người đó vận dụng trí năng hàng hải của mình, thì sẽ không bị tai nạn nguy hiểm. Bồ Tát địa thứ bảy, Ngài đã có căn lành

công đức, và cũng giống như người lái thuyền. Bồ Tát ngồi thuyền trí huệ, đi vào trong biển trí của Phật, hướng về bờ Niết Bàn bên kia. Vì Bồ Tát nhờ nguyện lực thưở xưa đã phát, tuy nhiên được các pháp môn thật tế diệu dụng, vì độ chúng sinh, nên Ngài chẳng chúng nhập Niết bàn.

Phật tử! Bồ Tát này được tam muội trí lực như vậy, dùng đại phương tiện, tuy thị hiện sinh tử, mà luôn trụ Niết bàn. Tuy quyến thuộc vây quanh, mà thường ưa thích xa lìa. Tuy dùng nguyện lực thọ sinh trong ba cõi, mà chẳng bị pháp thế gian làm ô nhiễm. Tuy dùng sức phương tiện thường tịch diệt, mà vẫn cháy hực, tuy đốt mà chẳng cháy. Tuy tùy thuận trí Phật, mà thị hiện vào bậc Thanh Văn Bích Chi Phật. Tuy được cảnh giới tạng của Phật, mà thị hiện trụ cảnh giới ma. Tuy vượt khỏi đường ma, mà hiện thực hành pháp ma. Tuy thị hiện đồng hành với ngoại đạo, mà chẳng xả bỏ Phật pháp. Tuy thị hiện tùy thuận tất cả thế gian, mà thường tu hành tất cả pháp xuất thế gian.

Hết thấy tất cả việc trang nghiêm, vượt qua tất cả trời, rồng, Dạ Xoa, Cưu

Bàn Trà, A tu la, Ca Lô La, Khẩn Na La, Ma Hầu La Già, người, và chẳng phải người, Đế Thích, Phạm Vương, Tứ Thiên Vương v.v... mà chẳng xả bỏ tâm ưa thích Phật pháp.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật ! Bồ Tát đang tu học pháp môn Địa thứ bảy, đắc được tam muội trí lực, mà chẳng tác chứng, đã nhiếp lấy vô trước vô y, cho nên thành tựu đại phương tiện trí huệ. Bồ Tát dùng sức đại phương tiện tự tại diệu dụng này, tuy thị hiện sinh tử mà chẳng bị nhiễm sinh tử. Vì Ngài sớm đã giải thoát khỏi sinh tử, hà huống là tâm niệm của Ngài thường ở trong cảnh giới Niết Bàn tịch tĩnh, chẳng vào biển sinh tử thì chẳng thể đắc được phước đức như Phật. Mặc dù Bồ Tát thị hiện sinh tử, tuy nhiên có lục thân quyến thuộc, vợ con, nô bộc, những người đó thường vây quanh Ngài, nhưng Ngài luôn tu phạm hạnh, cho nên Ngài thường ưa thích xa lìa tất cả lục thân quyến thuộc. Tuy Bồ Tát phát nguyện “đào giá từ thuyên” để vào trong ba cõi thọ sinh, nhưng Ngài chẳng tham luyến vinh hoa phú quý của thế gian, cũng chẳng bị những pháp thế gian bất tịnh làm nhiễm ô. Tuy Bồ Tát thường ở trong sự tịch diệt chẳng động, nhưng Ngài vẫn dùng trí lực phương tiện khéo léo tùy duyên độ chúng, giống như một hầm lửa lớn, nhìn thấy thì lửa mạnh cháy hừng hực, nhưng không thể nào tạo thành tai hại. Tuy Bồ Tát đã có trí huệ của Phật, nhưng Ngài vẫn thường hiện thân vào hàng nhị thừa Thanh văn Duyên giác, dùng phương pháp lợi hành động sự để chuyển

hàng nhị thừa phát tâm hồi tiểu hướng đại, khiến cho họ phát tâm đại bồ đề, đi vào biển trí huệ của Phật. Tuy Bồ Tát đã đạt đến cảnh giới thần thông của Phật, mà Ngài hay thị hiện trụ nơi cảnh giới ma, nhưng Ngài không tùy thuận chúng ma làm trái với Phật pháp, bất quá nhờ đó mà độ ngoại đạo. Tông thú Ngài tu hành vẫn là nương vào lời dạy của Phật, chưa từng xả bỏ giác đạo tối thượng của Phật. Do đó có câu:

“Ngoại hiện ma đạo thân
Nội mật Bồ Tát hạnh”.

Nghĩa là:

“Bên ngoài hiện thân ma
Bên trong hành Bồ Tát đạo”.

Tuy Bồ Tát thị hiện các thứ thân, tùy thuận pháp thế gian để dẫn dắt giáo hoá họ, nhưng oai nghi biểu hiện của Ngài, cùng với phương diện thân lời ý nghiệp mà nghiêm trì tịnh hạnh, thường tu tập giới định huệ ba học xuất thế gian, chẳng có điều gì mà chẳng phải pháp môn xuất thế thanh tịnh vô thượng. Bồ Tát dùng đủ thứ căn lành công đức của Ngài tu tập, để trang nghiêm cõi nước chư Phật, hơn hẳn hết thấy sự trang nghiêm của trời, rồng, và tám bộ chúng, Đế Thích, Phạm vương, Tứ thiên vương v.v... Tuy như vậy, nhưng Ngài chẳng xả bỏ tâm ưa thích Phật pháp.

Phật tử! Bồ Tát thành tựu trí huệ như vậy, trụ Viên Hành địa. Vì nhờ nguyện lực nên được thấy nhiều vị Phật. Thấy được

nhiều trăm vị Phật, cho đến thấy được nhiều trăm ngàn ức Na do tha vị Phật.

Ở chỗ các đức Phật đó, dùng tâm rộng lớn, tâm tăng trưởng, cúng dường cung kính, tôn trọng khen ngợi. Y phục thức ăn uống, toạ cụ thuốc thang, tất cả đồ tư sanh, đều dâng lên cúng dường. Cũng cúng dường tất cả Tăng chúng. Dem căn lành đó hồi hướng về Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Bồ Tát Địa thứ bảy tu hành Bồ Tát đạo, tích tụ đủ thứ căn lành, Ngài trụ ở Địa thứ bảy - Viên Hành địa. Ngài thành tựu trí huệ thù thắng như đã nói ở trước. Nhờ nguyện lực mà Ngài đã phát ra trong quá khứ, do đó mà nay thấy được rất nhiều vị Phật, thấy được nhiều trăm vị Phật, thậm chí thấy được mười phương ba đời trăm ngàn ức Na do tha vị Phật. Ở trong cõi của các vị Phật đó, dùng chân tâm rộng lớn vô biên, tâm tăng trưởng chí thành vô thượng, cúng dường chư Phật, cung kính chư Phật, tôn trọng chư Phật, khen ngợi chư Phật, lại đem y phục, thức ăn uống thượng hạng, toạ cụ, thuốc thang v.v... và những vật dùng hằng ngày, đem dâng lên cúng dường chư Phật, cũng bố thí cho những chúng sinh khác. Đồng thời cũng cúng dường các vị hiền Thánh Tăng. Ngài đem tất cả căn lành công đức đó, hồi hướng về Phật đạo Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác.

Lại ở chỗ các đức Phật, cung kính nghe pháp, nghe rồi thọ trì. Đắc được như thật tam muội trí huệ quang minh, tùy thuận tu hành. Ở chỗ các đức Phật đó, thọ trì chánh pháp, thường được Như Lai hoan hỉ khen ngợi. Hết thấy tất cả vấn nạn của hàng nhị thừa, đều không thua khuất phục được.

Lại ở chỗ đạo tràng của chư Phật, cung kính nghe Phật thuyết pháp, nghe rồi thì nhất định thọ trì phụng hành, do đó đắc được chân thật chánh định chánh huệ, trí huệ quang minh càng thêm sáng tịnh, tùy thuận pháp môn của chư Phật nói, dụng công tu hành. Ngài ở tại đạo tràng của chư Phật, ủng hộ chánh pháp của chư Phật. Biểu hiện chân thành của Bồ Tát như vậy, cho nên luôn luôn được chư Phật khen ngợi và hoan hỉ. Hết thấy những vấn nạn của hàng nhị thừa thường gặp trong Phật pháp, xin thỉnh giáo vấn nạn với Ngài, Ngài đều vì họ giải thích rất rõ ràng và xiển dương chân lý đại thừa, tuyệt đối không bị thua khuất phục được.

Lợi ích chúng sinh, pháp nhẫn thanh tịnh. Như vậy trải qua vô lượng trăm ngàn ức Na do tha kiếp, hết thấy căn lành càng thêm tăng trưởng thù thắng.

Bồ Tát chuyên cần tu học Phật đạo, cố nhiên có ích cho tự thân, nhưng Bồ Tát phát đại tâm đại nguyện không lìa khỏi chúng sinh, mà làm lợi ích cho chúng sinh. Giáo hoá chúng sinh thấu đạt chân lý. Xiển minh Phật pháp, biết nhân duyên ba đời. Suy gẫm các pháp duyên khởi, ngộ được chân lý vô sinh pháp nhẫn. Xa lìa nhiễm ô, thanh tịnh thức điền, thì trí huệ tự nhiên sinh ra. Bồ Tát siêng năng tu hành như vậy, trải qua vô lượng số Na do tha kiếp, Ngài tu tập đủ thứ căn lành, theo thời gian kiếp số càng thêm viên mãn, càng thêm thù thắng.

Ví như vàng thật, dùng các thứ báu đẹp xen vào trang nghiêm, thì càng thêm thù thắng, càng thêm sáng lạn. Các đồ trang nghiêm khác không thể bằng được.

Bồ Tát trụ Địa thứ bảy này, hết thấy căn lành cũng lại như vậy. Dùng sức phương tiện huệ, càng thêm sáng tịnh, chẳng phải hàng nhị thừa bằng được.

Ví như một miếng vàng thật, nếu làm thành một thứ đồ trang sức, xen vào rất nhiều các thứ đá quý đủ màu sắc, thì ánh sáng sẽ chói mắt, càng đẹp thêm vạn phần. Các đồ trang sức khác không sao sánh kịp được. Bồ Tát trụ Địa thứ bảy tu học, hết thấy căn lành của Ngài cũng giống như vàng thật. Do công phu tu hành của Bồ Tát trải qua số kiếp, khiến cho Ngài tu được sức phương tiện trí huệ, nhậm vận tự tại, diệu dụng vô cùng. Khi đến Viên Hành địa này, thì

càng quang minh thanh tịnh, chẳng phải hàng nhị thừa Thanh Văn Duyên Giác so sánh bằng được.

Phật tử! Ví như ánh sáng mặt trời, ánh sáng của mặt trăng sao đều không bằng được. Những chỗ bùn lầy của mặt đất cõi Diêm phù đề, ánh sáng mặt trời đều làm cho khô ráo.

Bồ Tát Viễn Hành địa này cũng lại như vậy, tất cả hàng nhị thừa không thể bằng được, Bồ Tát đều làm cho khô ráo bùn lầy các hoặc của tất cả chúng sinh.

Bồ Tát Kim Cang Tạng lại gọi một tiếng các vị đệ tử của Phật! Ví như ánh sáng mặt trời, những ánh sáng của các tinh tú khác và ánh sáng của mặt trăng đều không bằng được, trong thế giới Ta Bà của cõi Nam Diêm Phù Đề, hết thảy chỗ bùn lầy, ánh sáng của mặt trời đều có thể làm khô ráo. Bồ Tát tại Địa thứ bảy - Viễn Hành địa, cũng thù thắng giống như ánh sáng mặt trời. Tất cả hàng nhị thừa Thanh Văn Duyên Giác giống như ánh sáng của mặt trăng tinh tú, làm sao bằng Thất địa Bồ Tát? Vì Thất địa Bồ Tát hay giáo hoá chúng sinh, khiến cho chúng sinh khô ráo các hoặc nghiệp bùn lầy, những ác nghiệp nhiễm ô không thanh tịnh, trở thành nghiệp thiện thanh tịnh.

Bồ Tát này ở trong mười Ba la mật, thiên nhiều về phương tiện Ba la mật, còn

các Ba la mật kia chỉ tùy sức tùy phần mà tu.

**Phật tử! Đó là lược nói về Địa thứ bảy
Viễn Hành địa của đại Bồ Tát.**

Bồ Tát đang tu học pháp môn Địa thứ bảy, khi tu học mười Ba la mật, thì Ngài chú trọng tu nhiều về phương tiện Ba la mật. Còn chín Ba la mật kia chẳng phải là không tu, mà chỉ tùy sức của mình và duyên phận quyết định.

Các vị đệ tử của Phật ! Những lời vừa sơ lược nói ở trên là quá trình và cảnh giới tu chứng Địa thứ bảy Viễn Hành địa của đại Bồ Tát.

**Bồ Tát trụ ở địa này, phần nhiều làm
Tự Tại Thiên Vương, khéo vì chúng sinh
nói pháp chứng trí, khiến cho họ chứng
nhập. Làm tất cả các nghiệp bố thí, ái ngữ,
lợi hành, đồng sự, như vậy đều không là
niệm Phật, cho đến không là niệm đầy đủ
trí nhất thiết chủng, nhất thiết trí.**

Khi Bồ Tát trụ nơi Địa thứ bảy, nhờ căn lành công đức của Ngài tu tập, đa số thị hiện thọ sanh làm Đại Tự Tại Thiên Vương. Ngài khéo vì chúng sinh diễn nói pháp môn tu chứng trí huệ, khiến cho họ cũng chứng được trí huệ thù thắng. Dùng bố thí, ái ngữ, lợi hành, đồng sự, bốn pháp nhiếp, thực hành tất cả nghiệp thiện độ sanh, giáo hoá chúng sinh là ác tu thiện. Khi Ngài tu những nghiệp thiện

này, bất luận ở trong cảnh giới gì, trong tâm niệm của Ngài cũng không lìa khỏi nghĩ tưởng đến ba đức của Phật, và cũng không lìa khỏi nghĩ nhớ đến tất cả Phật pháp, và trí huệ tối cao trong nhất thiết trí huệ của Phật.

Lại nghĩ như vậy: Tôi phải ở trong tất cả chúng sinh làm thượng thủ, làm thắng, cho đến làm bậc y chỉ của nhất thiết trí. Nếu Bồ Tát này phát tâm chuyên cần tinh tấn, thì trong khoảng một niệm đắc được trăm ngàn ức Na do tha tam muội, cho đến thị hiện trăm ngàn ức Na do tha Bồ Tát dùng làm quyến thuộc. Nếu dùng nguyện lực thù thắng của Bồ Tát, thì tự tại thị hiện hơn số trên đây, cho đến trăm ngàn ức Na do tha kiếp không thể đếm biết được.

Bấy giờ Bồ Tát Kim Cang Tạng muốn tuyên lại nghĩa trên mà nói kệ rằng:

Đạo đệ nhất nghĩa trí tam muội

Lục địa tu hành tâm đầy đủ

Lập tức thành tựu phương tiện huệ

Bồ Tát nhờ đây vào Thất địa.

Bồ Tát Địa thứ bảy lại nghĩ như vậy: Tôi phải ở trong tất cả chúng sinh làm lãnh tụ của họ, làm người lãnh đạo thù thắng, thậm chí muốn làm một bậc y chỉ sư có trí

huệ nhất trong tất cả những người có trí huệ - giống như đức Phật, bậc Thánh ba đức viên mãn, hai hạnh vĩnh tuyệt. Bồ Tát tu học pháp môn Thất địa, phát đại tinh tấn, có thể ở trong một niệm đắc được trăm ngàn ức Na do tha tam muội (chánh định chánh thọ), cho đến có thể thị hiện trăm ngàn ức Na do tha Bồ Tát dùng làm quyến thuộc của Ngài. Nếu dùng nguyện lực thù thắng, thì nhậm vận tự tại thị hiện, càng nhiều hơn số vừa nói ở trên. Dù bạn dùng trăm ngàn ức Na do tha kiếp để tính đếm, cũng không thể biết được số chính xác.

Lúc đó, Bồ Tát Kim Cang Tạng giảng xong nội dung pháp môn Địa thứ bảy Viên Hành địa của Bồ Tát tu học, vì e rằng đại chúng pháp hội có chỗ không rõ ràng, nên dùng phương pháp kệ tụng, thuật lại lần nữa. Nội dung bài kệ như vậy: Đệ nhất nghĩa đế - tức là đạo lý pháp xuất thế thù thắng nhất. Bồ Tát tu học pháp môn xuất thế vô thượng thù thắng nhất, thấu triệt đạo lý tối thượng, trí huệ tăng trưởng, đắc được tam muội chân tu thật học. Khi Ngài ở tại Địa thứ sáu thì, tu học viên mãn hạnh môn công đức đệ nhất nghĩa đế. Bảy giờ phương tiện huệ lập tức hiện tiền, trở thành diệu dụng độ chúng, nhờ đó mà Bồ Tát rất thuận lợi tiến vào Địa thứ bảy.

**Tuy rõ ba thoát khỏi từ bi
Tuy đồng Như Lai siêng cúng dường
Tuy quán nơi không tập phước đức
Bồ Tát nhờ đây lên Thất địa.**

Bồ Tát Địa thứ bảy tu học pháp môn ba giải thoát – Không giải thoát môn, vô tướng giải thoát môn, vô nguyện

giải thoát môn. Tuy nhiên Ngài đã đạt đến tất cả đều không, không chấp không nương tựa, nhưng vì cứu tất cả chúng sinh nơi khổ nạn, cho nên tâm từ bi hỉ xả không thể không được. Chẳng những chẳng không mà còn phát thêm đại tâm. Bồ Tát địa thứ bảy thành tựu cảnh giới công đức trí huệ, thần thông diệu dụng, biện tài, gần bằng với đức Phật. Tuy nhiên Ngài có công hạnh như vậy, nhưng Ngài vì vậy mà sinh tư hào tâm cống cao ngã mạn. Chẳng những không sinh tâm ngạo mạn, mà còn dững mãnh tinh tấn tu học thêm, siêng cúng dường chư Phật. Bồ Tát Địa thứ bảy tuy khéo quán các pháp không tướng, nhưng Ngài vẫn rộng tu thiện nghiệp, tích tập đủ thứ công đức, để tăng trưởng căn lành phước đức. Khi Bồ Tát còn ở Địa thứ sáu, đã tu tập thiện nghiệp viên mãn, thành tựu thù thắng. Nhưng đến Địa thứ bảy thì càng tăng thêm thù thắng, càng quang minh hơn. Vì Bồ Tát chẳng có tâm nhàm mỏi, chẳng có tâm tự mãn, cho nên thuận lợi tự tại, thăng đến Địa thứ bảy.

**Xa lìa ba cõi mà trang nghiêm
Diệt trừ lửa hoặc mà khởi lửa
Biết pháp không hai mà siêng tu
Biết cõi đều không thích nghiêm độ.**

Bồ Tát tu pháp xuất thế, quán ba cõi như nhà lửa, tuy nhiên sớm đã minh bạch xa lìa ba cõi, nhưng Ngài vẫn siêng tu đủ thứ căn lành công đức, để trang nghiêm ba cõi. Bồ Tát hay diệt trừ lửa vô minh phiền não hoặc nghiệp khổ, mà sinh khởi lửa trí huệ. Bồ Tát biết pháp vốn là một pháp chẳng lập, pháp môn không hai, nhưng Ngài vẫn chuyên cần làm đủ thứ nghiệp thiện. Bồ Tát sớm đã thấu

đạt tất cả cõi nước đều là không, nhưng vẫn siêng tu lục độ vạn hạnh, ưa thích trang nghiêm các cõi nước chư Phật.

**Hiểu thân bất động đủ các tướng
Thấu thanh tánh lia khéo diễn nói
Vào nơi một niệm sự khác biệt
Bậc trí nhờ đây lên Thất địa.**

Bồ Tát hiểu rõ pháp thân tịch nhiên bất động, mà đầy đủ 32 tướng tốt 80 vẻ đẹp, nhưng Ngài chẳng chấp vào nơi tướng. Minh bạch âm thanh vốn lia tánh mà không tự thể, nhưng Ngài vẫn khéo lợi dụng âm thanh để diễn nói tất cả Phật pháp. Bồ Tát có thể ở trong một niệm minh bạch vạn thù, vạn thù lại quy về một niệm. Một niệm là lý, vạn thù là sự, lý sự có sự khác biệt. Minh bạch pháp môn sự lý không hai, Bồ Tát có trí huệ này, liền thăng lên tiến vào quả vị Địa thứ bảy.

**Quán sát pháp này được thấu tỏ
Rộng vì quần mê làm lợi ích
Vào cõi chúng sinh không bờ mé
Phật giáo hoá nghiệp cũng vô lượng.**

Bồ Tát quán sát các pháp, thấu rõ các pháp duyên khởi tánh không, do đó Ngài khắp vì những chúng sinh mê mờ này, làm đủ thứ công việc giáo hoá có lợi ích cho chúng sinh, dẫn dắt họ bỏ mê về với giác ngộ. Vào sâu vô lượng vô biên cõi chúng sinh, Phật giáo hoá chúng sinh không làm các điều ác, hãy làm các việc thiện. Công việc nghiệp thiện này cũng vô lượng vô biên.

**Cõi nước các pháp với kiếp số
Hiểu dục tâm hành đều vào được
Nói pháp ba thừa cũng vô hạn
Như vậy giáo hoá các quần sanh.**

Cõi nước vô biên, các pháp cũng vô số, thời kiếp vô lượng - Bồ Tát đều biết như vậy, đều hiểu như vậy. Minh bạch tâm ý của chúng sinh, minh bạch dục vọng của chúng sinh, minh bạch hành vi và ưa thích của chúng sinh. Bồ Tát đều có thể thâm nhập vào chúng sinh, hiểu rõ tâm ý dục lạc của chúng sinh. Đối với chúng sinh có thể quán cơ đầu giáo, ứng với căn tánh của chúng sinh, rộng nói pháp môn ba thừa - Phật thừa, Bồ Tát thừa, Thanh Văn Duyên Giác thừa. Dùng Pháp môn ba thừa, vô hạn lượng để giáo hoá hết thầy chúng sinh mê hoặc.

**Bồ Tát siêng cầu đạo tối thắng
Động nghỉ không bỏ phương tiện huệ
Mỗi mỗi hồi hướng Phật bồ đề
Niệm niệm thành tựu Ba la mật.**

Tại sao Bồ Tát phải tu lục độ vạn hạnh ? Tại sao phải luôn luôn tinh tấn không lùi ? Là vì siêng cầu Phật đạo tối thù thắng. Dù đi đứng nằm ngồi, Ngài cũng đều không xả bỏ dùng phương tiện trí huệ. Bồ Tát tu lục độ vạn hạnh, tích tập đủ thứ công đức, mỗi thứ đều hồi hướng về Phật, hồi hướng về Bồ Tát giác đạo, hồi hướng về chúng sinh, mỗi một niệm đều hướng về sự tu thành viên mãn pháp môn Ba la mật.

**Phát tâm hồi hướng là bố thí
Diệt hoặc là giới, không hại: nhẫn
Cầu thiện không nhàm là sách tấn
Nơi đạo không động tức tu thiền.**

Phát tâm đem tất cả căn lành công đức tu tập, đều hồi hướng về vô thượng pháp giới, đó là tu bố thí Ba la mật. Phá trừ được vô minh, không làm các điều ác, làm các việc lành, đó tức là diệt hoặc. Hay diệt hoặc, không hại chúng sinh, tức là trì giới. Không làm hại những chúng sinh khác, tức là nhẫn nhục Ba la mật. Cầu pháp lành, tu thiện đạo mà không nhàm đủ, chuyên cần cầu Bồ Tát đạo, đó tức là tinh tấn, đồng thời phải khuyên mình không giải đãi. Tu hành Phật đạo, sẽ đạt được chẳng bị cảnh giới làm lay chuyển, vào được bậc bất động, đó tức là tu thiền định Ba la mật.

**Nhẫn thọ vô sinh gọi Bát nhã
Hồi hướng: phương tiện, mong cầu: nguyện
Không thể phá: lực, khéo rõ: trí
Như vậy tất cả đều thành mãn.**

Không thấy có chút pháp sinh, cũng không thấy có chút pháp diệt, minh bạch đạo lý tối cao đó – vô sinh pháp nhẫn. Đó tức là Bát Nhã trí huệ, là trí huệ thù thắng ở trong pháp xuất thế. Có thể dùng phương tiện trí huệ vô công dụng hạnh hồi hướng về vô thượng bồ đề, hồi hướng cho chúng sinh, như vậy vì cầu viên mãn đại nguyện của chính mình đã phát. Công hạnh tu hành của Bồ Tát đã đạt đến

giai đoạn bậc bất động, chẳng có bất cứ sức lực gì có thể lay động, phá hoại được tín nguyện của Ngài. Vì Ngài đã tu được khéo thấu rõ nhất thiết trí lực vô thượng. Lục độ vạn hạnh như đã nói ở trước, phương tiện trí, mười thứ Ba la mật hết thảy các pháp môn, đều tu học viên mãn đầy đủ.

Sơ địa phan duyên công đức đầy
Nhị địa lia cầu Tam dứt tranh
Tứ địa nhập đạo Ngũ thuận hành
Đệ lục vô sinh trí quang chiếu.

Sơ địa gọi là Hoan hỉ địa. Ý nghĩa hoan hỉ là nói Bồ Tát thành tựu công đức của Ngài, tuy nói có mang chút tính chất miễn cưỡng, mà không sao rất tự nhiên, nhưng Ngài vẫn rất hoan hỉ. Phan duyên là chỉ khi Bồ Tát tại Sơ địa, chuyên tu công đức, càng nhiều càng tốt, gần như tham cầu. Cho nên nói Sơ địa Bồ Tát tu tập căn lành công đức, viên mãn đầy đủ. Đến Địa thứ hai thì, Bồ Tát biết không nên tham cầu công đức quá, Ly Cầu địa là lia tất cả trần cấu, cũng lia khỏi cầu tham cầu công đức này. Tam địa gọi là Phát Quang địa, vì lia trừ tất cả cấu, nên sinh ra trí huệ quang minh xuất thế. Có đại trí huệ rồi, thì tất cả tâm thắng phụ đều dứt hết, cho nên gọi là Phát Quang địa. Tứ địa gọi là Diệm Huệ địa, diệm huệ là hình dung trí huệ phóng ra quang minh lửa ngọn, chiếu sáng tiến vào trí huệ Phật đạo. Ngũ địa gọi là Nan Thắng địa, tức là thuận theo Phật đạo, hành lục độ vạn hạnh, độ khắp chúng sinh. Lục địa là Hiện Tiền địa, tu học pháp môn thâm sâu – vô sinh pháp nhẫn. Thành tựu pháp môn vô sinh rồi, thì trí huệ quang minh sẽ hiện tiền.

**Thất trụ bồ đề công đức đầy
Đủ thứ đại nguyện đều đầy đủ
Nhờ đó vào được trong Bát địa
Tất cả việc làm đều thanh tịnh.**

Khi Bồ Tát tu học đến quả vị Địa thứ bảy thì, nhờ đủ thứ công đức bồ đề giác phần như đã nói ở trước, hết thảy đều viên mãn đầy đủ, cho nên gọi là Viễn Hành địa. Thuở xưa phát đủ thứ đại nguyện, khi đến Địa thứ bảy thì cũng đều tu hành thành thực, viên mãn thành tựu. Vì được thành tựu như vậy, mới có thể tiến vào Địa thứ tám, an trụ bất động, tất cả việc làm đều thanh tịnh tự tại, không còn bị phiền não quấy nhiễu nữa.

**Địa này khó qua trí mới khởi
Ví như ở giữa hai thế giới
Cũng như Thánh Vương không nhiệm
trước
Nhưng chưa gọi là tổng siêu độ.**

Từ Địa thứ bảy tiến vào Địa thứ tám, quá trình này rất khó khăn, vì một phần chủng tử câu sanh, chẳng có đại trí huệ thì không dễ gì dứt trừ. Do đó, phải có phương tiện trí huệ thù thắng mới có thể vượt qua. Ví như một thế giới thuần thanh tịnh, một thế giới tạp nhiễm chẳng thanh tịnh, ở giữa chẳng dễ gì vượt qua. Lại giống như Chuyển Luân Thánh Vương, tuy chẳng có mọi nhiệm ô chấp trước, có thể du hành bốn thiên hạ, có đại thế lực, nhưng vẫn không

thể nói đã vượt qua được tất cả, vì vẫn còn là người nhân gian, chưa phải là địa vị siêu nhân.

**Nếu trụ trong đệ bát trí địa
Mới vượt qua được tâm cảnh giới
Như Phạm Thiên Vương siêu nhân loại
Như sen trong nước không nhiễm bùn.**

Giả sử đã trụ ở trong Địa thứ tám, đã đắc được phương tiện trí huệ vô công dụng, thì lúc đó mới có thể nói đã vượt qua cảnh giới “Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt”. Giống như Đại Phạm Thiên Vương, du hành ba ngàn đại thiên thế giới, đây mới có thể nói là địa vị siêu nhân loại. Lại giống như hoa sen, tuy trồng ở trong nước, nhưng lên khỏi nước rồi, mà chẳng dính nước. Tuy là trồng ở trong bùn, nhưng lớn lên rồi, cũng không nhiễm bùn.

**Địa này tuy vượt qua các hoặc
Chẳng gọi có hoặc, không có hoặc
Nhờ không phiền não ở trong hành
Mà cầu Phật trí tâm chưa đủ.**

Bồ Tát Địa thứ bảy tuy vượt qua những chúng sinh có vô minh phiền não, nhưng Ngài không thể nói là có phiền não, hoặc nói là không có phiền não. Tại sao? Vì tuy không có phiền não hiện tiền, nhưng không thể nói tuyệt đối chẳng có phiền não. Tâm Bồ Tát cầu trí huệ của Phật chưa đầy đủ, chưa đầy đủ thì vẫn còn tham cầu; có tâm tham cầu thì phiền não chưa thể dứt tuyệt, cho nên nói:

“Biết việc ít việc phiền não ít,
Người đến vô cầu sẽ hết lo”.

**Hết thấy các kỹ thuật thế gian
Kinh thư từ luận đều thông hết
Thiền định tam muội và thần thông
Như vậy tu hành đều thành tựu.**

Bồ Tát đối với hết thấy tất cả kỹ thuật nghề nghiệp thế gian, kinh điển, thư tịch, từ ngữ, luận nghị v.v... thấy đều tinh thông thấu rõ. Tứ thiền, bát định và đủ thứ tam muội, lục thông, mười phương tiện, đều tu hành thành tựu hết trong Địa thứ bảy.

**Bồ Tát tu thành đạo thất trụ
Vượt qua tất cả hạnh nhị thừa
Sơ địa nguyện thành đầy do trí
Ví như vương tử sức đầy đủ.**

Bồ Tát tu thành đạo nghiệp Địa thứ bảy, đã vượt qua các hạnh của hàng nhị thừa, Thanh Văn Duyên Giác A la hán. Sơ địa là do nguyện lực mà thành tựu. Địa thứ bảy là do trí lực mà thành tựu. Như thái tử của vua, một khi sinh ra thì đầy đủ điều kiện ông vua.

**Thành tựu thâm sâu mới tiến đạo
Tâm tâm tịch diệt chẳng thủ chứng
Ví như ngồi thuyền vào trong biển
Ở nước chẳng bị nước đắm chìm.**

Bồ Tát Địa thứ bảy, tuy nhiên đã thành tựu đủ thứ pháp môn thâm sâu, nhưng Ngài vẫn tinh tấn tu đạo, chưa từng giải đãi. Tâm của Ngài tuy đã tịch diệt, nhưng Ngài không gấp gáp cầu chứng quả Phật. Ví như ngôi thuyền lớn đi vào trong biển cả, tuy ở trong nước, nhưng nhờ sức của thuyền mà không bị nước đắm chìm, cũng không thể bị tai hại của nước. Đây là ví như Bồ Tát có đại trí huệ, đại nguyện lực, ngôi thuyền Bát nhã, dùng trí lái thuyền.

**Phương tiện huệ hành công đức đủ
Tất cả thế gian không rõ được
Cúng dường nhiều Phật tâm ích sáng
Như dùng báu đẹp trang nghiêm vàng.**

Dùng phương tiện trí huệ, tu tập đủ thứ căn lành công đức, thuận ứng viên mãn đầy đủ. Phạm phu tục tử trên thế gian, không dễ gì hiểu rõ được trí huệ này. Bồ Tát cúng dường vô lượng chư Phật, tâm trí ngày càng tăng thêm thù thắng, trí huệ thông minh ngày càng sáng tịnh, đây cũng giống như dùng các báu đẹp để trang nghiêm vàng thật.

**Địa này trí Bồ Tát sáng nhất
Như ánh mặt trời khô nước ái
Lại làm chủ cõi trời Tự Tại
Hoá đạo quần sinh tu chánh trí.**

Bồ Tát Địa thứ bảy, trí huệ quang minh nhất, giống như mặt trời phóng ra ánh sáng nóng gắt, có thể làm khô cạn nước ái dục của chúng sinh. Bồ Tát tại quả vị Địa thứ

bảy, thường thị hiện thọ sinh làm Thiên Vương cõi trời Đại Tự Tại, giáo hoá chúng sinh, hướng dẫn chúng sinh tu học trí huệ chân chánh.

**Nếu dùng sức dũng mãnh tinh cần
Được nhiều tam muội thấy nhiều Phật
Trăm ngàn ức số Na do tha
Nguyện lực tự tại lại hơn trên.**

Nếu như Bồ Tát dùng sức dũng mãnh tinh tấn của Ngài, thì lập tức sẽ đắc được rất nhiều sức thần thông tam muội, đồng thời cũng thấy được vô lượng số chư Phật, trăm ngàn ức Na do tha các đức Phật. Nếu như dùng nguyện lực của Ngài tự tại thị hiện, thì nhiều hơn số mục vừa nói ở trên.

**Đây là Bồ Tát Viên Hạnh địa
Phương tiện trí huệ thanh tịnh đạo
Tất cả thế gian trời và người
Thanh Văn Độc Giác không biết được.**

Những gì vừa nói ở trên là Bồ Tát tu học Viên Hạnh địa – pháp môn Địa thứ bảy trong Thập địa. Ngài đắc được trí huệ phương tiện vô ngại, Phật đạo thanh tịnh, là điều mà người thế gian và chư Thiên, cùng với hàng nhị thừa Thanh Văn Duyên Giác, đều không thể nào biết được cảnh giới này.

Hồi hướng công đức

Trong các sự bố thí, thì bố thí pháp là cao thượng nhất. Vì ấn tống Kinh diễn bố thí cho mọi người đọc, khiến cho họ hiểu rõ những lời đức Phật dạy, phát tâm tu học, thực hành hạnh Bồ Tát, tự lợi lợi tha, tự độ độ tha, tích tụ căn lành công đức, hồi hướng về quả Vô thượng bồ đề, cuối cùng sẽ chứng ngộ quả vị Phật. Nhờ giáo lý Pháp bảo mà chúng ta tin, hiểu, thực hành, và chứng ngộ.

Xin hồi hướng công đức pháp thí cao thượng này, đến các bậc Thầy Tổ, và toàn thể tất cả Phật tử đã phát tâm hùn phước ấn tống, hữu danh hoặc vô danh, và thân bằng quyến thuộc của tất cả quý vị còn sống hoặc đã quá vãng, cùng pháp giới chúng sinh, thấy đều được lợi lạc, căn lành tăng trưởng, tâm bồ đề kiên cố, luôn luôn an trụ ở trong chánh pháp, tu hành chánh pháp, rốt ráo được thoát khỏi sinh tử luân hồi, đến được bờ giác ngộ bên kia.





Nam Mô Hộ Pháp Vi Đà Tôn Thiên Bồ Tát

Kệ hồi hương công đức

Nguyện đem công đức này
Trang Nghiêm cõi Phật tịnh
Trên đền bốn ân nặng
Dưới cứu ba đường khổ
Nếu có ai thấy nghe
Liền phát tâm bồ đề
Khi bỏ báo thân này
Sinh về cõi Cực Lạc.

Những Kinh sách do Hoà Thượng Tuyên Hoá giảng giải, cùng một dịch giả đã in ra:

- Nhân sinh yếu nghĩa.
- Chú đại bi giảng giải.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 1.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 2.
- Chú lãng nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 1.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 2.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 3.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 4.
- Kinh pháp hoa giảng giải tập 5 (trọn bộ).

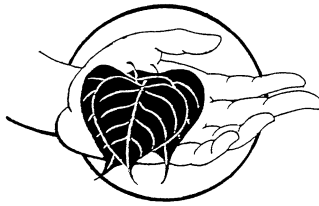
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 1.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 2.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 3.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 4.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 5.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 6.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 7.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 8.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 9.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 10.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 11.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 12.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 13.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 14.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 15.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 16.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 17.

- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 18.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 19.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 20.

Quý vị nào muốn thỉnh, xin liên lạc về Chùa Kim Quang.

- Sắp tới sẽ tiếp tục lần lượt in ra những tập kế tiếp
Kinh Hoa Nghiêm giảng giải :

- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 21.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 22.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 23.
- Kinh hoa nghiêm giảng giải tập 24.
- Chú lãg nghiêm giảng giải tập 25.





**Tịch diệt chỗ Phật tu
Lời nói không đến được
Hạnh Thập địa cũng vậy
Khó nói khó thọ được.**